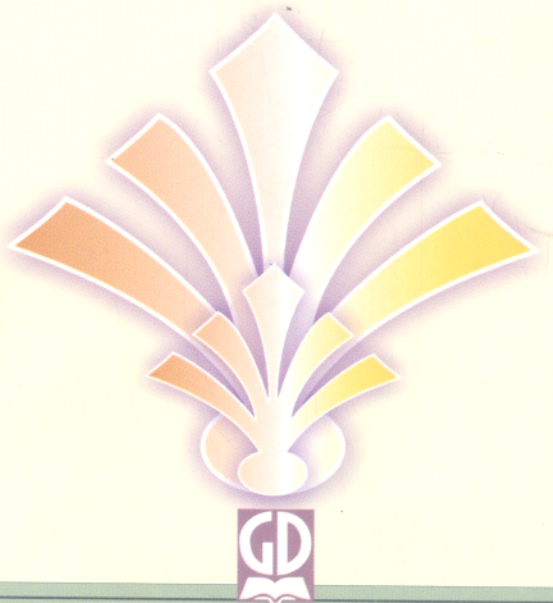




TƯ SÁCH TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TRONG NHÀ TRƯỜNG

CAO BÁ QUÁT

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CAO BÁ QUÁT
TÁC PHẨM CHỌN LỌC

TỦ SÁCH TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TRONG NHÀ TRƯỜNG

CAO BÁ QUÁT

TÁC PHẨM CHỌN LỌC

QUÁCH THU HIỀN

Giới thiệu và tuyển chọn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội -
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.*

LỜI GIỚI THIỆU

Trong những năm vừa qua, Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã phối hợp tổ chức biên soạn và cho ra mắt bạn đọc bộ sách **Về tác gia và tác phẩm** giới thiệu 40 nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam đồng thời cũng là những tác gia quan trọng được dạy học trong trường phổ thông : Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, v.v. Qua bài **Tổng quan** và phần tuyển chọn những công trình nghiên cứu, những tư liệu được sưu tầm công phu,... bộ sách tạo điều kiện thuận lợi cho việc khái quát vị trí lịch sử, xác định đóng góp của mỗi tác gia trong tiến trình văn học dân tộc, gợi mở những khả năng, những cách thức tiếp cận đối với sáng tác của họ.

Từ khi bộ sách **Về tác gia và tác phẩm** được xuất bản, dư luận bạn đọc, đặc biệt là những người trực tiếp học tập, nghiên cứu ở trong nhà trường, các viện nghiên cứu hết sức hoan nghênh và đánh giá cao. Nhận thấy nhu cầu của độc giả, từ năm 2008, Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tiếp tục phối hợp biên soạn – xuất bản **Tủ sách tác giả, tác phẩm trong nhà trường** nhằm chọn lọc tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ để không chỉ đáp ứng nhu cầu tra cứu, tham khảo văn bản mà còn đáp ứng nhu cầu tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm nghệ thuật trong quá trình giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

Trong một thời gian không xa, khi việc biên soạn – xuất bản hai bộ sách hoàn tất, bạn đọc sẽ có dịp ghi nhận thành quả trọn vẹn và nhiều ý nghĩa của kế hoạch hợp tác giữa Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Cao Bá Quát – Tác phẩm chọn lọc thuộc Tủ sách tác giả, tác phẩm trong nhà trường do Thạc sĩ Quách Thu Hiền giới thiệu và tuyển chọn. Cuốn sách chọn lọc tác phẩm của Cao Bá Quát, một nhà thơ có nhiều đóng góp to lớn cho tiến trình văn học trung đại Việt Nam. Ở mỗi một thể loại như phú, hát nói và đặc biệt là thơ chữ Hán, ông đều có những tác phẩm xuất sắc, để lại dấu ấn cá nhân đậm nét.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, ngày 10 - 10 - 2008

Viện trưởng Viện Văn học

PGS. TS. PHAN TRỌNG THƯỜNG

CAO BÁ QUÁT

(1808 - 1855)

Cao Bá Quát tự Chu Thân, hiệu Cúc Đường và Mẫn Hiên, đương thời còn được gọi là "Thánh Quát". Ông là em sinh đôi với Cao Bá Đạt, người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc ngoại thành Hà Nội). Năm 1831, ông đỗ cử nhân nhưng thi Hội mấy lần không đỗ. Năm 1841, được gọi vào kinh giữ chức Hành tẩu ở Bộ Lễ và đến tháng 8 năm đó làm Sơ khảo trường thi Thừa Thiên. Do chữa lời lẽ vào 24 quyển thi đáng được lấy đỗ, ông bị khép tội chết nhưng được Thiệu Trị tha cho, chỉ phải bị tù đầy. Năm 1844, Cao Bá Quát được triều đình cho đi hiệu lực (lập công chuộc tội) ở Tân Gia Ba (Xingapore). Trở về, được giữ chức cũ một thời gian, rồi bị thải. Năm 1847, lại được cho vào làm ở Viện Hàn lâm, nhưng một thời gian sau thì bị điều ra Sơn Tây làm Giáo thụ ở Quốc Oai. Tháng 10 - 1854, vùng Sơn Tây bị hạn nặng, lại sinh dịch châu chấu hoành hành phá mùa màng. Đời sống nông dân càng ngày càng lún sâu vào khốn khó. Tình hình xã hội ngột ngạt căng thẳng. Đến thời điểm đó, tôn thất nhà Lê là Lê Duy Cự dấy binh hiệu triệu nông dân Mỹ Lương gồm cả người Kinh, người Mường nổi dậy khởi nghĩa chống triều đình nhà Nguyễn. Cao Bá Quát phò tá Lê Duy Cự, xưng làm Quốc sư, trực tiếp cầm quân ra trận rồi hy sinh trong một cuộc huyết chiến tại Yên Sơn. Khởi nghĩa thất bại, gia tộc họ Cao bị khép vào tội tru di.

Theo nhận định của nhiều nhà nghiên cứu, phần lớn những sáng tác của Cao Bá Quát có lẽ đã bị triều đình tịch thu và tiêu huỷ sau cái chết của ông. Tại Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm hiện nay đang lưu giữ nhiều văn bản ghi chép thơ văn Cao Bá Quát như : *Cao Bá Quát thi tập* (A.210), *Cao Chu Thần thi tập* (A.299, A.2762), ngoài ra ông còn có tập *Mẫn Hiên thi loại* được chép trong *Chu Nguyên tạp vịnh thảo* (A.2805). Những tác phẩm khác của ông còn được chép trong những tập như : *Bắc hành tạp lục* (A.1494) (có chép 180 bài thơ của ông), *Bắc quốc phong khái* (A.2183) (chép 6 bài thơ vịnh Tây Hồ của ông), và một số bài hát nói được chép trong *Ca trù* (VNb.14) và *Ca trù thể cách* (AB.431).

CAO BÁ QUÁT - MỘT "HÀNH NHÂN" CÔ ĐỘC CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ KỶ XIX

Trong văn học phương Tây, hình ảnh những người cô độc lữ thứ tha hương luôn gắn liền với hình ảnh của một triết gia. Đó là những người chủ động lựa chọn sự "dịch chuyển" như một phương thức tồn tại. Ngược lại, trong văn học phương Đông, một "hành nhân cô độc" luôn gắn liền với hình ảnh về một kẻ bị lưu đày, có nhà mà không thể quay về, là những người trong tư thế "dịch chuyển" một cách thụ động.

Cao Bá Quát cũng là một người "bị lưu đày", nhưng chính ông đã chủ động lựa chọn sự "dịch chuyển", chấp nhận làm một kẻ độc hành trên con đường đời gập ghềnh đầy sóng gió của mình.

Dường như số phận phải làm khách tha hương phiêu bạt đã được báo trước ngay từ khi Cao Bá Quát vừa bước chân vào nghiệp học. Theo những giai thoại chép trong *Cao Bá Quát thi tập tựa* (ký hiệu A.210), khi Cao Bá Quát lên tám có tìm đến thầy thụ học, đúng lúc ra đề "Tử tại Tề văn thiếu" (Khổng Tử tại nước Tề nghe nhạc Thiệu), thấy bảo ông viết một bài phú. Ông vẩy bút làm ngay một bài trong đó có câu kết : "Ôi, bèo nước tương phùng, Khổng Tử là khách tha hương. Quan san khó vượt, Khổng Tử ngài thành người lạc đường (trái thời). Cho nên ngài ở Tề nghe nhạc Thiệu". Những câu viết ra từ ngòi bút của một đứa trẻ chưa trưởng thành như ngấm một điểm báo về chính cuộc đời ông sau này.

Không khó để nhận thấy thơ Cao Bá Quát luôn đau đầu về một con đường, một phương hướng, một cái đích để vươn tới. Điều này được ông nhắc đi nhắc lại thông qua những từ liên quan đến "lộ" như : "trường lộ" (đường dài thăm thẳm), "úy lộ" (con đường đáng sợ), "lộ nan" (con đường khó khăn), "công danh nhất lộ" (đường công danh), "thế lộ" (đường đời), "đắc lộ" (đường thành công), "lộ cùng" (đường cùng), "lộ tận" (tuyệt đường), "trần lộ du du" (đường trần dằng dặc), "thần lộ" (đường bằng phẳng), "kế lộ" (con đường nối nhau). Hình ảnh con đường cũng hiện lên thông qua các cụm từ khác như : "danh đồ" (đường công danh), "tráng đồ" (đường phát triển), "trường đồ" (đường dài), "bằng đồ" (con đường bằng phẳng),...

Ngay từ lúc chưa ra làm quan, bản thân Cao Bá Quát cũng đã tự đặt ra những câu hỏi giằng xé về con đường mà mình đang đi. Ông biết rõ người để chí vào "danh lợi" thì cả đời sẽ "bôn tẩu lộ đồ trung" (vất vả trên đường). Không phải ông không biết "thần lộ mang mang úy lộ đa" (Đường phẳng thì mờ mịt đường ghê sợ thì nhiều". Ông tự bản khoăn : "Thiếu niên tạt tẩu chung hà sự ? - Úy lộ man man trước lỗ hoài ?" (Kẻ thiếu niên cứ tạt bạt rồi cuộc là vì cái gì ? Con đường ghê sợ còn dài, cứ canh cánh lòng người lỗ khách). Ông tự biết con đường "công danh nhất lộ" "vất vả" như thế nào nhưng vẫn quyết chí xông pha : "Công danh nhất lộ kỷ hà nhân ? - Quan cái phân phân ngã hành hỹ" (Đường công danh có mấy ai nhàn - Mũi lọng nhọn nhọn, ta cũng đi đây). Ngay cả khi vì đường "danh" mà rơi vào cảnh ngục tù ông vẫn rất hiên ngang "Đạp hướng danh đồ bất diệu đầu - Ngã vô hành dã, diệc vô lưu" (Bước lên con đường "danh" đầu vẫn ngay thẳng - Ta không có nơi nào để đi, cũng

chẳng nơi nào để lưu lại). Thậm chí trên đường "duyên trình hiệu lực" ông vẫn đau đầu câu hỏi về con đường trước mặt "Quyên mã thương trường đồ" (Ngựa đã mỏi, đường dài, còn tính sao?). Để rồi khi được quay trở về Viện Hàn lâm, ông cảm thấy thấm mệt trước con đường dang dặc: "Trần lộ du du song quyên nhân" (Đường trần dang dặc, đôi con mắt đã mỏi). Và rồi cuộc ông nhận ra rằng: "Tráng đồ bán tiêu tử - Thế lộ canh yên vân" (Đường đời như khói mây thay đổi - Việc người như nóng lạnh thất thường).

Luôn đau đầu về con đường trước mặt, nên Cao Bá Quát vô hình trung đã lựa chọn cho mình là một "hành nhân" trên con đường đó. Thơ ông luôn có bóng dáng của một lữ khách tha hương. Trong bài *Mộ đắc xá huynh quán dạ giam thư kiến ký* (Chiều tối, tiếp được bức thư viết đêm trong quán trọ của anh gửi cho), ông tự nhận mình cả đời này, thân ông chỉ là một "khách trên đường" "Bách niên thân thị khách" (Trăm năm thân chỉ là khách). Tắt suất Cao Bá Quát tự xưng mình là "khách" xuất hiện rất cao với "quá khách" (khách trọ), "khách thoại" (lời khách), "khách phân ly" (khách xa quê), "khách đang trình" (khách trên đường), "cửu khách" (khách lâu ngày), "khách sầu" (nỗi sầu của khách), "lộ khách" (khách trên đường), "khách tâm" (tấm lòng khách), "dị khách" (khách xa lạ), "trục khách" (kẻ bị trục). Nếu không là "khách" thì là "lữ" với: "lữ mộng" (giấc mộng người lữ khách), "lữ muộn" (nỗi buồn lữ khách), "lữ hồn phiêu bạc" (lãng đãng hồn lữ khách),... Khi thì ông là khách trong khối sóng vạn dặm (*Vạn lý yên ba do tác khách*). Khi thì là khách giữa đường trong giá rét (*hàn trung lộ khách*). Phải chăng "làm khách thành quen", nên nhiều lần ông nhắc đi

nhắc lại bản thân quên mất mình là khách : "Toạ cửu bất tri thân thị khách" (Ngồi lâu không nhận ra thân mình là khách), "Tuỳ ngộ bất tri thân thị khách" (Tuỳ duyên quên mất mình đang là khách), "Khách cư hành dĩ viễn" (Người ở mãi nơi đất khách gần như đã quen),... Là khách phương xa, nên nỗi đau mất người thân càng trở nên dai dẳng và ám ảnh. Trong bài *Đặc gia thư, thị nhật tác* (Viết hôm tiếp được thư nhà), khi nhận được tin chị gái mất lúc đang ở nơi xa, ông đã thốt lên : "Ô hô cốt nhục tình - Viễn khách hướng di trắc" (Than ôi ! Tình cốt nhục - Là khách phương xa, lại càng đau thương hơn). Đôi khi ông tự giễu cợt tình trạng lang thang cô độc của mình : "Dục tá đại quan tiêu lữ muộn - Khước tu tuyền thạch hướng nhân trào" (Muốn mượn cả vũ trụ để làm khuây mỏi sầu lữ thứ - Nhưng lại sợ dòng suối móm đá chế giễu cho).

Là vị khách tha hương, đương nhiên canh cánh bên lòng bao giờ cũng sẽ là "cố hương tình". Vì lẽ đó thơ chữ Hán của Cao Bá Quát cũng luôn xuất hiện những cụm từ như : "cố hương mộng" (hay "hương mộng"), "mộng nhiều gia hương", "mạc mạc gia hương", "hương sầu",...

Đọc thơ Cao Bá Quát luôn cảm thấy ông đang trong trạng thái "di chuyển". Khi thì ông ví mình là "phận uỷ phi cô bồng" (một ngọn cỏ bồng lẻ loi phiêu dạt). Khi thì ông ví thân mình như một "ngành phiếm" (cành cây trôi dạt). Khi thì ông ngộ ra rằng :

Dư sinh nhất dã mã,
Phiêu chuyển tuỳ thiên phong.

(Chinh nguyệt nhị thập nhất nhật
di tống Thừa Thiên ngục toả cấm)

(Đời ta như một luồng hơi,
Di chuyển tùy theo gió trời)

(Ngày 21 tháng giêng,
bị giải sang giam ở ngục Thừa Thiên)

Có khi ông lại tự nhận mình giống như một con thuyền nhẹ
lênh đênh đi mãi không về :

Phiếm phiếm khinh chu khứ vị hoàn,
Cô vân trú xứ thị cô san.
Cao lang chỉ tự mai hoa sấu,
Xuân tứ hồn như bệnh hạc nhân.

(Du Tây Hồ bát tuyệt, IV)

(Lênh đênh một chiếc thuyền nhẹ, đi mãi chưa về,
Nơi có đám mây chơ vơ kia là ngọn núi chơ vơ
Chàng Cao [chơi đay] khác nào như cây hoa mai gầy gò
Tứ xuân lặng lẽ như chim hạc đang ốm)

Một đời phiêu bạt, như con ngựa "thiên lý chạy nghìn dặm"
(*Bệnh trung*), rồi cũng có lúc ông mệt mỏi tự hỏi : "Du nhân
quy bất quy" (Kẻ lãng du có quay trở về hay không ?).

Con người lúc nào cũng trong tâm thế "dịch chuyển" đó như
Cao Bá Quát không thể có bạn đường. Hoặc nếu có bạn đường
thì cũng chỉ là bạn đường trong chốc lát. Vì thế trong thơ ông,
trải dài trên con đường lữ thứ tha hương là sự cô độc đến kinh
người. Trong mắt ông, mọi sự vật đều có sự liên hệ đến sự lẻ
loai, cô đơn với những con số như "nhất khinh âu" (một cánh
chim âu nhẹ), "cô phàm" (cánh bướm côi), "cô mộng" (giấc
mộng côi), "cô khách" (khách lẻ), "cô chương" (nỗi buồn đơn

côi), "cô ảnh" (bóng lẻ), "cô hồng" (cỏ hồng đơn côi), "cô vằn viển" (mây xa lẻ loi), "cô thân" (bê tôi cô độc), "cô san" (ngọn núi cô độc), "cô đăng" (ngọn đèn lẻ loi), "cô nguyệt" (trăng lẻ), "cô quán" (quán lẻ), "cô hạc" (cánh hạc cô đơn), "cô phong" (gió cô đơn), "cô miên" (giấc mộng cô đơn), "cô các" (gác lẻ), "cô hoa" (hoa cô đơn)....

Ngay chính trong đời thực, Cao Bá Quát cũng đã là một "hành nhân cô độc". Đối với dòng họ, ông bị xem là một kẻ "cần rở ngông cuồng", "thân không kiểm thúc rồi đến thất chí, bại danh"⁽¹⁾. Với bạn bè cũng vậy, khó có ai thấu hiểu được tâm sự của ông. Cao Bá Quát là một người rất quảng giao, bạn bè ông là những danh sĩ nổi tiếng khắp cả trong Nam ngoài Bắc như Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Văn Lý, Trần Văn Vi, Diệp Di Xuân,... Trong mắt họ, ông là một người bạn rất đáng ngưỡng mộ, rất đáng "yêu" đồng thời cũng rất đáng "sợ". Cá tính lúc nào cũng muốn "vọt" ra khỏi tầm kiểm soát, những hành động bất chấp luật lệ của ông nhiều khi đã làm luy đến bạn bè⁽²⁾. Ngay với Phương Đình Văn Siêu, người thân thiết vô cùng với ông vậy mà cũng không thể chia sẻ với ông những nỗi niềm tâm sự trong lòng. Trong một bài thơ

(1) Trích *Trần tình biểu* của Cao Bá Nhạ.

(2) Theo *Đại Nam thực lục*, trong sự việc Cao Bá Quát sửa bài thi, Nguyễn Văn Siêu cũng bị liên đới (cho Quát ngủ nhờ một đêm) nên bị phạt đánh trượng. Trong *Đại Nam liệt truyện* (nhị tập), không nói rõ nguyên nhân, chỉ chép rằng: "Vào năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), ông [Nguyễn Văn Siêu] giữ chức Viên ngoại lang Bộ Lễ, do bị tội nên bị miễn chức", có lẽ là nói về chuyện trên (Tham khảo: *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam chính biên liệt truyện, Truyện Nguyễn Văn Siêu*, quyển 33 (NXB Thuận Hoá, 1997, tr. 189 - 190).

gửi bạn (*Giản Nguyễn Phương Đình*), Cao Bá Quát có những câu thơ hờn trách vừa giận dữ vừa rất chua xót :

Nhân bất mạ dư dư tự mạ,
Tiện yêu mạ nhân dư bất hạ.
Bình sinh toán chỉ kiến nhân đa,
Tam vị chi ngôn thắng đàm giá.

(Người không mắng ta, nhưng ta tự mắng ta,
Muốn ta mắng người ư, ta chẳng rồi.
Trước nay tính dùng lại gặp nhiều người,
Lời nói khi có ba chén rượu mùi còn hơn cây mía
nhạt nhèo)

Chính sự cô độc ngay ở giữa bạn bè thân thiết là lý do khiến ông ngâm ngùi thốt lên :

Tứ hải tri giao vô ngã chuyết,
Bách niên tâm sự cộng thủy khai

(*Bạc xuân giản Nguyễn Chính Tư*)

(Bạn bè bốn biển chẳng ai vụng về như ta
Vì thế nên tâm sự trăm năm biết bày tỏ cùng ai ?)

(*Cuối xuân gửi thư cho Nguyễn Chính Tư*)

Trong một xã hội mà mọi ứng xử của kẻ sĩ đều tuân thủ theo mực thước khuôn phép Nho gia, Cao Bá Quát không giả vờ khiêm tốn nhún nhường, cũng không chịu cam khuất mình trước quyền lực và lại càng không chịu chấp nhận lui vào trong bóng tối để được an thân như những kẻ sĩ cùng thời, trong đó có nhiều bạn bè thân thiết của ông. Tại sao ông không giống như những người bạn trí thức Bắc Hà khác (như Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Văn Lý,

Vũ Tông Phan) chấp nhận sự đào thải, rời khỏi triều đình quay về mở trường dạy học ở đất Thăng Long ? Tại sao một người xuất thân trong gia đình có truyền thống Nho học lâu đời như Cao Bá Quát cuối cùng lại chọn con đường nổi loạn chống lại triều đình ?

Cao Bá Quát không chỉ là con người trong tư thế luôn "dịch chuyển" theo nghĩa chuyển động thông thường. Ông còn là một con người luôn trong tư thế "dịch chuyển" về tư duy và nhận thức. Nếu nhìn vào tiến trình sáng tác thơ văn của ông theo chiều thời gian, chúng ta sẽ thấy không phải Cao Bá Quát ngay từ đầu đã có ý thức về việc "lựa chọn con đường làm người khác biệt". Xuất phát điểm Cao Bá Quát vẫn khao khát được phụng sự triều đình giống như nhiều nho sĩ đương thời. Trong bài *Đắc gia thư, thị nhật tác*, Cao Bá Quát tự nhận :

Du sinh phù danh ngộ,
Thập niên trệ văn mặc.
Gian nan nhất đệ hậu,...
(Đời ta trót vì cái danh hờ
Hàng mười năm chìm đắm trong bút mực
Sau bao khó khăn thi mới đỗ được,...)

Con người Cao Bá Quát xét ra rất mâu thuẫn. Con người tự phụ một mình chiếm ba bô chữ trong thiên hạ như Cao Bá Quát lại luôn tự nhận rằng vì lỗi của bản thân nên mới thi trượt : "Sơ chuyển tự chiêu thắc - Bỏ quá niệm di thâm" (Chỉ vì mình vụng về tự rước lấy lỗi - Chìm đắm suy tư để sửa lỗi lầm). Cao Bá Quát rất nhiều lần nhắc đến chuyện "sửa sai" này trong thơ của mình giai đoạn trước khi ra làm quan. Trong bài *Đình thí hậu*

trình chữ hữu (Thi Đình xong, trình các bạn), ông viết : "Bế các hữu hoài thâm bổ quá" (Đóng cửa có lòng suy nghĩ về những lỗi lầm của mình). Trong bài *Đắc gia thư, thị nhật tác*, Cao Bá Quát cũng viết : "Thị hành lý vận lai - Tuần tỉnh mỹ bất khắc" (Lần này theo vận mà đi - Đã xét mình sửa chữa hết mọi lỗi lầm). Cao Bá Quát nhẫn nhịn gắng gỏi mười năm "sửa chữa lỗi lầm" hết lần này đến lần khác chỉ để được đặt chân vào chốn quan trường.

Nhưng cửa quan vừa hé ông đã tự mình đi thẳng ngay vào cửa ngục. Ông đã chờ đợi mười năm mới được đặt chân vào chốn quan trường tại sao lại nhanh chóng vứt bỏ tiền đồ để ngoặt sang một hướng khác đây quanh co khúc khuỷu ?

Trước khi ra làm quan, Cao Bá Quát vẫn còn hào hứng với "danh", một cái "danh" gắn liền với tài văn chương chữ nghĩa. Nhưng trải theo thời gian, cùng với những biến cố thăng trầm của đời mình, Cao Bá Quát càng thấm thía cái danh đó là hão huyền và không có thực. Chúng ta có thể thấy được sự chuyển biến trong nhận thức và tư duy của ông về "danh" theo những mốc thời gian trong bảng thống kê sau.

Thời gian	Quan niệm về danh của Cao Bá Quát
<i>Trước khi ra làm quan</i>	- "Nhập thế hữu văn chương - Đào danh hà sở mộ" (Vào đời phải có văn chương - Trốn danh thì ham mộ cái gì ?). - "Cổ lai danh lợi nhân - Bôn tẩu lộ đồ trung" (Những kẻ danh lợi xưa nay - Vất vả ngược xuôi trên đường đời).

"Trượng phu tam thập bất thành danh"
(Kẻ trượng phu ba mươi tuổi mà vẫn chưa
thành danh).

(Du Đằng giang dữ hữu nhân dâng
Kim Chung tực, tuý hậu lâu đề, tỉnh tực)

- "Vị luyện minh triều học tổ quan - Nhất
danh lạo đảo vị ưng nhân" (Vị mển Hoàng
triều thánh minh, nên lo học để theo đường hoạn
lộ - Lâu nay một chữ danh trầy trật không
xong nên chưa thể thanh nhân).

(Đình thí chư hậu trình chư hữu)

- "Ngán nhẽ kẻ tham bề khoá lợi, mĩ cánh
chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng
chực cửa hầu môn - Quân bao người mang cái
giảm danh, áo giới lân trùm dưới cơ phu, mỗi
gối quỳ mòn sân tướng phủ".

(Tài tử đa cùng phủ)

*Khi bị giam vì tội chưa
bài thi*

- "Dư sinh cơ bạn chỉ vì danh" (Đời ta gặp
nạn cũng chỉ vì danh).

- "Đạp hương danh đồ bất diệu dẫu - Ngã vô
hành dã, diệc vô lưu" (Ngáng cao dẫu bước
trên đường danh - Ta không làm việc gì và
cũng không có gì phải lưu luyến).

*Khi được tha về làm ở
Viện Hàn lâm*

- "Cổ nhân nỗ lực sự công danh - Tản nhân
quy khứ ngoạ giang thành" (Cổ nhân đều nỗ
lực vì danh - Còn kẻ tản nhân quay về nằm
khểnh ở (thành ven sông).

(Đông Tác tuần phủ tịch thượng ẩm)

	- "Ô hô nhất danh cơ bạn trường như thử Bạch phát, thanh bào, ngô lão hý !" (Ồi, một chữ danh dài như thế - Tóc bạc, áo xanh ta đã già rồi). (Để sát Viện Bùi Công Yến Đài anh ngữ khúc hận) - "Dĩ yếm phong trần do đạm bạc - Kháng tương danh lợi địch ngu sơ" (Đã chán phong trần mùi đạm bạc - Dám đem danh lợi sánh với vụng về). (Nhân vịnh)
Chưa rõ thời gian	- "Kỷ đa danh lợi chung triều vũ - Vô số anh hùng nhất tự trần" (Phần lớn danh lợi cuối cùng như mưa buổi sớm - Anh hùng đâu ở mãi trên trần thế). (Xuân dụ độc thư) - "Nhập thế công danh hồn truy tặng - Truyền gia thư sử mạn đồ long" (Con đường công danh giống như là rơi chõ - Sách vở truyền gia không bằng có dao giết rồng). (Bệnh trung hữu hữu nhân chiêu ẩm, tịch thượng tác)

Quá trình nhận thức của mỗi người là một hành trình khác nhau, với kẻ sĩ trung đại cũng thế, có người đi đến cuối con đường nhận thức để rồi chấp nhận hiện thực, nhưng có người đến cuối chặng đường nhận thức để rồi phản kháng. Cao Bá Quát là một người như vậy. Từ một người tha thiết với danh, cuối cùng Cao Bá Quát đã hoàn toàn thất vọng và vỡ mộng.

Phải chăng trước tiên đó là sự vỡ mộng, một sự vỡ mộng ngay từ rất sớm ? Ngay từ khi vương vào tù ngục ông đã nhận thấy :

Văng lại vô định căn,
Chỉ tại đại khối trung

*(Chinh nguyệt nhị thập nhất nhật
di tống Thừa Thiên ngục toà cấm)*

(Đi lại không nhất định nơi nào,
Chỉ trong vòng trời đất)

*(Ngày 21 tháng giêng,
bị giải sang giam ở ngục Thừa Thiên)*

Ông chỉ là một hạt bụi cô độc, dù tự do nhưng cũng vẫn chỉ là sự tự do trong khoảng giới hạn của trời đất.

Đã có rất nhiều học giả lý giải nguyên nhân dẫn đến sự nổi loạn của Cao Bá Quát từ những tác động ngoại cảnh như : sự đối xử bất công phân biệt kẻ sĩ Nam Bắc trong triều đình nhà Nguyễn, sự chán chường bế tắc trước tiền đồ và sự vượt trước trong nhận thức của Cao Bá Quát đối với sự đổ vỡ của những giá trị mang tính ý thức hệ đã khiến ông trở thành một trí thức "ly tâm". Nhưng theo chúng tôi, một lý do không kém phần quan trọng khác đó là trong bản thân con người Cao Bá Quát dường như tiềm ẩn một sự thôi thúc dẫn thân muốn thay đổi, muốn bứt phá, nó chính là xung lực ngầm khiến Cao Bá Quát ở những thời điểm nhất định có những hành động "vượt ngưỡng" mà không cần lý do định trước. Chính sự thôi thúc dẫn thân này của Cao Bá Quát đã đẩy ông ra khỏi sự cố kết của đám đông, đẩy ông đứng tách hẳn khỏi bè bạn, đẩy ông bước đi một mình trên con đường "độc hành" không thể chia sẻ cùng ai.

*

* *

Có thể nói Cao Bá Quát là một nhà thơ lớn của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Tuy đã có hàng trăm bài báo, hàng chục công trình dịch thuật, nghiên cứu về ông nhưng đến nay Cao Bá Quát vẫn là một đối tượng hấp dẫn của nhiều nhà nghiên cứu văn học trung đại. Đúng như nhận định : "Tuy nhiên, tất cả mới chỉ là bước khởi động ban đầu bởi lẽ phần lớn thơ văn Cao Bá Quát vẫn chưa được phiên dịch, chưa đến được với công chúng bạn đọc. Nhiệm vụ đặt ra cho giới nghiên cứu trong thời gian tới là phải khảo chứng, minh định văn bản và phiên dịch thật đầy đủ các sáng tác của Cao Bá Quát"⁽¹⁾.

Kế thừa những nghiên cứu mới nhất về Cao Bá Quát, đặc biệt là những khảo cứu về mặt văn bản thơ chữ Hán của ông, chúng tôi tiến hành biên soạn cuốn *Cao Bá Quát – Tác phẩm tinh tuyển*. Sự lựa chọn của chúng tôi chủ yếu dựa trên cuốn tuyển tập *Thơ chữ Hán Cao Bá Quát* của NXB Văn học (năm 1970), có bổ sung thêm một số bài thơ Nôm và một vài bài văn xuôi tiêu biểu của ông⁽²⁾. Riêng về phần thơ chữ Hán, dựa trên những thông tin khảo cứu mới nhất về văn bản học, chúng tôi không đưa vào cuốn *Tinh tuyển* lần này một số bài thơ đã được xác định không thuộc về Cao Bá Quát. Trong một nỗ lực nhất định, chúng tôi đã có sự so sánh giữa bản chữ Hán của cuối năm 1970 với bản *Cao Chu Thần thi tập* (ký hiệu A. 299) và có đưa thêm được những

(1) Nguyễn Hữu Sơn – Đặng Thị Hào, *Một thế kỷ nghiên cứu và tiếp nhận thơ văn Cao Bá Quát*, trong *Cao Bá Quát – Về tác giả và tác phẩm*, Sđd, tr. 31.

(2) Phần bổ sung này chúng tôi tuyển chọn dựa trên cuốn *Tổng tập Cao Bá Quát*, tập I, NXB Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2004.

chú thích, khảo dị mới trong bộ tinh tuyển lần này. Những khảo dị chúng tôi dùng a, b, c.... để phân biệt với các chú thích. Một điều nữa cũng cần được nhấn mạnh, chúng tôi tiếp tục duy trì cấu trúc sắp xếp những bài thơ chữ Hán của Cao Bá Quát theo trật tự thời gian, điều này vô cùng quan trọng. Cấu trúc tác phẩm theo hướng này sẽ giúp độc giả có cái nhìn xuyên suốt về sự phát triển tâm tư tình cảm của tác giả, dõi theo được những diễn biến tâm trạng đi từ tha thiết phụng sự đến phản kháng triều đình của Cao Bá Quát. Điều này sẽ giúp cho độc giả có thể hiểu thêm nhiều hơn nữa, dễ dàng tiếp cận được gần hơn với Cao Bá Quát, một nhà thơ, một "hành nhân cô độc" trong văn học Việt Nam đầu thế kỷ XIX.

QUÁCH THU HIỂN

A – THƠ CHỮ HÁN

PHÓ NAM CUNG, XUẤT GIAO MÔN BIỆT CHU ĐỆ TỬ

Du du từ cố quốc,
Man man hướng trường lộ.
Xuất giao thiên vi lương,
Hành sắc ái sơ vũ.
Đệ tử tổng ngã hành,
Tương tùy bất nhẫn trú.
Khởi thị nhi nữ tình,
Yểm diện lệ như chú (a).
Úc ngã tích niên du,
Dĩ vi phù danh (b) ngộ.
Thử biệt hựu an chi ?
Vãng sự không hồi thử.
Nhập thế hữu văn chương,
Đào danh hà sở mộ ?
Đa tạ chư thiếu niên,
Luyến ngã độc an (c) thử ?

(a) *Chú* : có bản chép là "vũ".

(b) *Danh* : có bản chép là "sinh".

(c) *An* : có bản chép là "yên".

Dịch nghĩa :

ĐI THI HỘI⁽¹⁾, RA ĐẾN CỐNG LÀNG TỪ BIỆT CÁC HỌC TRÒ

Lòng rời rợi từ biệt nơi quê nhà,
Đi trên con đường dài thăm thẳm.
Ra khỏi làng trời hơi lạnh,
Trên đường đi, mưa sa lất phất.
Các học trò tiễn ta đi.
Cứ theo mãi, không nỡ dừng chân,
Đâu phải là tình nhi nữ,
Mà che mặt khóc sụt sùi ?
Nhớ lại những chuyến đi năm trước,
Đã bị lâm vì chút phù danh.
Lần này lại từ biệt để đi đâu nhỉ ?
Ngoảnh đầu lại, nhìn hoài việc cũ.
Nhưng vào đời đã có văn chương.
Trốn danh thì còn ham muốn gì ?
Đa tạ các bạn thiếu niên,
Ta có gì đang quyến luyến ?

Dịch thơ :

*Rầu rầu lìa chốn cũ,
Man mác bước đường xa.*

(1) *Thi Hội* : dịch từ chữ *Nam cung*, chỉ Bộ Lễ.

*Khởi thành trời thấy lạnh,
Lất phất hạt mưa sa.
Học trò tiễn ta đi,
Vương vít nặng tình xa.
Nào phải là nhi nữ,
Bương mặt khóc như mưa.
Nhớ từ chuyến đi trước,
Đã bị phù danh lừa,
Chuyến này lại lẻo đẹo,
Việc cũ như còn mơ,
Ở đời có văn chương,
Chữ danh không lẽ ngờ,
Tạ lòng các bạn trẻ,
Ta có gì đáng ưa.*

Nguyễn Văn Tú

THANH TRÌ PHIẾM CHÂU NAM HẠ

Thanh Đàm thôi biệt duệ,
Nhị thủy tiễn hành khâm.
Sa khoát hoàng vân mộ (a),
Thiên đê bạch nhật trầm.

(a) Chữ "mộ" có bản chép là "tận".

Khách châu hàn phiếm phiếm.
Giang sắc vẫn âm âm,
Bất kiến ba đào trắng,
An tri vạn lý tâm ?

Dịch nghĩa :

TỪ THANH TRÌ BUÔNG THUYỀN XUÔI NAM

Vừa giục già chia tay ở Thanh Đàm⁽¹⁾,
Mà giờ đây nước sông Nhị đã vấy ướt áo người đi.
Bãi cát rộng, mây vàng bảng lảng,
Vòm trời thấp, vắng ô lặn dần.
Thuyền khách lạnh lòng trôi trên mặt nước,
Màu sông lúc chiều hôm tối sẫm.
Nếu chưa thấy sóng lớn hùng tráng,
Thì biết sao được cái chí lớn muôn dặm⁽²⁾.

Dịch thơ :

*Thanh Đàm giục già chia ly
Nhị Hà ướt áo người đi lên đường.
Chiều hôm, bãi rộng, mây vàng,
Vòm trời thâm thấp, ánh dương trầm trầm.*

(1) Thanh Đàm : sau đổi là Thịnh Liệt, ở huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội ngày nay.

(2) Chí lớn muôn dặm : Tống Xác người đời Tống (Nam triều), lúc còn trẻ thường tỏ chí : "Muốn được cưỡi ngọn gió lớn, phá tan làn sóng muôn dặm". Sau làm tướng đi đánh Lâm Ấp, thắng trận trở về.

*Cánh sóng đêm tối âm thầm,
Thuyền ai giá lạnh lảng lảng băng ngàn,
Vì không sóng gió phù phàng,
Thì sao biết được dặm trường chí xa ?*

Trần Huy Liệu

QUÁ DỤC THUYẾT SƠN

Thiên địa hữu tư sơn,
Vạn cổ hữu tư tự.
Phong cảnh dĩ kỳ tuyệt,
Nhi ngã diệc lai thử.
Ngã dục đăng cao sấm,
Hạo ca ký vân thủy.
Hữu ước nãi vi tư,
Phàm sự đại đô nhĩ !

Dịch nghĩa :

QUA NÚI DỤC THUYẾT⁽¹⁾

Trời đất có núi này,
Muôn thuở có chùa này.

(1) *Núi Dục Thuyết* : còn gọi là núi Non Nước, nằm ở địa phận tỉnh Ninh Bình.

Phong cảnh đã kỳ tuyệt,
Mà lại thêm có ta đến đây.
Ta muốn trèo lên đỉnh cao ngất kia,
Hát vang lên để gửi tấm lòng vào mây nước.
Ước ao thế mà không được như nguyện,
Đại phần mọi việc đều thế cả !

Dịch thơ :

*Trời đất có núi ấy,
Muôn thuở có chùa này.
Phong cảnh đã kỳ tuyệt,
Lại thêm ta đến đây.
Ta muốn lên đỉnh núi,
Hát vang gửi nước mây.
Ao ước mà không được,
Việc đời thường như vậy !*

Ngô Lập Chi

TÀI MAI

Thí tương mai tử trịch sơn gian,
Nhất ác thanh tư ký bích loan.
Ký thủ lai thời xuân sắc hảo
Dữ nhân cộng tác hoạ đồ khan.

Dịch nghĩa :

TRỒNG MAI

Thử đem hột mai ném lên trên núi,
Một năm giống thanh tao gửi lên ngọn đá xanh.
Hãy nhớ lấy : sau này, khi vẽ xuân tươi tốt,
Sẽ thành một bức tranh cho mọi người xem chung.

Dịch thơ :

*Đầu non năm hạt mai gieo,
Giống thanh gửi chốn núi đèo xanh tươi.
Nữa mai xuân điểm bầu trời,
Bức tranh tuyệt tác cho đời ngắm chung.*

Hoàng Tao

LẠC SƠN LỮ TRUNG

Thiếu đệ sơn a thập nhất hài (hỏi),
Hành hành bất đoạn tứ du tai !
Dã yên thủy tảo thiên phong tận,
U giản thanh truyền vạn mộc lai.
Điều đục biệt nhân phi khứ chuyển,
Hoa năng tống khách lạc thời khai.
Thiếu niên tạt tẩu chung hà sự ?
Uý lộ man man (a) trước lữ hoài !

(a) *Man man* : có bản chép là *mang mang*.

Dịch nghĩa :

TRO Ở LẠC SON⁽¹⁾

Con đường bên sườn núi quanh co hàng hơn mười lượt,
Chân đi, đi mãi, bụng nghĩ lan man.
Khói ngoài đồng phớt một màu biếc trên nghìn ngọn núi,
Tiếng nước reo trong khe rọp từ chỗ muôn cây dội về.
Chim muốn từ già người, cất cánh bay đi còn hót,
Hoa như tiễn khách, đến mùa tàn mới nở ra.
Tuổi trẻ chạy vạy, biết rồi có nên việc gì không ?
Con đường ghê sợ còn dài, cứ vương vít lòng người lữ khách !

Dịch thơ :

*Con đường quanh quất núi bao la,
Đi mãi, đi hoài nghĩ vẩn vơ.
Nghìn núi quét xanh màu khói nội,
Muôn cây nghe lọt tiếng khe xa.
Chim chùng luyến khách kêu khi biệt,
Hoa đợi đưa ai nở cuối mùa ?
Tuổi trẻ bốn ba được gì nhĩ ?
Mệnh mang dậm khách rợn lòng ta !*

Khuông Hữu Dụng

(1) *Lạc Sơn* : tên một địa danh thuộc Đô Lương, Nghệ An.

HOÀNH SƠN VỌNG HẢI CA

Quân bất kiến :

Hải thượng bạch ba như bạch đầu,
Nộ phong hám phá vạn học châu.
Lôi khu điện bác hâi (a) nhân mục,
Trung hữu điểm điểm phù khinh âu.
Hải khí quyển sơn, sơn như chí,
Sơn Bắc, Sơn Nam, thiên vạn lý.
Công danh nhất lộ kỷ nhân nhân ?
Quan cái phân phân ngã hành hỹ !

Dịch nghĩa :

BÀI CA "ĐỨNG TRÊN NÚI HOÀNH SƠN"⁽¹⁾ NHÌN RA BỂ

Bạn chẳng thấy :

Sóng trên mặt bể trắng xoá như đầu bạc,
Gió táp xô vỡ chiếc thuyền lớn hàng muôn học.
Sấm ran, chớp giạt trông rừng rợn người,
Mà trong vẫn có những con chim âu lênh bênh
như những cái chাম.

(a) *Hâi* : có bản chép là "thiểm".

(1) *Hoành Sơn* : dãy núi giáp giới hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh, tiếng địa phương gọi là Đèo Ngang, đường bộ giao thông Bắc Nam đi qua đó.

Hơi bẻ quỳen vào núi, núi lồm chồm như ngón tay,
Phía Bắc núi, phía Nam núi, suốt nghìn muôn dặm.
Trên đường công danh, đã mấy ai nhàn ?
Mũ lọng nhọn nhíp, ta cũng đi đây !

Dịch thơ :

Anh không thấy :
Sóng biển trào lên như đầu bạc lộ nhô,
Gió giận dữ đánh chìm cả những chiếc thuyền to.
Chớp giạt sấm ran ai nấy đều xanh mắt,
Giữa cảnh, con chim hải âu vẫn nhón nhơ.
Biển như cuốn núi, núi sừng sững
Non Bắc, non Nam ngàn bạt ngàn.
Mũ lọng mình đi bước lếch thếch,
Công danh đường ấy mấy an nhàn !

Trần Huy Liệu

QUÁ QUẢNG TRỊ TỈNH

Lưỡng quan nam quá nhập nam trung,
Nhập đảo Minh Lương tự bất đồng.
Sơn hải chỉ nghi Tể cận lợi,
Lũ thường hoàn tướng Ngụy dư phong.
Cô thành toạ trấn thiên lâm thế,
Sa chủ binh liên nhất thủy không.

Truyền đạo lục long cận tuần hạnh,
Mỹ Xuyên cung ngoại hựu tân cung !

Dịch nghĩa :

QUA TỈNH QUẢNG TRỊ

Đi về phía nam, qua hai cửa ải là vào trong Nam,
Vào đến miền sông Minh Lương⁽¹⁾ thì quang cảnh đã khác
Thấy núi cùng bể, ngỡ như nước Tề chỉ chằm cái lợi
trước mắt⁽²⁾,
Nhìn đép cùng xiêm, tưởng như phong tục nước Ngụy
còn sót lại⁽³⁾
Toà thành đứng một mình giữ cái thế trấn thủ nghìn rừng,
Bãi cát tiếp liền nhau mênh mông, trông không thấy nước.

(1) *Minh Lương* : tên một con sông tại tỉnh Quảng Trị, tức là sông Hiền Lương ngày nay.

(2) Câu này dùng ý từ truyện *Quản Yếu liệt truyện* trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên. Nước Tề thời Xuân Thu giáp biển cho nên người dân làm nghề buôn bán rất giàu có, nhờ thế mà nước mạnh binh hùng. Nhưng Quản Trọng cho rằng : đó chỉ là cái lợi trước mắt, muốn được lâu dài, bền vững thì còn cần đến Lễ, Nhạc, Nhân luân,...

(3) Nước Ngụy cũng ở đời Xuân Thu, vì đời sống khó khăn, nên phong tục quá sên. Thơ *Cát lữ* trong *Kinh Thi* có câu : "Củ củ cát lữ, khá dĩ lý sương, tiêm tiêm nữ thủ, khá dĩ phùng thường...". Đại ý chê những người đã dùng dép vải mỏng để đi trong mùa lạnh có sương và đã sai người vợ chưa đủ lễ cưới đem ngón tay nhỏ bé may xiêm cho đàn ông mặc. Như thế là kiếm ước thái quá, không đúng lễ.

Nghe đồn : gần đây xe "sáu rồng"⁽¹⁾ vừa qua chơi,
Ngoài hành cung Mỹ Xuyên ra, lại còn hành cung
mới nữa !⁽²⁾

Dịch thơ :

Vào Nam, hai cửa ải vừa qua,
Vào đến Minh Lương thấy lạ ra.
Nhật nhanh lợi Tể non bề sẵn,
Sở so tục Ngụy dếp xiêm xưa.
Khu rừng bát ngát toà thành chắn,
Bãi cát mênh mang mặt biển xa.
Nghe nói sáu rồng vừa ngự tới,
Cung vua sẵn đó lại cung vua !

Tuấn Sinh

THÔN CƯ VÂN CẢNH

Ly ngoại nhân yên, trúc ngoại âm,
Thung ca thanh yết, trạo ca thâm.
Truy du khách chí phân thư khán,
Tức sự thi thành bão tất ngâm.

(1) Xe sáu rồng : xe vua đi có sáu ngựa, người ta ví như sáu rồng.

(2) Đời Tự Đức, vua thường đến các nơi có cảnh đẹp ở ven bể gần Huế để du ngoạn hoặc nghỉ mát. Đi đến đâu, các tỉnh phải lập hành cung ở đấy để vua ngự.

Hương thủy mộ trào sinh thiên lại.
Trần sơn hồi chiếu đạm không lâm.
Huân phong đa dữ nhàn phương tiện,
Xuy khởi cô liêm nhất bán tâm.

Dịch nghĩa :

CẢNH CHIỀU Ở THÔN QUÊ

Ngoài bờ giàu có khói bếp, ngoài rừng tre có bóng râm,
Tiếng hát già gạo vừa dứt, tiếng hò chèo đò lại vắng vắng tới.
Có khách xa đến chơi, chia sách cùng đọc,
Làm xong thơ tức sự bỏ gối ngồi ngâm.
Nước thủy triều ở sông Hương⁽¹⁾ xuống,
bãi cát ngập nông,
Cánh rừng vắng trên Hòn Chén⁽²⁾, nắng chiều đã lạt.
Gió nam thường giúp người ta mọi sự thoải mái,
Đã thổi cuốn bức rèm treo làm cho lòng ta cùng nhẹ đi
một nửa.

Dịch thơ :

*Ngoài rào khói lạt trúc thưa,
Nhịp chày vừa dứt, điệu hò vang lên.*

(1), (2) *Sông Hương, Hòn Chén* : hai cảnh đẹp ở Huế. Sông Hương chảy qua thành phố Huế, rồi đổ ra cửa Thuận An. Hòn Chén là một hòn núi cao ở cách Huế chừng 10 cây số về phía tây nam.

*Khách chơi chia sách cùng xem,
Thơ xong bỏ gối ngồi ngâm thần thờ.
Sông Hương triều xuống bãi trơ,
Khu rừng Hòn Chén đã mờ bóng hôm.
Chiều nhau có trận gió nổi,
Rèm thưa nửa cuốn, tâm hồn thanh thơi.*

Hoá Dân

HỮU SỞ TỬ

Tiểu tiểu nhân gia tử,
Song song bộ ngũ trì.
Vong (a) tình năng hữu kỷ !
Ngô (b) diệc ức ngô nhi.
Luyện mẫu đề cơ xứ,
Khiên ông học bá thi.
Môn lan kim bán tịch,
Ư (c) nhĩ hệ tương ty (tư).

Dịch nghĩa :

NỎI NHỎ

Con nhà ai nhỏ nhỏ,
Hai đứa sóng đôi lững thững vừa đi vừa nói.

(a) *Vong* : có bản chép là "hoa".

(b) *Ngô* : có bản chép là "ngã".

(c) *Ư* : có bản chép là "ử".

Đã mấy người quên hẳn được tình⁽¹⁾
Ta cũng nhớ đến con ta.
Nào lúc bầm lấy mẹ kêu đôi,
Nào khi núm lấy ông học vãi.
Nay trước nhà vắng đi một nửa,
Thấy chúng bay mà sinh lòng nhớ thương.

Dịch thơ :

*Đôi trẻ nhà ai đó ?
Thỏ thẻ bước khoan thai.
Quên tình nào mấy kẻ ?
Tu nhớ con ta hoài !
Khi quấy mẹ kêu đôi,
Lúc học ông chào người.
Trước nhà nay nửa vắng,
Tưởng nhớ vì con ai !*

Hoá Dân

VIÊN TRUNG THẢO

Viên thảo bất tri danh,
Chu hoa dục nhiên hạm.

(1) Vương Diên chết đứa con nhỏ, quá thương xót, Sơn Giản khuyên giải. Diên nói : "Chỉ có bậc thánh mới quên được tình, người tư chất kém cỏi thì làm gì có tình, người chung tình nhất chính là bọn ta".

Hữu sắc thụ nhân liên,
Vô hương dữ thế đam.
Trừu chi không tự xuân,
Kết thực bất sung đam.
Hoài thử cô thượng tư,
Tam thần dĩ tăng cảm !

Dịch nghĩa :

CỎ TRONG VƯỜN

Cỏ ở trong vườn, không biết tên là cỏ gì ?
Màu hoa đỏ chói như muốn đốt cháy cả lan can.
Có sắc được mọi người ưa,
Không hương, đối với đời nhạt nhẽo,
Nảy cành ra, vẫn có vẻ xuân mà không ai hay,
Có quả không ăn được.
Một mình cứ ôm ấp cái vẻ cao thượng riêng đó,
Khiến ta ngậm ngùi thở vắn than dài.

Dịch thơ :

*Cỏ vườn chẳng biết tên,
Cháy thêm hoa đỏ rực.
Có sắc được người ưa,
Không hương với đời nhạt.
Đâu cành xuân cứ tươi,
Trổ quả ăn chẳng được.
Giữ vẻ thanh cao riêng,
Thở dài thêm thốn thức.*

Khương Hữu Dụng

ĐẮC GIA THU, THỊ NHẬT TÁC

Nhân sinh phi thảo mộc,
Ai lạc hệ tri thức,
Thuyền vô thân gia luy,
Phủ ngưỡng lệ triêm ức.
Dư sinh phù danh ngộ,
Thập niên trệ văn mặc.
Gian nan nhất đệ hậu,
Tiểu tuy vô nhan sắc.
Thị hành lý vận lai.
Tuần tỉnh mỹ bất khác.
Kính phong hốt hà tông ?
Phi điều trấp kỳ dục,
Minh thế vô khí tài,
Sơ chuyết tự chiêu thắc.
Bỏ quá niệm di thâm,
Há duy dẫn thuyền mặc.
Khách tự cố hương lai,
Kiến ngã phục thán tức.
Đạo quân hữu hận sự,
Át tỷ dĩ quyên vực (a).
Cúc thủ khải giam thư,
Tinh thần loạn hoàng hoặc.

(a) Câu này có bản chép "Át tỷ dĩ tồn quốc".

Ô hô cốt nhục tình,
Viễn khách hướng di trắc.
Ngã hành vị sở nguyệt,
Sự biến lữ bất trắc.
Lai nhứt thả do đa,
Thuyền năng liễu thông tắc.
Du du thiên địa tâm,
Thương cảm hà thời cực ?
Nhật mộ độc trầm ngâm,
Tam vãng vọng thành bắc.

Dịch nghĩa :

VIẾT HÔM TIẾP ĐƯỢC THƯ NHÀ

Người ta sinh ra không phải là cỏ cây,
Có buồn có vui, vì có hiểu biết.
Ai không có cái lữ gia đình.
Nhìn xuống trông lên⁽¹⁾ nước mắt tràn thấm ngực.
Đời ta trót lầm lỡ vì cái danh hờ,
Hàng mười năm chìm đắm trong bút mực.
Sau bao khó khăn thì mới đỗ được,
Tiêu tuy không còn ra hồn người.
Lần này gặp vận mà đi,
Đã xét mình sửa chữa hết mọi thiếu sót.

(1) *Nhìn xuống trông lên* : do câu ở sách *Mạnh Tử* : "Trông lên thờ cha mẹ, nhìn xuống nuôi vợ con".

Bỗng trận gió kinh khủng từ đâu đưa đến,
Làm cho chim bay phải cụp cánh.
Đời thịnh đâu có bỏ phí tài năng ?
Chỉ vì mình lơ đãng, vụng về, tự rước lấy lỗi.
Đương mài miệt nghĩ đến bù những sai trái.
Buông màn chỉ cúi đầu im lặng,
Chợt có khách từ quê nhà đến.
Trông thấy ta chỉ những than thở,
Báo tin rằng : "Ông có sự buồn :
Bà chị đã qua đời rồi !"
Vội vàng tay mở phong thư,
Tinh thần bàng hoàng rối loạn.
Than ôi ! Tinh cốt nhục !
Là khách phương xa, lại càng đau thương hơn.
Ta mới đi chưa được vài tháng,
Mà đã bao nhiêu biến cố không ngờ.
Nữa rồi ra ngày còn dài,
Ai lại có thể không có sự may rủi ?
Nỗi buồn dằng đặc như trời đất :
Thương cảm biết bao giờ cùng ?
Trời đã tối, một mình trầm ngâm,
Ba lần trở ra, nhìn về phía bắc thành !

Dịch thơ :

*Người không phải cây cỏ,
Bởi biết buồn, biết vui.*

Ai chẳng có thân thích,
Đòi phen lệ sụt sùi.
Đời ta vì chữ danh,
Muối năm uống miết mãi.
Một chút tên trên bảng,
Phờ phạc cả con người.
Chuyến này may gặp vận,
Tìm việc lo xong xuôi.
Bỗng đâu cơn gió giật,
Chìm bay khép cánh rồi !
Đời thịnh tài đâu phí,
Mình vụng nên mang tai.
Sửa lỗi nghĩ sâu sắc,
Rủ màn những nín hơi.
Có khách tự quê đến,
Gặp ta liền thở dài :
Rằng : "Ông có việc rồi,
Bà chị vừa qua đời !"
Tay tiếp thư vội mở,
Tinh thần rối rối bời,
Than ôi ! Tình cốt nhục,
Đau đớn kẻ xa xôi !
Mới vắng nhà vài tháng,
Đã bao sự đổi dời.
Rồi còn sau này nữa,
Ai biết được cơ trời ?

*Ôi trời đất vô tận !
Lòng thương tiếc bao người !
Chiều tà càng nghĩ ngợi,
Thành bắc ngóng ba hồi !*

Hoàng Tào

BIỆT PHẠM (a) LANG TRUNG

Dĩ tứ niên lai bất tương kiến,
Kiến thời liên ngã cánh liên quân.
Mang mang thân thế tri hà liễu,
Hạo hạo kiến khôn (b) tích tạm phân.
Vạn lý ức quy sâu Tử Mỹ,
Nhất quan đa bệnh sáu Hưu Văn,
Minh thần (c) khước vọng giang kiều lộ,
Nam lĩnh vân liên Bắc lĩnh vân.

Dịch nghĩa :

TỪ BIỆT ÔNG LANG TRUNG HỌ PHẠM⁽¹⁾

Đã bốn năm nay không gặp nhau,
Gặp nhau, ta thương ta lại thương cả cho bạn.

(a) Có bản thêm hai chữ "Đôn Nhân".

(b) *Kiến khôn* : có bản chép là "quan hà".

(c) *Thần* : có bản chép là "thì".

(1) *Lang trung họ Phạm* : tức là Phạm Sĩ Ái, tên tự là Đôn Nhân, người xã Trung Lập, huyện Đường Hào (nay là huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên), đỗ Hoàng giáp năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) làm Lang trung Bộ Lại.

Thân thế mịt mờ, biết bao giờ cùng ?
Trời đất man mác, ngậm ngùi lúc tạm chia tay.
Đường muôn dặm chỉ những mong về, Từ Mỹ⁽¹⁾ buồn bã,
Một chức quan lại thêm nhiều bệnh, Hưu Văn⁽²⁾ gầy gò.
Sáng mai lại ngóng trông về phía đường cách sông cách cầu,
Sẽ thấy mây núi Nam nổi liền mây núi Bắc !

Dịch thơ :

*Xu nhau kể đã bốn năm chầy,
Gặp mặt thương mình lại xót ai.
Thân thế mịt mờ hao hết cuộc,
Kiến khôn man mác lại chia tay.
Xuá quê Từ Mỹ buồn vì nhớ,
Một chức, Hưu Văn bệnh hoá gầy !
Mai một trông vời sông nước cách,
Non nam, núi bắc một trời mây.*

Vũ Mộng Hùng

SA HÀNH ĐOÁN CA

Trường sa phục trường sa,
Nhất bộ nhất hồi khước.

(1) *Từ Mỹ* : tên tự của Đỗ Phủ, thi nhân thời Đường.

(2) *Hưu Văn* : tên tự của Thẩm Ước, thời Nam triều, làm quan trải ba triều (Tống, Tể, Lương). Lúc già dâng thư xin về, trong có nói : "Mình già và ốm, vài tuần lại phải đổi áo nịt da ; lấy tay nắm cánh tay thì hăng thẳng thấy gầy đi nửa phần".

Nhật nhập hành vị dĩ,
Khách tử lệ giao lạc.
Quân bất học tiên gia mỹ thủy ông,
Đăng sơn thiệp thủy oán hà cùng.
Cổ lai danh lợi nhân,
Bôn tẩu lộ đồ trung (a).
Phong tiên tửu điểm hữu mỹ tửu,
Tinh giả thường thiếu, túy giả đồng.
Trường sa, trường sa, nại cừ hà ?
Thân lộ mang mang ụy lộ đa.
Thính ngã nhất xướng cùng đồ ca.
Bắc sơn chi Bắc sơn vạn điệp,
Nam sơn chi Nam (b) ba vạn cấp.
Quân hồ vi hồ sa thượng lập ?

Dịch nghĩa :

BÀI HÁT NGẮN "ĐI TRÊN BÀI CÁT"

Bãi cát dài, lại bãi cát dài,
Đi một bước như lùi một bước.
Mặt trời đã lặn mà vẫn còn đi.
Khách [trên đường] nước mắt đã chẳng rơi.

(a) Có bản chép là "Bôn thiệp nghịch lộ trung".

(b) *Nam sơn chi Nam* : có bản chép là *Nam hải chi Nam* (phía nam biển Nam).

Anh không học được ông tiên có phép ngủ kỹ⁽¹⁾,
 Cứ trèo non, lội nước mãi, bao giờ cho hết ta oán !
 Xưa nay hạng người danh lợi,
 Vẫn tất tả ở ngoài đường xá.
 [Hề] quán rượu ở đầu gió có rượu ngon,
 [Thì] người tỉnh thường ít mà người say vô số !
 Bãi cát dài, bãi cát dài, biết tính sao đây ?
 Bước đường bằng phẳng thì mờ mịt, bước đường
 ghê sợ thì nhiều,
 Hãy nghe ta hát khúc ca "đường cùng".
 Phía bắc núi Bắc núi muôn trùng,
 Phía nam núi Nam sóng muôn đợt⁽²⁾.
 Anh còn đứng làm chi trên bãi cát ?

Dịch thơ :

*Bãi cát, bãi cát dài !
 Mỗi bước một bước lùi.
 Mặt trời đã lặn đi chưa nghỉ,
 Bộ hành nước mắt lã chã rơi !*

(1) Ông tiên ngủ kỹ : Sách *Thần tiên thập dị* nói : Hạ Hầu Ấn lúc leo núi hay lội nước vẫn cứ nhắm mắt ngủ say, người bên cạnh nghe thấy tiếng ngáy, mà Ấn vẫn bước đều không hề trượt hay vấp, người đời gọi ông là "tiên ngủ".

(2) Theo *Hậu Hán thư*, Pháp Chân kiên quyết không muốn ra làm quan nên nói với viên Thái thú rằng : "Nếu ông cứ bắt tôi ra làm quan, thì tôi sẽ đi ẩn ở phía bắc núi Bắc hoặc ở phía nam núi Nam".

*Không học được tiên ông phép ngủ,
Trèo non, lội suối, giận khôn người.
Xưa nay phường danh lợi,
Bón tầu hết ngược xuôi.
Gió thoảng hơi men trong quán rượu,
Say cả, hỏi tỉnh được mấy người ?
Bãi cát, bãi cát, ngao ngàn lòng.
Đường phẳng mờ mịt, đường hiểm vô cùng !
Nghe ta ca "cùng đố" một khúc !
Phía bắc núi Bắc, núi muôn lớp !
Phía nam núi Nam, sóng muôn đợt !
Sao mình anh trơ trên bãi cát ?^(*)*

Huệ Chi

ĐẠO PHÙNG NGẠ PHU

Vũ vũ thủy gia tử ?
Y phá lập bất hoàn.
Thúc tông Nam phương lai,
Hương ngã tiên đầu than.
Vấn : "Từ hà sở ưu ?"
Tự vân : "Trường gian nan,
Gia bản, nghiệp y bích,
Ngã (a) lai tẩu Trường An.

(*) Sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một, NXB Giáo dục, 2006 sử dụng bản dịch khác của Tố Hữu.

(a) Chữ *ngã* ngữ sai, chưa tra cứu được, tạm để nguyên.

Trường An vô bệnh nhân.
Quần y như khâu san.
Linh đình vọng quy lộ,
Cực mục vân man man.
Nhị nhật điển không khiếp,
Tam nhập huyết ung xan.
Phùng nhân đăn ngộ hí,
Dục ngôn thanh lữ can".
– Y ! Tử thả hưu lệ !
Nhất quỹ dữ tử hoan.
Du du nghịch lữ trung,
Bách niên thủy tự khoan ?
Mạn dã ! Mạc sậu yết,
Bạo doanh phi tráng nhan".

Dịch nghĩa :

DỌC ĐƯỜNG, GẶP NGƯỜI ĐÓI

Con nhà ai một mình đi thất thiếu,
Áo rách nón cũng không lành.
Chợt từ phía nam đi đến,
Đón trước ta mà than thở.
Ta hỏi : – Anh đang lo phiền gì ?
Thưa rằng : – Tôi vất vả từ lâu.
Nhà nghèo, làm thuốc và coi bói,
Lên sinh sống ở kinh kỳ
Kinh kỳ chẳng có ai ốm,

Thấy lang đầy rẫy như núi gò.
Bơ vơ nhìn con đường về,
Hết tâm mắt, chỉ thấy mây che mờ mịt.
Ngày thứ hai, bán cái tráp không
Ngày thứ ba, nhìn cả hai bữa.
Gặp người những mừng rỡ.
Muốn nói nhưng tiếng đã khan.
– Ôi thôi ! Anh hãy cầm nước mắt lại,
Ăn với tôi một bữa cơm cho vui.
Đời người dằng đặc như ở quán trọ,
Ai dám khoe mình thư thái trọn đời,
Thong thả chứ ! Đừng nuốt hấp tấp !
No vội quá, không làm cho khoẻ người !

Dịch thơ :

*Một người đi thất thiếu.
Áo nón rách tả tơi.
Từ phía nam tiến lại,
Đến trước ta than hoài.
Ta gạn hỏi nông nỗi,
Rằng : "Gian nan mãi thôi.
Làm nghề thuốc nghề bói,
Đến kinh kỳ sinh nhai.
Kinh kỳ chẳng ai óm,
Thấy lang mọc khắp nơi.
Muốn quay về làng cũ,
Nghìn dặm đường xa xôi.*

Ngày thứ hai bán tráp,
Ngày thứ ba đổi nhồi.
Gặp người những mừng vui.
Muốn nói không ra lời".
– "Than ôi ! Hãy ngừng lệ,
Một bữa ta tạm mời.
Đời người như quán trọ,
Ung dung nào mấy ai ?
Thong thả đừng nuốt vội,
No ứ dễ hại người !".

Ngô Lập Chi

TIẾP NỘI THU TÍNH KÝ HÀN Y, BÚT ĐIỀU SỞ SỰ

Nhất giam đẳng hạ vạn hàng đề,
Thử dạ tàn hồn nhiều tú khuê.
Trường hân thủy giao luân cảm tự ?
Độc miên nhân tự vọng kim kê (a).
Hàn y ổn thiếp phong tân tứ,
Tổ quán tiêm mình tẩy cựu đề.
Lai thất tha thời hảo quy khứ,
Nhập môn tri hữu nhậm thung thể.

(a) Lời chú của tác giả : "Kim kê tinh hiện tắc quốc hữu xá" (Sao Kim kê xuất hiện là điềm trong nước có việc ân xá).

Dịch nghĩa :

TIẾP THU CỦA VỢ GỬI ÁO RÉT, BÚT VÀ VẢI THỦ

Một phong thư đọc dưới đèn, muôn hàng lệ rỏ.
Đêm nay hồn vật vờ quanh chốn buồn thêu.
Mối hận vô cùng, ai xui mình bàn việc dệt chữ gấm⁽¹⁾
Kẻ nằm một mình vẫn trông ngóng tin gà vàng.
Chiếc áo rét xếp phẳng phiu, gói ghém bao ý mới,
Ngon bút trắng, nhọn, xoá sạch những lời đề xưa.
Rồi mai đây khi được trở về nơi nhà Lai⁽²⁾,
Bước vào cửa biết rằng có vợ hiền từng già gạo thuê⁽³⁾.

Dịch thơ :

*Trước đèn thư mở, lệ muôn hàng,
Hồn giãi phòng the luống vẫn vương !*

(1) *Chữ gấm*, dịch chữ *cầm tực*. Tần Đâu Thao giận vợ là nàng Tô Huệ, khi làm quan ở Tương Châu, đoạn tuyệt tin tức với nàng, nàng bèn dệt một bức gấm trên có những dòng chữ, đọc vòng quanh thành thơ, lời lẽ thấm thiết. Đâu Thao cảm vì tình và trọng vì tài, sai xe về đón nàng. Người ta gọi bài thơ ấy là *Cầm tực hồi văn*.

(2) *Nhà Lai* : nhà ở gò Lai. Gò Lai là một cái gò ở quê hương tác giả. Trong tập *Cúc Hiền thi loại*, ký hiệu VHv. 1433 (Thư viện khoa học Trung ương), tác giả cũng có bài *Lai Sơn cố trạch* vịnh cái nhà cũ của mình ở quê hương.

(3) Nàng Mạnh Quang, vợ Lương Hồng người đời Đông Hán, nhà nghèo nhưng tiết tháo cao thượng, khi theo chồng đi ẩn thường già gạo thuê kiếm ăn.

*Kiếp hận, ai xui thêu chữ gấm,
Đêm suông ta những ngóng gà vàng.
Áo mên, ủ ấm bao tình tứ,
Bút mới dầm tan mọi thảm thương !
Rồi nữa nhà Lai khi trở lại,
Bước vào mừng có bạn tao kang.*

Nguyễn Quý Liêm

TỨC SỰ

Nhân khan cao điều độc phàn lung,
Tự ý thẳng sàng bất ngữ trung.
Ngũ dạ tâm tình đang đối ảnh,
Nhất thu cảnh vật vũ giao phong.
Mộng hồi thành khuyết hôn nghi khách,
Lệ sái hành đường huyết bính không.
Cách xá hà nhân giải ngâm tụng,
Lũ tương văn tự vấn cơ ông.

Dịch nghĩa :

TỨC SỰ

Mắt nhìn những con chim có sức bay cao
mà bị nhốt trong lồng,
Một mình trên chiếc võng, lẳng lẳng không nói

Tâm sự năm canh, một đèn một bóng,
Cảnh vật cả một mùa thu những gió cùng mưa.
Mơ về nơi thành khuyết, hồn mình những tưởng
là ai,
Nhìn cái gông cái cùm, khóc đến cạn dòng lệ máu.
Cái bác nào đó ở nhà bên kia cũng biết ngâm
biết đọc,
Thường đem chữ nghĩa sang hỏi cái ông
đang bị cầm tù này.

Dịch thơ :

*Nhìn chim bay giỏi nhót chơ vơ,
Trên võng kẻ lưng chẳng nói thừa.
Tâm sự canh chầy đèn với bóng.
Cảnh tình thu trợn gió cùng mưa.
Mộng về thành khuyết hồn đâu tá ?
Lệ rỏ gông cùm máu uống chưa ?
Ai đó cách nhà ngâm vịnh được,
Kẻ tù, thường đến hỏi văn thơ.*

Hoàng Trung Thông

CẨM SỞ CẨM SỰ, TÚNG BÚT NGẪU THU

Thiếu niên tâm tích tảo thanh cuồng,
Dĩ bả thành khuy tính lưỡng vương (vong)

Tuý uỷ túng nhiên sân Lý lão,
Cùng nó do tự ái Tiêu lang.
Luật xuy Thử cốc hàn ưng chuyển,
Kiếm lạc Phong thành dạ hữu quang.
Mạc hướng danh sơn tổng di thảo,
Thạch Cừ tu tuyển Hán văn chương.

Dịch nghĩa :

NOI NHÀ GIAM NHÂN VIỆC CẢM XÚC PHÓNG BÚT VIẾT NGAY

Từ thuở trẻ tính nết đã phóng khoáng rồi.
Đôi đường thành hay bại đều không để trí nhớ.
Tuy có viên uỷ say rượu trùng mắt với ông
tướng già họ Lý⁽¹⁾,
Vẫn có người đầy tớ nghèo còn quyến luyến
chàng họ Tiêu⁽²⁾.

(1) Ông tướng già họ Lý : Lý Quảng, một danh tướng đời Hán. Khi đã về nghỉ, một đêm cùng người nhà cưỡi ngựa ra ngoài thành tìm hàng rượu uống, lúc trở về đến Bá Lăng, viên uỷ coi Bá Lăng đang say rượu, ngăn lại không cho đi. Người nhà nói : "Đây là quan tướng quân cũ họ Lý đấy mà !". Viên uỷ nói "Tướng quân hiện nay cũng không được phép đi đêm, huống chi tướng quân cũ". Rồi bắt Lý Quảng phải ngủ lại ở Bá Lăng.

(2) Chàng họ Tiêu : tức Tiêu Đình Sĩ, thời Đường, là người học rộng và biết người, ông có người đầy tớ tên là Đỗ Lượng ở với ông đã lâu năm, đôi khi cũng bị quả phạt bằng roi vọt, có người bảo Đỗ Lượng sao không bỏ đi với người khác ? Lượng nói : không phải tôi không có thể đi với người khác, nhưng tôi mến ông Tiêu vì ông là người có tài.

Điệu sáo thổi ở Thử Cốc⁽¹⁾, khí lạnh phải chuyển,
Thanh gươm vùi dưới đất Phong thành⁽²⁾ ban đêm
vẫn có ánh sáng.
Không nên đem bản thảo gửi vào nơi danh sơn nữa,
Gác Thạch Cừ⁽³⁾ vẫn cần tuyển đến văn chương
nhà Hán.

Dịch thơ :

*Trẻ trung tính nết sớm ngang tàng,
Thành bại quên phăng cả mọi đường.
Dù có cái say khinh Lý lão,
Vẫn còn nhỏ tốt mến Tiêu lang.
Sáo ngân hang Thử trời sinh ấm,
Gươm dấu thành Phong đêm sáng choang.
Sách quý đem chi vào núi nữa,
Thạch Cừ Hán vẫn trọng văn chương.*

Vũ Mộng Hùng

(1) *Thử Cốc* : tên núi. Theo truyền thuyết thì Thử Cốc là nơi đất tốt nhưng khí hậu lạnh giá, cây lúa không mọc được. Trâu Diên đến ở đấy, thường thổi một điệu sáo mà khí hậu trở nên ấm áp.

(2) *Gươm vùi dưới đất Phong thành* : Trương Hoa đời Hậu Hán, thấy ở Phong thành đêm đêm có hào quang bốc lên, bèn sai Lôi Hoán ra làm quan ở đấy để dò xét. Lôi Hoán tới nơi, sai đào nền nhà ngục, thấy một cái hộp đựng hai thanh kiếm, một tên là *Long tuyển* và một tên là *Thái a*.

(3) *Thạch Cừ* : tên một cái gác do Tiêu Hà đời Tây Hán dựng lên để thu tàng các sách cũ lấy được ở cung nhà Tần. Sau trở thành kho sách.

KÝ HẬN (a)

(Cổ ý nhị thủ)

I

Đoạn bông phi như lưỡng vô côn (cân).

Tích biệt tân đề vị tử ngôn.

Độc hạc bất tăng tiêu kính ảnh.

Viễn sơn hà sự phá mi ngân.

Thư thành hận tự không đề huyết,

Tửu túy ly bôi tức mộng hồn.

Liệu đắc lữ đình phân thủ hậu,

Kỷ hồi phong vũ ám tây thôn.

Dịch nghĩa :

GỬ HẬN

(Hai bài theo ý cổ)

Cỏ bông đứt, sợi bông bay, cả hai cùng là lìa gốc,

Đau lòng vì ly biệt, nên thường nói những lời

như đối dẫu.

Con hạc lẻ không hề quên chiếc bóng trong gương,

Dãy núi xa việc gì lại lộ ra vẻ lông mày rời rạc,

(a) Có bản chép là : "Ký hận nhị thủ, vị sở mộng tác" (Hai bài "Gửi hận", làm cho người mình mơ thấy).

Chữ "hận" viết xong cứ khóc hoài đến nổi trào máu,
Chén "phân ly" nhấp say là hồn vào cõi mộng.
Tưởng tượng sau khi chia tay ở chốn lữ đình,
Đã bao trận gió mưa làm cho xóm tây âm đạm.

Dịch thơ :

*Cỏ hồng lìa gốc liễu tơ bay.
Chưa chết xu nhau lời đắng cay !
Hạc lẻ gương chưa mờ chiếc bóng.
Non xa ngấn đã rạn đôi mây.
Dòng thơ oán hận lệ hoà máu,
Chén rượu phân kỳ hồn dễ say.
Tưởng tự chia tay nơi quán trọ,
Mấy hồi mưa gió ủ thôn tây.*

Hoa Bằng

II

Dư sinh cơ bạn chỉ vị danh,
Cánh chước ly tư nhất đoạn tình.
Kết tập vị trừ ưng nhĩ nhĩ,
Si tâm tương chiếu nại khanh khanh ?
Hoàng hoa sương lý tha thời lệ,
Bạch nhật phong tiên cựu lữ thanh.
Hàn điệp thu vân vô hận sự,
Bất kham để oán mãn giang thành.

Dịch nghĩa :

Đời ta bị ràng buộc chỉ vì chút danh nhỏ,
Lại vương thêm một mối tình thương nhớ
biệt ly
Thói quen chưa bỏ hết, đành hãỵ như thế,
Lòng ngây thơ đã hiểu thấu nhau rồi,
nhưng biết làm thế nào, hỡi mình ?
Hoa vàng đắm sương, tưởng như ngần lẹ
ngày trước.
Nhạn trắng kêu trước gió, mơ màng
tiếng bạn gọi mình.
Lá rụng mây thu, kể ra biết bao nhiêu chuyện,
Không nỡ đem nỗi oán hờn mà đề khắp
chốn giang thành !

Dịch thơ :

*Giám buộc thân này vì chút danh,
Xa nhau lại vương mối ly tình !
Chưa chừa thói cũ, trơ trơ đó,
Thấu rõ lòng si, hỡi hỡi Khanh !
Sương đọng hoa vàng, h lẫn lệ cũ,
Gió đưa tiếng nhạn bạn quen mình.
Mây thu lá rụng tình man mác,
Chữ "oán" khôn đem viết khắp thành.*

Hoa Bằng

TRƯỜNG GIANG THIÊN

(Hữu dẫu)

Đồng cảm vũ khố Nguyễn chủ sự dĩ trường giang thỉnh dư phú giả. Tự duy sở cưỡng, tội sở ung đắc, cảm phục hà ngôn. Độc hạnh thâm dạ văn tám, sai kham vô quý thứ vật nhĩ. Cùng sáu tịch liêu trung, tình hiện vu từ. Mỗi bất năng tự cảm. Đắc tự nhân ngôn, cực tiểu nhi dữ chi. Trường giang ! Trường giang ! Tri ngã hồ ? Ngô vô thích vu nhĩ dã. Tam thú.

MỘT THIÊN VỊNH CÁI GÔNG DÀI

(Có lời tiểu dẫn)

Cùng nhà giam, có ông chủ sự họ Nguyễn, coi kho vũ khí, đem cái gông dài xin ta vịnh thơ. Tự nghĩ vì mình đại đột ngục cưỡng, bị tội là đáng, còn dám nói gì ? Chỉ mừng rằng đêm khuya lòng tự hỏi lòng, có điều không then với vật này mà thôi. Trong lúc vắng vẻ ngồi buồn, thường thường tình hiện ra lời, không thể nhịn được. Nay được ông này gọi ra, ta cười mà cho ngay. Gông dài ! Gông dài ! Mà biết ta chăng ? Ta cũng chẳng hợp gì với mày đâu !

Thiên này có ba bài :

I

Nhậm giao thủy thị, nhậm thủy phi,
Tổng dữ nhân gian quản nhục ky.
Thượng thủ bạn tương tam xích giản,
Hiếp kiên duệ trước ngũ thù y.
Hiểu từ phế thạch khai phong khứ,
Mộ bạng Ô đài quả nguyệt quy.

Ký đặc tạc tiêu kinh tích lịch.
Hoả tiên bồn xứ, lẫm thiên uy.

Dịch nghĩa :

Dù ai phải, dù ai trái cũng mặc,
Đây chỉ là cái máy làm nhục người ở cõi đời thôi.
Giơ tay lên, lôi theo mảnh tre ba thước⁽¹⁾,
So vai kéo xô cả manh áo nhẹ năm ly⁽²⁾,
Buổi sớm dời tảng "phế thạch"⁽³⁾ ngược gió bước đi,
Buổi chiều đứng tựa "Ô đài" đeo ánh trăng trở về⁽⁴⁾.
Nhớ lại đêm qua tiếng sét nổi lên kinh khủng,
Nơi có roi lửa vụt tới, rừng rợn oai trời.

Dịch thơ :

*Ở đời phải trái chẳng nề ai,
Chỉ nắm trong tay máy nhục người.
Ba thước thể kèm khi nhắc cánh,
Năm li áo lệch lúc so vai.*

(1) *Mảnh tre ba thước* : Đời xưa chưa có giấy, sách vở đều ghi trên những mảnh tre. Đây chỉ thể tre ghi tội phạm nhân.

(2) *Áo nhẹ năm li* : loại áo bằng vải mỏng và xấu, nhẹ năm li. Đây chỉ cái áo của phạm nhân mặc.

(3) *Phế thạch* : Đời nhà Chu, ở cửa thành có đặt một tảng đá đỏ gọi là *phế thạch* (*đá phối*), những người oan khuất được đến đó bày tỏ ý nguyện của mình, một viên quan ghi lấy tâu lên vua.

(4) *Ô đài* : tức là đài ngự sử. Vì ở dinh ngự sử có trồng nhiều cây bách, quạ thường đến đậu, nên người ta gọi là *Ô đài* hay *Ô bách đài*.

Đi thì rẽ gió ngoài ô đá,
Về lại đeo trăng chốn sảnh đài.
Còn nhớ đêm qua âm tiếng sét,
Vung văng roi lửa rợn oai trời.

Nguyễn Văn Tú

II

Thủ bả trường giang cánh khấu tâm,
Ngô sinh vị để mạn tương tâm ?
Ngẫu hành vị khả đa tăng ảnh,
Bạt thuy ứng tri bất quý khâm.
Đỉnh đỉnh bách niên bi ngạnh phiếm,
Lao lao chung nhật tỉnh cơ thâm.
Tiện đương tế chúc song hàng tả,
Minh trước Nghiêu Phu Thiện sự ngâm.

Dịch nghĩa :

Tay mang chiếc gông dài lòng tự hỏi lòng :
Đời ta vì sao lại phải gặp nó ?
Đeo nó mà đi, chẳng nên ghét lây đến bóng⁽¹⁾,
Ngủ bên cạnh nó, nên biết rằng mình
không thẹn với chân⁽²⁾.

(1). (2) *Ghét bóng, thẹn chân* : Theo *Tống sử*, Thái Nguyên Định, khi bị tội, viết thư bảo các con rằng : "Phải sao cho đi một mình không hổ với bóng, ngủ một mình không thẹn với chân. Đừng nên thấy ta bị tội mà xao xuyến".

Trăm năm dang dẳng, thương cho chiếc thân
như cành cây trời⁽¹⁾,
Vất vả suốt ngày thấy được cái lòng sâu độc của cạm bẫy.
Tiện đây, nên đem chẻ ra để viết lên mấy dòng,
Viết bài *Thiện sự ngâm*⁽²⁾ của Nghiêu Phu vào đấy.

Dịch thơ :

Tay đỡ gông dài tự hỏi lòng :
Đời ta sao lại phải tìm gông ?
Cùng đi với bóng không hiềm ghét,
Chung ngủ bên chân chẳng thẹn thùng !
Lẽo đẽo trăm năm thương củ giạt !
Lao đao trọn buổi xót thân trông !
Chẻ ra mà viết đôi dòng chữ.
"Thiện sự" ghi bài của Thiệu Ung.

Nguyễn Văn Tú

III

Đạp hương danh đồ bất diệu đầu,
Ngã vô hành dã, diệc vô lưu.
Thi tài đáo để liên Tô Tử,
Thư nghĩa chung tu thuyết Hạ Hầu.

(1) *Cành cây trời* : Theo *Chiến quốc sách*, phỏng đất bảo tượng gỗ rằng :
"Mây chỉ là cái cành cây đào được đục chạm giống hình người. Nước lụt,
mây sẽ trôi đi, không biết rằng đi đến đâu...". Do đó, người ta dùng chữ
"cành cây trời" (*ngạnh phiếm*) để chỉ người lưu lạc.

(2) *Thiện sự ngâm* : Thiệu Ung, tự là Nghiêu Phong, một đại nho thời
Tống, có làm bài *Thiện sự ngâm*, đại ý nói : "Người ta làm việc thiện là vì
việc thiện nên làm".

Trước cuộc khởi tri cơ sự giới,
Phấn nhiệm trường quái tửu tình tù.
Hà đương giá tác vân thê khứ,
Nhất tiểu thừa phong ổn xấn hưu.

Dịch nghĩa :

Bước lên con đường "danh" đầu vẫn ngay thẳng,
Ta không có ý gì đi, cũng không có ý gì ở cả.
Kể tài làm thơ, cuối cùng cũng phải tiếc đến Tô Tử⁽¹⁾.
Bàn nghĩa Kinh Thư, rốt cuộc vẫn phải nhắc đến Hạ Hưu⁽²⁾
Quàng vào chân có biết đâu rằng mình đã bị mắc bẫy.
Vĩnh râu lên lấy làm lạ vì sao ngôi "sao rượu"⁽³⁾ cũng bị tù ?
Ước gì đem gông này bắc làm cái thang mây⁽⁴⁾,
Cười xoà một tiếng, cười gió mà lên cho rảnh !

(1) *Tô Tử* : Tô Thức (Tô Đông Pha) người thời Tống, là một người giỏi thơ văn, làm quan ở sử quán. Vì chống với Vương An Thạch nên bị truất ra Hồ Châu. Sau lại có kẻ soi mói mỗi thơ văn ông, bảo là nói xấu triều đình, ông bị hạ ngục, sau mới được tha và đổi đi làm quan ở nơi xa.

(2) *Hạ Hưu* : tức là Hạ Hưu Thắng thời Hán, tinh nghĩa *Kinh Thư*, được bổ làm bác sĩ. Vì tranh luận về tên thụy của Vũ Đế, ông bị hạ ngục. Sau lại được tha và bổ làm thái phó, phụng chiếu soạn sách *Thượng Thư, Luận ngữ thuyết*.

(3) *Sao rượu* : Thơ vịnh Lý Bạch của Bi Nhật Hưu thời Đường có câu "Ngô ái Lý Thái Bạch - Thân thị tửu tinh hồn" (Ta yêu Lý Thái Bạch - Ông là hồn của sao rượu).

(4) *Thang mây* : thang để trèo lên cung mây. Vì hình cái gông giống như cái thang, nên tác giả ví như thế.

Dịch thơ :

*Bước tới đường danh chẳng cúi đầu,
Ở đi ta có ý gì đầu.
Tài thơ rồi phải yếu Tô Tử,
Nghĩa sách không ai bỏ Hạ Hầu.
Vương gót, sự đời thường có bấy,
Vẻn râu, sao rượi cũng ngồi tù.
Tiện đây đem bắc làm thang thử,
Cưỡi gió, trèo mây mát mẽ sao !*

Nguyễn Văn Tú

ĐẰNG TIÊN CA

Cửu nguyệt vọng hậu thiên khí lương,
Bạch nhật âm thâm thần vô quang.
Cơ nhân bổng phát toạ đoạn sàng,
Bì phong tấp tấp xuy y thường.
Bộ đỉnh yết lai thanh lang lang,
Hoán thủ thúc xúc phó sảnh đường.
Phiên thân hạ giới tùy nhận hàng,
Tệ cân bất chỉnh tẩu thả mang.
Nhập môn ngục tốt hiệp lưỡng bàng,
Đô nhân hãi quan như đổ tường.
Đại quan liệt toạ, hạ nhất lang,
Hô xuất ngục cụ la trí tương.

Cự đằng chi tiên trường thả trường,
Phu tử, nhục ngành nhục như cương.
Cơ nhân yển ngoạ hình thương hoàng,
Hồi đầu trác cổ như kinh dương.
Thủ thân cước trực lương nhân hoang,
Vũ hậu thấp độc chung bàng quang.
Lương cứu vấn tẩn khẩu bất trường,
Khổ đạo khuất khuất hào khung thương.
Quan thanh tích lịch tôi đài lương (a),
Điện hoả thiểm thiểm giao phi tường.
Hân như song giao bác hoại đường,
Bãi như lãnh thuỷ quán cấp thang.
Lương mộc trác lập thế quật cường.
Thân thanh thập nhị hồi tu lang.
Ô hô nhất chi xuân hải đường,
Tôi chiết bất biện Xương Châu hương.
Thủ thời mộ thiên quỳnh thương mang,
Đài giác vị ngã phi thanh sương.
Đằng tiên thủy thủy khí bất dương.
Củng lập nhiều chỉ hồi nhu trường.
Đắc táng mệnh dã nhân chi thường,
My mục như nhân hà thích thương ?
Quốc ân gia trạch vị thiếu thường,
Dũng phu na tử hàn mặc trường !

(a) *Đài lương* : có bản chép là "ốc lương" nghĩa gần như nhau.

Ta tại đảng tiên !
Nhĩ bất kiến : Đức Giang chi dương,
Nguyệt hằng chi cương.
Thượng hữu bán tử chi tùng bách,
Đột ngọt đồng cửu nhi tương vương.
Cầu phát khí vu triết tượng,
Cố vô thủ hồ kê thê dữ chương.
Nhĩ hà tiền phạt chi dương ?

Dịch nghĩa :

BÀI CA CÁI ROI SONG

Sau hôm rằm tháng chín, khí trời đã dịu,
Mặt trời u ám, ban mai không có ánh sáng,
Người bị giam tù đầu gối trên giường gãy,
Ngon gió lạnh buốt thổi phất phạt vào áo quần.
Chợt có lính của bộ đến, tiếng nói lạnh lạnh,
Gọi ra và thúc giục đến công đường.
Đứng dậy mang gông, đi theo sau hần.
Khăn rách xóc xếch, chân bước vội vàng.
Lúc vào cửa có lính canh ngục kèm hai bên.
Người ở kinh đô ngơ ngác đứng xem,
vây kín như bức tường.
Các quan lớn ngồi cùng nhau,
dưới có một viên quan nhỏ.
Gọi đem những hình cụ bày ra la liệt.

Có cái roi song to, dài thật là dài.
Da nó tía, mình nó cứng, uốn nó lại thẳng đờ ra.
Người bị tội nằm duỗi, vẻ sợ hãi xanh xám.
Đầu quay nghiêng, mắt lăm lét, như con dê hoảng hốt.
Chân tay căng thẳng, hai mắt quáng lên.
Lúc đó là sau trận mưa, hơi thấp độc
xông lên đến bàng quang.
Giờ lâu bị tra hỏi, miệng không nói được,
Chỉ khan vã kêu : "Oan ! Oan" và gào trời.
Quan thét lên như tiếng sét, rung cả ruộng nhà,
Roi quất nhoang nhoáng bay đi liệng lại như ánh chớp.
Lúc giờ lên như hai con thuồng luồng
quạt vào bờ ao lở,
Lúc ngừng như nước lạnh đổ vào nồi nước sôi :
Hai cái nọc đứng sững, có vẻ vững chắc⁽¹⁾.
Tiếng rên rỉ vang quanh dãy hành lang,
Than ôi ! Một cảnh hoa hải đường đương xuân,
Bị bẻ tan nát, không kể gì đến cái hương thơm
ở Xương Châu⁽²⁾ nữa.
Bấy giờ đã muộn, trời sâm sâm tối,

(1) *Nọc* : theo hình phạt triều Nguyễn, người bị đánh roi, thì bị căng ra bằng hai cái cọc gọi là "nọc". Một cái đóng ở phía đầu, một cái đóng ở phía chân, hai tay hai chân phạm nhân bị trói quàng vào hai cọc. Căng ra như vậy, khi đánh phạm nhân không thể giãy được.

(2) *Xương Châu* : nguyên chú : Hoa hải đường không thơm. Chỉ có một cây của Ôn Đình Quân trồng ở Xương Châu là thơm mà thôi.

[illegible]

Được, mất do mệnh là sự thường,
Ta cũng mảy may như mọi người việc gì mà đau thương ?
Ôn nhà, nợ nước chưa chút đền đáp.
Là người dưng cảm, đâu có chịu chết ở nơi vân tự !
Chao ôi ! Roi song ơ !
Mây không thấy :
Ở phía nam sông Đúc Giang⁽³⁾
Ở đỉnh núi Nguyệt Hằng⁽⁴⁾,
Trên đó có cây tùng, cây bách chết một nửa.
Nhưng vẫn cùng nhau đứng trơ trơ giữa trời rét mướt.
Vĩ phông có người thợ giỏi biết dùng, không bỏ nó.
Thì những hàng cây như bô kết và chương nào kia
có đáng kể vào đâu.
Vây mà còn đẵn phá nó thì có đáng không ?

(1) *Sương bay* : Thời Chiến quốc, Châu Diễn làm quan ở nước Yên, là một người hiền mà bị tội oan. Cho nên giữa tháng năm nóng bức, trời cũng có sương toả ra.

(2) *Cuốn ngón tay* : chữ Hán "nhiều chỉ" từ dùng để nêu hình thái của những vật quá mềm. Thơ Lưu Côn tặng Lữ Thẩm thời Tấn có câu : "Hà ý bách luyện cương, hoá vi nhiều chỉ nhu" : (Ngựa đầu thứ thép cứng đã trăm lần tôi luyện, lại hoá làm thứ mềm yếu cuốn vào ngón tay được).

(3), (4) Sông Đức Giang (tức sông Đuống), núi Nguyệt Hằng đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Dịch thơ :

Qua rừng thảng chín khi trời mát.
Sớm ngày ảm đạm ánh nắng nhạt
Thân tù tóc rối, trên ghé long,
Gió thổi áo quần nghe xào xạc.
Lính lệ chạy lại miệng oang oang,
Thét to, thúc giục lên công đảng.
Đứng dây mang gông theo sau hần,
Khăn tàn xốc xếch bước vội vàng.
Vào cổng có lính kèm sát nách,
Phố phường người xem vây kín mít.
Quan to ngồi trên, dưới một thấy,
Truyền đem hình cụ bày la liệt.
Cây roi song lớn dài dài sao !
Mình rắn, da thâm, uốn chẳng vào.
Thân tù nằm sắp, vẽ xanh xám.
Như con dê sợ nhìn trước sau.
Tay chân căng thẳng mắt mờ hoảng,
Mưa tạnh hơi độc xông đến háng.
Bị tra tấn mãi miệng cứng đờ,
Một mực kêu trời : "Khổ ! Oan uổng !"
Tiếng quan như sét rường nhà rung.
Ánh roi như chớp vụt tíc tung.
Giơ lên, rống quật bờ ao lở,
Ngừng lại, nước dội nổi canh bông.
Đôi cọc sừng sững đứng ngạo nghễ,
Mấy dãy hành lang tiếng rên xé.

Than ôi ! Một nhánh hải đường tơ,
Chẳng nỡ Xương Châu mà nỡ bẻ !
Trời chiều cao thăm lại mệnh mang !
Góc điện vì ta toả khí sương,
Roi song buồn thông, hết giận dữ,
Tay chấp, ruột mềm lòng vẩn vương.
Cùng thông ở đời đều bởi số,
Tai mắt kém ai mà đau khổ.
Nợ nhà ơn nước chưa đến xong,
Chết chón văn chương đâu phải chỗ !
 Này roi song !
 Mày có thấy :
Bờ nam Đúc Giang, đỉnh núi Nguyệt Hằng,
Trên có cây tùng cây bách đương chết dở,
Giữa trời đông rét mướt mà vẫn đứng hiên ngang ?
Nếu có thợ giỏi biết đến,
Thì xá chi loài bồ kết chítơng nào tâm thường.
Nỡ nào đốn chặt cho đang !

Xuân Trang

ĐỘC DẠ CẢM HOÀI

Tân trưởng sinh tàn dạ,
Sơ hàn tống miếu thu.
Tuế thời song bệnh nhân,
Thiên địa nhất thi tù.

Ý chăm khan trường kiếm,
Hô đăng kiếm tể cừu.
Cường liên tâm lực tại,
Cơ ngoạ bất cảm sâu.

Dịch nghĩa :

BAN ĐÊM MỘT MÌNH CẢM NGHĨ

Nước lụt vừa dâng lên lúc đêm về sáng,
Rét sớm tiền nốt mùa thu sắp hết đi.
Trải qua năm tháng đôi mắt đã mỏi mòn,
Giữa trời đất, nhốt một anh tù làm thơ.
Tựa gối nhìn thanh kiếm dài,
Gọi đèn xem lại áo bông rách.
Bực bội vì tâm lực vẫn còn,
Mà bị giam cầm nằm một chỗ buồn không chịu nổi !

Dịch thơ :

*Con nước mới, giục đêm tàn,
Rét đầu mùa, tiền muộn màng cảnh thu.
Tháng ngày đôi mắt mệt mỏi,
Giữa đất trời, một anh tù làm thơ.
Trông gươm tựa gối bơ phờ,
Gọi đèn xem lại xác xơ áo cừu.
Xót mình tâm lực cạn dần,
Mà thân giam hãm mới sầu khôn nguôi.*

Hoàng Trung Thông

HÀN DẠ TỨC SỰ

Hồi phong xuy quỳện chắm,
Sóc khí bội thể nhiên.
Xuyết tịch giao nô phú,
Phân khâm tà khách miên.
Hương sâu duy phạm dạ,
Thân sự dục qua niên.
Mạc tác du du tưởng,
Thư không tiểu vị biên.

Dịch nghĩa :

ĐÊM LẠNH TỨC SỰ

Gió quần thổi vào chiếc gối của người đã mỏi,
Hơi bắc lạnh lẽo bội phần,
Lấy chiếu bảo dày tở đắp,
Chia chăn cho khách mượn ngủ nhờ.
Nỗi buồn nhớ quê không chữa gì đêm khuya,
Công việc của mình chùng muồn qua năm khác.
Đừng nghĩ ngợi viễn vông chi nữa !
Toan "viết lên không"⁽¹⁾ song lại cười mình chưa quen.

(1) *Viết lên không* : Ân Hạo thời Tống làm quan bị biếm chức, cả ngày cứ lấy tay viết lên không bốn chữ : "đốt đốt quái sự" (chà chà việc lạ !).

Dịch thơ :

*Gió lồng thổi quanh gối,
Hơi bức rết cầm cầm.
Tìm chiếu cho nhỏ đắp,
Chia chăn để khách nằm.
Nhớ nhà thức suốt sáng,
Tĩnh việc để sang năm.
Đừng nghĩ miễn man nữa,
Viết bóng chẳng quen làm.*

Xuân Trang

HỖ TẶNG PHAN SINH

Bình sinh vị khẩu lãng thành chân,
Tiểu dữ Pha ông thoại hậu thân (a).
Tử cầu vô nha thủy tốc ngã ?
Dư duy hữu thiệt khởi thời nhân ! (b)

Nguyên chú của tác giả :

(a) *Pha thi* : (Thơ Tô Đông Pha) "Tự tiểu bình sinh vị khẩu mang" (Thơ của ông Tô Đông Pha : Tự cười mình cả đời vất vả vì cái miệng). "Vì cái miệng" đây dùng với nghĩa bóng là : vì những lời gièm pha.

(b) "Trương Quốc Dụng thường chiết dư dữ Phan sinh danh tự vi hước, ngữ phả hữu thú, dư mỗi tụng Pha thi, triếp niệm cập thứ, vị chi phún phạt".

(Ông Trương Quốc Dụng thường đem chữ tên tôi và tên Phan sinh tách ra từng phần để nói đùa, nghe cũng hay hay, mỗi khi tôi đọc thơ ông Tô Đông Pha, sự nghĩ đến, lại phì buồn cười). Trương Quốc Dụng người làng Phong Phú, tỉnh Nghệ An, đỗ tiến sĩ đời Minh Mệnh, làm quan đến Hình Bộ Thượng thư, đồng thời với tác giả.

Chi lan nhật ức đồng tâm lữ,
Phong vũ thiên giao nhất xứ thân.
Cơ bạn thử thân câu hệ vật,
Thiếu niên đoan đích lược tri tân ! (a)

Dịch nghĩa :

ĐÙA TẶNG PHAN SINH⁽¹⁾

Đời vì cái miệng, câu nói đùa mà hoá thật,
Nực cười, muốn nói mình là kiếp sau của ông Tô Đông Pha.
Nếu anh không có nanh thì ai kiện tôi ?⁽²⁾
Duy tôi tuy có lưỡi mà không đổ lỗi cho người khác.
Nhớ lại trong những ngày là đôi bạn đồng tâm, thơm tho
như cỏ chi cỏ lan,
Nay trong cơn mưa gió, trời xui khiến lại cùng nhau ở
một chỗ.

(a) *Pha thi* : "Thử sinh hà chí lược tri tân". (Thơ của Tô Đông Pha : Đời ta đâu phải chỉ biết qua bờ bến).

(1) *Phan sinh* : chỉ Phan Nhạ, tự là Hành Phủ người làng Minh Quả, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đỗ cử nhân khoa Tân Mão, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đồng khoa với Cao Bá Quát. Khoa Tân Sửu năm Thiệu Trị thứ 1 (1841) cùng với ông Cao được cử làm sơ khảo Trường Thừa Thiên, hai ông đã đồng mưu lấy khối đèn làm mực (vì phép nhà nước cấm quan trường đem mực vào trường) chữa văn cho 24 quyển thi ; trong số này về sau có 5 quyển được lấy đỗ, việc phát giác, hai ông cùng bị hạ ngục.

(2) Thơ *Hàng lộ* trong *Kinh Thi* có câu : "... hà dĩ tốc ngã tụng" (sao anh kiện được tôi). Đây tác giả đã mượn hai chữ "tốc ngã" chùng có ý nói khi bị tra hỏi, Phan Sinh đã nói điều gì không lợi cho tác giả.

Cái thân bị ràng buộc chỉ vì cùng vướng vít với việc đời,
Tuổi tuy còn ít, song rõ ràng là đường đời đã biết
qua bờ bến.

Dịch thơ :

*Đời vì cái miệng dùa ra thật,
Chừng chính ông Tô đối kiếp rồi !
Ai ví không nanh đâu kiện tố ?
Tô dù có lưỡi há vu ai ?
Chỉ lun nghĩa hợp thành đôi bạn,
Mưa gió trời xui ở một nơi,
Cũng bởi có thân nên có lụy,
Càng cho tuổi trẻ biết thêm đời !*

Hoàng Tao

**THẬP NGUYỆT THẬP THẤT NHẬT,
THỪA LỄ BỘ NGHIÊM TÂN HẬU,
CUÔNG BỆNH MẠN CHÍ TỬ THỦ**

(Tuyển nhị)

I

Cấp lòi bôn diện nhất thân cô,
Thức hữu kinh khan bất cảm hô.

Dư khứ hốt mê phong vũ ác,
Tĩnh lai sâu quái ngữ âm thù^(*)
Bán sinh mệnh bạc thương kê lạc,
Cửu tử tâm toan khiếp hổ tu.
Đa tạ Tiêu gia cự thời bặc,
Khấp tương ôn ngữ uý vi tu.

Dịch nghĩa :

**NGÀY 17 THÁNG 10, SAU KHI BỘ LỄ
TRA TẤN NGHIÊM NGẶT RỒI,
GUỌNG ĐAU VIẾT LUÔN 4 BÀI**

(Tuyển 2)

Sấm gấm chớp giạt trời trời một thân,
Bạn quen trông thấy sợ không dám gọi.
Khiêng về, bông mê man như trong cơn mưa gió ác liệt,
Tĩnh lại, sừng sốt thấy tiếng nói khác thường.
Nửa đời người thân phận mỏng manh
nghĩ chuyện gân gà⁽¹⁾ mà thương

(*) Lời chú của tác giả : "Đặc tấn thời, bì nhục binh liệt, dư quy, khi tuyết, nhị canh hử nãi phục tĩnh".

(Lúc bị tra tấn, thịt da rách nát, máu chảy đầm đìa, khiêng về thì ngất đi, đến hai trống canh mới hồi lại).

(1) *Gân gà* : Thời Tam quốc, Tào Tháo bị Lưu Bị đánh thua ở Hán Trung, lấy tiếng "gân gà" làm khẩu hiệu trong quân. Các tướng tá không hiểu, Dương Tu giải thích rằng : "Gân gà bỏ đi thì tiếc, ăn vào vô vị, ý thừa tướng muốn rút quân". Sau quả nhiên như vậy. Ở đây, tác giả dùng hai tiếng "gân gà" (kê lạc) để nêu ý "vô vị".

Mười phần chết chín, tấm lòng chua xót
tường đến râu hùm mà sợ⁽¹⁾
Đa tạ chú bọc cũ nhà họ Tiêu,
Đã khóc lóc, đem những lời ôn tồn mà yên ủi thân này.

Dịch thơ :

*Chớp giật sấm rền một lão trơ,
Bạn bè muốn hỏi phải mẩn ngơ.
Kiêng về chột tường trời mưa sập,
Tĩnh lại nào hay lưới cứng chờ.
Sống kiếp gân gà, đời lạt lẽo,
Chết gờm miệng hổ, dạy cay chua.
Cám ơn chú bọc Tiêu gia cũ,
Gạt lệ ân cần với chủ xưa.*

Nguyễn Văn Tú

II

Hồi tư đãi sĩ chủ ân khoan,
Cảm tích vi tư lý vận gian.
Hàn mặc tri phi ngã tử sở,
Văn chương ký kiến cổ sinh hoàn.
Cù lao di thể gia hương ngoại,
Nô hủ dư sinh khung nhưỡng gian.
Nghĩ hướng bình nhân thoại tâm sự,
Đề thanh trường khùng ngô thiên khan.

(1) *Râu hùm* : Theo sách *Trang Tử* : "Xoa đầu hùm, vuốt râu hùm, làm thế nào mà thoát khỏi miệng hùm được".

Dịch nghĩa :

Nghĩ lại ơn vua đãi ngộ kẻ sĩ thật là rộng,
Gặp vận khó khăn đâu dám tiếc cái thân nhỏ mọn này.
Biết rằng búi tóc không phải là nơi để cho mình chết,
Cũng mong như người xưa vì văn chương mà sống
trở về⁽¹⁾.
Tấm thân do cha mẹ vất vả sinh ra, nay còn ở ngoài
gia hương.
Kiếp sống thừa kém hèn vẫn trơ ở trong trời đất.
Muốn đến với mọi người để chuyện trò tâm sự,
Nhưng phải nói sẽ, sợ trái ý trời bị trời ghét.

Dịch thơ :

*Cảm tạ ơn vua thực đãi tài,
Phận hèn dám tiếc gặp công gai.
Chết trong nghiên bút ta nào phải,
Sống cây văn chương chuyện có rồi.
Công mẹ uống sinh ngoài xứ sở,
Thân con thừa gởi giữa trần ai.
Muốn đem tâm sự cùng đời tỏ,
Thấp giọng vì e trái ý trời.*

Khuông Hữu Dụng

(1) Vì văn chương mà sống trở về : Tô Đông Pha thời Tống, vì văn chương mà bị tội, sau mới được tha và bị đày đi xa. Trong một bài biểu tạ ơn, ông có nói : "... Con cháu khóc lóc ở bờ sông, coi như đã chết, mà quý sãn đón ở mặt bể, chắc đâu còn sống mà trở về".

BỆNH TRUNG

Vị tử tàn hình nhất hủ nhơ,
Cưỡng chi quyện cốt thiến nhân phù.
Trắc thân thiên địa bi cô chương,
Hồi thủ yên tiêu khuất tráng đồ.
Hà nhật quy sào đồng yển yển ?
Tha thời tập uyển quý ô ô.
Át đồng bất thức Duy Ma bệnh,
Sát vấn yêu vi sáu tổn vô ?

Dịch nghĩa :

TRONG LÚC ỒM

Là một anh đồ hủ, thân tàn mà chưa chết.
Cố gượng mang bộ xương moi mòn
còn phải nhờ người nâng hộ.
Nếp mình giữa khoảng trời đất, thương nỗi bàn tay
cô đơn⁽¹⁾,
Ngoảnh nhìn con đường mây khói, chí cả chưa được
vùng vẫy.

(1) *Bàn tay cô đơn*, do câu : "Cô chương nan mình" (một mình vô tay không thành tiếng vang). Ý nói việc phải đẩy nhưng một mình làm không có người hưởng ứng nên không thành công.

Biết bao giờ được về ở yên trong tổ như
những con chim én⁽¹⁾,
Một ngày kia lại thẹn với đàn quạ xúm đầu nơi vườn
tốt tươi⁽²⁾.
Chú bé con không hiểu cái bệnh Duy Ma⁽³⁾ của ta,
Cứ hỏi luôn rằng : "Vành đai lưng có gây đi
phần nào không ?"

Dịch thơ :

Chưa chết thân tàn một hủ nho,
Hình hài nhờ kẻ dốt dàu cho.
Đất trời đau nỗi bàn tay lẻ,
Mây khói che đường chỉ khí to.

(1) *Chim én* : yến yến, loài chim cứ mùa rét thì từ phương bắc kéo về phương nam làm tổ ở mái hiên nhà người ta mà sinh đẻ.

(2) *Đàn qua xum đậu nơi vườn tối tươi* : Vợ Tấn Hiên Công là Ly Cơ, muốn bỏ thái tử mà lập con mình, song sợ quan đại phu là Lý Khắc không nghe, bèn bàn với viên quan coi hát tên là Thi, bày tiệc rượu thết Lý Khắc. Giữa tiệc tên Thi hát rằng : "Hạ dự chi ngư ngư, bất như ô ô, nhân giai tập ư uyển, ngã độc tập ư khô". (Đáng ung dung mà vẫn rụt rè, sao bằng những con qua kia, nó đều đậu ở vườn cây tối tươi, riêng mình cứ đậu ở cây khô lui !). Ý nói Lý Khắc không biết chọn phe có thể lực mà phò.

(3) **Bệnh Duy Ma** : Duy Ma tức Duy Ma Cật. Theo sách nhà Phật thì Duy Ma Cật là một cư sĩ ở thành Tỳ Oa Ly : trí tuệ đạo đức rất cao. Ông hiện thân có bệnh, Phật sai Văn Thù Sư Lợi đến hỏi thăm, ông nói : "Bồ Tát vì chúng sinh mà vào vòng sinh tử, đã có sinh tử thì có bệnh, bao giờ chúng sinh hết bệnh thì Bồ Tát sẽ không còn bệnh". Đây tác giả tự ví với Duy Ma Cật, bệnh của Duy Ma Cật là vì chúng sinh, bệnh của tác giả là vì dân vì nước, chú tiểu đồng không thể biết được.

Về tổ bao giờ như lũ én,
Vào vườn đến thuở thẹn bấy ô.
Bệnh ta chú bé không sao hiểu,
Cứ hỏi : Vòng lưng có sút xò ?

Hoàng Trung Thông

TỘI ĐỊNH

(Nhị thủ tuyển nhất)

Tội định thân hà dụng ?
Tài sơ ngộ độc kỳ.
Đào chân tri hữu tại,
Chuyển sở hạnh sơ tỳ (từ).
Giảo thổ năng tam quật,
Tiêu liệu khởi nhất chi ?
Sở thân kinh vấn tấn,
Ngâm toạ thử chi di.

Dịch nghĩa :

KHÉP TỘI RỒI

(Hai bài tuyển một)

Tội khép rồi, thân còn làm gì được ?
Tài kém cỏi, gặp bước éo le.
Biết rằng tạo vật nặn ra mình hẳn là có ý,
Cũng mừng rơi vọt thoát khỏi từ đây.

Con thỏ tinh ranh còn biết đào ba cái hang⁽¹⁾,
Chim chích làm tổ trong rừng đâu phải chỉ có
mặt càn ?⁽²⁾
Những người thân thích sùng sốt đến thăm hỏi,
Chỉ ngồi chống tay vào cằm trên chỗ ngâm thơ.

Dịch thơ :

*Tội khép mong gì nữa,
Tài non đời đắng cay.
Sinh ta chùng định trước,
Đòn gậy thoát từ đây.
Thỏ phải ba hang nấp,
Chích nào một nhánh cây,
Người thân sợ đến hỏi,
Chốn ngâm ngồi chống tay.*

Hoàng Trung Thông

(1) *Ba cái hang* (tam quật) : Theo *Chiến quốc sách* : "giáo thỏ dinh tam quật", ý nói con thỏ tinh ranh phải có ba hang mới tránh được khỏi chết !

(2) *Chim chích* : (nguyên chữ Hán) là *Tiểu liêu* : là một loài chim nhỏ. Theo sách *Trang Tử* : "Tiểu liêu sào lâm, bất quá nhất chi". (Chim chích làm tổ ở rừng, chẳng qua chỉ cần một cành). Ở đây tác giả dùng trái lại ý ấy, để nói mình không thiếu gì nơi ở.

CHÍNH NGUYỆT NHỊ THẬP NHẤT NHẬT DI TỔNG THỪA THIÊN NGỤC TOẢ CẨM

Dư sinh nhất dã mã,
Phiêu chuyển tuý thiên phong,
Vãng lai vô định căn,
Chỉ tại đại khối trung.
Thủy vi bách luyện cương,
Khảng tằng nhất sĩ hùng.
Tự trước thế võng anh,
Tao tiết tông ma lung.
Di ngã khoáng bạc tâm,
Mãnh dữ ưu thích thông.
Nhất điệp vũ bành bái,
Tư ngôn văn Nhiệm công.
Tuế mộ tạ giá sở,
Tàn sinh tín vi cung.
Nội chi nhiếp ngoại khí,
Bất thụ bỉ lự công.
Hốt ức thiếu niên thời,
Tuý ngoạ kinh cực tông.
Khốn miên đắc sở tức,
Khởi tri thương lộ cùng,
Khảm kha lý tư vận,
Phận uỷ cô phi bổng.

Tội phế tín ngã sở,
Hề trạch tây dũ đông.
Phiên phiên khoa tỳ tử,
Hoan hoa an hữu chung ?
Tự ngã pháp nhãn quan,
Lục tác dy nhược không.
Hoả khanh trước huyển tướng,
Luân đạn dũ hoá đồng.
Phóng bộ học hành ngâm,
Thuỳ thị Ly tao ông ? (a)

Dịch nghĩa :

NGÀY 21 THÁNG GIÊNG, BỊ GIẢI SANG GIAM Ở NGỤC THỪA THIÊN

Đời ta như một luồng hơi⁽¹⁾,
Di chuyển tùy theo gió trời.
Đi lại không nhất định nơi nào,
Chỉ ở trong vòng trời đất.
Trước kia, là một thân cứng rắn như sắt luyện trăm lần,
Ngang tàng làm một kẻ sĩ đầy hùng khí.
Từ khi mắc vào lưới đời,
Khí phách cũng từ đó hao mòn dần.

(a) *Ly tao ông* : có bản chép là "chí ly ông" (ông già).

(1) *Luồng hơi* (dã mã) : tức là những luồng hơi vô định như ngựa chạy ở ngoài đồng.

Dem tấm lòng rộng rãi nhẹ nhàng của ta,
Đột nhiên tiếp xúc với những nỗi đau thương.
Khác nào như "một chiếc lá quay cuồng trên sóng cả",
Câu đó ta đã từng thấy ông Nhiễm công nói⁽¹⁾.
Năm hết mới thoát nạn rơi vọt.
Mới tin rằng tấm thân mọn còn được sống thừa.
Phải đem "chí" bên trong kìm giữ "khí" bên ngoài,
Không để cho những sự lo nghĩ nhỏ nhen nó kích thích.
Bồng nhớ lại lúc còn trẻ tuổi,
Chén say, nằm lẫn dưới bụi gai,
Buồn ngủ, ngủ được yên giấc,
Đâu có tính đến chuyện "thương bước đường cùng".
Sang vận này, gặp bước hiểm nghèo,
Thân phận đành như sợi cỏ bông phiêu dạt.
Đã là người tội lỗi bị bỏ rơi, thì đâu chẳng là nhà ?
Còn chọn gì tây với đông nữa ?
Kìa những kẻ xun xoe nịnh hót,
Chỉ ba hoa nhộn nhịp, biết rồi có trọn vẹn không ?
Nếu lấy "pháp nhãn"⁽²⁾ của ta mà nhìn
Thì sáu khiếu⁽³⁾ chẳng qua là không cả

(1) *Nhiễm công* : tức là Tô Thức, hiệu là Đông Pha, một văn hào đời Tống. Vì ông có bộ râu rậm nên gọi là "Nhiễm công" (ông nhiều râu). Chưa tìm ra được câu tác giả đã dẫn ở trong bài là trích ở bài nào của Tô Đông Pha.

(2) *Pháp nhãn* : mắt nhìn thấu suốt của Phật.

(3) *Sáu khiếu* : chữ Hán "Lục tác" tức là những giác quan có khai khiếu ở thân người, như mắt, mũi, tai,... Theo sách *Trang Tử* : "Tâm vô thiên du, lục tác tương nhượng" (Lòng không thành thoi, sáu khiếu đánh nhau).

Một khi hố lửa⁽¹⁾ đã bén đến cái sắc tướng hảo huyền
 Thì có làm bánh xe hay viên đạn cũng chỉ là cùng
 về với cõi hoa⁽²⁾
 Thử phóng bộ học lối "vừa đi vừa hát"⁽³⁾
 [Giữa mình với Khuất Nguyên] hỏi ai thực là
 ông Ly tao⁽⁴⁾.

Dịch thơ :

*Đời ta vốn là hơi là bụi.
 Theo từng cơn gió thổi tới bờ.
 Đi về chẳng có định nơi,
 Chỉ trong giữa khoảng đất trời mệnh mang.
 Từ trăm luyện sắt gang cứng rắn,
 Khí hào hùng một đấng ngang tàng,
 Lưới đời từ độ vẩn vương,
 Giày vò kẻ đã nhiều phương rửa mài.*

(1) *Hố lửa* (hoả khanh) : tượng trưng cho kiếp sống đầy ải của chúng sinh. Sách Phật : "Tam ác hoả khanh, lâm lâm dục nhật" (thấy hố lửa của ba con đường ác, lũ lượt muốn vào). Ba con đường ác là : địa ngục, súc sinh, ngã quỷ.

(2) *Bánh xe, viên đạn* (luân, đạn) : Theo sách *Trang Tử* : "... Ví bằng cánh tay phải ta hoá làm viên đạn, thì ta sẽ dùng để săn chim cú về nướng chả ăn, ví bằng xương cụt của ta hoá làm bánh xe, ta sẽ dùng thần thức làm ngựa kéo xe ấy đi chơi...". Ý nói đời người sống chết chẳng qua là một sự biến hoá tự nhiên, không đáng quan tâm.

(3), (4) Đời Chiến quốc, Khuất Nguyên tận trung với nước Sở, bị Sở Hoài Vương phóng trục, mới đi lang thang ở bờ sông, vừa đi vừa hát... và làm ra thiên *Ly tao* để tỏ lòng thương đời, lo nước của mình.

Lòng ta vốn một hai phóng khoáng,
Nỗi lo buồn hổng vướng như không.
Khác chi chiếc lá vẫy vùng,
Lời này nghe tự Nhiêm công những ngày.
Năm hết, dứt đoạ đầy roi vọt.
Mới tin rằng còn chút thân tàn !

Ngoài nén khí, trong bển gan,
Không cho ý nghĩ nhỏ uhen bọn mình.
Chợt nhớ lại tuổi xanh ngày đó,
Say nằm lỳ trong xó bụi gai,
Mỏi mà được chốn nghỉ ngơi,
"Đường cùng" chẳng biết như người khóc thương.
Nay gặp lúc bước đường khốn khó,
Phận đành như sợi cỏ bồng bay ;
Ở đâu thì cũng thân này,
Lọ rằng đồng với rằng tây, chọn gì ?
Kìa những kẻ xun xoe bợ đỡ,
Dẫu huênh hoang rồi có hay đâu !
Hãy đem mắt phép nhìn vào,
Tình khôn cho mấy mà sau còn gì.
Thân ảo tướng đã kể núi lửa,
Thì luân đàn nào có khác chi !
Cũng thì vừa hát vừa đi
"Ly tao ông" đó chắc gì là ai !

Vũ Mộng Hùng

ĐOÀN TÍNH LÂM HÀNH BẢ TỬU VI BIỆT TẤU BÚT DỪ CHI (a)

Vị tử tương phùng thị hạnh nhân,
Cánh vi thử biệt lệ triêm cân.
Cố ung kê hạc đồng thê địa,
Cộng chứng phong ba hiện tại thân.
Dữu Lý tháo thành di khổ diệu,
Tỳ bà khúc bãi tình cô thân.
Lạc hoa thời tiết quân tu ký,
Xuân mãn Giang Nam vô hạn xuân.

Dịch nghĩa :

ÔNG ĐOÀN TÍNH LÚC SẮP LÊN ĐƯỜNG, NÀNG CHÉN TỬU BIỆT VIẾT CHẠY BÀI NÀY ĐỂ TẶNG

Chưa chết, lại được gặp nhau, đã là may rồi.
Nay lại phải chia tay, khiến cho chiếc khăn đầm lệ.
Đã đành rằng đây là chỗ chim hạc phải sống chung
với gà,
Và cũng nhận thấy cái thân đang đứng giữa cơn sóng gió.

(a) Lời chú của tác giả : "Tính cố để hạ lệ viên xung thị vệ, đắc trích"
(ông Tính Nguyên là phường hát cũ trong cung vua, xung chúc thị vệ, bị lỗi
phải đổi đi xa).

Bài đàn trong ngục Dữu Lý⁽¹⁾ gảy xong, để lại một điệu
đau khổ

Khúc tỳ bà⁽²⁾ nghe rồi, cảm thấy rõ thân thể người bẽ tôi xa
Bác nên nhớ lấy, hiện nay tuy là màu hoa rụng,
Nhưng ở Giang Nam vẫn bắt ngát đầy vẻ xuân⁽³⁾.

Dịch thơ :

*Gặp nhau chưa chết đã may rồi,
Lại phải chia tay lệ sụt sùi.
Đàn hồi hạc gà chung chỗ đậu,
Cùng đau sóng gió những con người.
Xong bài Dữu Lý còn hơi não,
Đứt khúc tỳ bà cảm phận tôi.
Nên nhớ cuối mùa hoa đã rụng,
Giang Nam còn chán vẻ xuân tươi.*

Khương Hữu Dụng

(1) *Bài đàn trong ngục Dữu Lý* : chỉ bài *Cầu u tháo* của vua Văn Vương gảy khi bị vua Trụ giam ở ngục Dữu Lý.

(2) *Khúc tỳ bà* : Bạch Cư Dị thời Đường bị giáng làm tư mã ở Giang Châu, một đêm tiễn khách qua bến Tầm Dương nghe người ca kỹ đã về gảy đàn tỳ bà và kể chuyện thân thế. Ông vì đang ở trong cảnh thiên trích, nghe mà cảm động bèn viết thành bài *Tỳ bà hành*.

(3) Trong bài thơ *Giang Nam phùng Lý Quy Niên* (*Gặp Lý Quy Niên ở Giang Nam*) của Đỗ Phủ có câu : "Chính thị Giang Nam hảo phong cảnh, lạc hoa thời tiết hựu phùng quân" (Chính là lúc phong cảnh Giang Nam đang đẹp, giữa mùa hoa rụng lại gặp anh). Ý nói gặp lúc đã thất thế rồi. Lý Quy Niên cũng là quan coi hát của Đường Minh Hoàng, hoàn cảnh cũng phảng phất giống Đoàn Tịch, nên tác giả dùng lời thơ của Đỗ Phủ tặng Lý Quy Niên để tặng Đoàn Tịch, song với một ý nghĩa tích cực và lạc quan. Giang Nam đây chỉ nơi Đoàn Tịch bị đày đến.

KIẾN BẮC NHÂN LAI, NHÂN THOẠI CỔ HƯƠNG TIÊU TỨC

Mạch mạch tương khan thức lệ ngôn (ngân),
Nam nam bất yếm thoại hương thôn.
Lão thân kiện tại liên chi cách,
Trĩ tử hoan lai hỷ phụ tón.
Cựu thảo tự trần đôi phế lộc,
Tiểu mai⁽¹⁾ vô lại khoá tu viên.
Trường đình bắc cổ vân thiên viễn,
Xuân tận thủy chiêu vị tử hồn ?

Dịch nghĩa :

THẤY NGƯỜI NGOÀI BẮC TỚI, NHÂN NÓI CHUYỆN TIN TỨC TRONG LÀNG

Tân gần vừa nhìn nhau vừa gạt nước mắt,
Rì rầm nói chẳng hết chuyện trong làng.
Cha mẹ già còn khoẻ mạnh, thương con đi xa.
Lũ con trẻ sung sướng mừng cha còn sống.

(1) Lời chú của tác giả : "Dương bốn hương mai xích hử, vân gia nhân cận sấp viên trung, kim trăm nhiên quá đầu hỷ" (Cây hoa mai cao hơn một thước trồng trong chậu sứ, thấy nói gần đây người nhà đã đem trồng ra vườn, nay đã lên vọt, cao quá đầu người rồi).

Những bản thảo cũ, đầy bụi, chất đống trong bồ rách.
Cây mai con cũng cố ngoi lên vượt bức tường dai !
Nhìn về dặm trường phía bắc, trời mây xa thăm,
Xuân hết rồi, nào ai gọi hồn người chưa chết ?

Dịch thơ :

*Lặng lẽ nhìn nhau gạt lệ dồn,
Rì rầm chưa dứt chuyện trong thôn.
Cha già mạnh khoẻ, thương con vắng,
Bé đại mừng vui biết bố còn,
Bồ rách đã vùi chồng sách cũ,
Tường cao còn ló ngọn mơ non.
Đoái trông nẻo bắc trời mây thăm,
Chưa chết, xuân đi ai gọi hồn ?*

Hoá Dân

LỤC NGUYỆT THẬP NGŨ DẠ NGUYỆT HẠ TÁC PHỤNG KÝ CHƯ CỔ NHÂN

Cơ lưu lưỡng thiên thú,
Thập kiến hải nguyệt viên.
Nguyệt cận bất cải sắc,
Khách cư hành dĩ biến.
Ngã dục sáp song thí,
Phi bộ lãng tử yên.

Lộ phùng Ngô tiên nhân,
Ấp ngã quốc thụ biên.
Tương kiến vị khoản khúc,
Tự 'hoại dư sinh tiền.
Ngũ tế liễu bất ký,
Huy thủ nam phong diên,
Quy lai nhất trường khiêu,
Bả tửu dục vấn thiên.
Thiên cao bất khả vấn,
Thả phú Tù sơn thiên.

Dịch nghĩa :

ĐÊM RÀM THÁNG SÁU, DƯỚI ÁNH TRĂNG VIẾT GỬI CÁC BẠN CƯ

Bị giam cầm đã hai lần đổi chỗ,
Và đã mười lần thấy trăng tròn trên mặt bể.
Vẻ trăng gần đây không thay đổi.
Người ở mãi nơi đất khách gần như đã quen.
Ta muốn chắp thêm đôi cánh,
Bay lên tận mây tía⁽¹⁾.

(1) *Tận mây tía* : tận chỗ Ngọc hoàng thượng đế ở, đây ý nói trên trời.

Trên đường gặp ông tiên họ Ngô⁽¹⁾,
Kéo ta đến bên cây quế.
Gặp nhau tỏ vẻ ân cần,
Hình như kể lại kiếp trước của ta
Nhưng nói nhỏ quá không nghe rõ và không nhớ được.
Khoa tay rồi sà từ ngọn gió nồm.
Trở về ta huýt một hơi sáo dài.
Nâng chén rượu toan hỏi trời.
Trời cao không thể hỏi được.
Ấu là ta cũng làm bài phú *Tù sơn*⁽²⁾.

Dịch thơ :

*Nơi giam cầm đổi dời hai bận.
Trăng bẻ tròn tròn chắn mười phen ;
Trăng nay sắc vẫn y nguyên,
Mà nơi khách ở dần quen lối rồi.
Ta những muốn chấp đôi cánh nhẹ,
Bay vút tầng không tia mệnh mang ;
Ngô tiên gặp gỡ giữa đường,
Đứng bên cây quế, dịu dàng vẫy tay.
Vừa thấy nhau đậm đà trò chuyện,
Dường như ta gỡ đến kiếp xưa ;*

(1) Ông tiên họ Ngô : Sách *Đậu dương tạp trở* nói : Ngô Cương, người thời Hán, tu thành tiên, sau mắc lỗi, bị đày vào cung trăng để dẫn cây quế nhưng cứ dẫn đến đâu thì thân quế lại liền đến đấy, thành ra không bao giờ dẫn xong.

(2) *Bài phú Tù sơn* : bài phú của Liễu Tông Nguyên thời Đường.

*Nói thắm nghe chẳng nhớ ra,
Cùng nhau từ ngọn gió hoà chia tay.
Về đến nơi huyết dài một tiếng,
Cầm chén toan hỏi đến trời cao :
Trời cao khôn hỏi được nào,
Thơ "Non tû" đã vịnh vào một thiên.*

Vũ Mộng Hùng

CỬU NHẬT CHIÊU KHÁCH

(Tĩnh tự)

Dư khứ niên đại bộ chỉ thứ nhật, cấp dương trùng cửu. Nhật nguyệt y thời, viên cầm ngã sinh cấu hạnh bất tử, dĩ phi cố ngã, nhi đăng cao chi du, liêu bất khả đắc, nãi trường lân hữu bát cửu tử nhi cáo chi viết : Thứ Mân Hiên tử kim sinh sơ độ chi tịch dã. Toạ giả dĩ nhi vấn chi, viên thuật kỳ do, thả hữu thứ phú.

Cơ thê hựu kiên miếu thu thiên,
Tiểu bả trùng dương trước tuý diên.
Lạc mạo thủy thư tân lệnh tiết ?
Phụ kinh sơ thứ tiểu ngoạn tiên.
Nhãn trung khách tử chân ngô bối,
Toạ lý tiên sinh chính thiếu niên.
Tha tịch tha thời vô thử hội,
Thăng du kỳ tuyết ngã tư biên.

Dịch nghĩa :

NGÀY TRÙNG CỬU⁽¹⁾ MỜI KHÁCH

(Cổ tựa)

Năm ngoái tôi bị tổng giam⁽²⁾ hôm trước thì hôm sau là ngày trùng cửu, tháng ngày trôi qua, nay ngày ấy lại đến, cảm thấy đời mình, nếu có may mà không chết, cũng không còn là cái "ta" khi trước nữa rồi, mà những cuộc lên cao⁽³⁾ cũng không thể có nữa, mới rót rượu mời các bạn chung quanh tám chín người và nói : "Đây là tiệc sinh nhật kiếp này của gã Mẫn Hiên đây !". Mọi người lấy làm lạ mà hỏi. Tôi liền nói rõ đầu đuôi và làm bài thơ này.

Trong cảnh giam cầm, nay lại đã cuối thu rồi,

Mượn ngày trùng dương rót rượu mời khách.

Ngày tết lành mới đến, nào ai viết văn đùa người rơi mũ ?⁽⁴⁾

(1) *Ngày trùng cửu* : ngày mồng 9 tháng 9 âm lịch.

(2) *Bị tổng giam* : đây là nói sau khi Tự Đức đã giảm tội xử trảm xuống tội giảo giam hậu mà tổng giam, chứ không phải tổng giam khi phát giác việc chữa bài thi ở Trường Thừa Thiên (năm 1841).

(3) *Cuộc lên cao* : Theo tục cổ Trung Quốc, cứ ngày 9 tháng 9 âm lịch người ta rủ nhau lên chơi núi hái cành thù du cài vào mình, cho thế là có thể tránh được tai nạn, đây tác giả dùng chữ "lên cao" (*đồng cao*) để nói ngày trùng cửu và cũng ngụ ý rằng với chế độ hẹp hòi, khắc nghiệt của triều đình nhà Nguyễn từ đây ông không còn hy vọng thi thố tài năng để giúp dân giúp nước như ý muốn lúc trước được nữa.

(4) *Rơi mũ* : Mạnh Gia đời Tấn làm tham quân cho đại tư mã Hoàn Ôn, ngày trùng cửu cùng Ôn và nhiều người khác lên núi uống rượu, rượu say, gió thổi rơi mũ mà Gia không biết. Ôn sai Tôn Thịnh viết bài văn đùa Gia, Gia cũng trả lời, thành một bài văn hay. Đây tác giả dùng điển này cũng chỉ để nói ngày trùng cửu thôi.

Người ta chỉ mới thử chàng tiên bướng xem có hối lỗi
mà mang roi⁽¹⁾ hay không đó thôi.
Nhìn lại những khách trong tiệc, đều bọn ta cả,
Mà người hơn tuổi ngồi đó lại là chàng trai trẻ nhất⁽²⁾.
Lúc khác, tiệc khác, không bao giờ có buổi họp như
thế này,
Thật là một cuộc vui tuyệt lạ, ta ghi lại bài này.

Dịch thơ :

*Giám cầm nay lại cuối thu rồi
Mượn buổi trùng dương chúc chén mời.
Tết mới ai đùa người mất mủ.
Tiên con vừa thử chuyện mang roi.
Nhìn quanh khách lạ là ta cả,
Để trước, già đây ít tuổi thôi.
Cảnh ấy, tiệc này bao có nữa,
Cuộc chơi kỳ tuyệt viết nên lời.*

Tuấn Sinh

(1) *Mang roi* : Thời Chiến quốc, Liêm Pha và Lạn Tương Như cùng làm quan nước Triệu. Liêm Pha vì ghen địa vị thường xích mích với Tương Như, nhưng Tương Như, vì việc nước, tỏ thái độ nhường nhịn, sau Liêm Pha hối lỗi, tự mang roi đến cửa nhà Tương Như mà xin nhận lỗi và chịu phạt. Câu này tác giả muốn nói việc triều đình Nguyễn đã khép tác giả vào tội tử hình rồi lại không giết, chỉ là để thử xem có hối lỗi hay không đó thôi.

(2) Tác giả chỉ mình, vì ông đã coi ngày hoãn xử mà tổng giam là ngày sinh nhật kiếp thứ hai của ông, cho nên kể từ ngày trùng cửu năm trước đến ngày trùng cửu năm sau ông mới có một tuổi.

CHÂU TRUNG HIỂU VỌNG PHỤNG TRÌNH ĐỒNG CHÂU CHU QUÂN TỬ

Nhất bích ngưng vi giới,
Trùng vân nhiều tác thành.
Viên phong xung hải lập,
Cao lãng tiếp thiên bình.
Hương quốc tam xuân ý,
Kiến khôn vạn lý tình.
Đã lâu tần bắc vọng,
Độc kiến tảo yên hoành.

Dịch nghĩa :

TRONG THUYỀN, NHÌN CẢNH BUỔI SÁNG VIẾT ĐUA CÁC BẠN CÙNG THUYỀN

Một màu xanh biếc đọng lại làm giới hạn,
Từng lớp mây vây quanh như những bức thành.
Ngọn núi đằng xa đứng nhô ra ngoài bể,
Làn sóng dâng cao, tiếp đến tận ngang trời.
Nỗi niềm quê hương, tưởng nhớ cảnh ba xuân,
Trời đất bao la, gợi tình xa xôi muôn dặm,
Trên buồm lái, chốc chốc lại trông về phía bắc,
Chỉ thấy có vệt khói buổi sớm nằm ngang.

Dịch thơ :

*Sắc biếc ngăn giới hạn,
Tầng mây cuốn bức thành.
Non xa ngoài bể thăm,
Sóng lớn tiếp trời xanh.
Quê quán bàng khuâng dạ,
Đất trời man mác tình !
Lâu thuyền trông hướng bắc,
Mù mịt buổi bình minh.*

Ngô Lập Chi

(Theo *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*,
NXB Văn hoá, H., 1963)

NHỊ THẬP NHỊ NHẬT ĐẮC PHONG, HỖ TRÌNH ĐÔNG CHÂU

(Nhị thủ tuyển nhất)

Quy dữ, Long Nha phiêu diêu gian,
Bắc phong xuy độ vạn trùng loan.
Hoạn du tỉnh thức ngư thiên lý,
Ngu kiến chân thành báo nhất ban.
Hải vụ tình sơ bằng diêu viên,
Phàm âm lương xứ lãng ngâm nhàn.
Thuyền tương Tiểu Tạ kinh nhân cú,
Đề biên thiên nha xứ xứ san.

Dịch nghĩa :

NGÀY HAI MUOI HAI ĐƯỢC THUẬN GIÓ, VIẾT ĐUA, ĐUA CÁC BẠN CÙNG THUYỀN

(Hai bài tuyển một)

Đảo Rùa, đảo Nanh Rồng thấp thoáng ở vùng xa tắp,
Gió bắc đưa thuyền qua muôn trùng vũng bể.
Có cuộc hoan du, mới biết cá lớn nghìn dặm⁽¹⁾,
Kiến thức hẹp hòi, khác nào nhìn con báo chỉ thấy
một vằn⁽²⁾.

Khi mù bể đã quang, ngói ngấm đặng xa,
Dưới bóng cánh bướm mát dịu, ngấm nga thông thả.
Ai thử đem những câu kinh người như của
chàng Tiểu Tạ⁽³⁾ ;
Đế lên khắp các núi ở chân trời kia ?

(1) *Cá lớn nghìn dặm* : Liệt Tử nói : "Điện Hải ngư quảng thiên lý, kỳ trường xứng chi" (Ở bể Điện Hải cá lớn nghìn dặm, chiều dài cũng tương xứng).

(2) *Nhìn con báo chỉ thấy một vằn* : Theo *Tấn thư*, *Vương Huy Chi truyện* : "Quản trung khuy báo, thời kiến nhất ban" (Nhìn con báo qua chiếc ống, thấp thoáng thấy được một cái vằn). Ý nói kiến thức hẹp hòi.

(3) *Tiểu Tạ*, đây là chỉ Tạ Diếu, người đời Nam Bắc triều. Lý Thái Bạch thời Đường, khi lên chơi núi Hoạ Sơn có nói : núi này rất cao, hút thở có thể thông lên trời, chỉ tiếc rằng không mang câu hay kinh người của Tạ Diếu lên, gãi đầu mà hỏi trời xanh thôi.

Dịch thơ :

*Rồng leo, Rùa nổi núi xa khơi,
Gió bắc lùa qua muôn vụng dài.
Rộng bước cá hay nghìn dặm lớn,
Hẹp nhìn báo thấy một vằn thôi.
Khi mù biển tạnh trông xa tít,
Dưới bóng buồm râm hát thánh thơi.
Ước có thơ hay như Tiểu Tà,
Viết lên muôn núi khắp chân trời.*

Khương Hữu Dụng

ĐỘC ĐẠ KHIỂN HOÀI

Bình sinh tính tích tự đam ngâm,
Du biến thiên nha mỗi bất cầm.
Phế lộc ngẫu phi thường phủ bề,
Tiêu đồng thủy thường độc luân tâm.
Nhàn đa trọc tửu tiêu ma dị,
Khách cừ danh sơn mộng my thâm.
Vị tạ cô đăng cự tương chiếu,
Nhất xuân nhân sự đáo như kim.

TỰ QUÂN CHI XUẤT HỖ (a)

Tự quân chi xuất hỹ,
Dạ dạ thủ không sàng.
Hải nguyệt chiếu cô mộng,
Giang phong sinh mộ lương.
Tiểu kính ký viễn khiếp,
Hàn y lưu cố phường (phòng).
Trì thử các tự ử,
Bất khiển lương tương vương (vong) !

Dịch nghĩa :

TỪ NGÀY ANH RA ĐI

Từ ngày anh ra đi,
Đêm đêm em giữ chiếc giường không.

(a) Đầu bài này nguyên là câu đầu của bài thơ *Nhận tình* của Từ Cán người nước Ngụy thời Tam quốc. Trương Cửu Linh thời Đường đã dùng làm đầu đề cho một bài thơ trữ tình, tả tâm trạng người thiếu phụ nhớ chồng :

*Tự quân chi xuất hỹ,
Bất phục lý tàn kỳ.
Tư quân như mãn nguyệt.
Dạ dạ giảm thanh huy.*

("Từ khi anh ra đi, em không còn lòng nào sửa sang lại cái khung cửu đang dột dở nữa. Thân hình em nhớ anh chẳng khác gì mặt trăng tròn, từng đêm, từng đêm hao mòn dần về trong sáng"). Nay tác giả cũng lại dùng câu ấy làm đầu đề cho bài thơ này.

Trăng bể soi giấc mộng cô đơn,
Gió sông thổi lạnh trời chiều.
Chiếc gương nhỏ đã gửi vào tráp người đi xa,
Tấm áo rét để lại trong phòng cũ,
Giữ những vật ấy để cùng tự yên ủi,
Không để cho đôi ta quên nhau.

Dịch thơ :

*Từ ngày anh ra đi,
Đêm đêm giường quanh hiu.
Trăng khơi soi mộng lẻ,
Gió bến lạnh hơi chiều,
Áo rét em cất giữ,
Gương nhỏ anh mang theo.
Tạm để cùng yên ủi,
Không lụi tình thương yêu.*

Hoá Dân

HỒNG MAO HOẢ THUYỀN CA

Cao yên quán thanh không,
Tả tác bách xích đôi,
Yêu kiều thủy thiên long,
Cương phong xuy bất khai.
Đã sư kinh khởi thủy thủ lập,
Tứ biên tiểu ngữ phân huyền hồi.

Ngã diệc lâm y hướng đông vọng,
Đạo thị dương phiên hoá thuyến lý dĩ lại.
Nguy tường ngật lập ngũ lạng tĩnh,
Tu đồng trung trĩ, phún tác yên tối ngôi.
Hạ hữu song luân triển chuyển đạp cấp lãng,
Luân phiên lãng phá, ẩn kỳ sinh nội lời.
Hữu thời hoành hành, đảo tẩu tạt bốn mã,
Vô phạm, vô lỗ, vô nhân thôi.
Long Nha, Xích Khảm bách lý ngoại,
Đàn chỉ tảo khuốc kinh lan hồi.
Lặc Tử châu đầu hắc vân hợp.
Bạch Thạch than tiên mộ trào cấp.
Hoán nhi ủng ty đàm tiểu lai,
Tuyết khoá nga cân nhiều tường lập,
Quân bất kiến : Vỹ Lư chi thủy hối Ốc tiêu,
Kiếp hoả trực thương thanh vân tiêu.
Khai châm đông khứ thận tự giới,
Bất tử tây minh triều mộ trào.

Dịch nghĩa :

BÀI CA "TÀU THUYỀN HỒNG MAO"⁽¹⁾

Khói ùn ùn tuôn lên trời xanh,
Toả ra thành một đồng cao hàng trăm thước.

(1) *Hồng Mao* : tức là nước Anh Cát Lợi, bấy giờ quen gọi là nước Hồng Mao, vì râu tóc của họ thường hung hung đỏ.

Ngoằn ngoèo như con rồng trên trời sa xuống.
Gió mạnh thổi cũng không tan
Người lái thuyền (thuyền tác giả) sừng sốt đứng đây,
các thủy thủ cũng đều đứng.
Bốn bên cười nói ồn ào,
Ta cũng xốc áo đứng nhìn về phía đông.
Và nói "Đó là hoả thuyền Tây dương đang tiến dần
đến đây".
Cột buồm cao ngất, con quay gió⁽¹⁾ đứng im,
Ở giữa có ống khói dài phun khói ra ngùn ngụt.
Dưới có hai chiếc guồng xoay chuyển đập vào
những ngọn sóng dồn,
Guồng quay, sóng tung toé âm âm như sấm rạn.
Có lúc đi ngang, chạy ngược, nhanh như ngựa phi,
Không buồm, không chèo cũng không người đẩy.
Từ những đảo Nanh Rồng, hang Đá Đỏ, xa ngoài
trăm dặm,
Chỉ búng ngón tay đã vượt qua những đợt sóng
kinh người.
Đầu bãi Lạc Tử⁽²⁾ mây đen phủ kín,
Trước ghềnh Bạch Thạch⁽³⁾ nước triều buổi tối lên nhanh.

(1) *Con quay gió* : dịch chữ "ngũ lạng". Ngũ lạng là một khí cụ xưa dùng để xem chiều gió, làm bằng lông gà cắm lên đầu cột buồm.

(2) *Lạc Tử* : biệt danh của Tân Gia Ba (Xingapore).

(3) *Ghềnh Bạch Thạch* : thuộc hải phận Giang Lưu Ba.

Họ gọi trẻ đến, vênh mũi cười nói,
Quần trắng mũ cao, đứng vây quanh cột buồm.
Các người không thấy : khi nước ở vũng Vỹ Lư rút
vào tảng đá Ốc tiêu⁽¹⁾,
Thì ngon lửa dữ dội bốc lên thẳng tới mây xanh.
Mở kim nam châm đi sang phía đông phải cẩn thận
dè chừng !
Không thể coi như bể Tây, sớm hôm có nước triều
đều đặn !

Dịch thơ :

*Luồng khói bốc lên không,
Cao trăm thước sừng sững.
Ngỗng ngèo như rồng sa,
Gió mạnh thổi vẫn đứng
Chủ thuyền nhóm dậy thuỷ thủ theo,
Từ phía ồn ào cười nói, reo.
Ta cũng xốc áo hướng đông ngắm :
"Đây là chiếc tàu Tây đang tiến lại veo veo"
Cột tàu chót vót, quay gió lặng,
Ống khói đứng giữa nhả mây lưng trời cao.
Dưới có hai guồng xoay chuyển đập ngọn sóng.*

(1) Theo lời chú thích bài *Dương sinh luận* của Kê Khang, ở phía đông bể Đông, có một cái vũng rất lớn, gọi là Vỹ Lư. Muốn dòng nước đều đổ dồn vào đấy. Có một tảng đá cực lớn gọi là Ốc tiêu, khi nước dồn đến thì bốc cháy dữ dội, thiêu huỷ các vật và nước cũng khô kiệt.

*Guồng quay, sóng vỗ ầm ầm như sấm gào.
Có lúc chạy ngang, giật lùi, nhanh hơn ngựa,
Không bướm, không lá, không người chèo.
Long Nha, Xích Khảm ngoài trăm dặm,
Phút chốc đề sông, đến nhẹ vào.
Đầu bãi Lạc Tử mây đen kịt,
Trước bến Bạch Thạch trào lui kịp,
Mũi cao quần trắng đứng trên boong,
Nghênh mũi gọi trẻ nói tíu tít.
Bay chẳng biết :
Nước Vỹ Lư rót về núi ốc,
Ngọn lửa bình bình vượt thẳng mây.
Xoay hướng sang đây hãy cẩn thận !
Khác hẳn trào dâng bên bể Tây.*

Hoàng Tao

DUƠNG PHỤ HÀNH

Tây dương thiếu phụ y như tuyết,
Độc băng lang kiên toạ thanh nguyệt.
Khước vọng Nam thuyền đăng hoả minh,
Bả duệ nam nam hướng lang thuyết.
Nhất viễn đề hồ thư lân trì,
Dạ hàn vô ná hải phong xuy.
Phiên thân cánh thiên lang phù khởi,
Khởi thức Nam nhân hữu biệt ly !

Dịch nghĩa :

BÀI HÀNH "NGƯỜI ĐÀN BÀ TÂY DƯƠNG"

Người thiếu phụ Tây dương áo trắng như tuyết,
Tựa vai chồng ngồi dưới bóng trăng trong.
Nhìn sang thuyền Nam có ánh đèn sáng,
Nú áo chồng nói chuyện ríu rít.
Tay cầm chén sữa một cách uể oải,
Đêm lạnh không chịu nổi gió bẽ.
Nghiêng mình, lại đòi chồng nâng dậy,
Đâu biết có một người Nam đang cảnh biệt ly !

Dịch thơ :

*Có gái phương Tây áo như tuyết,
Ngồi kề vai chồng dưới ánh nguyệt.
Nhìn sang thuyền ta đèn sáng choang,
Nú áo, cùng chồng nói ríu rít.
Uể oải cốc sữa biếng cầm tay,
Gió bẽ chùng e đêm lạnh đây !
Nhích lại còn đòi chồng đỡ dậy,
Tình ta ly biệt có ai hay !*

Hoá Dân

DỪ HOÀNG LIÊN PHƯƠNG NGŨ CẬP HẢI NGOẠI SỰ, TRIỆP HỮU SỞ CẢM, TẤU BÚT DỪ CHI

Tiêu tiêu liên mạc nhất tham quân,
Ngâm đáo tu ngu bất nhẫn văn.
Van lý yên ba do tác khách,
Tam xuân phong nguyệt thặng thùm quân.
Phiếm sà mạn tự đàm Trương Sứ,
Quyết nhân bằng thủy điều Ngũ Vân (Viên)
Ngã thị Trung Nguyên cự nhân vật,
Tây phong hồi thủ lệ phân phân.

Dịch nghĩa :

CÙNG VỚI HOÀNG LIÊN PHƯƠNG⁽¹⁾ NÓI CHUYỆN VIỆC HẢI NGOẠI, CÓ ĐIỀU CẢM XÚC, VIẾT CHẠY BÚT ĐƯA BẠN

Vất vươngng một chức tham quân⁽²⁾ trong màn sen
Ngâm đến câu "tu ngu"⁽³⁾ buồn không nổi nghe

(1) *Hoàng Liên Phương* : một nhân vật Trung Quốc ở Giang Lưu Ba.

(2) *Tham quân* : chức giữ việc văn thư trong quân đội. *Màn sen (liên mạc)*, nghĩa bóng chỉ nơi giữ việc văn thư trong các Bộ, Viện,...

(3) *Tu ngu* : Đời Tần Hoàn Công, Hác Long làm chức tham quân, coi riêng các việc ở Nam Man, có vịnh câu thơ rằng : "Tu ngu được thanh trì" (*Tu ngu nhấy ư trong*). Hoàn công không hiểu nghĩa hai chữ *tu ngu*, hỏi, thì Hác Long đáp : "Người Nam Man gọi cá là tu ngu". Đây chỉ tiếng nước ngoài.

Khói sóng muốn dậm, mình vẫn là khách,
 Trăng gió ba xuân, lại được gặp ông,
 Cũng chuyện cười bề, cứ nói tràn đến Trương Sứ⁽¹⁾
 Ngắm lời dạ 1 "khoét mắt"⁽²⁾ nhờ ai viếng hộ Ngũ Viên
 Ta cũng là nhân vật cũ ở Trung Nguyên⁽³⁾,
 Trước ngọn gió tây, ngoảnh đầu lại lệ tuôn lã chã.

Dịch thơ :

Quanh hiu dưới trướng chức tham quân,
 Ngắm tiếng "tu ngu" ngán bội phần !
 Khói sóng quê người thân vạn dặm,
 Gió trăng tình bạn cảnh ba xuân.
 Dọc bề những rắp làm Trương Sứ,
 Khoét mắt ai người viếng Ngũ Văn ? (Viên)
 Ta cũng như người Trung Thổ cũ !
 Gió tây ngoảnh lại lệ đầm khăn.

Hoàng Tạo

(1) *Trương Sứ* : tức Trương Khiên, người đời Hán, cười bề đi sứ nước Nhục Chi, dọc đường hai lần bị nước Hung Nô bắt giam giữ, đến trên mười năm mới trở về được. Nhờ chuyến đi này người Hán mới biết được địa thế và tình hình các nước miền Tây vực và ảnh hưởng của nhà Hán cũng lan rộng đến các nước miền ấy.

(2) *Khoét mắt* : Thời Chiến quốc, Ngũ Viên, tự là Tử Tư, làm tướng giúp vua Ngô và bắt được vua nước Việt đem về giam. Vua Việt dâng nàng Tây Thi, vua Ngô tha cho vua Việt về. Ngũ Viên can không nghe, lại nghe lời gièm pha đem Ngũ Viên giết đi. Khi bị hành hình, Ngũ Viên có dặn lại rằng : "Sau khi ta chết thì khoét mắt ta đem treo ở cửa thành, để ta nhìn thấy quân Việt kéo vào nước Ngô".

(3) *Nhân vật cũ ở Trung Nguyên* : đây ý chỉ Trương Khiên và Ngũ Viên.

THẬP LỤC NHẬT YẾT ĐÌNH LỮ THUẬN, THỨ TRẦN NGỘ HIÊN

Vũ thấp phạm nhưng trọng,
Phong hồi đình khước lưu.
Khách trình do vạn lý,
Hương tứ kích tam thu.
Phù thế thủy thanh nhân ?
Kính ba tự bạch đầu.
Tiểu tương trì mộ ý,
Phi tả hướng đông lưu.

Dịch nghĩa :

NGÀY 16, NEO THUYỀN Ở BẾN LỮ THUẬN, HOẠ THƠ CỦA TRẦN NGỘ HIÊN

Mưa ướt cánh bướm thêm nặng,
Gió quẩn thuyền phải đậu lại.
Bước đường xa lạ, còn cách hàng muôn dặm,
Lòng nhớ quê hương một ngày những tưởng ba thu.
Cuộc đời trôi nổi, biết ai là người mắt xanh⁽¹⁾ ?
Ngọn sóng càng dữ dội, tự nhiên cứ bạc đầu.

(1) *Mắt xanh* (thanh nhân) : chỉ sự hài lòng, vừa ý. Theo sách *Tân thư*, Nguyễn Tịch người thời Tấn, khi tiếp khách, vừa ý với ai thì con mắt bên xanh, ghét ai thì lộ toàn lòng trắng.

Mím cười muốn đem nông nỗi chậm chạp này,
Viết ra mà bày tỏ với dòng nước chảy về đông.

Dịch thơ :

*Mưa thấm bướm nặng trĩu,
Gió quanh thuyền đỗ lâu.
Tĩnh đường còn vạn dặm,
Nhớ nước tưởng ba thu.
Đời mấy kẻ xanh mắt !
Sóng vì ai bạc đầu ?
Cười đem niềm lận đận,
Tả hết với dòng sâu.*

Vy Chữ và Hoá Dân

THANH MINH NHẬT CẢM TÁC, HOÀ TRẦN NGỘ HIỀN

(Nhị thủ tuyển nhất)

Du du nhân sự kỷ oa long,
Tiết tự kinh tâm thử dạ đông.
Ba tĩn hàn ngư không hấp ảnh,
Nguyệt minh cao điệu thượng nghi cung.
Giang hà thế trục doanh hư thủy,
Kim tích sấu liên thượng hạ phong.
Hàm thạch chỉ lao tĩn vệ hận,
Di sơn trường tiểu lão Ngư công.

Dịch nghĩa :

NGÀY THANH MINH CẢM TÁC HOẠ THƠ CỦA ÔNG TRẦN NGỘ HIÊN⁽¹⁾

(Hai bài tuyển một)

Việc đời dằng dặc đã mấy cuộc thịnh suy ?
Thời tiết đến nhanh, đêm nay mà ai chẳng chạnh lòng.
Mặt sóng lặng, cá lững lờ đớp cái bóng không,
Vành trăng sáng, chim trên cao còn tưởng cung thật.
Xu thế sông ngòi theo chiều nước đầy vơi,
Mối sầu kim cổ lẫn cả vào ngọn gió lên xuống.
Chỉ tổ nhọc chim tinh vệ ôm hận mà tha đá hoài⁽²⁾
Vẫn đáng cười ông Ngu công đã già, còn làm việc đời núi⁽³⁾

Dịch thơ :

*Việc đời dằng dặc lớp cùng thông,
Thời tiết đêm nay mỗi cảm chung.*

(1) *Trần Ngộ Hiên* : tức Trần Tú Dĩnh, người làng Diên An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, làm quan đến chức kinh triệu doãn, tức là phủ doãn Thừa Thiên, phó đoàn trưởng phái đoàn đi Giang Lưu Ba.

(2) *Tinh vệ tha đá* : Theo *Sơn Hải kinh*, con gái vua Viêm đi chơi bể Đông bị chết đuối. Hồn hoá làm chim tinh vệ, ngày ngày tha đá ở núi Nam Sơn ném xuống bể Đông để lấp bể.

(3) *Ngu công dời núi* : Theo *Liệt Tử*, Ngu công chín mươi tuổi nhà ở gần núi. Có hai quả núi chắn trước nhà. Ngu công hằng ngày cuốc đất đá ở hai núi ấy dời đi nơi khác. Có người cười ông là ngu. Ông đáp : "Ta chết sẽ có con ta, con ta chết sẽ có cháu ta, mà núi thì không tăng thêm chút nào. Vậy thì làm gì mà không san bằng được ?".

*Cá lạnh sóng êm buồn đắp bóng,
Chim cao trắng sáng vẫn ngờ cung.
Giang hồ thế đẩy trào lên xuống,
Kim cổ sáu theo gió trập trùng.
Tinh vệ hoài công tha đá mãi,
Nực cười đời núi chuyện Ngu công.*

Vũ Mộng Hùng

ĐÁP TRẦN NGỘ HIÊN

Sạ kiến nan vi ngữ,
Dao ung thứ ngã ngu.
Bất tài diệc ma chiết,
Đa bệnh cánh trì khu.
Hải viễn giang quy cấp,
Thiên bàn nguyệt xuất cô.
Cử bôi thời tự vấn,
Quyện mã thượng trường đồ.

Dịch nghĩa :

TRẢ LỜI ÔNG TRẦN NGỘ HIÊN

Thình lình gặp nhau khôn nói nên lời,
Ở xa, mong bác thứ cho cái tội dần dần.
Chẳng có tài năng gì mà cũng bị thử thách,
Thân hay ốm vẫn cứ ngược xuôi.

Bể xa sông chảy về càng xiết,
Trời lạnh mặt trăng mọc trông lẻ loi,
Thường có lúc cất chén tự hỏi :
Ngựa đã mỏi, đường còn dài, tính sao ?

Dịch thơ :

*Chợt gặp lời khôn ngỏ,
Xin tha lỗi đại khờ.
Không tài cũng thử thách,
Nhiều bệnh vẫn xông pha.
Cách bến dòng sông gấp,
Lạnh trời hóng nguyệt trơ.
Nghiêng bầu thường tự hỏi :
Ngựa mỏi, đường còn xa.*

Nguyễn Văn Tú

TRẦN NGỘ HIÊN NHỤC HỮU SỞ THỊ TẤU BÚT HOẠ CHI

Tây du kế lộ kỷ do tuần ?
Vạn học long nương viễn xấn xuân.
Quy mộng dĩ tiêu (a) hồng hạnh vũ,
Lữ sầu ninh trước tố y trần.

(a) Chữ "tiêu" có bản chép là "kính".

Khai phàm chuyển giác phong ba tiện,
Xuất hiểm bình khan vũ trụ tân.
Thuyền hướng Tôn gia truyền diệu bút ?
Đào đầu thêm tá lãng ngâm nhân.

Dịch nghĩa :

TRẦN NGỘ HIÊN CÓ THƠ ĐUA TẶNG VIẾT CHẠY BÚT HOẠ LẠI

Cuộc tây du tính đường đã mấy "do tuần"⁽¹⁾,
Chiếc thuyền "long nhương" muôn học xa lướt
trong cảnh xuân.
Giác mộng quê hương đã qua mùa mưa "hồng hạnh"⁽²⁾
Mối sầu lữ thứ, há chịu mặc mãi cái áo trắng bám bụi⁽³⁾.
Gương cánh bướm bỗng thấy sóng gió thuận tiện,
Khỏi chỗ hiểm, xem như vũ trụ đổi mới.
Ai thử đến nhà họ Tôn⁽⁴⁾ học lấy nét bút vẽ khéo,
Trên đầu ngọn sóng, vẽ thêm một người ngâm thơ !

(1) *Do tuần* : tiếng Phạn, chỉ quãng đường hành quân trong một ngày của nước Ấn Độ xưa. Thường do tuần 60 dặm, trung do tuần 50 dặm, hạ do tuần 40 dặm.

(2) *Mưa hồng hạnh* : hoa hạnh đỏ rụng nhiều như mưa, ý nói đã gần hết mùa xuân.

(3) *Áo trắng bám bụi* : Cổ thi có câu : "Kính Lạc đa phong trần, tố y hoá vi tri" (*Đất Kinh Lạc nhiều gió bụi, áo trắng biến thành đen*). Ý nói đã vất vả mà chưa được việc gì.

(4) *Nhà họ Tôn* : theo sách *Hoạ phẩm*, Tô Vị có tài vẽ nước, thấy được những vẻ thần diệu của nước. Ông thường vẽ bức tranh thủy cung, người xem như thấy có rồng bơi, cá lội trước ngọn sóng bể, rất là tài tình.

Dịch thơ :

*Đường lối tây du mấy độ xa ?
Chiếc thuyền muôn học ruỗi xuân qua.
Mộng quê đã trải mùa mưa hạnh,
Sầu khách ai mang mảnh áo nhơ ?
Buồm thẳng mới hay xuôi sóng gió,
Hiếm nghèo vượt khỏi thấy bao la.
Ai về học nét tranh Tôn tử,
Đầu sóng tôi thêm một khách thơ.*

Nguyễn Văn Tú

ĐẠ QUAN THANH NHÂN DIỄN KỊCH TRƯỜNG

Liệt cự thời minh tối thượng đàn,
Nhất thanh hám khởi dạ phong hàn.
Kích tu tráng sĩ phương hoành giáp,
Nộ mục tương quân dĩ cứ an.
Xuất thế khởi vô chân diện mục,
Phùng trường lãng tiểu cổ y quan.
Hổ Môn cận sự quân tri phủ ?
Thán tức hà nhân ứng ty khan !

Dịch nghĩa :

ĐÊM XEM NGƯỜI THANH⁽¹⁾ DIỄN KỊCH

Trên đài cao nhất, dãy đèn sáng như ban ngày,
Một tiếng thét lên, gió đêm rợn lạnh.
Chàng tráng sĩ râu tua tủa đang nghênh ngang
với bộ áo giáp,
Ông tướng mắt trùng trùng đã ngồi chễm chệ
trên yên ngựa.
Ra đời lẽ nào không có những bộ mặt thực,
Mà vào cuộc vui để cười đùa với những bộ mũ áo xưa.
Việc ở Hồ Môn gần đây anh có biết không ?⁽²⁾
Đáng phàn nàn cho ai đó cứ ngheh mũi ngồi xem !

(1) *Người Thanh* : tức người Trung Quốc đời nhà Thanh.

(2) *Việc ở Hồ Môn* : Năm Đạo Quang thứ 20 nhà Thanh (1840), bọn lái buôn Anh Cát Lợi thầu nhập thuốc phiện vào Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc rất nhiều người mắc nghiện. Chính phủ nhà Thanh cấm không nổi, bèn phái Lâm Tắc Từ ra Quảng Đông xử lý việc ấy. Tới nơi, Lâm ra lệnh tịch thu hết số thuốc phiện gian lậu đem thiêu huỷ tại Hồ Môn. Chính phủ Anh Cát Lợi can thiệp, đem tàu chiến đến bắn phá miền duyên hải Trung Quốc, uy hiếp triều đình nhà Thanh, bắt phải ký điều ước bồi thường binh phí, mở 5 cửa bể cho chúng tự do thông thương, cắt nhường Hương Cảng cho chúng, người ta gọi điều ước ấy là "điều ước Nam Kinh" (vì được ký ở Nam Kinh), một điều ước bất bình đẳng đầu tiên mở đường cho bọn tư bản thực dân vào xâm lược Trung Quốc.

Dịch thơ :

*Sán khấu đèn chằng rực rỡ soi,
Gió đêm hoà tiếng thét ghê người,
Quân vừa đeo giáp sùu rầu dĩnh,
Tướng quân lên yên trợn mắt ngồi.
Tai mặt đời dầu toàn bộ giả,
Áo xiêm xưa cũng thực trò cười.
Hố Môn biết việc gần đây chưa ?
Ngán nỗi kia ai nghếch mũi coi !*

Vy Chữ và Hoá Dân

TIỂU ÂM HÝ BÚT

Biểu lập Tây lai đệ kỷ châu ?
Yên ba thâm xứ chúc hư châu.
Văn vô thiện giá bản nan trị.
Tuý vị chân hương quỵện khước du.
Hải sự hỷ đa văn kiến ngoại,
Lữ hoài phao cộng tuế thời lưu.
Dạ gian ức đắc quy phi mộng,
Do ký tiến thân bản thị Chu.

Dịch nghĩa :

UỐNG CHƠI VIẾT ĐÙA

Đeo bầu xách nón đi sang phương Tây, không biết là
cõi đất thứ mấy !
Giữa nơi khói sóng mịt mù đò con thuyền không.
Vân đã được đánh giá đúng, vì nghèo lại rẻ thêm.
Mình chưa thực là khách làng say, nhưng mỗi mệt thì
cứ ghé nghỉ.
Việc ngoài khơi mùng có nhiều điều lạ tai lạ mắt,
Nỗi niềm đất khách, phó cho ngày tháng trôi đi.
Ban đêm nghĩ đến giấc mơ bay về,
Còn nhớ ra rằng kiếp trước chính mình là
chàng Trang Tử.

Dịch thơ :

*Bầu nón sang Tây qua mấy cõi,
Thuyền không đỗ bến mịt mù khơi.
Vân không được giá nghèo khôn bán,
Say chưa quen làng mỗi cứ chơi.
Ra bề việc nhiều tai mắt lạ,
Nhớ quê hồn gửi tháng ngày trôi.*

*Đang đêm mơ thấy bay về nước,
Chứng chính chàng Chu kiếp trước rồi !*

Vy Chữ và Hoá Dân

**THUYỀN HỒI QUÁ BẮC DỮ,
DU BẢO BỆNH SỔ NHẬT HỮ.
DẠ BÁN ĐẶNG TƯỜNG TỬ VỌNG,
THÊ NHIÊN ĐỘC HỮU HUƠNG QUAN
CHI CẢM, NHÂN GIẢN TRẦN NGỘ HIÊN**

(Nhị thủ tuyển nhất)

Bệnh hạc thương hồng vọng dĩ cô,
Sáp linh kim tạm tá bằng đồ.
Tiêu ma hàn mặc cùng tài tử,
Lũng đoạn vân sơn tiện trượng phu.
Chướng thịnh mộ hàn liên Bắc dữ,
Dạ thâm tàn mộng đảo Tây Hồ.
Quyện du luyện biệt ung vô chí,
Thùy tích yên ba cự diếu đồ ?

Dịch nghĩa :

**THUYỀN VỀ QUA ĐẢO BẮC DỪ,
TA ĐÃ ỒM NÀM MẤT VÀI NGÀY RỒI.
NỬA ĐÊM LÊN CHỖ CỘT BUỒM TRÔNG
RA BỐN PHÍA, CHẠNH LÒNG NHỚ QUÊ,
VIẾT ĐUA CHO ÔNG TRẦN NGỘ HIỀN**

(Hai bài tuyển một)

Chim hạc ốm, chim hồng đau, hy vọng đã chùng lại,
Nay lại chấp cánh tạm mượn đường bay của chim bằng⁽¹⁾
Hao mòn bút mực, là chàng tài tử xác!⁽²⁾
Vợ vết mây núi, là anh trượng phu hèn⁽³⁾.
Lam chướng dày, khí lạnh chiều hôm tràn về đảo Bắc,
Đêm đã khuya, giấc mộng tàn đến tận Hồ Tây.
Cuộc đi chơi đã mỏi, chùng không nghĩ đến sự
lưu luyến lúc chia tay.
Có ai thiết đến người bạn cũ, cùng đi câu trong khói sóng⁽⁴⁾

(1) *Chim bằng* : theo sách *Trang Tử*, "ở bể Bắc có chim bằng, lưng như núi Thái Sơn, cánh như đám mây rợp cả trời. Khi bay thì đề những cơn đông, cơn lộc mà lên cao đến chín vạn dặm, rồi mới tính đường bay về phía nam". Ý nói sức bay lớn lao của con vật lớn lao. Người sau ví đường bay của chim bằng với đường công danh.

(2) *Tài tử xác* (cùng tài tử) : chưa rõ điển.

(3) *Trượng phu hèn* (tiện trượng phu) : theo *Mạnh Tử* : "Có anh trượng phu hèn, cứ tìm nơi gò lở (lũng đoạn) mà trèo lên, nhìn phía tả, phía hữu để vợ vết lợi chợp". Ở đây, tác giả mượn chữ ấy để nói một cách hài hước là mình cũng làm việc vợ vết, nhưng là vợ vết mây núi, tức là ngấm phong cảnh quanh mình để làm thơ.

(4) *Đi câu trong khói sóng* : Thời Đường, Trương Chí Hoà là ẩn sĩ tự xưng là "Phường câu trong khói sóng" (*Yên ba điệu钓*).

Dịch thơ :

*Hạc ốm hồng đau đủ ủ rũ,
Cánh bằng tạm mượn cuộc nam du.
Tiêu hao bát mực than tài tử,
Lũng đoạn non mây hổ trượng phu.
Hơi độc chiều hôm đầy Bắc đẩu,
Mộng tàn đêm vắng tới Tây Hồ.
Chân chốn, lòng chẳng màng ly biệt,
Mây sóng ai cho thú điệu đố.*

*(Theo Hợp tuyển thơ văn Việt Nam
Nhà xuất bản Văn hoá, H., 1963)*

QUÁ BÌNH ĐỊNH PHẬN VỌNG CÙ MÔNG SƠN

Nam phong dạ tác đào thanh,
Ký đắc Cù Mông lĩnh ngoại hành.
Hiếu vọng quân sơn hoành nhất đại,
Úc phong khúc sử cự ao binh.

Dịch nghĩa :

QUA HẢI PHẬN BÌNH ĐỊNH TRÔNG NÚI CÙ MÔNG

Đang đêm nổi gió nổi, sóng gấm dữ dội,
Biết rằng đang đi qua bên ngoài núi Cù Mông.

Sáng sớm thấy những ngọn núi đứng thành một dãy ngang,
Tại chỗ khúc khuỷu của bao nhiêu ngọn núi đó đã
từng diễn ra những trận kịch chiến⁽¹⁾.

Dịch thơ :

*Gió nam đêm thổi sóng gấm vang,
Qua núi Cù Mông thấy rõ ràng.
Sớm ngấm núi bầy ngang một dãy,
Nơi vòng muôn ngọn dấu sa trường.*

Vũ Mộng Hùng

HẠ CHÂU TẬP THI

Lâu các trùng trùng giáp thủy tân,
Tùng âm lương xứ dị hoa xuân.
Thiết ly vô toà quy xa nhập,
Cá cá ô nhân ngự bạch nhân.

Dịch nghĩa :

THƠ VẬT LÀM KHI Ở HẠ CHÂU

Lâu gác trập trùng sát với bến nước,
Dưới bóng mát của cây tùng, hoa lạ tốt tươi.

(1) *Núi Cù Mông* : một dãy núi cao nằm giữa hai tỉnh Bình Định và Phú Yên. Theo *Đại Nam nhất thống chí* : Tại đây quân Tây Sơn đã giao chiến nhiều trận quyết liệt với quân nhà Nguyễn do tướng Nguyễn Hoàng Đức chỉ huy.

Cổng sắt không đóng, xe về cứ việc vào,
Rất những người da đen đánh xe cho người da trắng.

Dịch thơ :

*Bên sông lâu gác trap trùng,
Hoa chi dưới bóng cây tùng tốt tươi ?
Xe về cổng sắt mở rồi,
Hầu xe da trắng, rất người da đen.*

Vy Chữ và Hoá Dân

ĐẮC HÀ THÀNH CỔ NHÂN THU THOẠI CẬP GIA TÌNH KIÊM VĂN CẬN TÁC

Vấn tấn Chương Sơn cự ẩn thôn,
Cao đường vô dạng lưỡng nhi tôn.
Lục niên sinh tử phủ trăm địa,
Nhất chỉ giao du cảm khái ngôn.
Kim cổ sự đa tu thức định,
Văn chương đạo tiểu lại cùng tôn.
Diệc tri hệ vật phi trường sách,
Đầu bạch quy lai đã bế môn.

Dịch nghĩa :

TIẾP ĐƯỢC THƯ CỦA BẠN CŨ Ở HÀ THÀNH NÓI ĐẾN GIA TÌNH VÀ HỎI NHỮNG VẤN THƠ MỚI LÀM

Hỏi thăm Chương Sơn⁽¹⁾ là nơi ở cũ,
Bác mẹ bình yên, hai trẻ vẫn thường.
Qua sáu năm ở nơi sống chết chìm nổi,
Một mảnh giấy ghi lời cảm khái bạn bè.
Việc kim cổ có nhiều, cần phải nhận định vững chắc,
Văn chương là đạo nhỏ, nhưng cũng nhờ lúc cùng
mà nâng cao.
Vẫn biết rằng buộc mình vào việc đời không phải là
kế lâu dài,
Vậy khi đầu bạc cũng sẽ trở về đấy đóng cửa lại.

Dịch thơ :

*Tin tức Chương Sơn được mấy dòng,
Song đường, hai trẻ vẫn thông dong.
Sáu năm sống chết nơi chìm nổi,
Mảnh giấy tâm tình nỗi nhớ nhung.*

(1) *Chương Sơn* : tên một cái gò trước làng Phú Thị, quê hương của tác giả. Chữ *hỏi thăm* (văn tần) trong câu này là nói hỏi thăm người đưa thư từ Hà thành đến.

*Kim cổ việc nhiều nhìn phải rõ,
Vân chương đạo nhỏ trọng khi cùng.
Lụy đời vốn biết nào lâu được,
Đấu bạc quay về khép cánh song.*

Khương Hữu Dung

THẬP NGŨ DẠ ĐẠI PHONG

Nhất dạ trường phong hám hải đài,
Thuận An môn ngoại lãng như lôi.
Thiên thu thượng tác Chu lang khí,
Yếu dã Hồng di cự hám hồi.

Dịch nghĩa :

ĐÊM RẦM GIÓ LỚN

Suốt đêm gió lộng làm rung động
cả toà hải đài⁽¹⁾.
Ngoài cửa Thuận An, tiếng sóng gầm như sấm.
Hùng khí của chàng họ Chu⁽²⁾ nghìn thuở
vẫn còn bốc lên.

(1) *Hải đài* : đài ven bể. Đời Tự Đức (1848 - 1883) ở cửa bể Thuận An có dựng những toà nhà kiên cố gọi là hải đài, để phòng quân giặc từ ngoài bể vào đánh kinh đô Huế.

(2) *Chàng họ Chu* : chỉ Chu Du đời Tam quốc, đã lợi dụng gió đông nam, đánh tan quân Tào Tháo ở Xích Bích.

Như muốn đánh cho cái tàu lớn của bọn

Hồng Mao phải lùi trở lại.

Dịch thơ :

Gió lồng thâu đêm chuyển hải đài,

Thuận An sấm dậy sóng ngoài khơi.

Khí hùng Công Cảnh nay còn mạnh,

Tàu chiến Hồng Mao, quyết đánh lùi.

Khương Hữu Dụng

HIẾU QUÁ HUƠNG GIANG

Vạn chương như bôn nhiều lục điền,

Trường giang như kiếm lập thanh thiên.

Sổ hàng ngư đỉnh liên thanh trạo,

Lưỡng cá sa cầm khuất túc miên.

Trần lộ du du song quyện nhân,

Viễn tình hạo hạo nhất quy tiên.

Kiểu đầu (a) xa mã phi ngô sự,

Phả ái nam phong giác chắm biên.

(a) Chữ "đầu" trong câu này ngờ là chữ "đề" viết sai ra, vì hai chữ này viết thảo, hình dạng gần giống nhau. Có lẽ tác giả đã dùng điển Tư Mã Tương Như thời Hán. Tương Như người đất Thành đô, khi còn trẻ đi cầu công danh, qua cầu Thăng Tiên có đề vào cột cầu rằng : "Bất thừa cao xa tứ mã, bất quá thứ kiêu" (Nếu không được ngồi xe cao thẳng bốn ngựa thì không trở lại đi qua cầu này nữa). Không có văn bản khác, chỉ xin nêu lên đây để chờ nghiên cứu thêm.

Dịch nghĩa :

BUỔI SÁNG, QUA SÔNG HUƠNG

Muôn dãy núi như chạy vòng quanh khu ruộng
xanh mướt,
Ngon sông dài như lưỡi gươm dựng giữa trời xanh.
Mấy dãy thuyền chài không ngớt tiếng hò khoan đưa
mái chèo,
Hai con chim trên bãi đứng co chân ngủ.
Đường trần đẳng đặc, đôi con mắt đã mỏi,
Tĩnh xa man mác, một roi ngựa trở về.
Xe ngựa qua cầu, không phải là việc ta nghĩ đến,
Chỉ thích trước luồng gió nam, thành thơ nằm gối
lên chiếc gối sừng.

Dịch thơ :

*Muôn núi quanh co diều cánh đồng,
Trời xanh gươm dựng một dòng sông.
Dậm dờ vắng vắng vài chài cá,
Cỏ vắng lim dim mấy chú mòng.
Dậm khách mệt mỏi đôi mắt mỏi,
Tĩnh quê man mác chiếc roi vung.
Đầu cầu xe ngựa ta nào tưởng,
Tướng trận nam phong quạt giác nồng.*

Vũ Mộng Hùng

ĐÔNG TÁC TUẦN PHỦ TỊCH THUỢNG ẨM (a)

Cố nhân hữu tửu mạc trừ trường,
Chước chước nguyện quân ẩm vô lượng.
Quân bất kiến hồng học cao phi thanh vân thượng,
Huyền hạc độc túc thanh sơn bạng.
Hoàng điếu hoàng điếu quy thực trường,
Do lai bất cảm lưỡng tương kháng.
Cố nhân nỗ lực sự công danh,
Tản nhân quy khứ ngoạ giang thành,
Tương khan bôi tửu tối phân minh.

Dịch nghĩa :

BÀI CA LÀM TRONG TIỆC RƯỢU NHÀ ÔNG TUẦN PHỦ Ở ĐÔNG TÁC⁽¹⁾

Cố nhân sẵn rượu, ta đừng ngần ngại,
Xin bạn rót đi, rót nữa đi, uống cho thực nhiều.

(a) Chữ "ẩm" ngờ là chữ "ca" viết sai ra.

(1) *Tuần Phủ ở Đông Tác* : tức Nguyễn Văn Lý, Tuần Phủ là tên tự, hiệu là Đông Khê, ông quê ở làng Đông Tác, huyện Thọ Xương, nay thuộc ngoại thành Hà Nội, đỗ tiến sĩ đời Minh Mệnh, trước làm án sát, sau đổi làm Đốc học.

Há chẳng thấy : chim hồng, chim học⁽¹⁾ bay tít tận
mây xanh

Chim hạc đen⁽²⁾ ngủ một mình bên sườn núi.
Còn những con chim vàng⁽³⁾ thì về chỗ kiếm ăn
Xưa nay không bên nào dám chống bên nào.
Cố nhân gắng sức chằm đường công danh,
Kẻ nhân tản này thì về nằm khểnh ở thành bên sông.
Chén rượu nhìn nhau đã thấy rõ lắm.

Dịch thơ :

*Chủ sẵn rượu xin đừng ngần ngại !
Hãy rót đi, rót mãi, uống đi anh !
Chẳng thấy ru ?
Hồng, học bay cao tít tận mây xanh,
Hạc đen ngủ một mình trên đỉnh núi.
Lũ hoàng đế đi kiếm ăn sớm tối,
Từ xưa nay ai chống đối chi ai ?
Cố nhân mãi miết việc đời,
Nhân nhân về khểnh ở nơi giang thành.
Chén khuyển tình đã tỏ tình.*

Nguyễn Quý Liêm

(1) *Chim hồng, chim học* : hai loại chim lớn thường bay rất cao, tượng trưng những người có chí lớn.

(2) *Hạc đen* : Theo truyền thuyết, chim hạc sống hai nghìn năm thì lông biến thành màu xanh, lại sống một nghìn năm nữa thì lông biến thành màu đen, gọi là huyền hạc, tượng trưng cho những người ẩn dật.

(3) *Chim vàng* : dịch chữ "hoàng đế", một loại chim nhỏ, chỉ những người tầm thường.

ĐĂNG HOÀNH SƠN

Sơn ngoại thanh sơn vạn lý trình,
Sơn biên dã thảo, tổng nhân hành.
Anh hùng mạc vấn thiên niên quốc,
Chinh chiến không tồn nhất lữ danh.
Bắc lĩnh đoạn vân thu túc vũ,
Nam trang sơ hiệu đãi tân tình.
Há sơn phản giác đăng sơn khổ,
Tự thán du du uỷ tục tình !

Dịch nghĩa :

LÊN NÚI HOÀNH SƠN

Ngoài non xanh lại non xanh, đường dài muôn dặm,
Đám cỏ dại bên chân núi, tiễn đưa người đi.
Người anh hùng không kéo lại được nước
đã nghìn năm⁽¹⁾,
Qua bao cuộc chiến tranh, chỉ còn sót lại
tên một cái lữ⁽²⁾.

(1) Ý nói một triều đại đã suy tàn, thì dù có người anh hùng cũng không cứu vãn lại được.

(2) *Tên một cái lữ* : Bên sườn Đèo Ngang có cái lữ cũ bằng đá gọi là thành Hối, do nước Chiêm Thành thời xưa xây, về sau quen gọi là thành Ông Ninh, vì tướng Trịnh là Trịnh Toàn (Ông Ninh) có sửa lại trong cuộc phân tranh Trịnh – Nguyễn.

Trên núi bắc, mây rời rạc, mưa dầm đã tạnh,
Xóm bên nam, buổi sớm mai, nhuộm ánh nắng mới.
Xuống hết núi mới biết lên núi là khó nhọc,
Ngâm ngùi cho mình cứ để thói đời lôi cuốn mãi.

Dịch thơ :

*Muôn dặm đường đi núi lẫn đồi
Bên non cỏ nội tiễn đưa người.
Ai tài kéo nước nghìn năm lại ?
Trăm trận còn tên một lũy thôi.
Ái bắc mây tan mưa dứt hạt,
Thôn nam nắng hửng sớm quang trời.
Xuống đèo mới biết lên đèo khổ,
Trần luy, sao đành để cuốn lôi.*

Nguyễn Quý Liêm

DỤC BÀN THẠCH KÍNH

Triều dăng Hoàn Sơn lập,
Mộ há Bàn kính dục.
Huế thủ lương phiên thạch,
Giang sơn bất dinh cục.

Dịch nghĩa :

TẮM Ở KHE BÀN THẠCH

Sớm lên đứng trên núi Hoành Sơn,
Chiều xuống tắm ở dòng khe Bàn Thạch.
Nhặt lấy mỗi nơi một viên đá,
Cả non sông không đầy một vốc tay.

Dịch thơ :

*Sáng lên Hoành Sơn trông,
Chiều xuống Bàn Thạch tắm.
Nhặt hòn đá mỗi nơi,
Núi sông không đầy nắm.*

Hoá Dân

SA (a) HÀNH ĐỂ ĐÔNG DU, KÝ MỘ LƯU TÚC

Giang đầu vọng cố hương,
Cố hương vị tu trở.
Như hà hành bất tiến,
Nhất bộ nhất diên trử ?

(a) *Sa* : cát, trong đầu đề này có bản chép là "xa" có nghĩa là *xe*, ngỡ sai, vì thuở ấy ở nước ta chưa có *xe*.

Phi quan pháp dư lệ,
Ninh vị đẳng trừ lữ.
Cận lai phụ tục luy,
Tráng đồ bán tiêu tử.
Thế lộ canh yên vân,
Nhân sự như hàn thử.
Vị hữu quả quan kỳ.
Sài môn tại hà hử ?
Bán mẫu cự điền viên.
Vu uest dĩ bất cử.
Thân thích nhật dĩ sơ,
Hà thường tóc phì trĩ ?
Niệm biệt trưởng tiên đồ.
Mặc mặc bất dục ngữ.
Nhật mộ vô định tung,
Do vi dị hương xứ.

Dịch nghĩa :

ĐI ĐƯỜNG BỘ ĐẾN LÀNG ĐÔNG DU, TRỜI TỐI NGỦ ĐỔ LẠI

Trên ngọn sông, trông về quê nhà,
Quê nhà không còn xa cách mấy.
Tại sao không tiến lên được,
Cứ mỗi bước lại ngập ngừng đứng lại ?

Chả phải vì thiếu người vồng cánh,
Cũng không phải vì đợi bè bạn.
Chỉ vì gần đây mang lấy tục luy,
Lòng hăng hái [khi trước] đã tiêu tan mất một nửa.
Đường đời như khói mây thay đổi,
Việc người như nóng, lạnh thất thường.
Chưa hẹn lúc nào treo mũ trở về,
Cửa sài sau này biết ở nơi nao ?
Nửa mẫu ruộng vườn xưa,
Cỏ rậm không ai nhìn đến.
Thân thích mỗi ngày một thừa,
Chả bao giờ được mổ dê béo mời mọc,
Nghĩ nổi biệt ly mà buồn cho bước đường phía trước.
Lẳng lẳng không buồn nói.
Trời đã tối mà vẫn không có chỗ dừng chân,
Còn phải ngủ trọ ở làng khác !

Dịch thơ :

*Đầu sông đứng ngóng quê hương
Quê hương đầu phải dặm trường xa xôi.
Cớ sao mãi chẳng tới nơi,
Vừa đi, vừa đứng bồi hồi tại sao ?
Thiếu người cánh vồng, phải đầu,
Cũng không chờ đợi bạn bầu, những ai.
Từ khi vướng lấy luy đời,
Nửa bầu máu nóng nhùng nhẽo dần.*

Đường đời biến ảo phong vân,
Việc đời ảm lạnh bao lần đổi thay,
Mũ treo còn chứa hẹn ngày,
Cổng sài nào biết sau này nơi nao !
Nghiep xưa vườn ruộng dăm sào,
Rêu hoang cỏ dại ai nào ngó coi !
Họ hàng người cũng thưa rồi,
Bữa cơm dưa muối thiết mời vẫn chưa.
Biệt ly biết đến bao giờ !
Thà im, im bật, nói ra ngại lời.
Trời tây bóng đã xế rồi,
Vẫn còn nấn ná quê người một thân.

Hoàng Tạo

TƯƠNG ĐÁO CỔ HƯƠNG

Cao cao mọc miên thụ,
Cổ cán hà thanh sơ !
Thiếu thiếu vọng thử bang,
Quyết hữu cao nhân lưu.
Trúc mật phú dư kính,
Thảo phong nhiều tiên trừ :
Bích chiếu hý tiêm lân,
Lục đẳng tú gia sơ.
Y tích truyền kinh xứ,
Yến tức thú hữu dư !

Thanh nhân duy thủ chuyết,
Ngô khế tại huyền hư.
Tự bão khuê tổ thượng.
Cách vi khâu hác cư
Tuế cửu vị quy khứ,
Chỉ ưng ụy giản thư.
Tiêu tiêu hoàn đảo thử,
Mạch mạch dục hà như ?
Tổ tâm kỳ bất phụ,
Lai giả khả truy dư ?

Dịch nghĩa :

SẮP ĐẾN QUÊ NHÀ

Cây gạo cao cao kia,
Gốc già mà ngọn thanh đẹp sao !
Xa xa trông vào trong làng,
Nơi có nhà bậc "cao nhân"⁽¹⁾ ở
Tre rậm che kín lối đi,
Cỏ tốt mọc quanh trước thềm.
Cá tung tăng lội trong ao nước biếc,
Lúa tốt xanh um khắp chốn ruộng đồng :
Đây xưa kia là nơi dạy học,
Nghỉ ngơi thú vị vô cùng.

(1) *Cao nhân* : bậc người cao cả. Ở đây tác giả cũng có ý nói "người họ Cao" theo lối chơi chữ để tự chỉ mình một cách bóng bẩy.

Thanh nhân cam phận vụng về,
Chí hướng của ta là ở nơi hư không xa tắp.
Từ khi ôm ấp chí hướng cầm ngọc khuê đeo dây ấn⁽¹⁾,
Mới xa rời nơi gò hang⁽²⁾.
Đã lâu năm chưa về,
Chỉ vì sợ mệnh lệnh nhà vua.
Bơ phờ nay lại về đây.
Ấm ức không biết nghĩ sao.
Ước ao không phụ tấm lòng xưa,
May ra sau này có thể không lỡ nữa.

Dịch thơ :

*Cao cao cây gạo đỏ,
Gốc cội ngọn thanh thanh.
Xa xa trông nẻo ấy,
Nhà ở bậc cao minh.
Trúc dày che lối hẻm,
Cỏ mượt bọc thêm quanh.
Ao trong cá vùng vẫy,
Lúa tốt đồng mông mênh.
Đây xưa nơi dạy học,
Đứng ngồi thừa rung rinh.*

(1) Ngọc khuê, dây ấn : chỉ người ra làm quan, cầm ngọc khuê, mang dây buộc ấn.

(2) Ý nói không về nơi ở ẩn.

*Thanh nhân cam vụng dại,
Hư không ấy chỉ mình.
Từ đèo bông danh lợi,
Nên xa cách non xanh.
Lâu lắm chưa về được,
Vì sợ lệnh thiên đình.
Bơ phờ nay trở lại,
Ấm ức nghĩ sao đành.
Sẵn lòng mong hãn được,
Tương lai nào ai tranh ?*

Khương Hữu Dụng

ĐỂ GIA

Song mấn tiêu tiêu bất tự tri,
Hương thôn chỉ điểm thị quy kỳ.
Mộc Miên điểm lý sương thu tảo,
Thiên mã hồ biên nhật thương trì (a).

(a) Lời chú của tác giả : "Ngã hương lộ nhập Trung Nghĩa lý môn tức quá Thiên Mã hồ bạn, vọng ngã gia cách viên nhĩ" (Đường về làng ta đi qua cổng làng Trung Nghĩa thì đến bờ hồ Thiên Mã, đứng đấy trông về nhà ta chỉ cách một khu vườn).

Lân hữu hốt phùng kinh sắc vấn,
Mẫu thân sạ kiến hỷ giao bi.
Bình sinh đa nạn kim trường hối,
Uý hướng gia nhân ngữ biệt ly.

Dịch nghĩa :

VỀ ĐẾN NHÀ

Mái tóc đã bơ phờ rồi mà mình vẫn không biết,
Nay là lúc được về trông thấy làng xóm.
Đây là điểm Cây Gạo, sương đã tan rồi⁽¹⁾,
Kia là hồ Ngựa trời, vắng ô đang lên chậm.
Bạn hàng xóm bất thành linh gặp nhau, sững sốt hỏi
thăm đôn dập,
Mẹ già chợt trông thấy con, mừng mừng tủi tủi.
Trước nay đã trải nhiều hoạn nạn rồi, từ đây xin chữa ;
Đối với người nhà không dám nhắc đến chữ "biệt ly" nữa.

Dịch thơ :

*Mái tóc bơ phờ sự chẳng dè,
Trở về nay lại thấy làng quê.
Điểm Cây Gạo đó sương vừa ngớt,
Hồ Ngựa trời đây nắng chữa hoe.
Hàng xóm xôn xao đôn chuyện hỏi,
Mẹ già mừng tủi thấy con về.*

(1) *Điểm Cây Gạo* : một cảnh ở quê hương tác giả.

*Đời gian nan mãi từ nay hối,
Bàn chuyện xa nhà dạ những e.*

Nguyễn Văn Tú

TÀN MÔNG HỒI BỘ, TUÝ TRUNG HỮU TÁC

Thiên khách hỷ quy quốc,
Minh thời phương hiếu văn.
Bất sầu cơ Mạn Thiến,
Trường tiểu lại Chu Vân.
Thiện bệnh ta cân lực,
Vô tài quý điển phần.
Đối nhân thời tự khiển,
Bạc chúc thủ vi huân.

Dịch nghĩa :

MỚI ĐƯỢC VỀ BỘ, LÀM TRONG KHI SAY

Kẻ bị dày mừng được về nước,
Đời thịnh đang chuộng văn chương⁽¹⁾.

(1) Sau khi "xuất dương hiệu lực" ở Giang Lưu Ba về, tác giả lại được giữ chức Hành tẩu ở Bộ Lễ.

Không lo Mạn Thiến⁽¹⁾ đói,
Vẫn buồn cười Chu Văn⁽²⁾ mà còn được làm quan.
Hay ốm, những than phiền cho gân sức,
Chẳng tài năng gì, nhìn sách vở mà then.
Đối với mọi người, thường tìm cách làm khuây.
Nhấp chút rượu cốt cho ngà ngà say !

Dịch thơ :

*Khách xa mình được trở về,
Đang khi đời thịnh trọng nghề nghiệp văn.
Chẳng lo Mạn Thiến thiếu ăn,
Nực cười chúc cũ Chu Văn còn dùng,
Yếu đau gân cốt đã chùng,
Vô tài sách vở nghĩ lòng then thay !
Với đời thường muốn làm khuây,
Đốc xoàng đôi chén say say đủ rồi.*

Nguyễn Quý Liêm

(1) *Mạn Thiến* : tên tự của Đông Phương Sóc, người đời Hán Vũ Đế. Khi Sóc so sánh lương bổng với viên quan chèo lùn, ông nói : "Anh lùn kia, hình thù cao già ba thước, ăn lương một bao thóc 240 đồng tiền. Sóc tôi đây mình cao chín thước mà lương cũng một bao thóc và 240 đồng tiền, anh lùn đến chết no mất, mà Sóc tôi đến chết đói mất".

(2) *Chu Văn* : người nước Lỗ đời Thành Đế nhà Hán, làm quan lệnh ở Hoà Lý, dâng sớ xin chém bọn nịnh thần là lữ Vương Vũ. Thành Đế giận, sai đem chém, quan ngự sử lới Văn đi, Văn nứ vào cái chân song, chái, song bị gãy ; sau có người trình bày cứu Văn, Thành Đế tỉnh ngộ, rồi không cho chữa cái chân song gãy và nói : cứ để đấy để nêu khí tiết của người bẻ tôi trung trực, và vẫn để Chu Văn làm quan.

MÔNG ĐẮC HỎI BỎ HÀN LÂM, LÂM HÀNH CHƯ ĐỆ TỬ TUƠNG TIỀN, NHÂN THỦ TIỀN VẬN VI BIỆT

Bà duệ thu phong bộ khước trì,
Nhược vi hỏi thủ Điện giang ky (cơ).
Vương tôn lộ viễn mê phương thảo,
Xử sĩ môn thâm yếm thủy vi.
Lỗ quốc tối liên Văn Cử trực,
Huệ nhân thủy tích Tử Chiêm quy.
Tướng ứng biệt hậu dao tương ước,
Nhật nhật Hương kiều kỷ diễn y ?

Dịch nghĩa :

ĐƯỢC THA LẠI BỎ VÀO VIỆN HÀN LÂM, SẮP KHỞI HÀNH, CÁC HỌC TRÒ ĐI TIỀN, THEO VÂN CÚ VIẾT ĐỂ TỪ BIỆT

Nú áo trước làn gió thu, bước đi dừng dằng,
Đường như còn ngoảnh đầu lại tiếc hờn đá ngồi cầu
bên dòng sông Điện⁽¹⁾.
Đường đi của vương tôn⁽²⁾ xa tít, cỏ mọc lờ mờ,
Cửa nhà xử sĩ sâu thăm, khí núi phủ kín.

(1) *Sông Điện* : chưa rõ đích xác chỉ sông nào.

(2) *Vương tôn* : chỉ những người trai trẻ lỗi lạc. Bạch Cư Dị, thi hào Đường, trong bài thơ *Thảo* có nói : "Viễn phương xâm cổ đạo, tình thủy tiếp hoàng thành, hựu tống vương tôn khứ, thê thê mãn biệt tình" (... Đàng xa cỏ mọc lẫn cả ra đường cái, khi tanh trời trông xanh mướt đến tận bức thành hoang. Gặp buổi tiễn đưa khách vương tôn, man mác đầy tình ly biệt).

Nước Lỗ rất mến ông Văn Cử⁽¹⁾ là người thẳng,
Người châu Huệ nào ai tiếc ông Tử Chiêm⁽²⁾ phải truất về ?
Thiệt tường sau khi chia tay, xa xôi nhớ nhau,
Không biết bên cầu sông Hương ngày ngày mấy lần
cố áo⁽³⁾.

Dịch thơ :

*Núi áo chiều thu bước nặng nề,
Hòn cầu sông Điện ngó còn kia.
Vương tôn cỏ lú đường xa tít,
Xử sĩ nhà sâu núi khuất che.
Lỗ quốc những thương Văn Cử thẳng,
Huệ Châu ai tiếc Tử Chiêm về.
Xa nhau chắc hẳn ngày mong nhớ,
Cố áo cầu Hương sẽ lắm khi !*

Khương Hữu Dụng

(1) *Văn Cử* : tên tự của Khổng Dung, người nước Lỗ, vì tính cương trực mất lòng Tào Tháo mà bị hại.

(2) *Tử Chiêm* : tức Tô Thức, biệt hiệu là Đông Pha, văn hào thời Tống, cũng vì tính cương trực bài xích tàn pháp của Vương An Thạch, bị đày đi xa, khi làm quan ở Huệ Châu, ông vẫn giữ tính ấy, nên lại phải đày đi Quỳnh Châu và Thường Châu.

(3) *Đồ Phủ* : thi hào thời Đường, rất nghèo, trong bài thơ *Khúc giang* có những câu "Triều hồi nhật nhật điển xuân y - Mỗi nhật giang đầu tận túy quy". (Ở triều về, ngày ngày cố áo xuân - Hôm nào cũng uống thực say ở bên sông mới về). Tác giả dùng thoát ý hai câu thơ này. Ý nói tuy lại được bổ vào Viện Hàn lâm nhưng vẫn trong cảnh nghèo nàn, khi nhớ nhau muốn uống rượu làm khuấy, thì chỉ có cách làm như Đồ Phủ là cố áo lấy tiền mua rượu, mà còn không biết mỗi ngày cố đến mấy lần.

**CHÂU HÀNH HÀ THANH KHÊ,
NHÂN CỐ NHÂN KÝ BIỆT
TÔNG DU CHƯ ĐỆ TỬ**

Chư tử phục bất xả,
Luyện luyện tông ngã du,
Thần tịch ý vị thiệp,
Tái tử tuỳ khinh chu.
Ngũ Hành tại chỉ xích,
Tương vọng các di du.
Thảo thảo thiệp sơn kính,
Đổ thử niệm minh sư.
Trưởng nhiên tâm thường vi,
Hận dữ thanh giang lưu.
Nhân sinh cảm ý khí,
Tụ tán khởi tự mưu.
Ngô thi cố thường vân :
Ngã sơ vô hành lưu.
Cố nhân Đạt Thuận ông,
Tống ngã khước trạo đầu.
Nhân thanh tạ bằng lữ,
Phiến tác trí thư bưu.
Vân quan khứ bất viễn,
Hồi thủ vân du du !
Ứng liên nhất phiến nguyệt,
Dạ dạ đáo ngân câu.

Dịch nghĩa :

THUYỀN XUÔI THANH KHÊ, NHÂN CÓ NGƯỜI QUEN GỬI LỜI TỪ BIỆT CÁC HỌC TRÒ

Các anh vẫn chưa chịu chia tay,
Cứ quần quýt đi theo tôi mãi.
Hết sớm lại chiều vẫn chưa thoả lòng,
Lại còn tải rượu theo thuyền tôi.
Núi Ngũ Hành⁽¹⁾ chỉ cách gang tấc,
Nhìn nhau đều tỏ vẻ dửng dăng.
Rối rảo bước đi lên sườn núi,
Định bụng cứ lần mò mà đi.
Bỗng lòng bùi ngùi mất hứng thú,
Mối hận tràn theo dòng sông trong.
Ở đời người ta cảm nhau vì ý khí,
Sum họp hay chia phôi, mình có tính lấy được đâu.
Trong thơ tôi đã từng nói :
Tôi chả bao giờ định ra đi hay ở lại⁽²⁾.
Nay ông bạn Đạt Thuận,
Đi tiền tôi rồi trở về.

(1) *Ngũ Hành* : tên một dãy núi bên bờ sông Hàn, gần cửa biển Đà Nẵng, một cảnh đẹp nổi tiếng của tỉnh Quảng Nam.

(2) Trong bài *Trường giang thiên*, tác giả đã nói : "Ngô vô hành dã, diệc vô lưu" (Ta không định đi, cũng không định ở).

Tiện gửi lời cảm ơn các bạn,
Dám phiền ông làm trạm chuyển thư.
Đèo Hải Vân⁽¹⁾ không còn xa mấy,
Ngoảnh đầu lại thấy mây bay lững lờ.
Đáng yêu một mảnh trăng kia,
Cứ đêm đêm soi hoài trên đồng bạc.

Dịch thơ :

*Các anh không nỡ dứt,
Vân quán quýt chẳng dời.
Sớm chiều cũng chưa thoả,
Tải rượu theo thuyền tôi.
Núi Ngũ Hành gang tấc,
Nhìn nhau những bồi hồi.
Giảm hờ theo lối đá,
Mò mẫm định tìm nơi.
Bỗng đang vui hoá tẻ,
Mối hận theo dòng xuôi.
Cảm nhau vì ý khí,
Tan hợp mặc cơ trời.
Trong thơ tôi từng nói :
Chẳng định tiến hay lui.*

(1) *Hải Vân* : một dãy núi cao giáp bể, phân cách hai tỉnh Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam. Ở đầu núi có cửa ải tên là Hải Vân quan.

*Nhân có bác Đạt Thuận,
Tiễn rồi thuyền quay mũi.
Gửi tạ lòng các bạn,
Nhờ bác chuyển giùm lời.
Ngoảnh nhìn ai Mây nọ,
Ngàn mây trời vẫn trời !
Đa tình có chị Nguyệt,
Dòng bạc đêm đêm soi !*

Hoàng Tào

**PHỤNG HOẠ KINH DOÃN
NGUYỄN CÔNG THẮT THẬP THỌ,
THỨ VẠN**

Quần sơn nam vọng độc chi di,
Dao tướng tiên sinh vị lão thì,
Tự cổ anh hùng ngộ thường dị,
Tức kim xỷ đức kiến chân hy.
Bão thường thế vị chung tu tử,
Đoạn cảm sương hoa bất thương tỳ !
Văn đạo Hồng phong dục hồi thủ,
Khởi ung lục thập cửu niên phi !

Dịch nghĩa :

HOA BÀI THƠ THỌ BẢY MƯƠI TUỔI CỦA ÔNG KINH DOÃN HỌ NGUYỄN⁽¹⁾

Một mình ngồi chống tay vào cằm, nhìn về các núi
phía nam,
Xa tường đến hồi tiên sinh còn chưa già.
Sự gặp gỡ của bậc anh hùng từ xưa vẫn khác thường,
Những người tuổi cao đức cả [như tiên sinh]
ngày nay thật hiếm.
Mùi đời đã nếm đủ rồi, rốt cuộc vẫn cần đến rượu,
Cắm ngạt hoa sương không cho bén vào râu.
Nghe nói người muốn quay về ngọn núi Hồng⁽²⁾,
Có lẽ nào sáu mươi chín năm qua đều là sai cả ?

Dịch thơ :

*Non nam một dải ngó xa xa,
Nhớ lại tiên sinh lúc chưa già.*

(1) *Kinh doãn họ Nguyễn* : tức Nguyễn Công Trứ, làm Thừa Thiên phủ doãn, năm 70 tuổi (1848) cáo lão về hưu có làm bài thơ tự thọ, được nhiều người hoạ lại.

(2) *Núi Hồng* : tức núi Hồng Lĩnh, một ngọn núi nổi tiếng thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

*Từ trước anh hùng nhiều chuyện lạ,
Đời nay xiết đặng thấy ai chưa ?
Mùi đời nếm chán cần thêm rượu,
Râu mép phun nhiều cảm điểm hoa.
Nghe nói non Hồng sắp trở lại,
Lẽ nào lăm cả những năm qua !*

Trúc Khê

(Cao Bá Quát – Danh nhân truyền ký

Trúc Khê thư xã – 1952)

ĐỀ SÁT VIỆN BÙI CÔNG YÊN ĐÀI ANH NGŨ KHÚC HẬU

Hành, Nhạc, Thái Hằng thiên hạ sơn,
Hoàng Hà, Giang, Hán thiên hạ thủy.
Thủy khiến tam xích thành sàng gian,
Điệp điệp, trùng trùng kiến lưu trĩ ?
Thử trung vô số thánh, hiền, hào,
Dữ ngã lại vãng tảo tri kỷ.
Bệnh trung hốt toạ, toạ hốt khí (khởi),
Hạp ngô lương mục, bế ngô nhĩ.
Trùng thần địch lự mặc dĩ du,
Nhược thân ngô lịch, tức ngô lý.

Khởi dư giá thủy ? Bùì sứ quân !
Cước để giang sơn vạn dư lý.
Quy lai mãn phúc trử đồ thư.
Đốt đốt nam nhi chân khoái sự !
Ta ngã bế hộ điều trùng, xỉ khẩu giáo văn tự,
Hữu như xích hoạch lượng thiên địa.
Tự tòng phiếm hải lịch Ba Sơn,
Thủy giác lục hợp hà mang mang !
Hương tích văn chương đẳng nhi hỷ !
Thế gian thủy thị chân nam tử (từ) ?
Uổng cá bình sinh độc thư sử.
Yên Đài sứ giả lão thế đồ,
Thượng học anh ngôn, dục hà xĩ ?
Quân bất kiến :
Cao ngoạ thất trung quyền du sĩ ?
Tứ bích danh sơn lạn như ý.
Cầm, Hương cao tung mịch bất phan,
Nhất danh cơ bạn trường như thử !
Ô hô ! Nhất danh cơ bạn trường như thử !
Bạch phát, thanh bào, ngô lão hỹ !

Dịch nghĩa :

ĐỀ SAU KHÚC YÊN ĐÀI ANH NGŨ CỦA ÔNG ĐÓ SÁT HỌ BÙI⁽¹⁾

Hành, Nhạc và Thái Hàng là những núi nổi tiếng
trong thiên hạ⁽²⁾,

Hoàng Hà và Giang, Hán là những sông nổi tiếng
trong thiên hạ⁽³⁾.

Vì ai mà kẻ ở quanh cái vòng ba thước này,
Lại được thấy cảnh sông núi trùng trùng điệp điệp ?

Trong ấy có vô số các bậc thánh hiền, hào kiệt,

Cùng đi lại với ta và thành bạn tri kỷ cả,

Rồi bỗng, đang ốm, ngồi nhồm đậy, đứng phắt lên,

Nhắm hai mắt lại, bịt hai tai lại.

Tinh thần lắng xuống, ý nghĩa sạch lảng, lặng lẽ cho
tâm hồn rong ruổi,

Tưởng như chính mình bước chân đến tận nơi ấy.

(1) *Ông Đố sát họ Bùi* : tức Bùi Ngọc Quỳ, người huyện Tiên Lữ, trấn Sơn Nam (nay là tỉnh Bắc Ninh) đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu đời Minh Mệnh (1830), làm Tổng đốc Bình Phú, năm đầu đời Tự Đức (1848) sang sứ nhà Thanh. Còn để lại tập *Yên Đài anh ngữ* và nhiều văn thơ khác.

(2) *Hành, Nhạc, Thái Hàng* (Hành Sơn, Nhạc Sơn và Ngũ Hành Sơn) : những núi nổi tiếng của Trung Quốc.

(3) *Hoàng Hà, Giang, Hán* (*Hoàng Hà* : con sông dài ở Trung Quốc. *Giang, Hán* tức Trường Giang và Hán Thủy) : cũng là những sông nổi tiếng của Trung Quốc.

Người làm cho ta phấn khởi như thế là ai ? Là ông sứ
họ Bùi !

[Ông là người] vết chân đã in khắp trên non sông
muôn dặm.

Khi trở về trong bụng chứa đầy sách vở,
Chà chà ! Làm trai như thế mới thật là khoái !
Đáng phen nản cho ta chỉ đóng cửa mà gọt giũa câu văn,
Lải nhải nhai lại từng câu, từng chữ.
Có khác chi con sâu đo⁽¹⁾ muốn đo cả đất trời ?
Từ khi vượt bể qua đất Ba Sơn⁽²⁾,
Mới cảm thấy vũ trụ là bao la.
Chuyện văn chương trước đây thực là trò trẻ con !
Trong thế gian này có ai thật là bậc tài trai,
Mà lại phí cả một đời đọc mấy pho sách cũ ?
Ông sứ Yên Đài, người đã lão luyện trên đường đời.
Còn mong gì nữa mà phải : học lời con trẻ ?
Ông há chẳng thấy :
Có kẻ chơi đã chôn chân, về nằm khểnh trong nhà,
Bốn bề đầy những núi đẹp như gấm vóc.

(1) *Sâu đo* : loài sâu nhỏ màu xanh, khi bò, vươn mình lên rồi lại co mình lại như để đo chiều dài, nên gọi thế.

(2) *Ba Sơn* : chỉ xứ Giang Lưu Ba, nơi tác giả được phái đi hiệu lực trong một sứ đoàn.

Mà không dám noi theo vết chân cao thượng của
họ Cẩm, họ Hưởng⁽¹⁾,

Một chút danh cứ ràng buộc mãi thế này !
Than ôi ! Một chút danh cứ ràng buộc mãi thế này !
Bạc đầu với chiếc áo xanh. Ta già mất rồi !

Dịch thơ :

*Núi cao nhất : Thái Sơn, Hành, Nhạc !
Sông : Hoàng Hà, Giang, Hán đầu bì !
Sống quanh bên ba thước vòng treo kia,
Mây trùng điệp nước đẹp non kỳ đều được thấy.
Bao hào kiệt thánh hiền trong ấy,
Cùng với ta, hết thấy bạn bè quen.
Đang ốm nằm, bỗng ngồi dậy, rồi đứng lên,
Bưng tai lại, nhắm nghiền hai mắt lại.
Lắng tinh thần, sạch lòng bao nghĩ ngợi,
Im lìm mà như tới cõi thần tiên.*

(1) *Cẩm, Hưởng* : Cẩm Khánh và Hưởng Trường, hai cao sĩ thời Hậu Hán. Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Cẩm Khánh không chịu làm quan với Mãng bỏ về đi ẩn. Hưởng Trường nhà nghèo, học rộng, thường nói : "Ta đã biết giàu không bằng nghèo, sang không bằng hèn, chỉ chưa biết chết có bằng sống hay không thôi". Khi con trai, con gái ông đều có vợ có chồng cả rồi, ông liền kết giao với Cẩm Khánh cùng đi chơi núi Ngũ Nhạc và các núi có tiếng trong thiên hạ.

Ai làm nức lòng ta ? Ông Đô sát họ Bùi !
Ngoài muôn dặm nước non, người đã trải.
Đây bụng đồ thư khi trở lại,
Lạ lòng sao : Chà việc khoái của tài trai !
Ngán cho mình đóng cửa nhai văn, nhám chữ bấy lâu rồi,
Sầu do nợ, những đòi đo thế giới !
Từ vượt bể qua Ba Sơn đất mới,
Bình mắt trông, ôi ! Sáu cõi mệnh mang !
Rõ trò chơi từ trước chuyện văn chương,
Khách nam tử ai sống sông bằng sách vở ?
Ông Đô sát già đời trên thế lộ,
Lời "anh ngôn" còn học nữa, đợi chờ chi ?
 Chẳng thấy ru ?
Gã chồn chân nằm khểnh xó nhà kia,
Đáy núi đẹp bốn bề như gấm vóc,
Dấu Cẩm, Hương cao xa khôn nổi gót,
Một chút "danh" ràng buộc mãi không thôi,
Than ôi !
Một chút "danh" ràng buộc mãi không thôi,
Áo xanh, tóc bạc... già rồi !

Hoàng Tào

**LƯU VIỆN DU NGUYỆT,
VĂN ĐẮC TÀI PHÁT ĐÀ NẰNG,
THỊ DẠ ĐỒNG VŨ HOÀI PHỦ THỐNG ẨM**

Thử sinh quy lộ chuyển du du (a),
Lão khứ văn chương bất tự mưu.
Trục khách dĩ an tiêu tử cước,
Thị ông nhưng thị phối quân đầu.
Hương kiều phong vũ nan vi dạ,
Đà tấn văn sơn tiệm giác thu.
Tha nhật sâu tâm đãi quân ký,
Ngũ Khê minh nguyệt Dạ Lang châu.

Dịch nghĩa :

**Ở VIỆN HƠN MỘT THÁNG,
ĐƯỢC TIN LẠI PHẢI PHÁT PHỐI ĐI ĐÀ NẰNG,
ĐÊM ẤY CÙNG ÔNG VŨ HOÀI PHỦ⁽¹⁾
UỐNG RƯỢU THỰC SAY**

Đời ta từ đây nhìn con đường về, trở thành xa lắc !
Về già văn chương không mưu tính được việc gì
cho mình.

(a) *Du du* : có bản chép là *sầu sầu*.

(1) *Vũ Hoài Phủ* tức Vũ Hữu Ái, người làng Thạch Lỗi, huyện Cẩm Phong, nay là huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, đỗ cử nhân khoa Tân Mão năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), đồng khoa với tác giả, làm Tri phủ Vĩnh Tường, rồi thăng Đốc học tỉnh Thanh Hoá.

Kẻ bị trục đã yên phận làm chân anh kiếm củi⁽¹⁾,
 Nhưng nhà thơ vẫn mang cái đầu có tướng chú lính
 bị đầy⁽²⁾.
 Gió mưa trên cầu sông Hương, đêm chẳng thành đêm !
 Mây núi cửa Đà Nẵng đã cảm thấy hơi thu đến dần.
 Rồi đây tôi chờ bác gửi cho tấm lòng tương nhớ !
 Trong ánh trăng sáng Ngũ Khê trên con thuyền
 Dạ Lang⁽³⁾.

(1) *Chân anh kiếm củi* (tiêu tứ cước) : chưa rõ dùng điển gì.

(2) *Đầu có tướng anh lính bị đầy* : Lời chú của tác giả : "Sách *Thụy quế đường hủ lục* chép : có người xem tướng Tô Đông Pha bảo ông có đôi mắt học sĩ, nửa cái đầu của người lính bị đầy, ngày sau văn chương nổi tiếng, song không tránh được cái nạn phải đầy đi nay đây mai đó".

(3) Lý Bạch thời Đường tiễn Vương Xương Linh bị giáng chức đổi đi Long Tiêu có câu thơ rằng :

"Dương hoa lạc tận tử quy đế,
 Vân đạo Long Tiêu quá Ngũ Khê.
 Ngã ký sáu tâm dữ minh nguyệt,
 Tuỳ quân trục đảo Dạ Lang tề".

(Hoa dương liễu rụng hết, chim quốc đã kêu,
 Nghe nói đường đi Long Tiêu phải qua Năm khe.
 Tôi gửi ánh trăng sáng nỗi lòng tương nhớ của tôi,
 Để được theo bác đến tận phía tây xứ Dạ Lang).

Ngũ Khê và *Dạ Lang* đều là những nơi rất xa của Trung Quốc xưa. Tác giả mượn để chỉ nơi mà mình sắp bị đầy đến, tức là xứ Đà Nẵng thuở ấy !

Dịch thơ :

*Đường về dằng dặc ngấm đời ta,
Chữ nghĩa toan chỉ lúc tuổi già.
Phận trực dành chân anh kiếm củi,
Đầu thơ còn tướng lính đầy xa.
Hương kiều mưa gió đêm thao thức,
Đà tấn non mây thu lững lờ !
Một tấm lòng sáu chữ bác giải :
Năm khe thuyền Dạ bóng trắng đưa.*

Xuân Trang

TỨC SỰ

(Dư dĩ sự tiên phó thú sở, bất linh bộ bàng.
Hình than Bùi công dĩ việť độ quan tân tứ vấn,
tương phục nghị cập)

Tiêu táp tây phong ý,
Tiên thu vấn trực thần.
Xuất môn lưu nhĩn cửu,
Tức sự phủng tâm tân.
Suy bạch thiên tâm ngã,
Gian ngu sảo thức nhân.
Tiểu khan Đà hải thủy,
Ba lãng bảo tri tân.

Dịch nghĩa :

TỨC SỰ

(Ta vì có việc, đến trước ngay nơi đi thú,
không đợi giấy của Bộ cấp. Ông Bù là tham tri Bộ Hình
cho là thiện tiện vượt qua hải quan, tư hỏi, toan lại bất tội)

Gió tây đã có ý hiu hắt,
Thu chưa tới đã đến thăm người bẽ tôi bị trục.
Bước ra cửa, đã để mắt coi chừng,
Việc tới nơi mới ôm bụng đau xót.
Sức hèn tóc bạc cứ tìm đến với ta,
Có gặp khó khăn, lo sợ, mới biết thêm được người.
Cười nhìn nước cửa bể Đà Nẵng,
Những sóng cùng gió đã làm cho ta càng biết được
bờ bến nhiều hơn.

Dịch thơ :

*Gió tây vội hiu hắt,
Thăm người bị bỏ rơi.
Bước ra để mắt kỹ,
Việc đến ôm bụng hoài.
Già ốm riêng tìm khách,
Gian nan mới biết người.
Cười nhìn bến Đà Nẵng,
Sóng gió quen nhau rồi.*

Nguyễn Văn Tú

DU HỘI AN PHÙNG VỊ THÀNH CA GIẢ

Cộng thân tương phùng văn,
Tương phùng thị khách trung.
Quản huyền kim dạ nguyệt,
Hương quốc kỷ thu phong.
Lệ tận tôn nhung lục,
Tâm hồi chúc tự hồng,
Cực du phương lạc lạc,
Nhất khúc mặc từ chung !

Dịch nghĩa :

CHƠI PHỐ HỘI AN, GẶP NGƯỜI ĐÀO HÁT THÀNH VỊ⁽¹⁾

Cùng thân thờ gặp nhau đã muộn,
Mà gặp nhau lại ở nơi đất khách,
Tiếng đàn tiếng sáo dưới ánh trăng đêm nay,
Quê hương xa cách đã trải mấy độ gió thu rồi.
Nước mắt dù cạn, bình rượu vẫn còn,
Lửa lòng đã tắt, ngọn đèn cứ cháy.
Lúc này bạn chơi cũ chả còn mấy người,
Hẹp chi mà không cho nghe trọn khúc hát !

(1) *Thành Vị* : tên gọi xưa của thành phố Nam Định. Vị ở đó có sông Vị Hoàng chảy qua nên gọi là Vị thành.

Dịch thơ :

*Bây giờ mới gặp nhau,
Gặp nhau nơi đất khách.
Trúc tơ đêm trăng này,
Đất nước mấy thu cách.
Lệ cạn rượu còn đầy,
Đèn còn lòng nỡ tắt ?
Bạn bè lưa thưa dần,
Tiếc gì nhau khúc hát !*

Hoàng Tạo

ĐỒNG BUI NHỊ MINH TRỌNG TRÀ GIANG DẠ BẠC

Nhược lãng nguy can tổ lãng trì,
Cao sư thôi hoán bạc tiền ky.
Sa hồi giang tự sâu trường khúc,
Mộ tĩnh phong như tửu lực vi.
Dị địa bất cảm Vương Xán cảm,
Đương niên thủy phóng Thái Ung quy ?
Đồng du mạn thán tương phùng văn,
Tiền chúc luân tâm lệ tiễn y.

Dịch nghĩa :

CÙNG BÙI NHỊ MINH TRỌNG ĐÊM ĐẬU THUYỀN BÊN SÔNG TRÀ⁽¹⁾

Dây mảnh, sào yếu, ngược sông đi rất chậm,
Bác lái giục thuyền đậu vào bến đá phía trước.
Bãi cát uốn quanh, khúc sông trông như khúc ruột
quặn đau,
Buổi chiều lặng lẽ, sức gió nhẹ như hơi men phảng phất.
Nơi đất khách khôn ngăn được nỗi cảm của Vương Xán⁽²⁾,
Tưởng khi ấy ai đã chịu để cho Thái Ung về⁽³⁾.
Bạn đồng du, những than hoài là gặp nhau đã muộn,
Khêu ngọn đèn, nói chuyện tâm sự mà lệ rẩy khắp áo !

Dịch thơ :

*Sào non, dây mảnh ngược lâu thay !
Chú lái hò nhau đỗ bến này.*

(1) *Bùi Nhị Minh* tức Bùi Minh Trọng : chưa biết là ai. *Sông Trà* : sông Trà Khúc thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

(2) *Vương Xán* : tự là Trọng Tuyên, người nước Ngụy, thời Tam quốc, khi ở Kinh Châu với Lưu Biểu có bài phú *Đăng lâu* (lên lầu) nói lên tình nhớ nhà.

(3) *Thái Ung* : tự là Bá Giai, một học giả đời Hán Linh Đế. Khi ấy Đồng Trác, một tay đại gian hùng, làm tướng quốc âm mưu cướp ngôi nhà Hán, muốn thu phục nhân tâm, vời Thái Ung ra làm quan. Ung không ra, Trác doạ giết cả họ, Ung sợ, phải ra làm chức Trung lang tướng. Trác đổ, Ung bị giam, chết trong ngục.

*Bãi uốn, sông như sáu quận khúc,
Tối chìm, gió tựa rượu hơi say.
Thái Ung năm ấy về ai để ?
Vương Xán hôn quê rộn lúc này.
Cùng hội cùng thuyền than gặp muộn,
Khêu đèn tám sự lệ rơi đầy.*

Hoa Bằng

TRÀ GIANG THU NGUYỆT CA

(Tặng Bảo Xuyên ông chi An Giang quân thứ)

Trà giang nguyệt,
Kim dạ vị thủy thanh ?
Quan sơn vạn lý hạo nhất sắc.
Hà xứ bất hệ ly nhân tình ?
Cử bôi thí yêu nguyệt,
Nguyệt nhập bôi trung hành.
Hàm bôi dục yết cánh phi khứ,
Chỉ hữu nhân ảnh tương tung hoành.
Đỉnh bôi thả phục trí,
Hựu kiến cô quang sinh.
Vấn quân hà sự luyến luyến bất nhân xả ?
Ngã thị Trúc Lâm cùng đồ chi Bộ binh !
Giang đầu thử tịch phùng thu tiết,

Từu mãn tu khuynh vị quân thuyết :
Đà môn cựu lữ Tôn Chân ông,
Cần hải minh tiên hiệu tương biệt.
Tạc dạ kim phong há thiên khuyết,
Bạch lộ, thanh sương sảo xâm cốt,
Nhân sinh hội ngộ an khả thường ?
Hữu tửu thả ẩm Trà giang nguyệt !
Trà giang nguyệt !
Nhu kính há ngân lưu,
Trương phu án kiếm khứ tiệp khứ,
Kỳ lộ vô vi nhi nữ sầu !

Dịch nghĩa :

BÀI CA "TRĂNG THU SÔNG TRÀ"

(Tặng bác Bảo Xuyên đi quân thứ ở An Giang)

Trăng sông Trà !
Đêm nay vì ai mà trong trẻo ?
Muôn dặm quan sơn một màu trắng xoá,
Chỗ nào là chỗ không vướng vít tình người biệt ly ?
Cất chén thử mời trăng,
Trăng vào đi trong chén.
Ngậm chén toan uống thì trăng lại biến mất,
Chỉ còn có bóng người dọc ngang.
Ngừng chén và đặt xuống,
Thì lại thấy vầng sáng le lói hiện ra.

Hỏi trăng vì sao cứ quẩn luyến không nở bỏ ?
Ta chỉ là anh bộ binh gặp bước đường cùng trong
bọn Trúc Lâm⁽¹⁾

Tối nay, gặp tiết thu trên ngọn sông,
Muốn nghiêng bầu rượu đầy để nói cho trăng biết :
Bạn cũ của ta ở cửa Đà Nẵng là bác Tôn Chân,
Đến sáng mai sẽ thúc ngựa đi cửa bể Cần Giờ.
Đêm trước, gió vàng đã từ cửa nhà trời thổi xuống,
Móc trắng sương trong đã bắt đầu lạnh buốt đến xương.
Ồ đời muốn gặp gỡ nhau luôn không được,
Có rượu đây, hãy uống với trăng sông Trà,
Trăng sông Trà,
Như tấm gương dằm dưới dòng nước bạc,
Là người trượng phu đã chống gươm đi thì đi thẳng,
Chẳng bắt chước như đàn bà, con trẻ bịn rịn trong
lúc phân kỳ !

Dịch thơ :

*Trăng sông Trà !
Đêm nay vì ai mà trong sáng ?*

(1) *Bộ binh* : Nguyễn Tịch thời Tấn, tính phóng đạt, thường uống rượu say liên miên. Nghe nói trong trại Bộ Binh có nhiều rượu ngon, liền xin vào làm hiệu uý để được uống. Vì thế người ta gọi là Nguyễn Bộ Binh. Tịch cùng với bọn Kê Khang, Sơn Đào,... gồm bảy người thường đi chơi Trúc Lâm. Bấy giờ gọi là *Trúc Lâm thất hiền*. Tịch thường đi chơi rất xa, hễ đến cùng đường thì khóc mà trở về.

Muôn dặm quan sơn trắng xoá một màu,
Khắp nơi vương vấn tình người xa nhau.
Cất chén thủ mời trăng,
Trăng vào đi trong chén.
Đỡ chén lên môi, trăng vụt biến,
Chỉ còn bóng người đang dọc ngang.
Ngừng chén và đặt xuống,
Trăng hiện về, bóng lại long lanh.
Hỏi trăng : Vì sao quyến luyến đi không nỡ ?
Ta chỉ là anh bộ binh trong bọn Trúc Lâm gặp
bước đường cùng.

Tối nay thu sang trên đầu sông,
Muốn nghiêng bầu rượu cùng trăng nói :
Tồn Chân bạn cũ cửa sông Đà,
Sớm mai quật ngựa bể Cẩn xa !
Gió vàng đêm qua, từ cửa trời thổi xuống,
Mọc trắng sương trong lạnh buốt xương da,
Đời người gặp gỡ nhau được mấy ?
Có rượu hãy uống với trăng sông Trà.

Trăng sông Trà !
Như tấm gương soi dòng nước bạc.
Trượng phu chóng kiếm đi thì đi,
Đừng buồn như đàn bà trong lúc phân ly.

Vũ Khiêu

HOÀNH SƠN QUAN

Địa biểu lập sần nhan,
Liên phong đảo hải gian.
Bách niên khan cổ lũy,
Thiên lý nhập trùng quan.
Túc điều sơ đầu thụ,
Quy vân bán ủng sơn.
Trì trì Tô Quý Tử,
Cửu tề vị tri hoàn.

Dịch nghĩa :

ÁI HOÀNH SƠN⁽¹⁾

Những núi tiêu biểu của đất nước đứng cao chót vót,
Từng dãy nối liền nhau đến sát tận bể.
Kia là toà thành cũ⁽²⁾ xây tự trăm năm,
Đường dài nghìn dặm đi thẳng vào mấy lần cửa ải.
Chim tìm tổ lác đác bay vào lùm cây,
Những đám mây bay về, một nửa đã ôm bên sườn núi.
Chàng Quý Tử họ Tô⁽³⁾ còn lẫn lửa mãi,
Áo cừ rách rồi còn chưa biết bao giờ về.

(1) *Ái Hoành Sơn* : cửa ải ở trên núi Hoành Sơn, tục gọi Đèo Ngang.

(2) *Toà thành cũ* : tức Thành Hối, sau gọi là thành Ông Ninh, ở sườn Đèo Ngang.

(3) *Chàng Quý Tử họ Tô* : tức là Tô Tần, một tay du thuyết thời Chiến quốc, có lần sang thuyết Tần Huệ vương không đất, ở nấn ná tại đất Lạc Dương, đến nỗi tấm áo mặc khi ra đi đã rách toét mới đi bộ trở về nhà.

Dịch thơ :

*Non cao nêu đất nước,
Liên một dãy ra khơi.
Thành cũ trăm năm vững,
Ái xa nghìn dặm dài.
Chim về rừng lác đác,
Mây bám núi chơi vơi.
Chàng Tô nấn ná mãi,
Tấm áo rách tôi rồi.*

Hoá Dân

VỊNH TẢN VIÊN SƠN

Danh sơn sơn thượng cổ kim truyền,
Tứ vọng đoàn đoàn nhược tản viên.
Vân mai trùng tiêu tinh khả trích,
Địa đạo vạn nhận thuỷ vô quyền.
Yên hà trường toả vô trần cảnh,
Tuyền thạch nhàn thê bất lão tiên.
Đường Ý đảm hàn, Cao thúc thủ,
Nguy nhiên nam cực trấn Nam thiên !

Dịch nghĩa :

VĨNH NÚI TÀN VIÊN⁽¹⁾

Ngọn núi nổi tiếng, xưa nay vẫn truyền tụng,
Bốn bề tròn trĩnh như hình cái tán.
Mây giáp đến tận trời, các chòm sao có thể hái được,
Đất xa hàng vạn bậc, nước lụt không làm gì nổi.
Khói mây luôn luôn khoá kín một cõi xa trần tục,
Giữa cảnh suối, đá, rộng thảnh thơi một vị tiên không già.
Đường Ý⁽²⁾ khiếp đảm, Cao Biền phải bó tay,
Chót vót ở miền cực nam, trấn giữ trời phương nam.

Dịch thơ :

*Núi đây nổi tiếng tự ngàn năm,
Bốn mặt tròn xoe ngất một vòm.
Đỉnh sát từng trời sao dễ với,
Đất cao muôn bậc, nước khôn chồm.*

(1) *Núi Tản Viên* : ở huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Hà Nội), vì hình núi tròn như cái tán nên gọi là Tản Viên. Theo truyền thuyết, đây là nơi Sơn Tinh ở. Vì Sơn Tinh tranh nhau với Thủy Tinh nàng công chúa đời Hùng Vương thứ sáu, nên hằng năm Thủy Tinh lại dâng nước lên để đánh nhau với Sơn Tinh. Nhưng nước dâng đến đâu, núi cao đến đấy, Thủy Tinh không làm gì nổi. Vẫn theo truyền thuyết, thần núi Tản Viên (tức Sơn Tinh) là một vị tiên không chết, vẫn còn ở trên đỉnh núi cao nhất, không ai tới được.

(2) *Đường Ý* : vua Ý Tông nhà Đường nghe đồn Tản Viên là một nơi linh thiêng, sợ để vậy sẽ sinh người tài giỏi chống lại nền thống trị của y bèn sai Cao Biền là một nhà địa lý nổi tiếng sang làm An Nam đô hộ sứ, để yếm mạch núi ấy. Cao Biền yếm không nổi, tâu về Ý Tông rằng : "Thần núi Tản Viên rất thiêng, thần không yếm được".

*Đá khe vui thú tiên không tuổi,
Mây rắng thường ngăn cảnh khác phàm.
Cao chịu bó tay Đờng Ý khiếp,
Phượng nam chắt ngất trần trời nam.*

Khương Hữu Dụng

VỌNG PHU THẠCH

Độc lập sơn đầu đệ nhất phong,
Chu điều phấn tạ vị thủy dung ?
Âm thư cử đoan nhân hà xứ ?
Thiên hải vô thai lộ kỷ trùng ?
Huyết lệ yên hoà, minh nguyệt thấp,
Hương hoàn vân tích lục đài phong.
Thiên hoang địa lão tình do tạc,
Dạ dạ xao tàn bích đồng chung.

Dịch nghĩa :

HÒN VỌNG PHU⁽¹⁾

Một mình đứng trên đỉnh ngọn núi cao nhất,
Sơn phai phấn lạt, chẳng còn làm dáng với ai !

(1) *Hòn Vọng Phu* (núi mong chồng) : tục truyền xưa có người đàn bà chồng đi không về, hằng ngày bế con lên đỉnh núi trông ngóng, lâu ngày cả hai mẹ con cùng hoá đá, người ta gọi núi ấy là hòn Vọng Phu. Ở nước ta nhiều nơi có hòn Vọng Phu như Lạng Sơn, Thanh Hoá và Bình Định. Sự tích lưu truyền trong dân gian đại khái giống nhau. Chưa rõ bài này vịnh hòn Vọng Phu nào ?

Tin tức đã vắng bật, biết người ở đâu ?
Trời bể mệnh mang, đường xa bao dặm ?
Khói dầm dưới sương trong, tường dòng lệ máu,
Mây phủ chòm râu biếc, ngõ mái tóc thơm.
Trời tàn, đất cỗi, mối tình vẫn như xưa,
Tiếng chuông trong động biếc,
đêm đêm cứ vắng vắng đến tàn canh.

Dịch thơ :

*Đứng sông đầu non đỉnh tuyết vời,
Son phai phấn lạt biết vì ai ?
Người nơi nao vắng không tin tức ?
Đường mấy trùng xa cách biển trời ?
Mây phủ râu xanh, làn tóc rủ,
Khói dầm trắng bạc, giọt châu rơi.
Trời già đất cỗi tình khôn chuyển,
Động biếc chuông đêm vẫn đổ hồi !*

Hoàng Tạo

MỘ KIỀU QUY NỮ

Tư lương hàn khổ vị đương ky,
Khang ngọt như châu khước diễn y.
Phong lộ quá kiêu hôn bất ác,
Ý môn ưng hữu vọng nùng quy.

Dịch nghĩa :

CÔ GÁI TÙ TRÊN CẦU TRỞ VỀ LÚC BUỔI TỐI

Ngẫm nghĩ rét khổ chưa bằng đói khổ,
Tấm cám đất như ngọc, đành phải cầm cố áo mà mua.
Trong sương gió, cứ thản nhiên qua cầu không biết rét,
Vì nghĩ rằng ở nhà có người đang tựa cửa mong mình về.

Dịch thơ :

*Rét so với đói vẫn còn thua,
Cám đất hơn vàng, cố áo mua.
Sương gió qua cầu không biết rét,
Tưởng người tựa cửa nóng lòng chờ.*

Nguyễn Văn Tú

VỊNH CÙ DỤC

Hàn cao căng tảo tuệ,
Thê thác tại chu lan.
Chỉ vị năng nhân ngữ,
Phiên giao tổn thiệt đoan.
Pha tiền ngư bối lạc,
Chỉ thượng thước sào an !
Bộc bộc phong trần lý,
Ninh trì dã hạc khoan.

Dịch nghĩa :

VỊNH CHIM SÁO

Chim sáo, vẫn tự đắc là khôn sớm,
Dem thân sống gửi trong lồng son.
Chỉ vì có thể nói được tiếng người.
Đến nỗi cụt mất đầu lưỡi⁽¹⁾
Nào khi vui trên lưng trâu ở đằng trước bãi⁽²⁾,
Cùng khi yên ổn trong tổ chim khách trên cành cây⁽³⁾.
Cứ thui thủi trong đám phong trần
Biết sao được đời sống thành thoi của con hạc nội !

Dịch thơ :

*Sáo kia những hợm sớm khôn,
Gửi thân vào chốn lồng son của đời.
Vì chường bập bẹ tiếng người,
Cho nên đầu lưỡi mi thời còn đâu !
Nào khi bãi vắng lưng trâu,
Nào khi tổ thước cành cao yên lành.
Phong trần kiếp sống loanh quanh,
Đời chim hạc nội thánh thành mong gì !*

Hoá Dân

(1) Khi dạy chim sáo nói, người ta thường cắt đầu lưỡi nó đi, để nó nói được rõ hơn.

(2). (3) Chim sáo rất hay đậu trên lưng trâu để bắt rận trâu và cũng thường nhân những tổ cũ của chim khách trên cây cao mà đẻ trứng.

NHỊ THẬP TAM DẠ KHÁN NGUYỆT, HOẠ PHAN HÀNH PHỦ

(*Nhị thủ*)

I

Bả kinh sương Nga trắc nhãn khuy,
Tự liên u độc, tự kiều si.
Khởi tri bắc quách cô ngâm dạ,
Cánh thị tây song ngưỡng diện thì.

Dịch nghĩa :

ĐÊM HAI MUỐI BA TRÔNG TRĂNG, HOẠ THƠ CỦA PHAN HÀNH PHỦ⁽¹⁾

(*Hai bài*)

Chị Hằng goá bụa, cầm gương lẻ mắt nhìn,
Tự thương mình âm thầm hiu quạnh sinh ra bẽ lên.
Biết đâu cái đêm ở thành bắc [có người] ngâm nga
một mình,
Lại là lúc [người khác] ở cửa sổ phía tây đang
ngẩng mặt nhìn chị ?

(1) *Phan Hành Phủ* : tức Phan Nha.

Dịch thơ :

Á Nguyệt cảm gương mặt ghé nghiêng,
Tự thương hieu quanh then thò riêng.
Biết đâu thành bắc đêm ngám quanh,
Chính lúc song tây ngẩng mặt nhìn !

Khương Hữu Dụng

II

Hà nhân chúc tửu vấn thanh thiên ?
Thí bả ma ni chiếu đại thiên ?
Tạo vật bản lai vô trước tướng,
Chỉ lưu nhất bản tại sơn xuyên.

Dịch nghĩa :

Ai đó, rót rượu mà hỏi trời xanh ?
Thử đem viên ngọc "ma ni"⁽¹⁾ soi khắp đại thiên thế giới
[có được chăng] ?
Nguyên lai tạo vật không có hình tượng nhất định,
Chỉ để cho núi sông thấy một nửa thôi !

(1) *Ma ni* : tiếng Phạn, có nghĩa là viên ngọc báu, rất sáng, để vào nước đục, nước cũng hoá trong. Ở đây tác giả ví viên ngọc với mặt trăng và tiếc rằng mặt trăng không tròn mà soi khắp được mọi nơi.

Đại thiên thế giới : theo sách Phật, hợp một nghìn thế giới lại gọi là "tiểu thiên thế giới" ; hợp một nghìn tiểu thiên thế giới lại là "trung thiên thế giới" ; hợp một nghìn trung thiên thế giới lại gọi là "đại thiên thế giới".

Dịch thơ :

*Người cao nâng chén hỏi trời xanh ?
Soi tỏ nhân gian vẻ ngọc lành,
Tạo hoá xưa nay không bóng dáng,
Lãng lờ sông núi chỉ lưng vành.*

Khương Hữu Dụng

ĐỐI VŨ

(Nhị thủ tuyển nhất)

Bạo vũ khuynh thiên lậu,
Phi đào tấp địa lai.
Thế liên giang sắc trắng,
Thanh nhập dạ phong ai.
Xích nhật hành hà đạo ?
Thương sinh thán kỷ hồi ?
Khách tình ngâm vọng viễn,
Thu khí chính tương thôi.

Dịch nghĩa :

NHÌN MƯA

(Hai bài tuyển một)

Mưa dữ như nghiêng trời đổ nước xuống,
Sóng tung toé tràn ngập mặt đất.

Một màu liền với dòng sông, thế trông rất mạnh,
Tiếng reo hoà với gió đêm nghe càng ai oán.
Mặt trời đỏ lặn đi đằng nào ?
Để dân đen than thở mãi,
Nỗi lòng khách chỉ những ngậm nga và ngóng trông.
Chính là lúc hơi thu đang giục già.

Dịch thơ :

*Nghiêng trời mưa giội gấp,
Chuyển đất sóng bay tung.
Nước cả sông man mác,
Đêm khuya gió nồm nùng !
Vắng hồng đâu khuất mãi,
Dân chúng bao chờ mong !
Tình khách thơ trông ngóng,
Hơi thu rộn rã lòng !*

Hoá Dân

THẬP THẤT DẠ THỪA NGUYỆT, TẤU BÚT KÝ HỮU NHÂN

Thiên cao chúng tinh hy,
Minh nguyệt tĩnh như thủy.
Tức tức hậu trùng minh,
Sắt sắt kim phong khí (khởi).

Đường thượng hữu giai nhân,
Ý lan sâu bất ngữ.
Khởi thị dạ hà kỳ,
Bộ bộ hành phục chỉ.
Bất ưu trường dạ hàn,
Đãn tích nguyệt tương mỹ.
Thiếp niên nhị bất thời,
Doanh doanh chính tương tị (tự).
Trưởng đại ái dư nghiên,
Thượng tướng dung nhan mị.
Noa y hiệt kỳ quang,
Bất nhãn nhân phao trí.
Tài tác hợp hoan thư,
Ký tử tâm trung sị (sự).

Dịch nghĩa :

ĐÊM MUỐI BẢY DƯỚI ÁNH TRĂNG PHÓNG BÚT GỬI BẠN

Trời cao, sao lác đác,
Trăng sáng trong như nước.
Lạnh lạnh tiếng sâu mùa kêu,
Sấn sật gió vàng nổi dậy.
Trên nhà có một người đẹp,
Ngồi tựa lan can buồn không nói.
Bỗng đứng dậy xem đêm đã khuya chưa,

Bước một bước lại dừng một bước.
Không lo đêm dài lạnh,
Chỉ sợ trăng sắp tàn.
[Nghĩ lại] khi thiếp tuổi đôi tám,
Cũng đầy đặn như trăng.
Lớn lên vẫn yêu cái đẹp xưa,
Những tưởng giữ mãi được như thế.
Kéo áo bọc lấy ánh trăng,
Không nỡ dễ dàng bỏ phí.
Xén ra viết thành bức thư hợp hoan,
Gửi cho chàng những điều tâm sự.

Dịch thơ :

*Trời cao sao lúc đục,
Trăng sáng trong như nước,
Sâu mùa kêu tỉ tê,
Gió thu thổi hiu hắt.
Có người đẹp trên lầu,
Tựa hiên buồn nín bật.
Dậy xem canh mấy rồi,
Đạo quanh lại dừng bước.
Chẳng lo đêm lạnh dài,
Chỉ tiếc trăng hầu khuất.
Thiếp thuở đôi tám xưa,
Vẻ so trăng chẳng khác.
Lớn lên tưởng vẫn còn,
Sắc đậm người như trước.*

*Túm áo học ánh trăng,
Chẳng nỡ hoài bỏ vớt.
Xén làm bức thư tình,
Gửi bạn lời tâm phúc !*

Khương Hữu Dụng

TRUNG ĐẠ THẬP TỬ VẠN

Bao lời điên nhất thanh,
Khách tử trung dạ khởi.
Táp táp phong đả liêm,
Phi vũ tẩu vạn thi.
Thôi chằm tạt môn đăng,
Đăng du bán nhập thủy.
Cấp lự tranh tông tông,
Hạ giai dĩ một chỉ.
Lời hống đặc vô nộ,
Vũ lai nhất hà sử,
Thiên địa thành vật tâm,
Bất ưng phục vi nhĩ,
Xuân lai tích lịch thịnh,
Xứ xứ hữu áp tử.
Phong long thực bất liêm,
Cao thu thượng thủy sử ?
Nhi kim lũng mẫu gian,
Bách cốc thành thực thủy.

Chúng lưu vị hữu quy,
Tiết lậu nãi bất dĩ.
Tự tông biên tái thanh,
Nhân sự hữu kinh kỷ.
Thần đạo hà mang mang ?
Ngã dân chính ninh chỉ.
Hắc vân thủy quá tường,
Thiên hôn ngưỡng nan thị.
Ngưng toạ độc trầm ngâm,
Đáo minh thượng bằng kỷ.

Dịch nghĩa :

NỬA ĐÊM

(Mười bốn vần)

Sấm dữ âm một tiếng,
Khách đang đêm trở dậy.
Gió sấm sập đập vào bức màn,
Những hạt mưa bay như muôn mũi tên bắn.
Đẩy gối vội dậy kêu đèn,
Đội đầu đã pha nửa nước.
Giọt tranh thì nhau chảy tong tong,
Dưới sân nước đã ngập ngón chân.
Sấm gầm, giận ai chăng ?
Mưa kéo đến gấp thế ?
Lòng trời đất là gây dựng cho muôn loài,
[Sấm và mưa] không nên như thế nữa.

Xuân sang sét đã nhiều,
Nơi nơi đều có người bị đánh chết.
Thần phong long⁽¹⁾ thực không biết điều,
Cuối thu rồi, ai khiến làm thế nữa ?
Hướng chi nơi đồng ruộng hiện nay,
Mọi giống lúa đã bắt đầu chín,
Các sông chưa có chỗ thoát nước,
[Mà mưa] còn giội xuống mãi.
Từ khi ngoài cửa ải được yên,
Mọi việc đã có quy củ.
Đạo quý thần sao mà lơ mờ ?
Giữa lúc dân ta đáng được yên nghỉ,
Mây đen đầu rủ xuống sát mặt tường,
Trời tối sẫm, ngẩng lên trông chẳng thấy.
Một mình ngồi xó trẩm ngâm,
Mãi đến sáng vẫn còn-tựa ghế !

Dịch thơ :

*Sấm dũ một tiếng ầm,
Đang đêm dậy vội vã.
Phân phạt gió khua màn,
Đẩy trời mưa tằm tã.
Đẩy gối vội sờ đèn,
Đợi dầu nửa nước lã.*

(1) *Phong long* : thần sấm.

Đầy trời mưa tầm tã,
Giọt tranh chảy tong tong.
Nước sán ngập mắt cá,
Sấm gấm giận ai chằng ?
Mưa sao mà xối xả ?
Trời đất thương muôn loài,
Không nên như thế nữa !
Xuân sang sấm sét nhiều,
Đánh chết người khắp ngả.
Thần sấm không biết điều,
Thu rồi, ai khiến gã ?
Hiện nay lúa ngoài đồng
Đã bắt đầu vàng quả.
Sông ngòi không chỗ tiêu,
Mà mưa vẫn không đã.
Từ khi ngoài ải yên,
Việc đâu ra đó cả.
Quỷ thần thực là mờ,
Dân đáng được thư thả.
Bỗng mây đen kín tường,
Trời tróng mù mịt lạ.
Suốt sáng ngồi một mình,
Ngâm ngùi trên ghế tựa.

Hoàng Tạo

DU VÂN

Du vân vị hữu quy,
Đám mộ bất đắc nhàn.
Phong tông hà phương lai ?
Xuy nhập tằng phong gian.
Tứ hải dĩ vọng vũ,
Ngũ lôi trường bế sơn.
Cử thủ thị thiên biểu,
Nguyên ngôn túng cao phan.

Dịch nghĩa :

ĐÁM MÂY TRÔI

Đám mây trôi chưa biết về đâu,
Sớm chiều coi tất tả.
Gió từ phương nào đến ?
Thổi lùa vào những ngọn núi.
Bốn bể đã mong mưa rồi,
Sao phép "ngũ lôi"⁽¹⁾ còn giữ kín mãi trong núi ?
Ta ngẩng đầu lên nhìn tận ngoài trời,
Những muốn vin [mây] mà lên cao mãi.

(1) *Phép "ngũ lôi"* : một phép thuật cầu mưa của các đạo sĩ. Sách *Nghiêm châu phủ chính* nói : "Tiền Cửu Ngũ người đất Thuận An, từ thuở nhỏ đã học phép Ngũ lôi thiên tâm, một lần vùng ông ở bị hạn hán, quan sở tại bảo ông dùng phép cầu mưa, lập tức ứng nghiệm".

Dịch thơ :

*Mây trôi trôi mãi chưa về,
Sớm hôm tắt tả chẳng hề được yên.
Bồng đầu trận gió nổi lên,
Đưa mây trôi giạt vào miền núi cao.
Trần gian đang ngóng mưa rào,
Sấm đâu còn ở nơi nào im hơi ?
Ngẩng lên trông tận chân trời,
Ước gì bay bổng tuyệt vời với mây.*

Nguyễn Văn Tú

THU DẠ ĐỘC TOA TỨC SỰ

Minh nguyệt nhập tiền hiên,
Cô ảnh khuy thanh-tôn.
U nhân ái dạ toạ,
Tương đối diệc vong ngôn,
Khởi lập miện không vũ,
Nhân chi thiệp nhàn viên.
Tức tức hậu trùng ngữ,
Thu thu giang điệu huyền.
Minh cư đạm độc thích,
U thường diệu tự luân.
Bạc chúc sản lương dạ,
Uý ngã cơ lưu hồn.

Dịch nghĩa :

ĐÊM THU NGỒI MỘT MÌNH TỨC SỰ

Vầng trăng sáng rọi vào hiên trước,
Bóng lẻ loi nhòm bình rượu trong.
Người buồn vẫn thích ngồi khuya,
Nhìn trăng, cả hai đều không nói.
Bỗng đứng lên ra ngắm vòm trời,
Tiện bước dạo chơi vườn vắng.
Sâu mùa lên tiếng rí ran,
Chim ngoài sông kêu vang.
Ở trong tối, đàm bạc càng vừa ý,
Cảnh u tĩnh tự mình suy xét càng thấy hay.
Nhân lúc đêm thanh nhấp qua chén rượu,
Để an ủi cái tâm hồn bị trời buộc của mình.

Dịch thơ :

*Trăng sáng lọt hiên trước,
Bóng nghiêng bầu rượu nhòm.
Người buồn thích đêm vắng,
Ngồi lặng đối trăng sông.
Đứng dậy nhìn trời đất,
Tiện bước dạo quanh vườn.
Trùng tới mùa, ran rỉ,
Chim bên sông véo von.*

*Riêng thích ở nơi vắng,
Tự vui trong cảnh buồn.
Nhân đêm thanh nháp chén,
Yên ủi nỗi cô đơn.*

Khương Hữu Dụng

KIM NHẬT HÀNH

Tạc dạ sâu hàn sinh,
Kiệt kiệt nghiêm phong thích.
Hiếu lai sương lộ thấu y thường,
Mạch thương bất kiến hành nhân tích.
Kim nhật thoái hàn uy,
Liệt liệt lưu hy hách.
Phiền thâm nhiệt trọng bất thăng sam,
Ỗ trụ bồi hồi hân như trích.
Ô hô ! Hàn thử biến thái thúc hốt gian,
Bất tri lai nhật thử hoặc hàn ?
Như hà cửu toạ tâm linh toan !

Dịch nghĩa :

BÀI HÀNH "HÔM NAY"

Đêm trước trận rét bất thành linh,
Ào ào cơn gió thổi lạnh buốt.

Sáng ngày ra sương móc thấm áo quần,
Trên đường không thấy vết chân người đi lại.
Hôm nay hết rét rồi,
Ánh mặt trời hùng hục toả ra.
Bức bối khó chịu, chiếc áo lót mình cũng không
dám mặc,
Tựa cột bốn chốn, mồ hôi nhỏ giọt.
Than ôi ! Nóng lạnh đổi thay trong chốc lát,
Nào ai biết ngày mai nóng hay rét ?
Sao cứ ngồi mãi đây cho lòng xót xa !

Dịch thơ :

*Đêm qua bông lạnh trời,
Tiếng gió lửa hun hút !
Sáng ra sương móc thấm áo quần,
Đường vắng không còn ải đạo gót !
Hôm nay rét đã lui,
Mặt trời lại như đốt.
Bốn chốn nóng bức áo khôn mang,
Tựa cột, mồ hôi nhỏ thánh thót.
Than ôi ! Nóng rét phút chốc bỗng đổi thay.
Chẳng biết rồi mai nóng, rét đây ?
Ngồi mãi chi xót dạ này !*

Hoàng Tạo

HÀN DẠ NGÂM

Hàn cực bất năng miên,
Khởi cái tân thi cú.
Chúc tận hoán nô thiêm,
Nô ngoạ thân ngâm cử.
Xuyết tịch khứ thông thông.
Khước bả nô nhi phú.

Dịch nghĩa :

BÀI NGÂM "ĐÊM LẠNH"

Rét quá không ngủ được,
Trở dậy chữa câu thơ mới làm.
Đèn hết dầu gọi nhỏ rót thêm,
Nhỏ cứ nằm lỳ rên rỉ.
Vội vàng đi lấy chiếu,
Đem đắp lên mình nhỏ.

Dịch thơ :

*Rét quá không ngủ được,
Trở dậy chữa câu thơ.
Dầu hết gọi nhỏ rót,
Nhỏ nằm cứ ậm ừ.
Vội vàng đi lấy chiếu,
Đắp lên cho chú ta.*

Vũ Mộng Hùng

XUÂN DẠ ĐỘC THU

Kim nhân bất kiến cổ thời xuân,
Trù trưởng kim xuân đối cổ nhân.
Thế sự kỷ hà kim bất cổ ?
Nhân tiền mặc nhận huyền vị chân.
Kỷ đa danh lợi chung triều vũ,
Vô số anh hùng nhất tị trần.
Tự tiểu tục câu phao vị đắc,
Nhĩ lai huê quyển thái chuân chuân.

Dịch nghĩa :

ĐÊM XUÂN ĐỘC SÁCH

Người đời nay không thấy xuân đời cổ,
Bùi ngùi xuân này, ngồi đối diện với người xưa,
Việc đời bao nả mà kìm chẳng hoá cổ ?
Đừng nhận sự hão huyền trước mắt là sự thật.
Biết bao danh lợi, chẳng qua như trận mưa buổi sáng,
Vô số người anh hùng, cũng chỉ như một đám bụi.
Tự cười mình còn vướng vào thói đời,
chưa dứt bỏ đi được,
Gần đây cứ giữ mãi quyển sách quá đôi ham mê.

Dịch thơ :

*Khách nay chẳng thấy xuân xưa nữa,
Thốn thức xuân nay gặp khách xưa.*

*Nay hoá thành xú nào mấy chốc,
Hư nhìn ra thực khỏi lắm chưa ?
Bao phùng danh lợi, cơn mưa sáng,
Mấy bạc anh hùng, đám bụi mờ.
Tục lụy cười mình chưa dứt được,
Gần đây sách vở quá say sưa.*

Nguyễn Văn Tú

NHẬT MỘ

Nhật mộ tàn xuân thôi cấp ảnh,
Tráng niên tâm sự độc sài phi.
Âm thư giang quán kinh tuần đoạn,
Cầm kiếm thiên nhai khứ lộ phi.
Lô giá độ phong hải viễn địch,
Ba tiêu đài vũ thấp tà huy.
Dao tình u hứng tấn môn sắt,
Hạo hạo càn khôn nhất bố y.

Dịch nghĩa :

NGÀY CHIỀU

Ngày về chiều, xuân tàn giục bóng đi nhanh,
Tâm sự của tuổi trai tráng, đành gửi trong cửa sài⁽¹⁾.

(1) *Cửa sài* (sài phi) : cửa bằng giống tre, chỉ nơi ở của người hàn sĩ.

Ở quán bên sông, hàng tuần tin tức gián đoạn,
Nơi chân trời, cây đàn thanh kiếm đi đã lắm đường.
Gió qua làn "mía lau"⁽¹⁾ đưa tiếng sáo xa êm dịu
Mưa đọng trên tàu chuối, rọi ánh nắng chiều ướt đầm.
Nghĩ đến niềm xa xôi vắng vẻ, chỉ sờ rạn hoài,
Giữa khoảng trời đất bao la, một chàng áo vải !

Dịch thơ :

*Xuân tàn bóng xế đi vùn vụt,
Ôm tấm lưng tâm khảm cửa sài !
Quán bến âm thư từng cũ vắng,
Chân trời cảm kiếm nẻo đường sai !
Gió qua bãi mía tiêu ngân dịu,
Mưa tắm tầu tiêu nắng rọi tươi.
Nghĩ nỗi xa gần buồn rộ rạn,
Một thân áo vải dưới gầm trời.*

NGUYỄN NHẬT

Xuân tàn hà xứ đảo ngô lư ?
Lai đảo tầng văn ngũ dạ sơ.
Tự sự thắng hoài dư hiểu lộ,
Tàn diên ấp nhượng hữu gia sơ.

(1) *Mía lau* : một loại mía thân nhỏ như cây lau, rất ngọt, thường dùng để kéo mật.

Cầm thỉnh văn thụ thanh ưng biến,
Tùng khán hàn đình sắc dục thư.
Vạn sự tông kim tân đắc hảo,
Nhân thôn cựu nhiệm hội tu trừ.

Dịch nghĩa :

NGÀY MÔNG MỘT TẾT

Xuân từ nơi nào đến nhà ta ?
Nghe nói đầu canh năm là xuân đã đến rồi.
Việc thờ cúng, lòng bùi ngùi như thấy hạt móc buổi sớm⁽¹⁾
mà sinh cảm,
Tiệc đãi khách sẵn có thứ gạo nếp đem ra chào mời.
Tiếng chim hót trên cành cây tiết muộn nay nghe
đã thấy khác,
Cây tùng ở trước sân lạnh lẽo trông cũng có vẻ vươn lên.
Từ nay muốn việc đổi mới cho tốt,
Những tập nhiễm cũ ở chốn hương thôn rồi phải bỏ đi.

(1) *Hạt móc buổi sớm* : Thiên Tế nghĩa trong sách *Kinh Lễ* nói : "Mùa xuân, khi hạt mưa hạt móc đầm đìa, người quân tử giảm lên, tất sinh lòng tưởng nhớ cha mẹ".

Dịch thơ :

*Xuân từ đâu đó đến nhà ta ?
Nghe mới canh năm đã tới mà,
Hương khói bụi ngùi tình mót sớm,
Bạn bè thiết đãi lộc vườn nhà.
Cây nghe chim hót mừng xuân mới,
Sân ngắm thông cần bớt vẻ già.
Muôn việc từ đây đều mới mẻ,
Xóm làng nên bỏ thói hư xưa.*

Vũ Mộng Hùng

**DU ĐẰNG GIANG DỨ
HỮU NHÂN ĐẰNG-KIM CHUNG TỰ,
TÚY HẬU LƯU ĐỀ, TÍNH TỰ**

Thiên sở dữ dã hữu hạn, lâm phạm tảo dĩ tức cơ,
Ngô chi sinh dã vô nhai, duyệt thế thâm nhi ngô thán.
U nhân khâu hác,
Xử sĩ viên lâm.
Dữ ngã tương dĩ,
Tương tử vô nộ.

Hành hành thả chí, lộ tận bạch điển thanh trúc chi gian,
Mặc mặc hà ngôn, nhân tại lạc chiếu cô vân chi ngoại.
Bạn ngã giả thủy ?
Hữu đồng nhất tử,
Dữ dư hà sự ?
Duy tửu nhất hồ.
Tống công chi thanh hác đan nhai, trình phi tuyệt tục,
Hứa tử chi thanh phong lãng nguyệt, đạt dĩ khoáng hoài.
Liễu đắc thú dĩ vong ngôn,
Khởi minh tâm nhi trường vãng ?
Ư dĩ tốt tuế, ninh vấn giang hồ lưu ngụ chi tung,
Thủy kỳ tương tri, thỉnh tục Giang Hán tư quy chi vận :
Trượng phu tam thập bất thành danh,
Đạp biến thiên nhai khí vị bình.
Đoản phát thượng tu liên ngã tại,
Mê dương hà sự nệ ngô hành ?
Hữu nô giải ái Tiêu tài tử,
Vô tửu thủy kiêu Nguyễn Bộ binh ?
Ngâm bãi thất ca cánh hồi thủ,
Mang mang thân thể độc hu hành.

Dịch nghĩa :

**CHƠI SÔNG ĐĂNG GIANG
CÙNG BẠN LÊN CHÙA KIM CHUNG⁽¹⁾,
SAU KHI SAY, LƯU ĐỀ
MỘT BÀI THƠ CÓ BÀI TỰA**

Tựa

Trời cho ta có hạn, biết phận sớm để nghỉ ngơi.
Đời ta sống không bờ, trải đời lâu mà than thở.
Hang núi của bậc u nhân.
Vườn rừng của người xử sĩ.
Ta trót thờ ơ,
Người cũng đừng giận.
Đi đi rồi nghỉ, đường đã hết ở nơi đồng trắng tre xanh,
Lẳng lặng nói gì, người đã đứng ở ngoài nắng chiều
mây tản.
Lấy ai làm bạn ?
Có chú tiểu đồng.
Cùng ta mua vui,
Chỉ một bầu rượu.

(1) Người ta thường gọi chỗ sông Hồng Hà chảy qua tỉnh lý Hưng Yên là *Đặng Giang*, vì chỗ ấy thuộc địa phận hai xã Xích Đằng và Đặng Châu. Theo nghĩa bóng bẩy, người ta dùng chữ "Đặng Giang" để chỉ tỉnh lý Hưng Yên. *Chùa Kim Chung* : tục gọi là chùa Chuông ở xã Xích Đằng.

Kìa Tổng công⁽¹⁾ với non xanh núi đỏ, ngay thẳng
mà chẳng xa đời,
Nọ Hứa tử⁽²⁾ với gió mát trăng trong, phóng đạt mong
cho hời dạ.
Chỉ cốt được thú vui để quên lời nói,
Có đâu lòng mờ mịt mà bước lan tràn,
Chơi cho trọn năm, không cần hỏi dấu tích giang hồ
qua lại,
Ai người biết đến, xin vịnh tiếp vần thơ Giang Hán
mong về⁽³⁾

Thơ

Trượng phu ba mươi tuổi, chẳng nên danh gì,
Dao khắp ven trời, khí bất bình chưa dịu.

(1) *Tổng Công* : Theo *Tấn thư*, Tổng Tiêm là người có tiết tháo, không chịu giao tiếp với đời. Thái Thú quận Nam Sơn là Mã Ngập đem lễ vật đến chơi, Tổng Tiêm cự tuyệt. Mã Ngập thần phục, làm một bài minh để ở vách, trong có câu : "Núi đỏ trăm trượng, đá xanh muôn tấm... Nhà gần người xa, nhọc lòng ta mong mỏi".

(2) *Hứa tử* : Hứa Tuân, tên tự Nguyên Độ, người thời Tấn, tính tình khoáng đạt, bạn là Lưu Đạm thường nói : "Mỗi lúc gió mát trăng trong, lại nhớ đến Nguyên Độ".

(3) *Giang Hán mong về* : chưa rõ điển.

Mái tóc cần⁽¹⁾ vẫn thương ta còn sống,
Cỏ mê dương, cứ sao vương bước ta đi ?⁽²⁾
Có đầy tớ, là người biết yêu tài tử họ Tiêu,
Không có rượu, ai tưới cho Bộ binh họ Nguyễn ?
Ngâm xong bảy bài ca⁽³⁾, ngoảnh đầu nhìn lại,
Thân thế mờ mịt, chỉ đáng trừng mắt trông đời.

Dịch thơ :

*Trai ba mươi tuổi chẳng nên danh
Mỗi gót chưa người nổi bất bình.
Tóc cụt vẫn còn thương sức tớ,
Cỏ mê sao cứ vương chân mình ?*

(1) *Tóc cần* : theo *Tả truyện*, Lư Bô Miết là đại phu nước Tề, người rất khôn ngoan, bị Tề hầu nghi và giam giữ. Một hôm Miết nói với Tề hầu rằng : "Tôi đã già tóc cần thế này, còn làm gì nổi, xin tha cho về". Công tử Nhã ý không muốn tha Miết, nói : "Miết tuy tuổi già tóc cần, nhưng trí lự sâu sắc, nếu tha y, thì y sẽ làm hại mình". Tề hầu mới đem Lư Bô Miết an trí ở Bắc Yên.

(2) *Mê dương* : một thứ cỏ rậm có gai. Theo *Trang Tử* : "Mê dương mê dương vô thương ngô hành" (Cỏ mê dương, cỏ mê dương, đừng làm vương bước chân ta đi).

(3) *Bảy bài ca* : chỉ bảy bài ca của Đỗ Phủ, thi hào thời Đường, làm khi ở huyện Đồng Cốc, nói lên cảnh ngộ của mình trong lúc loạn ly, gọi là "Đồng Cốc thất ca".

*Có trò là kẻ thương Tiêu tử,
Không rượu hồng ai chuốc Bộ binh ?
Ca đoạn bầy bài nhìn trở lại,
Cau mày thêm giận kiếp phù sinh*

Tuấn Sinh

ĐẰNG CHÂU CA GIẢ PHÚ NHI KÝ HỮU SỞ DỮ, THU DI TẶNG CHI

Cổ nhân bất thức kim nhân hận,
Tài đáo thương ly thuyết tận tình.
Minh nhật dục từ Nam phố đạo,
Hà nhân (a) cánh xướng Bắc cung thanh.
Hàn y (b) cô quán phong sương thiếu,
Vụ hợp thâm thôn (c) trúc thụ bình
Tiểu sát Tầm Dương túy Tư Mã,
Thanh sam là sự lệ tung hoành ?

(a) *Hà nhân* : có bản chép là *thủy gia* (nhà ai).

(b) *Hàn y* : có bản chép là *khách hoài* (lòng khách).

(c) *Thâm thôn* : có bản chép là *hoang thôn* (xóm vắng).

Dịch nghĩa :

**NGƯỜI ĐÀO HÁT Ở ĐĂNG CHÂU
TÊN LÀ PHÚ NHÌ
MUỐN XIN THƠ, NHÂN VIẾT TẶNG**

Người đời xưa không biết mối hận của người đời nay,
Vừa mới hơi buồn vì chia phôi đã kể lể hết nông nổi.
Ngày mai ta muốn từ biệt con đường phố Nam⁽¹⁾ này
Biết ai lại hát cho ta nghe giọng cung Bắc⁽²⁾ nữa ?
Trời rét, nường nấu ở nơi quán cô quạnh, cũng tạm đỡ
gió sương.
Chiều tối, mây mù bao phủ xóm xa xa, cây cối đều
im lặng cả.
Đáng cười chết cái ông Tư Mã say ở bến Tầm Dương,
Việc gì mà phải khóc đến nỗi nước mắt ướt đầm áo xanh ?

Dịch thơ :

*Khổ hận xưa nay cũng một nguồn.
Bao nhiêu ly biệt bấy nhiêu buồn.*

(1) *Phố Nam* : tức là phố Hiến Nam hay gọi tắt là phố Hiến gần tỉnh lỵ Hưng Yên, là nơi khách ngoại quốc đến buôn bán từ triều Lê.

(2) *Cung Bắc* : một khúc hát cổ của nhạc phủ triều Lê, miêu tả tình nhớ mong của người cung nữ. Về sau các cô đào vẫn thường hát.

*Bến Nam mình sắp cầu từ giã,
Cung Bắc ai còn tiếng nữ non ?
Cửa quán lạnh lùng cơn gió lất,
Ngàn cây mù mịt lớp sương tuôn.
Tâm Dương quá ngán chàng Tư Mã,
Vạt áo can chi lệ chảy đôn !*

Trúc Khê

(Cao Bá Quát – Danh nhân truyền kỳ)

Trúc Khê thư xã – 1952)

**DU NAM TÀO SƠN TỰ,
LÂU THUỌNG KÝ VỌNG
ĐỀ BÍCH, TRINH THỨC MINH**

(Nhị thủ tuyển nhất)

Trấp niên phong cảnh khước trùng qua,
Nhu thử giang sơn nại ngã hà !
Thế ngoại du tri kim nhật hảo,
Toa trung khách tự cố nhân đa.
Kiếp giang xuân nhập danh vương miếu,
Phượng lĩnh yên tàng cụ ẩn gia.
Mạc hướng Cổ Phao thành hạ vọng !
Anh hùng vãng sự uỷ thương ba.

Dịch nghĩa :

**CHƠI CHÙA NÚI NAM TÀO⁽¹⁾,
ĐỨNG TRÊN LẦU TRÔNG XA,
ĐỂ VÀO VÁCH,
ĐƯA TRÌNH ÔNG THÚC MINH**

(Hai bài tuyển một)

Phong cảnh hai mươi năm trước, nay lại đi qua,
Non sông như thế, còn mình thì sao đây ?
Cuộc đi chơi ở ngoài cõi tục biết nay là sung sướng,
Khách ngồi trong cuộc, hình như có nhiều người
quen biết từ xưa.
Xuân trên sông Kiếp⁽²⁾ dôn cả vào miếu của vị vương
lòng tiếng,
Mây ở núi Phượng phủ kín ngôi nhà của bậc ẩn dật
thuở xưa⁽³⁾.

(1) *Núi Nam Tào* : một ngọn núi ở Vạn Kiếp, thuộc tỉnh Hải Dương, gần đền thờ Trần Hưng Đạo. *Thúc Minh* : chưa biết là ai.

(2) *Sông Kiếp* : sông Kiếp Bạc, thuộc tỉnh Hải Dương. *Vị vương lòng tiếng* : chỉ Trần Quốc Tuấn.

(3) *Núi Phượng* : tức Phượng Hoàng sơn, cũng gọi là Kiệt Đặc sơn, ở xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, Hải Dương, ở phía nam núi Nam Tào và là nơi ở ẩn của Chu Văn An.

Bậc ẩn dật thuở xưa : chỉ Chu Văn An.

Đừng hướng về phía thành Cổ Phao⁽¹⁾ mà nhìn ngắm nữa !
Chuyện cũ của khách anh hùng⁽²⁾ đã gửi cả cho làn
sóng biển

Dịch thơ :

I

*Hai mươi năm lại tới đây,
Non sông đường ấy ta rày tính sao ?
Nay vui những cuộc tiêu dao,
Ngồi đây như đã quen bao nhiêu người.
Kiếp giang đẹp miếu anh tài,
Phượng sơn ẩn sĩ nhà ai khói lồng.
Thành Phao thôi chớ đừng trông,
Anh hùng dấu cũ chìm trong sóng cồn.*

Nguyễn Quý Liêm

(1) *Thành Cổ Phao* : một toà thành ở chân núi Phao Sơn, thuộc tỉnh Hải Dương, tương truyền là một toà thành cũ, nhà Mạc sửa sang và xây dựng thêm.

(2) *Chuyện cũ của khách anh hùng* : ý nói những trận chống ngoại xâm cứu dân tộc của ta như trận Ngô Quyền phá quân Nam Hán và trận Trần Hưng Đạo phá quân Nguyên vừa nói trên, đều ở trên sông Bạch Đằng, mé dưới Kiếp Bạc, gần bể.

VĂN DU SÀI SƠN VŨ HẬU ĐĂNG SƠN ĐẦU ĐỀ BÍCH, TỬ THƯ

I

Giang bạn quán phong tàn bất thu,
Danh nham phong cảnh áp Tây chu.
Khiên ti dĩ tự Kim Môn ẩn,
Lạp kỹ do tâm Ngọc Cục du.
Tiểu vũ sa qua hồng ngẫu phố,
Hàn chung hốt khởi tịch dương lâu.
Giải y vô ngữ thành chiêm chúc,
Toạ ái thiên môn sự sự u.

Dịch nghĩa :

BUỔI CHIỀU ĐI CHƠI SÀI SƠN⁽¹⁾, MƯA TẠNH, LÊN ĐỈNH NÚI ĐỂ THƠ VÀO VÁCH, BỐN BÀI

Bao nhiêu núi bên sông tàn mất mỗi nơi một ngọn,
Phong cảnh núi này nổi tiếng nhất miền Sơn Tây.

(1) *Sài Sơn* : tên một dãy núi thuộc phủ Quốc Oai, Sơn Tây (nay thuộc Hà Nội), tục gọi là núi Thầy. trên núi có chùa, tương truyền là nơi Từ Đạo Hạnh tu.

Đã cầm dây ấn⁽¹⁾ đến ấn ở cửa Kim Môn,
Vẫn còn đánh sập guốc⁽²⁾ tìm chơi nơi Ngọc Cục,
Trận mưa nhỏ vừa qua, bến nước đầy sen đỏ thắm,
Tiếng chuông vắng bỗng ngân lên từ trên lầu dưới bóng
tà dương
Cời áo trăm ngâm xa xa trông ngóng.
Vì mến cảnh rừng thiền nơi mọi việc đều yên tĩnh.

Dịch thơ :

*Bao núi bên sông toả khắp nơi,
Núi này phong cảnh nhất phương đời.
Đã mang ấn đến Kim Môn ấn,
Còn sửa guốc tìm Ngọc Cục chơi.
Mưa phát vũng sen hồng đỏ thắm,
Chuông rền bóng xế tiếng chuông rơi.
Trăm ngâm phanh áo nhìn xa thẳm,
Những mến rừng thiền thú cảnh thời.*

Tảo Trang

(1) *Cầm dây ấn* : bắt đầu ra làm quan.

(2) *Đánh sập guốc* : Nguyễn Phu, một bậc hiền giả đời Tấn, tính thích đi guốc, một hôm có khách đến chơi thấy ông đang lấy sập đánh đôi guốc, ông liền búi ngồi nói với khách : "Chá biết đời mình còn phải dùng hết bao nhiêu đôi guốc nữa". Ý nói còn phải đi nhiều.

Ngọc Cục : nơi Trương Đạo Lang tu tiên đắc đạo.

II

Trường khiếu Tô Môn vị hữu kỳ,
Tây du biểu lạn hận lai trì.
Hô đảng cộng thám Từ công tích,
Môn tiền tấn khan Cảnh Thống bì.
Tứ diện vân sơn nhàn chỉ cố,
Bách niên nhân thế kỷ hưng suy ?
Bình sinh lãng tích na trùng vấn,
Thủ bả liên hoa tiểu tự tri.

Dịch nghĩa :

Chưa có dịp huyết một tiếng dài ở núi Tô Môn⁽¹⁾,
Nay mới đeo bầu đội nón đến chơi miền tây này,
thực đáng phàn nàn là chậm.
Gọi lấy đèn, cùng nhau xem vết chân của Từ công⁽²⁾,
Vạch rêu, lần xem bia đá đời Cảnh Thống⁽³⁾.
Mây núi bốn mặt, tùy ý ngắm nghía, chỉ trở,
Đời người, trăm năm đã qua mấy cuộc hưng suy.

(1) *Tô Môn* : tên núi, thuộc tỉnh Hà Nam (Trung Quốc). Thời Tân, Tôn Đảng ẩn cư ở đây. Nguyễn Tịch lên chơi, Tôn Đảng không nói gì. Tịch huyết dài một tiếng rồi về.

(2) *Từ công* : Từ Đạo Hạnh, một vị sư đắc đạo đời Lý. Tương truyền Đạo Hạnh đã hoá thân ở Sài Sơn để thác sinh làm Lý Thần Tông. Ở sườn núi có vết bàn chân lớn, người ta nói là vết chân của ông.

(3) *Cảnh Thống* : niên hiệu vua Lê Hiến Tông (1498 - 1504).

Bước đường nay đây mai đó trước đây không cần
nhắc lại nữa,
Tay cầm bông hoa sen, mỉm cười, mình tự biết mình.

Dịch thơ :

*Hồ hện non Tô lộ mãi rồi,
Trời tây bầu nỏn chạm lên chơi.
Tâm bìa Cảnh Thống chùi rêu dọc,
Dấu gót Từ công gọi duốc soi.
Mây núi bốn bề vui ngắm nhĩa,
Cuộc đời trăm tuổi mấy đây vui !
Lệnh đènh bước trước bàn chi nữa !
Tay đỡ bông sen miệng mỉm cười.*

Tảo Trang

III

Thôn ông ái thuyết lão thượng thư,
Tuế mộ quy lai thủy trúc cư.
Lạc nhật tính tùy trần sự cải,
Cấp lưu thiên giác lại tình sơ.
Hiện thân nhập thể kinh tam dĩ,
Thục nhân khan nhân ngộ lục như.
Quyện ngã tiệm thành chân lẫn tán,
Thử sơn đoan nghĩ trúc tinh lưu.

Dịch nghĩa :

Ông già nông thôn thích kể chuyện cụ thượng thư già⁽¹⁾,
Lúc tuổi cả, quay về ở giữa nơi nước trong trúc rợp.
Mặt trời lặn, chuyện trần gian cũng biến đổi theo,
Đang như dòng nước chảy xiết mà riêng vẫn thấy
 dừng đọng với chuyện làm quan⁽²⁾.
Đem thân vào cõi đời trải qua ba lần thôi việc⁽³⁾,
Mất thành thạo nhìn người, hiểu rõ sáu lẽ hư ảo⁽⁴⁾
 trên đời.
Ta mỗi mệt rồi, dần dà thành con người thực sự
 biếng lười, nhàn tản,
Ráp tâm sẽ dựng căn nhà đọc sách tại núi này.

Dịch thơ :

Ông già thích kể chuyện quan Thượng :
Khóm trúc làn ao dưỡng tuổi già.

(1) *Cụ thượng thư già* : chỉ Phan Huy Cẩn (1722 - 1789), quê ở Hà Tĩnh, đỗ tiến sĩ năm 1754, làm quan đến chức tham tụng. Lúc già về hưu ở xã Thụy Khuê (tức làng Thấy, Sơn Tây) gần Sài Sơn, ông là cha Phan Huy Ích, Phan Huy Ôn và Phan Huy Chú.

(2) Câu này dùng điển *Cấp lưu đông thoái*, ý nói giữa lúc làm đắc ý như trên dòng nước chảy xiết mà tự dứt bỏ, từ chức ra về.

(3) Trong đời làm quan của Phan Huy Cận có ba lần thôi việc : một lần bị bãi chức, hai lần về hưu.

(4) Sáu lẽ hư ảo : dịch chữ "lục như" hay "lục dụ" của nhà Phật. Kinh Kim cương nói : tất cả mọi việc trên đời đều tựa như mộng, như ảo, như bọt nước, như cái bóng, như sương và như chớp.

*Bóng xế đem theo đời biến đổi,
Dòng xuôi riêng chán cảnh vinh hoa.
"Ba thời" trong cuộc thân từng trải.
"Sáu tựa" xem người mắt đã qua.
Mệt mỏi để thành ưa phóng dật,
Núi đây ta sẽ dựng ngôi nhà.*

Tào Trang

IV

Đầu bạc tham du hứng vị dong,
Sàn nhan viên sách nhất chi cùng.
Nhãn trung sơn thuỷ vạn thiên lý,
Bút để vân yên thập lục phong.
Cổ quán bất văn đề bệnh hạc,
Bán nham hà sự khởi quai long ?
Chỉ ung huê địch lai thiên thị,
Tiểu vấn chư thiên cách kỷ trùng.

Dịch nghĩa :

Đầu bạc ham chơi, hứng thú chưa thấy nhụt,
Từ xa, chống chiếc gậy trúc trèo lên đỉnh núi cao.
Trong khoé mắt, thu gọn nước non hàng nghìn
muôn dặm,
Dưới ngòi bút, hiện ra mây khói
của mười sáu ngọn núi.

Không nghe tiếng hạc ồm⁽¹⁾ kêu ở đền cổ,
Vì đâu có con "rồng bướng"⁽²⁾ đang trôi dạt
ở nửa sườn non ?
Cũng nên vác sáo lên chợ trời,
Cười hỏi các vùng trời⁽³⁾ còn mấy trùng xa nữa ?

Dịch thơ :

*Tham chơi đấu bạc hứng chưa người,
Chống gậy trèo cao rộng bước chơi.*

(1) *Hạc ồm* : *Truyện Lý Tĩnh* thời Đường chép : Tĩnh lên chơi núi Trung Sơn có con hạc đang rên xiết và nói : "Tôi là tiên trong loài chim, bị một tiểu phu đánh què chân, bây giờ phải có máu người mới chữa khỏi", Lý Tĩnh cười áo, định lấy máu cho hạc, nhưng hạc nói : "Không được ! Ở thế gian này không phải người nào cũng hoàn toàn là người cả", rồi nhổ một cái lông mi đưa cho Tĩnh, bảo cầm xuống kính đỏ, muốn tìm người thực, cứ nhìn qua lông này sẽ thấy. Tĩnh đi đường, giơ lông lên nhìn mình, thì thấy đầu mình là đầu ngựa, đi đến đất Đông Lạc, gặp khá nhiều người, nhưng hoặc giống chó, hoặc giống lợn, hoặc giống ngựa, hoặc giống lừa, chỉ có một ông cụ già hoàn toàn là người thôi, Tĩnh nói rõ việc đi tìm người để xin máu chữa cho hạc, ông cụ cười vén cánh tay chích máu cho. Tĩnh đem về bôi cho hạc, vết thương khỏi liền. Hạc tạ ơn rồi vỗ cánh bay đi.

(2) *Rồng bướng* (quai long) : *Sách Mào Đình khách thoại* : rồng bướng không chịu làm mưa, thường lẫn trốn ở thân người, thân cây cao hoặc nóc nhà. Khi bị thiên lôi lòng bắt thì lòe ra tia sáng tức là chớp.

(3) *Các vùng trời* (tiếng nhà Phật) : Trong sách Phật nói ba cõi Phật thì có hai mươi tám vùng trời.

*Bút cuốn khói mây mười sáu ngon,
Mắt thu non nước vạn trùng khơi.
Am xưa hạc ốm nghe im tiếng,
Rồng bướng vẫy gươm dấy giữa đời.
Hãy tới chợ trời tung điệu sáo,
Vòm trời cười hỏi mấy xa vời ?*

Tảo Trang

THỨ VẠN THẬN TỬ PHÓNG QUAN NHỊ HÀ ĐỒNG DI XUÂN, HOÀ PHỦ

Tài thu tế vũ hựu vi phong,
Độc ý thương mang mộ khí trung.
Tế bắc sơn liên bình dã hợp,
Trục nam vân nhập đại hoang không.
Thành y long đồ kiêm thiên tráng,
Lãng quyền đào hoa sách địa hồng.
Hạo hạo quan hà kim cổ ý,
Thử thân hà sự tác thi ông ?

Dịch nghĩa :

**HOA VĂN BÀI "PHÓNG TÂM MẮT
XEM CẢNH NHỊ HÀ" CỦA THẬN TỰ,
CÙNG LÀM VỚI DI XUÂN VÀ HOÀ PHỦ⁽¹⁾**

Mưa bụi vừa hết, gió nhẹ lại nổi lên,
Một mình đứng trong bóng chiều man mác.
Mạn bắc, núi liên tiếp với đồng bằng,
Phía nam, mây bay vào cõi không rộng lớn.
Bức thành xây trên bụng rồng⁽²⁾ ngất trời hùng tráng,
Dòng nước cuốn theo đất đỏ, thành làn sóng hoa đào⁽³⁾.
Quan hà lồng lộng, gọi lên bao ý nghĩ cổ kim,
Thân này vì có gì lại cứ phải làm một nhà thơ !

Dịch thơ :

*Mưa dầm vừa tạnh, gió hơi dong,
Tựa bóng chiều hôm ngắm cảnh sông.*

(1) *Thận Tự* : tên tự của Trần Văn Vy, người làng Đông Các, huyện Thọ Xương, nay thuộc Hà Nội, đỗ cử nhân khoa Ất Dậu đời Minh Mệnh (1825), có tập thơ *Hoài Đông thảo*.

Di Xuân : tên tự của Diệp Xuân Huyền.

Hoà Phủ : chưa rõ là ai.

(2) *Bụng rồng* : theo thuyết phong thủy, người ta cho nơi xây thành Thăng Long là bụng rồng.

(3) *Sóng hoa đào* : sông Nhị Hà lẫn nhiều phù sa, màu đỏ như hoa đào.

*Nẻo bắc núi liền đồng bát ngát,
Phương nam mây hợp khoảng mênh mông.
Thành xây Long đồ lưng trời vững,
Sóng cuốn đào hoa vắn cát hồng.
Kim cổ miên man tình đất nước,
Sao mình làm mãi một thi ông ?*

Xuân Trang

ĐĂNG LONG THÀNH LÂM THẮNG HỮU CẢM

Đệ nhất phồn hoa thử cự kinh,
Nùng sơn, Nhị thủy tối cao thanh !
Thiên niên thành quách không kim cổ,
Thập lý nha phường lão tử sinh.
Hàn thực hầu gia yên sắc đạm,
Hương phong tửu điểm liêu hoa minh.
Bất kham phiếm đỉnh Tây Hồ nguyệt,
Cố quốc tà dương địch sổ thanh.

Dịch nghĩa :

CẢM XÚC KHI LÊN THÀNH THĂNG LONG NGẮM CẢNH

Đây là kinh đô cũ, nơi phồn hoa bậc nhất xưa kia,
Núi Nùng, sông Nhị rất mực cao thanh.
Ngàn dặm thành quách, từng qua mấy độ cổ kim ?
Mười dặm phố phường, nối tiếp bao lớp người sống thác ?
Tiết hàn thực⁽¹⁾ màu khói nhà tước hầu đã lạt,
Gió đưa hương⁽²⁾, hoa liễu trước quán rượu sáng tươi.
Không lòng nào chơi trăng ở Hồ Tây được,
Mới nghe mấy tiếng dịch trong buổi chiều tà,
đã chạnh niềm cố quốc rồi.

(1) *Hàn thực* : là một tiết có từ đời cổ, ở Trung Quốc, trước tiết thanh minh hai ngày. Trong tiết ấy, mọi nhà đều ăn đồ nguội cho đến khi có lửa từ trong cung vua ban ra. Thơ Hàn Dũ thời Đường vịnh tiết hàn thực có câu : "Nhật mộ Hán cung truyền lập chúc – Thanh yên tàn nhập ngũ hầu gia" (Ngày đã tối, cung vua Hán ban ra ngọn nến sáp – Khói xanh tàn vào nhà nam tước hầu). Ở đây nêu màu khói đã lạt là nói các nhà công hầu không còn, vì Thăng Long không phải là đế đô nữa.

(2) *Gió đưa hương* : thơ Lý Bạch có câu : "Phong xuy liễu hoa mãn điểm hương" (Gió thổi hoa liễu, cả quán rượu thơm ngát).

Dịch thơ :

*Bạc nhất phồn hoa kinh nguyệt cũ,
Cao sâu Nùng Nhị vẫn sơn hà !
Thành trì trơ mấy hồi kim cổ,
Phường phố thay bao lớp trẻ già.
Tết lạnh cửa hầu đèn lạt khói,
Gió thơm quán rượu liêu tươi hoa.
Hồ Tây khôn nở thuyền trăng dạo,
Sáo gọi hồn quê rộn bóng tà !*

Hoàng Tạo

HOA THẬN TU XUÂN NHẬT ĐỒNG CHU HỮU ĐĂNG LÂU QUÁN VỌNG HỒ KIẾN KÝ THỨ VẠN

Tích du vô kế phục đăng lâu,
Khước ý lan can vọng bích lưu.
Quân diệc đa tình đảo yên thủy,
Ngã do di hận mãn đình châu.
Nhật tà thiên địa song bóng mẩn,
Xuân tĩnh giang hồ nhất bạch âu.

Dao tướng đương niên hành lạc xứ,
Tàn mai (a) không tự cố cung đầu.

Dịch nghĩa :

HOẠ BÀI "NGÀY XUÂN CÙNG CÁC BẠN LÊN LẦU QUÁN NGẮM HỒ⁽¹⁾" CỦA ÔNG THẬN TỰ GỬI CHO

Muốn đi chơi nhưng không có cách nào
lại lên lầu được,
Lại tựa vào lan can, ngắm dòng nước biếc.

(a) *Tàn mai* : có bản viết là *tàn hoa*.

(1) *Lầu quán* : chỉ quán Trấn Vũ ; *Hồ* chỉ Hồ Tây. Trong khi nghiên cứu bài thơ này, chúng tôi tìm thấy bài nguyên xương của nó trong tập *Hoài Đông thảo* của nhà thơ Trần Thận Tự, dưới đầu đề *Đồng chu hữu đăng Trấn Vũ tự chung lầu*. Nhận thấy là một bài thơ hay mà đầu đề lại rõ ràng hơn đầu đề ở bài thơ họa của Cao Chu Thần, xin đặc biệt phụ lục dưới đây, với mục đích làm sáng tỏ thêm ý nghĩa của bài thơ họa.

ĐỒNG CHU HỮU ĐĂNG TRẦN VŨ TỰ CHUNG LẦU

Xuân phong xuy khách thượng cao lầu,
Vân ảnh thiên quang đăng bích lưu.
Phương thảo thể thể hoàng hạc chữ,
Tổ ba thiển thiển bạch tảo châu.
Vãng lai na quán hoa biên điệp,
Phi tức đồng khan thủy thượng âu.
Nhật mộ vị vân chung hưởng khấu,
Thi thanh cao quải ngọc lâu đầu.

Bác cũng nặng tình với nơi khói nước,
Tôi còn nhiều mối hận chắt đây nơi bãi doi.
Mặt trời tà, hai mái tóc rối bung
giữa khoảng trời đất,
Cảnh xuân êm lặng, một con âu trắng
trên mặt sóng hồ.
Xa xa tưởng lại những nơi hành lạc năm nao,
Nay chỉ có gốc mai tàn vẫn đứng trơ
bên đầu cung cũ.

Dịch nghĩa :

CÙNG CÁC BẠN LÊN GÁC CHUÔNG CHÙA TRẦN VŨ

Gió xuân thổi, đưa khách lên lầu cao,
Dưới bóng mây và ánh mặt trời, làn nước biếc lấp lánh.
Bến bến hạc vàng, vườn muội cỏ xanh,
Trên bãi rau tần trắng, nước nông gợn sóng bạc.
Những con bướm bên hoa, tha hồ bay đi bay lại,
Mọi người cùng nhìn con âu trên mặt nước khi đỗ khi bay.
Chiều rồi, chưa nghe thấy tiếng chuông vang,
Chỉ nghe tiếng ngâm thơ lơ lửng trên lầu ngọc.

Dịch thơ :

*Chẳng được lên lầu, tiếc cuộc chơi,
Tựa lan can ngắm nước in trời.
Nặng tình bác những vì mây nước,
Để hận tôi còn phụ bãi doi.
Trời đất bóng tà làn tóc rối,
Bể hồ xuân lạnh cái áo hơi.
Xa xa tưởng lại nơi hành lạc,
Cung cũ còn trơ một góc mai !*

Hoàng Tào

Dịch thơ :

*Gió xuân thổi nhẹ, khách lên lầu,
Nước loáng trời mây biếc một màu.
Bãi học cỏ thơm xanh mướt mướt,
Bến tảo sóng dợn trắng phau phau !
Bên hoa bay liệng thưa hồ bướm,
Mặt nước hơi đùa vô số âu.
Bóng xế chầy kinh chưa thấy dạo,
Tiếng thơ, lầu ngọc lừng lơ cao !*

Hoàng Tào

DU TÂY HỒ BÁT TUYẾT

(Tuyển ngũ)

I

Sáng chữ phồn châm mạc yếm xuân,
Nhất khâu, nhất hác vị toàn bản.
Địa lưu tuế nguyệt vô sầu cảnh,
Thiên tá giang hồ độc hạnh nhân.

Dịch nghĩa :

TÁM BÀI TỬ TUYẾT "CHƠI HỒ TÂY"

(Tuyển năm bài)

Tiếng chày thưa thớt, tiếng đập vải dòn dập
tứ xuân không chán⁽¹⁾,
Gò có, hang có, không phải là thiếu thốn lắm,

(1) Khi trước, các làng ở xung quanh Hồ Tây có hai nghề đặc biệt, là nghề làm giấy bản và nghề nhuộm vải thâm. Giấy Bưởi và vải thâm Tây Hồ là hai thứ có tiếng. Ở đây nêu *tiếng chày* là chày giã bột "đó" để làm giấy bản, "tiếng đập vải" là giặt vải để nhuộm.

Đất dành nơi đây thành một cõi "năm tháng
không buồn",
Khách giang hồ ai may mắn nhất, thì trời cho mượn
cảnh này [mà chơi]

Dịch thơ :

*Nhịp chày, tiếng đập rộn ràng xuân,
Hốc nọ, gò kia cảnh chứa chan.
Năm tháng không buồn do đất sắp,
Giang hồ có phúc được trời ban.*

Nguyễn Văn Tú

II

Điên đảo xuân tâm bất tự trì,
Tây Hồ chân cá thị Tây Thi :
Doanh doanh thúy đại ba bình hậu,
Khúc khúc quần yêu thảo lục thì.

Dịch nghĩa :

Lòng xuân nghiêng ngả, không tự cầm giữ nổi,
Tây Hồ quả thật là một nàng Tây Thi :
Vẻ mây nở nang là khi lớp sóng mới lặng,
Dây lưng uốn éo là lúc ngọn cỏ đương xanh.

Dịch thơ :

*Nghiêng ngả lòng xuân lả lơi chi ?
Tây Hồ cũng thể một Tây Thi.
Sóng êm mây lượn cùng chung vẻ,
Cỏ lướt tà bay có khác gì.*

Nguyễn Văn Tú

III

Khuyến nhĩ trùng ba tửu nhất chi,
Thiếu niên dư tối giải nhân di.
Khiên lai tây bạn sơn vuu hảo,
San khước đông biên quách cánh nghi.

Dịch nghĩa :

Xin mời bác sóng xơi một chén rượu,
Tuổi thiếu niên tôi rất thích làm cho người ta
buồn cười.
[Giá như] bác lúi nhủn núi ở phía tây lại thì tốt,
Và san phẳng bức thành ở phía đông⁽¹⁾ đi lại
càng hay hơn,

(1) *Bức thành ở phía đông* : có lẽ chỉ thành Đại La lúc bấy giờ.

Dịch thơ :

Mỗi sóng vì ta cạn chén đưa,
Tuổi xanh ta chỉ thích vui đùa.
Lôi non tây đến càng thêm tốt,
San lữ đông đi lại dễ ưa.

Nguyễn Văn Tú

IV

Phiếm phiếm kinh châu khứ vị hoàn,
Cô vân trú xứ thị cô san.
Cao lang chỉ tự mai hoa sấu,
Xuân tứ hôn như bệnh hạc nhàn.

Dịch nghĩa :

Lênh đênh một chiếc thuyền nhẹ, đi mãi chưa về,
Nơi có đám mây chơ vơ kia là ngọn núi chơ vơ.
Chàng Cao [chơi đấy] khác nào
như cây hoa mai gầy gò,
Tứ xuân lạng lẽ, như chim hạc đang ốm.

Dịch thơ :

*Đi mãi chưa về, chiếc mảng trôi,
Mây côi dừng lại ngọn non côi.
Thân chàng Cao tựa cây mai vổ,
Mà tứ xuân như chiếc hạc côi !*

Nguyễn Văn Tú

V

Dục bả không can phiền bách lưu,
Vong tình tạm tá khiến xuân sâu.
Ngư nhi vị tín phi ngư phủ,
Đạp đạp như dân khiếp thụ câu.

Dịch nghĩa :

Ráp đem chiếc cần câu không, dạo trên dòng biếc,
Có ý gì đâu, chỉ tạm mượn để giải buồn
trong ngày xuân.
Lũ cá chưa tin rằng mình không phải là ông chài,
Cứ nhón nhác sợ mắc phải lưới câu như những
người dân [sợ sệt].

Dịch thơ :

*Mượn chiếc cần không tới giữa dòng,
Giải buồn nào có ý gì mong.
Cá kia cứ tưởng là ngư phủ,
Nhớ nhác như đàn sọ mắc trong.*

Nguyễn Văn Tú

DU MÔ CỔ TRẠCH, ĐẠ THỈNH ĐÀN TRANH

Tổ thủ điều tranh kịch khái khang,
Nhập xoang đao để Tiểu Tần vương.
Bát niên thoại biệt bối hồi cửu,
Nhất dạ thương xuân yếm ức trường.
Liên từ hữu tâm tri độc khổ,
Dương hoa vô lực vị thủy mang ?
Thí chiêu bách học Tô giang thủy,
Biến dữ nhân gian tẩy tục trường.

Dịch nghĩa :

CHƠI Ở MỘT NHÀ QUEN CŨ, ĐÊM NGHE GÂY ĐÀN TRANH

Tay ngọc dạo nắn cây đàn tranh, nghe rất khảng khái,
Phả vào xoang điệu, rõ ràng như khúc Tiểu Tần Vương⁽¹⁾,
Xa nhau trong tám năm trường, còn băng khuâng mãi,
Một tối thương xuân càng ảm ức hoài.
Hạt sen ôm tấm lòng đắng ngắt, chỉ một mình mình biết,
Hoa dương liễu yếu ớt, vì ai mà cứ tắt tả bay ?
Muốn thử khơi cả trăm học nước dòng sông Tô⁽²⁾ lại,
Để rửa cho người đời sạch hết bụng dạ dơ dáy.

Dịch thơ :

*Tay ngọc đàn tranh mới dạo qua,
Khúc đâu khảng khái Tiểu Tần xưa !
Tám năm cách mặt bao thương nhớ,
Một tối thương xuân mấy thẫn thờ !*

(1) *Khúc Tiểu Tần Vương* : tức là khúc nhạc *Tần Vương phá trận*. Theo sách *Đường như Lễ nhạc chú*, Đường Thái Tông khi còn là Tần Vương, phá tan quân Lưu Vũ Chu, tướng sĩ mở hội ăn mừng, sáng tác ra khúc nhạc này, sau khi lên ngôi thiên tử, mỗi lần có cuộc yến hội đều lại đem ra tấu.

(2) *Sông Tô* : tức sông Tô Lịch.

*Ngậm đắng âm thầm sen có ruột,
Vì ai tất tả liêu hay tơ ?
Muốn khơi cạn nước dòng Tô thủy,
Rửa sạch cho đời dạ nhớp nhờn.*

Hoàng Tạo

ĐỀ TRẦN VŨ QUÁN THẠCH BI

"Sân khước đông biên quách cánh nghi !"
Tuý lai ngô tự vịnh ngô thi,
Tráng du vô ná thương xuân mục,
Thế sự hà kham một tự bi ?
Trúc Bạch hồ đầu vân mịch mịch,
Thái Hoà cung ngoại thảo ly ly.
Vân phong tà chiếu bất quy khứ,
Tán phát nguy kiều tiểu tự tri.

Dịch nghĩa :

ĐỀ BIA ĐÁ QUÁN TRẦN VŨ

"San phẳng bức thành ở phía đông đi lại càng hay !"
Khi say ta cứ ngâm câu thơ ấy của ta,

Cuộc trăng du, biết bao cảnh thương xuân trước mắt,
Đối với việc đời, chịu sao nổi [sự mơ hồ như]
tấm bia không chữ⁽¹⁾.

Đầu hồ Trúc Bạch mây man mác,
Ngoài cung Thái Hoà cỏ xanh rờn.
Gió chiều, bóng xế, vẫn không trở về,
Xoã tóc đứng trên cầu cao, mỉm cười chỉ tự mình
biết vậy.

Dịch thơ :

"San luy đông đi lại dễ ư !"
Thơ ta ta đọc lúc say sưa.
Thương xuân thấy cảnh chơi càng ngán,
Không chữ nhìn bia chuyện những ngờ.
Trúc Bạch, bên hồ mây lặng lẽ,
Thái Hoà, quanh điện cỏ lơ thơ.
Gió chiều bóng ngã, về không dút,
Cười mỉm trên cầu tóc phát phơ.

Hoá Dân

(1) *Bia không chữ* : Đời Tân Thuý Hoàng có dựng tấm bia ở đỉnh núi Thái Sơn. Người sau tìm đến bia ấy, thì không thấy có một chữ nào. Vì chuyện ấy người ta ví những người mù chữ như tấm "bia không chữ" (một tự bi). Ở đây tác giả ý muốn nói : Đối với việc đời cần phải có sự nhận định rõ ràng, không thể mơ hồ như tấm bia không chữ được.

QUÁ THIÊN QUANG TỰ, THƯƠNG LÊ TRIỀU CỔ CUNG

Cơ nhân ngẫu nhĩ kinh Chu đạo,
Ly thử ngâm tàn cảm cố cung.
Liễn lộ tinh kỳ không thử địa,
Giao dân thảo thụ tự thu phong.
Bách niên vãng sự bi tà chiếu,
Nhất điểm trần tâm đối văn chung.
Do hạnh tương phùng hữu tương thức,
Đào thiên nhân thị lão tao ông.

Dịch nghĩa :

QUA CHÙA THIÊN QUANG⁽¹⁾, CẢM THƯƠNG CUNG ĐIỆN CŨ TRIỀU LÊ

Người long đong, ngẫu nhiên đi qua
đường nhà Chu⁽²⁾,
Đọc hết thơ "Thử ly" mà cảm thương cho
cung cũ triều trước⁽³⁾.

(1) *Chùa Thiên Quang* : Theo lời chú bài *Cao Bá Quát với cuộc khởi nghĩa chống triều đình Nguyễn (1854 - 1856)* của ông Hoa Bằng (Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 121, tháng 4, năm 1969) thì chùa này, hồi Lê Trung Hưng, ở thôn Thụ Mã, sau đổi là thôn Hoà Mã và hiện nay là phố Tuệ Tĩnh, Hà Nội.

(2), (3) Tác giả mượn truyện nhà Chu để nói triều Lê. Nhà Chu trước đóng đô ở Kỳ Sơn (Tây Chu), bị giặc tàn phá, phải dời đô sang Lạc Ấp (Đông Chu). Một vị đại phu qua chỗ kinh đô cũ, thấy cung điện hoang tàn, lúa mạ mọc đầy, cảm thương mà làm ra thơ *Thử ly*. Thơ ấy còn ghi ở *Vương phong Kinh Thi*.

Cờ quạt đường ngự đi, nay chỉ còn một
mảnh đất không,
Cây cỏ ở đàn tế giao, mặc cho gió thu thổi.
Nhìn cảnh chiều tà mà xót việc cũ trăm năm,
Một điểm lòng trần, đứng trước tiếng chuông buổi tối.
Còn may, trong những người gặp đây, lại có người quen,
Người trốn đời ở chùa đó, là một nhà thơ già.

Dịch thơ :

*Khách lạ đường Chu nay bỗng qua,
"Thử ly" thơ đọc cảm cung xưa.
Cờ giống lối ngự này nơi cũ,
Cỏ áy đàn giao, mặc gió thu.
Việc cũ trăm năm thương bóng xế,
Lòng trần một điểm thoáng chuông đưa.
May còn gặp gỡ người quen hiết,
Sư cụ đây là một tướng, thơ.*

Vũ Mộng Hùng

DU TIÊN LỬ ĐỘNG VÂN NHÂN ĐÀM THÁI NGUYÊN SƠN THUYẾT THẮNG TUYỆT HẠ THẠCH NGÂM

Thiên công diệc hà sự,
Vị trí Thái Nguyên sơn.
Chỉ thử nhất quyền tiểu,
Thần tác quý phục ngoan.

Hàm nha hiện cố động,
Cật khúc tàng phong loan.
Cô kinh nhập nguy đăng,
Lộ nhược thông thiên đàn.
Thọ đằng dữ quái thạch,
Ngạo ngọt thể tuyết phan.
Duy hữu chúng viên điều,
Khiếu hô tương vãng hoàn.
Bất tri cổ hà nhân,
Tư yên tịch thiên quan.
Chỉ kim nham cốc trung,
Kim bích nhất cải quan.
Thử bang tích chương dịch,
Huống nãi phong vũ khan.
Danh sơn nan biến du,
Cử tửu ý dĩ lan.
Hoắc Sơn, Tam Hải vấn man man,
Ngã dực tông chi hành lộ nan !
Thuyền năng vị ngã trừu thử nhất ngưng động,
Thố chi Tây Hồ chi thượng, Châu Long,
Phượng Chủy chi gian.

CHƠI ĐỘNG TIỀN LỮ⁽¹⁾
NGHE NGƯỜI TA NÓI VỀ CẢNH ĐẸP
CỦA SÔNG NÚI TỈNH THÁI NGUYÊN
SAY RỒI LÀM BÀI NÀY

Ông trời sao cũng lắm chuyện,
Bày đặt ra những quả núi ở Thái Nguyên.
Chỉ một hòn nhỏ bằng nắm tay thế này,
Mà biết bao công phu thần đục, quỷ chạm.
Thành một cái động cổ rộng thênh thênh,
Trong có những vầng đá lờm chờm thành những
ngọn núi.
Một lối hẹp xuyên vào nơi bậc đá cheo leo,
Tuông như có thể thông lên tận trời được.
Những cụm mây già, những hòn đá kỳ quái,
Cao chót vót, hết cách vin trèo.
Chỉ có những loài vượn, loài chim,
Lên tiếng gọi nhau, con qua con lại.
Không biết người nào ngày xưa,
Đã xây dựng nên ngôi chùa ở chốn này ?

(1) *Tiên Lữ* : tên một cái động trong dãy núi ở tỉnh Thái Nguyên. Sách *Dại Nam nhất thống chí* nói : Ở xã Hoà Trung huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có một cái động, trong động có cột đá, phía trước phía sau động đều có cửa thông nhau, hai bên cạnh có một hang lên trời, một hang xuống đất, trong động có chùa thờ Phật tức là động này.

Đến bây giờ ở trong hang núi,
Sắc vàng, màu biếc một vẻ sáng tươi.
Nơi đây nhiều khí độc,
Lại thêm mưa gió phủ phàng.
Những ngọn núi nổi tiếng khó mà đi chơi
cho khắp được,
Vừa cất chén rượu mà ý đã ngập ngừng rồi.
Núi Hoắc Sơn, hồ Ba Bể⁽¹⁾ man mác những mây,
Ta muốn tới đây nhưng đường đi trắc trở.
Ai có thể chuyển giúp ta cả một góc động này,
Về đặt bên Hồ Tây, giữa khoảng hai gò Châu Long
và Phụng Chuyết⁽²⁾.

Dịch thơ :

*Ông xanh sao khéo vẽ vời,
Thái Nguyên núi ấy bày chơi làm gì ?
Bằng nắm tay hòn núi kia,
Rìu thần, búa quỷ ly kỳ chuốt trau.*

(1) *Hoắc Sơn* (tức Khâu Hoắc Sơn) : một ngọn núi cao thuộc tỉnh Thái Nguyên, trên núi có một cái ao, gọi là *Ao tiên*, phong cảnh rất u nhã.

Ba Bể : tên một hồ thuộc tỉnh Bắc Cạn – một thắng cảnh ở miền thượng du, phía Bắc nước ta.

(2) *Gò Châu Long* : gò bên cạnh Hồ Tây, ở vào khoảng chùa Châu Long hiện nay.

Phụng Chuyết : chỉ khu đất miền Hồ Tây. Theo thuyết phong thủy ngày trước, Hồ Tây là kiểu đất "Phụng Hoàng uống nước", nên cũng gọi là kiểu đất "mỏ phượng".

Mở toang cái động ngàn thâu,
Ngỗng ngào thạch nhũ muốn màu lạ sao !
Hút heo bạc đá bước vào,
Đường đi như lối cheo leo lên trời.
Mây già đá quái chơi vơi.
Gỗ ghe ngao nghể, đổ ai dám treo.
Chỉ còn vượn hót chim kêu,
Riu ran đàn lũ gọi nhau đi về.
Cửa thiên sông sông đây kia,
Ấy ai từ trước bỏ để phát tâm.
Mà nay trong động u thâm,
Vàng cài biếc giắt mười phân ita nhìn.
Đây nhiều chướng khí lam yên,
Lại thêm mưa gió ghét ghen phủ phàng.
Danh sơn chơi khắp khôn màng,
Vừa nâng chén rượu ý tràn ngập say.
Hoắc Sơn, Ba Bể mờ mây,
Muốn đi, phải nổi đường này khó đi.
Ước ao quả động to kia,
Có ai chịu khó khênh về cho ta.
Để bày những chỗ lại qua,
Hổ Tây, Phụng Châu cùng là Châu Long.

Hoa Bằng

THỨ VÂN (a) TƯƠNG ĐỘ LĂNG TÂN, THẠCH THƯỢNG TẠM YẾT

Đức Giang giang thượng trú chinh an,
Tạm yết ky biên tiểu thạch hàn.
Vũ đãi tà dương minh nộn điệp,
Phong tuy nộ lăng phách hàn than.
Hà nhân cách thụ hoành ngư xuất,
Hữu khách đình bôi ý kiếm khan.
Lão bộc bất tri dư tính lãn,
Chiêu châu kính độ thái diên ngoan.

Dịch nghĩa :

CHIỀU HÔM SAU SẮP SANG BẾN LĂNG⁽¹⁾, NGÔI NGHỈ TẠM TRÊN TẮM ĐÁ

Dừng ngựa trên bờ sông Đức⁽²⁾,
Ngồi nghỉ tạm trên phiến đá, cạnh bến.
Mưa tạnh, trong ánh nắng chiều, lá cây non lóng lánh,
Gió theo làn sóng dữ, vỗ vào bãi cát vắng teo.

(a) Bài này làm sau một bài khác (không tuyển) trong khi tác giả đi chơi tỉnh Lạng Sơn, nên đầu đề hai chữ "thứ vân" (chiều hôm sau).

(1) *Bến Lăng* : chưa biết ở đâu.

(2) *Sông Đức* : đây chỉ sông Thiên Đức, hay còn gọi là sông Đường chảy qua địa phận giữa Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh.

Bên kia rừng cây có người cười trâu ló ra,
Khách ngừng chén rượu tựa gương ngắm nhá.
Chú lão bực không biết tính mình lười,
Cứ nóng nảy gọi đồ, muốn sang sông ngay.

Dịch thơ :

*Trên bờ sông Đức ghìm cương ngựa,
Tấm đá bên ghềnh tựa nhá ngắm.
Mưa tẩm lá non nhiều lớp lạnh,
Gió đùa bãi vắng sóng chơi vơi.
Khuất cây cười ghé ai vừa ló,
Ngừng chén tựa gương khách vẫn ngồi.
Lão bực chẳng hay mình tính nhác,
Đồ ngang vẫy gọi mãi không thôi.*

Hoá Dân

DƯ THI HỮU PHAN LONG TRẦN DU CÔN SƠN, NHÂN TÁC CÔN SƠN HÀNH VÂN

Xuân thiên hà minh mộng !
Xuân sơn liên vạn trùng !
Du tử vũ huê hồ,
Hào hứng lãng trường không.

Khách đạo Côn Sơn chi thượng thanh thả u,
Dữ tử tương tương phỏng cố du.
Khoá cao độ hiểm nhiều la kính,
Dao chỉ âm âm thương thụ đầu.
Giải y phân thủ tản bộ hành,
Tùng đào vị ngã trữ viễn tình.
Tam thanh, bát cảnh như truy tuyê,
Động Tân, Thái Bạch phân tống nghinh.
Ngưỡng diện cao thanh khiêu thái cổ.
Hàn sao tấp tấp phong linh linh.
Đê thanh phục ngâm Tử phủ chương,
Phiên nhiên phi phát đấng sơn quynh.
Sơn quynh thượng hữu Phạm vương đài,
Cổ tích thương thương ế lục đài.
Kiến thuyết Trần công cựu du thường,
Chí kim sơn khí y nhiên giai,
Thấu Ngọc kiều biên dã hoa tiểu,
Thanh Hư động lý văn đề điều.
Úc Trai phú tại dữ thủy luân ?
Thiên cổ cao danh phó tình hiệu.

Duy hữu Trần triều thiên·giả bất hoại thân,
Y y tuệ nhân chiếu kim nhân.
Lãng truyền thế đế giai hoà trạch,
Cánh hữu hà nhân thám pháp luân ?
Hành khách bất tri du tử ý,
Mạn hướng sơn tăng thuyết thiên lý.
Tôn tiền hữu tửu quân thả ẩm,
Vị quân nhất ca Hàn Sơn tử (tử).
Cổ Phao thành hạ Lục Đầu tân,
Thịnh quân bắc vọng khan tích nhân,
Bách chiến giang sơn thặng ngư đình.
Vạn cổ anh hùng nhất tụ trần.
Chước chước quân mạc tì ! (từ),
Nhân thế bi hoan bất đồng thì.
Kim nhân du thưởng hậu nhân bi,
Tức tâm liễu nghĩa chân như si.
Ngọt toạ cùng thiên hê dĩ vi ?
Chước chước quân mạc tì ! (từ)
Sơn tiêu phục hữu cao từng tam lưỡng chi.
Phan trắc diếu bất hoang,
Minh vân thiên ngoại phi.

Chinh điều tương dữ hoàn,
Lạc điệp phân phân nhi.
Du nhân quy bất quy ?

Dịch nghĩa :

CÔN SƠN HÀNH⁽¹⁾
LÀM KHI LÊN CHƠI NÚI CÔN SƠN
VỚI ÔNG BẠN THƠ PHAN LONG TRẦN

Trời xuân sao mà mịt mùng !
Núi xuân liên tiếp muôn trùng.
Khách chơi, buổi chiều xách bầu rượu,
Hào hứng vượt lên khoảng trời xa.
Khách nói : "Trên núi Côn vừa mát mẻ vừa tĩnh mịch".
"Chúng ta hãy cùng nhau lên thăm những dấu tích xưa".
Trèo cao, vượt hiểm, vòng theo lối đi rậm rạp,
Xa xa kìa những ngọn cây xanh um.
Phanh áo, giang tay bước đi thông thả,
Tiếng thông reo làm khuấy cả nỗi lòng xa xôi.

(1) *Côn Sơn* : ngọn núi thuộc xã Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
Phan Long Trần : chưa rõ là ai.

Tường như Tam Thanh, Bát cảnh⁽¹⁾ cũng theo mình đến,
Và các ông tiên Động Tân, Lý Bạch⁽²⁾ đang rộn rã đón đưa,
Ngẩng mặt lên, cát cao gọi về thời thái cổ⁽³⁾
Chỉ thấy ngọn cây đào dạt, gió thổi lạnh lùng.
Thấp giọng xuống ngâm bài Từ phủ,
Thoắt lại xoa tóc bước lên cửa chùa trên núi.

(1) *Tam Thanh* (ba đông) : Nhất Thanh, Nhị Thanh và Tam Thanh ở phía bắc tỉnh Lạng Sơn, là những thắng cảnh nổi tiếng, nhất là động Nhị Thanh. *Bát cảnh* : tập thơ *Tây Hồ bát cảnh* của một thi sĩ đời Vĩnh Hựu (1735 - 1739) nhà Lê có ghi tám cảnh đẹp nên thơ ở quanh Hồ Tây là :

– *Bến trúc Nghi Tâm* : bến tâm của chúa Trịnh Giang dưới đây trúc ngà ở làng Nghi Tâm.

– *Rừng bàng Yên Thái* : rừng bàng trên một núi đất tại làng Yên Thái do Trịnh Giang bắt trồng.

– *Đàn thế Đông Cổ* : đàn do vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) xây để hàng năm quần thần đến thế tỏ lòng trung hiếu.

– *Phật say làng Thụy* : pho tượng Phật, chống gậy, dáng đi như người say rượu, ở một ngôi chùa làng Thụy Chương thuở ấy.

– *Sâm cầm rợp bóng* : nghề săn chim sâm cầm ở các làng quanh Hồ Tây.

– *Đổng hồng Nghi Tâm* : làng Nghi Tâm làm nghề trồng hoa, có những vườn hoa rất đẹp.

– *Chợ đêm Khán Xuân* : chúa Trịnh thường họp các cung nữ mở chợ đêm tại phường Khán Xuân để mua vui.

– *Tiếng đàn hành cung* : sau khi họ Trịnh đổ, những cung nữ còn sót lại trong các hành cung, vẫn gảy những điệu đàn rất du dương.

(2) *Động Tân và Lý Bạch* : tức Lữ Động Tân và Lý Thái Bạch, hai nhà thơ thời Đường, Lữ Động Tân còn gọi là Lữ Tổ, một trong tám vị được gọi là "bát tiên" ; Lý Thái Bạch được người ta gọi là *Trích tiên* (ông tiên bị giáng xuống trần).

(3) *Gọi về thời thái cổ* : ý nói cất tiếng ngâm, tưởng tượng về đời thái cổ.

Trong chùa có đài Phạm vương⁽¹⁾,
 Dấu cổ lò mờ, rêu phủ xanh biếc.
 Nghe nói đây là nơi du ngoạn của Trần Công⁽²⁾ xưa,
 Đến nay khí núi vẫn còn sầm uất.
 Bên cầu Thấu Ngọc⁽³⁾ hoa đại lẫn tần,
 Trong động Thanh Hư⁽⁴⁾ tiếng chim riu rít,
 Bài phú của Ưc Trai⁽⁵⁾ còn đó, nhưng biết đem bàn
nói cùng ai
 Danh cao tự nghìn xưa phó mặc cho vòm trời xanh ngắt.
 Chỉ có tấm thân không nát của vị sư đời Trần⁽⁶⁾,
 Đôi tuệ nhãn⁽⁷⁾ vẫn sáng ngời nhìn người đương thế.

(1) *Đài Phạm vương* : chùa thờ Phật. Ở sườn núi Côn Sơn có chùa Côn Sơn, gọi là Thiên tứ phúc tự trong đó có tượng của Trúc Lâm tam tổ đời Trần là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang.

(2) *Trần Công* : tức Trần Nguyên Đán, người tôn thất thời Trần (ông ngoại của Nguyễn Trãi) làm quan đến chức Nhập nội kiểm hiệu tư đồ, Bình chương sự, Quốc thượng hầu, lúc già về nghỉ ở Côn Sơn.

(3) *Cầu Thấu Ngọc* : một cái cầu ở Côn Sơn, dưới động Thanh Hư.

(4) *Thanh Hư* : tên một cái động thờ Phật ở Côn Sơn, do Trần Nguyên Đán sửa sang để làm nơi yên nghỉ sau khi cáo quan về hưu dưỡng. Di tích nay còn.

(5) *Ưc Trai* : tên hiệu của Nguyễn Trãi, khai quốc công thần đời Hậu Lê, cháu ngoại của Trần Nguyên Đán ; Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, giết gần hết con cháu họ Trần, nơi ở của Trần Nguyên Đán ở Côn Sơn cũng bị hoang phế. Nguyễn Trãi vì nhớ công ơn ông ngoại, về sửa sang lại cảnh Côn Sơn và có làm bài *Côn Sơn ca*. Đây nói bài phú của ông Ưc Trai có lẽ là chỉ bài ca ấy.

(6) *Vị sư đời Trần* : chỉ sư Pháp Loa, một trong ba vị Trúc Lâm tam tổ.

(7) *Tuệ nhãn* : tức là mắt Phật có thể trông thấy thực tướng của sự vật.

Cứ đồn phỉếm rằng Phật bảo cõi đời là cái nhà lửa⁽¹⁾,
Thì còn ai tìm hiểu đến pháp luân⁽²⁾ làm gì !
Khách đi đường không hiểu ý người du tử,
Cứ đem mãi đạo lý nhà Phật ra mà nói với ông sư.
Trước mặt có cái vò rượu, anh hãy uống đi,
Tôi sẽ vì anh mà hát bài "Hàn Sơn tử"⁽³⁾.
Dưới thành Cổ Phao, bến sông Lục Đầu⁽⁴⁾,
Anh hãy quay về bắc mà nhìn người thuở trước !
Trên khoảng non sông từng qua trăm trận đánh, nay
chỉ thấy mỗi một chiếc thuyền câu,
Bao khách anh hùng muôn thuở, nay chỉ là một đám bụi !
Rớt đi ! Rớt nữa đi ! Xin đừng từ chối !
Cõi đời buồn hay vui từng lúc khác nhau.
Nơi người nay vui ngấm lại là nơi người sau ngậm ngùi,
Tắt hết tâm cơ, hiểu lâu nghĩa lý, thực chỉ là ngây.
Ngồi thừ ra để suy cùng đạo Phật, hỏi để làm gì ?
Rớt đi ! Rớt nữa đi ! Xin đừng từ chối !

(1) *Nhà lửa* (hoả trạch) : thuyết nhà Phật coi cõi đời phôi nã như cái nhà lửa.

(2) *Pháp luân* (bánh xe pháp) : Đạo Phật nói : Phật chuyển vận bánh xe pháp để cứu khắp mọi loài.

(3) *Hàn Sơn tử* : tên một cao tăng thời Đường (Trung Quốc) tu trong động Hàn Nham, trên núi Thiên Thai, không ai rõ tung tích. Lư Chi Dận làm quan ở Đan Khâu, nghe tiếng, đến tìm nhưng Hàn Sơn tử không tiếp, lánh chạy vào trong động, cửa động tự nhiên đóng lại.

(4) *Sông Lục Đầu* : một con sông thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì khúc sông này có sáu ngọn sông đổ về nên gọi tên như thế.

Kia trên đỉnh núi còn có đôi ba cành tùng cao,
Trèo cho tới nơi, nhìn ra tám cõi,
Chỉ thấy những đám mây lờ mờ bay tận ngoài trời,
Chim đi xa đã rủ nhau về,
Lá cây rụng đang bay phấp phới.
Khách du tử về hay không đây ?

Dịch thơ :

*Trời xuân, ôi ! Man mác !
Non xuân muốn dậm dài !
Khách chơi, chiều xách rượu,
Hào khí vượt lưng trời !
Bạn nói : "Trên đỉnh Côn Sơn rất thanh tú,
Tôi bác cùng lên thăm dấu cũ !"
Trèo cao vượt hiểm, vạch đường đi,
Xu chỉ ngang đầu làn cỏ thụ.
Giang tay, phanh áo thũng thỉnh chơi,
Gió thông thổi dịu tình xa xôi.
Tam Thanh, Bát cảnh như theo đến,
Động Tân, Lý Bạch rộn khuyên mời.
Ngẩng đầu gọi vọng về muốn thuở,
Ngọn cây gió lạnh ào ào đổ !
Tử phủ thơ vừa nhẹ tiếng ngâm,
Xoã tóc thoát lên cửa thiền ngộ.*

Cửa thiền, trong có đài Phật tổ,
Xanh biếc làn rêu phong dấu cổ,
Nghe nói nơi xưa ông Trần chơi,
Núi đầy vẻ đẹp nay vẫn đó.
Thấu Ngọc ven cầu lấm tấm hoa,
Thanh Hư động vắng tiếng chim ca.
Ước Trai phú đầy, cùng ai đọc ?
Muôn thuở danh cao, trời thăm xa.
Chỉ có vị sư đời Trần thân chẳng hoại,
Mặt tuệ vàng vạc soi thế giới.
Vẫn tin nhà lửa là cõi đời,
Mâu nhiệm còn ai người hiểu tới ?
Khách lạ chưa hiểu ta hết ý,
Nhưng muốn cùng sư giảng đạo lý.
Trong bình có rượu hãy say đi,
Vì bác hát khúc "Hàn Sơn tử" (tử).
Đời thành Cổ Phao, bến Lục Đầu,
Hãy trông về bắc ! Người xưa đâu ?
Anh hùng muôn thuở : một đám bụi !
Trăm trận non sông Chiếc mành câu !
Uống đi ! Uống đi ! Đừng ngại say,
Cảnh đời buồn vui, từng lúc thay !
Người nay cười vui, người sau xót,
Nén lòng hiểu nghĩa, chỉ là ngây !
Suy cùng huyền lý, làm gì vậy ?
Uống đi ! Uống đi ! Đừng ngại say !

*Kìa trên đầu non, từng cao đôi bu cây.
Trèo lên nhìn tám cõi,
Ngoài trời mây vẫn bay.
Chim xa rủ nhau về,
Phất phới lá rụng đầy,
Khách về hay không đây ?*

Hoàng Tao

BỆNH TRUNG

Xuân lai tâm lực lưỡng kham tăng,
Tổn tận yên vi sáu bất thăng.
Nhập thế chích thân thiên lý mã,
Khan thư song nhãn vạn niên đăng.
Chuyết thể ỷ chẩm sơ bông mấn,
Trĩ tử khiên y tạ khúc quăng.
Nhất tiểu na tri nhân vị đắc,
Tiểu lô tiên minh đạm như tăng ?

Dịch nghĩa :

TRONG LÚC ỒM

Từ sang xuân đến nay, cảm thấy tâm lực
cả hai đều đáng phàn nàn,
Vòng lưng sút đi, gầy không xiết kể.

Vào đời, chiếc thân như con ngựa nghìn dặm,
Xem sách, đôi mắt là ngọn đèn muôn năm.
Bà vợ vụng về, tựa vào gối chải mái tóc rối,
Con trẻ ngây thơ, kéo áo đòi khoanh tay để gối đầu.
Cười xoa một tiếng : biết đâu rằng muốn nhàn
chưa được,
Nhóm chiếc lò nhỏ pha chè uống, thanh đạm
như nhà sư.

Dịch thơ :

*Tâm lực xuân này nghĩ đáng cảm,
Vòng đai đã sút hẳn khôn cảm.
Vào đời thân ví ngựa ngàn dặm,
Đọc sách mắt như đèn muôn năm.
Tựa gối vợ dần tung tóc chải,
Lôi tay con nhỏ ngả đầu nằm.
Cười xoa nào biết nhàn chưa được,
Một ấm chè suông cảnh lão tăng.*

Nguyễn Quý Liêm

TRÊ VŨ CHUNG DẠ CẢM TÁC

Tế vũ phi phi dạ bế môn,
Cô đăng minh diệt tiểu vô ngôn.
Thiên biên chinh khách, khuê trung phụ,
Hà xứ tương tư bất đoạn hồn !

Dịch nghĩa :

MƯA DẦM SUỐT ĐÊM CẢM TÁC

Mưa bụi lất phất, ban đêm đóng cửa,
Ngon đèn côi quạnh lúc tỏ lúc mờ, im lặng chẳng
nói năng gì.
Kẻ ở chân trời và người ở chốn phòng khuê,
Đã nhớ nhau thì ai ở đâu mà tâm hồn chẳng tan tác.

Dịch thơ :

*Cửa cài lất phất đêm mưa,
Ngon đèn khi tỏ khi mờ, lặng không !
Người viễn tái, kẻ cô phòng,
Tương tư ai chẳng náo lòng như ai !*

Hoàng Tạo

ĐỘC DẠ

Thành thị huyền ty địa,
Kiên khôn lão bệnh phu.
Tê cung thành nhũn thặng,
Bình tích thả nề đồ.

Hàn lạo nãi liên phát,
Tai lê huống vị tô.
Thái bình vô nhất lược,
Lộc lộc sĩ vi nho (a).

Dịch nghĩa :

ĐÊM NGỒI MỘT MÌNH

Một mảnh đất vừa ôn, vừa thấp ở nơi thành thị,
Một con người vừa già, vừa ốm giữa trời đất.
Đem thân ra đời đã thành người thừa,
Nấu vết hãy chịu lắm than vạ.
Nhưng nạn rét, nạn lụt cứ phát sinh liên tiếp,
Huống chi dân đen bị tai nạn chưa được hồi phục.
Không có một sách lược gì làm cho đời được thái bình,
Thẹn mình là một nhà nho mà lại tầm thường đến thế ?

Dịch thơ :

*Thị thành nơi ở thấp, ôn,
Một anh già ốm trong khuôn đất trời.
Mang thân thừa thải ở đời,
Nín hơi lạnh gót lẫn nơi bùn lầy.*

(a) Lời chú của tác giả : "Lộc lộc do lục lục dã" (lộc lộc cũng như lục lục), nghĩa là tầm thường.

*Liên miên lự rét gân dây,
Dân đen tai nạn bấy nay không lành.
Thái bình một chúc chưa thành,
Tám thường nghĩ thẹn cho mình nhà nho.*

Vũ Mộng Hùng

MỘNG VONG NỮ

Thân viễn ngộ đương bệnh,
Tư nhi mỗi tiết ai.
Hốt nhiên trung dạ mộng,
Sâu kiến lệ như thôi.
Y phục hàn nhưng phá,
Dung nham thậm bất khai.
Thái diêm bản vị khuyết,
Tân khổ nhữ quy lai !

Dịch nghĩa :

CHIÊM BAO THẤY CON GÁI ĐÃ MẤT

Cha mẹ xa, mình thì đang ốm,
Nhớ con mà vẫn phải nén đau thương.
Bỗng nhiên trong giấc mơ lúc nửa đêm,
Nhác trông thấy con mà nước mắt giàn giụa,

Áo quần đã không đủ ấm lại rách,
Nét mặt buồn bã không tươi.
[Con ạ !] "Nhà ta tuy nghèo nhưng dưa muối
vẫn không thiếu
Dù có tận khổ thì con hãy cứ trở về !".

Dịch thơ :

*Nhà xa bệnh lại giày vò,
Nhớ con hằng nén xót chua nghẹn ngào.
Đêm qua bỗng thấy chiêm bao,
Gặp con, giọt lệ tuôn dào như mưa.
Áo đơn lạnh lẽo xác xơ,
Ủ ê nét mặt, bơ phờ hình dung !
Tuy nghèo dưa muối đủ dùng,
Đắng cay con hãy về cùng với cha !*

Nguyễn Văn Bách

DỪ GIA NHÂN TÁC BIỆT, THỊ DA DU BỆNH CHUYỂN PHÁT

Vong tình tự tiểu ngã hà năng,
Ái lạc niên lai tiệm bất thăng.
Nại biệt hữu giam tàng cự kính,
Công sâu vô ảnh bạn cô đăng.

Chấm biên hương mộng tam canh viễn,
Cân lý sương mao nhất dạ tăng.
Thủy niệm xuân hàn trung lộ khách,
Ngưu y lang tạ lệ thành băng !

Dịch nghĩa :

TỪ BIỆT NGƯỜI NHÀ, NGAY ĐÊM ẤY LẠI PHÁT BỆNH

Tự cười mình chưa tới được bậc "vong tình"
Mấy năm nay, những nỗi buồn vui dần dần
không chịu nổi.
Ly biệt lâu ngày, mảnh gương cũ vẫn phong kín
trong gói,
Buồn đến rũ rượi chả thành bóng để bạn
với ngọn đèn lẻ loi.
Ba canh bên gối, giấc mộng quê hương càng thấy xa,
Một đêm những sợi tóc bạc trong khăn thêm lên nhiều.
Có ai nghĩ đến khách giữa đường trong cữ rét xuân,
Trên chiếc áo tôi đây những hạt lệ đọng thành giá.

Dịch thơ :

Vong tình riêng những thẹn không hay,
Vui, xót lòng ta rộn bấy chầy.
Mảnh kính còn phong niệm biệt cũ,
Ngọn đèn không tỏ mối sầu tây.

*Hồn quê bên gối ba canh dỗi,
Hoa tuyết trong khăn một tối dầy !
Đất khách lạnh lòng ai có thấu,
Lệ rơi băng đọng áo tôi đây.*

Nguyễn Văn Bách

ĐỘC THI

Hồn tích phong trần lý,
Viện thâm thường bế quynh.
Dưỡng ngã thủ chuyết tâm,
Khoáng nhược viễn thế hình.
Tịch tịch Tử Vân cư,
Không sàng lão nhất kinh.
Triển chuyển ngã sở tư,
Như tuý phục như tình.
Niệm thiện phú Tang hồ,
Hoài hiền ca thấp linh.
Thiên tài thủy tự âm ?
Khái dục vọng điển hình.
Nhật nhập quân động tức,
Thiên cao dạ minh minh.
Hạ hữu bất miên nhân,
Thượng hữu dục lạc tình.

Kê thê uất bà sa,
Cổ lan ám kỷ hình.
Liễu vi không ngoại âm,
U hưởng dục thủy thỉnh ?

Dịch nghĩa :

ĐỌC KINH THI

Sống lẫn trong đám phong trần,
Nhà ở sâu thường thường đóng cửa.
Nuôi lấy lòng "chịu vụng" của ta,
Thành thời như thân hình xa cõi tục.
Nơi ở tịch mịch như nhà Tử Vân⁽¹⁾,
Chiếc giường không, già đời với một quyển kinh.
Cứ trần trọc với điều suy nghĩ,
Như say lại như tỉnh.
[Người trước] làm thơ Tang hồ⁽²⁾ để nghĩ
đến người thiện,
Hát chương Thấp linh⁽³⁾ vì nhớ đến người hiền.

(1) *Nhà Tử Vân* : Tử Vân tức Dương Hùng đời Đông Hán, ông có làm một cái nhà riêng để thảo kinh Thái huyền, gọi là "Thảo huyền trạch".

(2) *Thơ Tang hồ* : ở thiên *Tiểu nhã*, *Kinh Thi*, là thơ đọc trong yến tiệc, thiên tử nhắc đến công lao của chư hầu, mong cho được hưởng phúc lâu dài.

(3) *Chương Thấp linh* là một chương trong thơ *Gián Hê ở Bội Phong*, *Kinh Thi*. Đại ý nói : người hiền nhớ tiếc vua nhà Tây Chu biết dùng những người có tài đức.

Nghìn năm sau ai đã nói được âm điệu ?
Lòng những muốn trông làm khuôn mẫu,
Mặt trời lặn, các tiếng động đều im bật,
Trời cao đêm mật mờ,
Dưới có người không ngủ,
Trên có vì sao muốn rơi,
Loại cây bồ kết thì tốt um,
Cây lan đơn độc, thơm không ai biết.
Cứ ngâm vọng ra ngoài trời,
Tiếng vang trong đêm tối định để ai nghe ?

Dịch thơ :

*Lần mình trong đám trần ai,
Căn nhà sâu thẳm cổng ngoài cài then.
Giữ niềm khờ vụng đã quen,
Chiếc thân phóng khoáng nhường quên việc đời.
Thảo huyền ở rảnh một nơi,
Chiếc giường, già vẫn không rời quyển kinh.
Nổi lòng trần trọc thân canh,
Vẫn vợ nào biết rằng mình tỉnh say ?
Kìa thơ "Tang hồ" mến tài,
"Thấp linh" câu vịnh nhớ người hiền nhân.
Nghìn năm ai đã nói vẫn ?
Trông gương người trước bội phần ước mơ.*

Ác chìm bốn mặt như tờ,
Trời cao, đêm cũng mịt mờ trôi qua.
Dưới thì không ngủ có ta,
Trên thì sao sáng lờ mờ muốn rơi.
Những loài bỏ kết tốt tươi,
Chối lan hìn quanh ai người biết hương ?
Ngoài trời ta hãy ngâm vang,
Tiếng ngân trong tối liệu chừng ai nghe ?

Nguyễn Văn Tú

MỘ ĐẮC XÁ HUYNH QUÁN DẠ GIAM THƯ KIẾN KÝ

Độc dạ tài thư lệ,
Tha hương niệm biệt tình.
Bách niên thân thị khách,
Tứ hải đệ tri huynh.
Trưởng vọng y cô các,
Ai ca đối đoản kình.
Không giai vô hạn nguyệt,
Cố tác bạng nhân minh.

Dịch nghĩa :

CHIỀU TỐI, TIẾP ĐƯỢC BỨC THƯ VIẾT ĐÊM TRONG QUÁN CỦA ANH GỬI CHO

Ban đêm một mình rõ lệ viết thư,
Cảm mối tình nhớ nhau ở nơi quê người.
Trăm năm thân chỉ là khách,
Bốn bể, có em biết anh.
Tựa trên tầng gác chơi vơi, nỗi lòng tưởng nhớ,
Ngồi trước một cây đèn thấp, tiếng hát bi ai.
Thêm vắng man mác ánh trăng,
Cố ý theo sát bên người mà chiếu sáng.

Dịch thơ :

*Hoà giọt lệ tả thư đêm vắng,
Chốn quê người càng nặng nhớ thương.
Trăm năm là khách trên đường,
Biết anh bốn bể dễ thường một em.
Tựa gác vắng nỗi niềm trông ngóng,
Ngọn đèn con đối bóng ngâm dài.
Thêm không trăng sáng đầy trời,
Cố đem ánh bạc mà soi người buồn.*

Nguyễn Quý Liêm

BẠC VÂN TUY QUÝ

Mình đánh quy lai bất dụng phù,
Nhất giang yên trúc chính mô hồ.
Nam nam tự dữ liên hoa thuyết,
Khả đắc hồng như tửu diện vô ?

Dịch nghĩa :

CHIỀU TÀ, SAY TRỞ VỀ

Say mêm, đi về không cần người đỡ,
Cả một dải sông mịt mờ những khói cùng tre.
Lầm râm sẽ hỏi bông hoa sen :
"Có đỏ được bằng mặt rượu của ta không ?"

Dịch thơ :

*Chuồnh choáng say về không đợi dắt,
Mịt mùn khói trúc một dòng sông.
Rì râm ghé tới hoa sen hỏi :
"Hoa có hồng như mặt rượu không ?"*

Nguyễn Văn Bách

MỘ PHẠM BẤT CẤP HỖ BÚT KÝ SỰ

Phượng cơ luyện trúc thực,
Ai minh khốn thể chỉ,
Bệnh ký pháp quan liệu,
Kiến thảo đậu khấu hỷ.
Trường Khanh cố trường bản,
Văn Quân yếu giải sự (sự)
Cầu giám vị tương tri,
Thượng ý đương lộ túy.
Mộ lai khuyết ứng tôn,
Khô trường tẩu vạn nghĩ.
Giám Hà cấp Tây giang,
Thù nho tiểu dục tử. (tử)
Ta tại Mạnh Đức Diệu,
Nhâm thung cánh hà địa ?
Lệ dã hoặc bất lục.
Vô nãi vi phu tử (tử) ?
Viết dư toạ tiết viết,
Bạo diễn thiên sở chi,
Hiển hữu bất đột kiểm,
Hướng dĩ lương đức khí.
Lân ông kiến trợ ngã,
Phế cử mịch tàn khí,
Đê thanh vị lân ông :
Ngô sinh biểu qua nhĩ,

Khám kha hằng nhân tình,
Thần suất tín sở lý.
Thiếp thể khởi vị khẩu ? (a)
Tự cổ hữu lịch thí.

Dịch nghĩa :

BỮA CHIỀU KHÔNG CƠM, VIẾT ĐUA GHI VIỆC

Chim phượng đối thềm quả trúc⁽¹⁾,
Đậu mãi ở bụi gai mà kêu thảm thương.
Ngựa ký ồm thiếu lương ăn,
Thấy cỏ thảo đậu khấu cũng mừng.
Chàng Trường Khanh vốn là nghèo⁽²⁾,
Nhưng nàng Văn Quân cũng phải biết điều chứ ?⁽³⁾
Khi chưa được Cầu giám biết đến⁽⁴⁾,
Vẫn phải dựa vào người "coi hũ"
mới có rượu uống⁽⁵⁾.

(a) Lời chú của tác giả : "Tô thi : Ngô sinh thiệp thể bản vị khẩu" (Ông Tô Đông Pha có câu thơ rằng : Ta bước vào đời vốn chỉ vì cái miệng).

(1) *Quả trúc* : Theo sách *Tam Hoàng kỷ*, chim phượng hoàng không có cây ngô đồng không đỗ, không có quả trúc không ăn.

(2), (3), (4), (5) : Thời Hán, Tư Mã Tương Như, tự là Trường Khanh là một danh sĩ, nhà nghèo gặp nàng Trác Văn Quân, lấy nhau và đem nhau đến chợ Lâm Cùng bán rượu. Tương Như thường gảy đàn ngâm thơ, Văn Quân ngồi bán rượu, sau Tương Như được Dương Đế Ý là quan coi việc nuôi chó (Cầu giám) ở trong cung vua, tiến cử lên Vũ Đế mới được bổ làm quan lang.

Chiều nay không có cơm,
 Ruột quắt cồn cào như kiến bò.
 Đợi được Giám Hà mức nước Tây giang⁽¹⁾
 Thì "thù nho"⁽²⁾ cũng phải cười muốn chết.
 Này này nàng Mạnh Đức Diệu⁽³⁾,
 Nàng già gạo thuê ở nơi nào ?
 Phục dịch hoặc khi không hết sức,
 Chả là trái ý chống u ?
 Lại bảo rằng ta quá hoang toàng,
 Phí của trời thì trời bắt tội.
 Bạc hiền giả còn có người khối không nhọ bếp⁽⁴⁾.
 Hướng chi đức mỏng như ta bị đời ghét bỏ ?
 Ông hàng xóm có ý giúp ta,
 Lục giở rách để tìm cơm nguội.

(1) *Giám Hà mức nước Tây giang* : Theo sách *Trang Tử*, Trang Chu thiếu lương ăn, hỏi vay Giám Hà. Giám Hà hứa khi nào được vua phong cho thực ấp, sẽ lấy tô thuế để cho vay. Trang Tử bèn kể chuyện mình vừa gặp con cá con nằm trong vết bánh xe cạn. Con cá xin nước. Chu bảo sẽ mức nước Tây giang về tưới cho. Cá nói : "Nếu vậy, khi có nước, ông sẽ tìm tôi ở hàng cá khô".

(2) *Thù nho* : là người lùn giữ việc làm trò trong cung Hán Vũ Đế.

(3) *Mạnh Đức Diệu* : tên tự của nàng Mạnh Quang.

(4) *Khối không nấu cơm nên bếp không có khối nhọ*. Hiền giả là chỉ Mạc Dịch thời Chiến quốc, vì Mạc Dịch thường đi du thuyết các nước, vội vàng không kịp thổi cơm ăn.

Ta nói khê bảo ông rằng :
"Đời tôi chỉ là quả bầu [treo không] mà thôi !" ⁽¹⁾
Ở đời gặp bước khó khăn là chuyện thường tình,
Chỉ nên thản nhiên yên tâm với cảnh ngộ.
Vào đời đâu phải là vì miếng ăn,
Từ đời xưa vẫn đã có những sự thử thách.

Dịch thơ :

*Chim phượng đối khát khao quả trúc,
Nằm bẹp nơi gai góc kêu thương ;
 Ốm đau ngựa ký khan lương,
Thấy thảo đậu khấu cũng thường hả hê.
Trùng Khanh xưa vốn bẽ tung thiếu,
Nhưng Văn Quân phải khéo lo toan ;
 Khi mà Cửu giám chưa quen,
Say sưa nhờ kẻ đứng bên quây lò.
Bữa tối nay trong vò gạo cạn,
Mớ ruột khô hàng vạn kiến bò ;
 Giám Hà vì tát sông cho,
Thì "thù nhỏ" cũng vì no chết cười.
Mạnh Đức Diệu hỏi người nội trợ !
Giã gạo thuê rày ở nơi nao ?*

(1) *Quả bầu* : Khổng Tử nói : "Ta có phải là quả bầu đâu, chỉ treo một chỗ mà không ăn". Theo chú thích ở sách *Luận ngữ* thì nghĩa hai chữ "không ăn" ở đây là quả bầu không ăn, vì nó đã bị phơi khô rồi. Tác giả nêu ra để từ chối không ăn cơm của ông hàng xóm.

Nay không hết sức vì nhau,
Câu : "Vị phu tử" tránh sao miệng đời ?
Lại bảo ta ngồi rồi lãng phí,
Hại của trời, trời trị tội cho.
Hiền xưa khối chẳng nhọ lò,
Hướng chi đức mỏng như ta kể gì ?
Ông hàng xóm nể vì toan giúp,
Lục giỏ tre kiếm chút cơm thừa :
Ghé tại ông lão sẽ thừa :
"Đời ta chỉ một chiếc hồ treo sông".
Bước trác trở thế thường vẫn thế,
Cứ thân nhiên chi kể khó khăn :
Vào đời đâu vị miếng ăn,
Những điều thử thách cổ nhân đã từng.

Nguyễn Quý Liêm

SƠ ĐÀU

Nhất sinh cô phụ nữ xa thư,
Duyệt tận phong ai phát dữ sơ !
Tâm phát cự tranh trường đoản sự,
Đáo phân như xứ tổng phân như !

Dịch nghĩa :

CHẢI ĐẦU

Một đời đã phụ cả năm xe sách,
Trải mãi gió bụi mái tóc càng thưa thêm.
Tâm sự và tóc có cần chi phải so sánh vẫn dài.
Đến lúc đã rồi bởi thì cùng rồi bởi như nhau.

Dịch thơ :

*Đời năm xe sách cũng thừa,
Xông pha gió bụi bờ phờ tóc mai.
So chi lòng, tóc vẫn dài ?
Khi rồi bởi cũng rồi bởi như nhau !*

Xuân Trang

THUẬT HOÀI

Tự xỉ kim khuê tịch,
Kính vi nghệ phổ du.
Thi, Thư tư thế nghiệp,
Phủ ngưỡng thụ danh câu.
Cự phác dung khinh hứa,
Minh châu tích ám đầu,

Vân chương tình vệ hân,
Thân thế Kỳ nhân ưu.
Bạch bích tông đa khuyết,
Nga mi động kiến vu.
Nhân tình song thức lệ,
Trần lộ nhất hồi đầu.
Sư vị năng như ý,
Tâm nan độc tự do.
Cổ lai phương ngoại sĩ,
Phì độn vị thủy mưu ?

Dịch nghĩa :

THUẬT HOÀI

Nghĩ mình cũng là người có tên tuổi
ở chốn cửa vàng⁽¹⁾,
Lại từng lui tới nơi văn học,
Thi Thư nhờ sẵn có nếp nhà,
Nhìn lên trông xuống vẫn bị cái danh ràng buộc.

(1) *Cửa vàng* (kim khue) : tức là Kim môn, cũng tức là Kim mã môn, nơi đợi chiếu chỉ của các viện học sĩ đời Hán Vũ Đế. Câu này ý nói có tên trong sổ quan trường.

Hòn ngọc mộc⁽¹⁾ đâu dám dễ dàng trao cho ai
 Hạt châu sáng những tiếc bị ném từ trong bóng tối⁽²⁾
 Văn chương đã mang mối hận của chim tinh vệ,
 Thân thể thường lo lắng không đâu như người nước Kỳ⁽³⁾,
 Ngọc bích trắng xưa nay thường bị sút mẻ,
 Gái mảy ngài dễ bị chê bai.
 Nghĩ đến thói đời, những gạt hai hàng nước mắt,
 Bước đường cát bụi, một khi ngoảnh lại còn gì !
 Việc đã chưa được như ý,
 Lòng cũng khó mà được tự do.
 Xưa nay những khách ngoài vòng,
 Vừa ẩn vừa xuất cốt để vì ai ?⁽⁴⁾

(1) *Hòn ngọc mộc* (cự phác) : Sách *Khúc vỹ cự văn* có câu : "Đại tượng bất thi nhân dĩ phác, cái khủng nhân kiến kỳ phủ tạc ngân tích dã" (Người thợ giỏi không cho ai xem hòn ngọc chưa thành khí, e người ta thấy những vết dao búa của mình).

(2) Sách *Hàn thư* có câu : "Minh nguyệt chi châu, dạ quang chi bích, dĩ ám đầu nhân vu đạo lộ, vô bất án kiếm tương thị..." (Ngọc châu minh nguyệt, ngọc bích dạ quang, từ trong bóng tối ném ra người ngoài đường, thì ai cũng chống gươm trừng mắt), vì người ta không biết đó là của quý.

(3) *Không đâu như người nước Kỳ* : sách *Liệt Tử* nói : có một người nước Kỳ thường lúc nào cũng lo trời đổ sụp xuống, mình không có chỗ ở.

(4) *Vừa ẩn vừa xuất* (phì độn) : quẻ độn trong *Kinh Dịch* nói : "Phì độn vô bất lợi", chú : "phì" nghĩa là ung dung, nhàn hạ, lúc ẩn không giấu tên, thế là ẩn mà không ẩn, lúc xuất không nhận tước lộc, thế là không ẩn mà ẩn, lui tới thảnh thơi, cho nên nói là "Vô bất lợi" (đều tốt cả).

Dịch thơ :

Vốn ở nơi dài các,
Từng chơi vườn văn thơ,
Thi, Thư nhờ nghiệp cũ,
Cúi, ngửa lụy danh hờ.
Ngọc mộc há bán rẻ,
Châu sáng tiếc gieo mù.
Văn chương lấp bể hận,
Thân thế đổ trời lo.
Ngọc bích hằng có vết,
Mây ngài dễ chuốc thù.
Tình đời rơi nước mắt,
Đường bụi luống quay đầu.
Việc còn chưa vừa ý,
Lòng khó được tự do.
Từ xưa kẻ cao sĩ,
Xuất xử vì ai mưu ?

Nguyễn Mậu Tùng

TẶNG THỔ KHÔI ĐỔ VỆ UỶ XUẤT THANH HOÁ (a)

Thanh thân sơ đầu toạ tản phát,
Hoán chỉ tài thi tổng quân biệt.

(a) Đầu đề này sau chữ "xuất" ngữ thiếu một chữ.

Hốt nhiên đại tiểu diện ngưỡng thiên,
Bán thiên khí thổ yên vân phát.
Ngô châu chi hào, bang chi kiệt,
Kim thế kỷ nhân, quân thả thuyết !
Trịch nhĩ thượng bát Thanh xà mâu,
Khán ngã tam tiền kệ mao bút.

Quân bất kiến ?

Cô lai kỷ cá cân đồng cốt thiết,
Đầu thượng thanh ty thúc như tuyết.
Xa trần mã túc lão tiêu ma,
Trừu đao can trường không thị huyết (a).
Hô hải Nguyên Long cố bất trừ,
Thập niên do trệ thảo vân cư.
Sinh phùng thanh thế tri hà dụng,
Khải nhân khan quân di hạ thư.

Dịch nghĩa :

**TẶNG ÔNG VỆ UÝ HỌ ĐỒ
NGƯỜI LÀNG THỔ KHÔI⁽¹⁾
RA LÀM VIỆC Ở THANH HOÁ**

Sáng sớm chải đầu rồi ngồi xoa tóc,
Gọi lấy giấy để viết thư tiễn bác đi.

(a) Lời chú của tác giả : "Dư bệnh niệu huyết cơ khốn giả du niên, thư cái đạo kỳ thực dã" (Ta mắc bệnh đi tiểu ra máu, xuýt nguy, hơn một năm mới khỏi, đây là nói sự thực).

(1) *Làng Thổ Khôi* : thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội hiện nay.

Bỗng nhiên ngựa mặt lên trời cười vang,
Hơi nhá lên lưng chừng không, bốc thành mây khói.
Bác thử tính xem :
Những trang anh hào của đất ta, những bậc tuấn kiệt
của nước ta.

Đời nay có được bao người ?
Hãy quẳng ngọn mâu Thanh xà trượng tám của bác đi,
Và xem ngọn bút lông gà ba đồng tiền của tôi đây.
Bác há chẳng thấy ?
Xưa nay bao kẻ xương đồng da sắt,
Mái đầu đang như tơ xanh bỗng thành tuyết trắng.
Bụi xe, vó ngựa đã cùn đời,
Rút hết ruột gan cuối cùng chỉ còn lại máu,
Khí phách hổ hủi của Nguyên Long⁽¹⁾ cố giữ chữa đời.
Mười năm trời vẫn chìm lặng ở chốn am mây nhà cỏ.

(1) *Nguyên Long* : tên tự của Trần Đăng, thời Tam quốc, một người trăm nghị có chí lớn, khinh những kẻ tầm thường. Một hôm trong khi bình phẩm các nhân vật đương thời, Hứa Dĩ có phản nản với Lưu Bị rằng : "Nguyên Long là người ngang dọc bệ hỏ, song tính ngồng vẫn không chịu bỏ" và nói có lần gặp Long, Long lên nằm trên giường cao để Dĩ nằm cái giường thấp. Lưu Bị nói : "Nay trong nước loạn lạc, ông cũng là một đấng nam nhi, đáng lẽ phải vì nước quên nhà, thế mà ông đã nói toàn chuyện làm nhà tậu ruộng, chẳng câu nào đáng để vào tai, nếu tôi là Nguyên Long thì tôi sẽ nằm trên lầu cao trăm thước mà để ông nằm dưới đất mới phải".

Sinh nhằm đời thanh bình biết có làm nên trò gì ?
Lau mắt chờ xem cuốn "sách dưới cầu"⁽¹⁾ của bác.

Dịch thơ :

Sáng ra chải đầu ngồi xoa tóc,
Gọi giấy làm thơ tiễn chân bác,
Bỗng nhiên ngửa mặt phá lên cười,
Hơi toả lưng trời, mây khói bốc.
Trong châu ngoài nước những anh tài,
Nay có bao người bác thấy ai ?
Xếp ngọn xà mâu tám trượng lại,
Nhìn chiếc bút lông ba tiền đây.
Bác chẳng thấy ?
Từng bao kẻ xương đồng da sắt,
Tóc đang xanh tơ bỗng như tuyết.
Bụi xe vó ngựa hao mòn đời,
Rút hết ruột gan còn có huyết !
Hồ hải Nguyên Long đã hết đầu,
Mười năm chìm đắm chốn am sâu.
Sinh nhằm thời trị làm chi nhĩ ?
Dụi mắt chờ xem "sách dưới cầu".

Khương Hữu Dụng

(1) *Sách dưới cầu* : Trương Lương người nước Hàn, gặp Hoàng Thạch công ở dưới cầu Hạ Bì, được Hoàng Thạch công trao cho quyển binh thư và bảo : "Đọc sách này có thể làm thấy bậc vương giả". Nhờ đọc sách đó, về sau Trương Lương giúp Lưu Bang diệt Hạng Vũ lập nên cơ nghiệp nhà Thục Hán.

**VÂN LƯU NGUYỆT TRÌ BẮC
HÀNH, KHUYẾT VI DIỆN BIỆT
PHỤNG KÝ**

(Nhị thủ)

I

Phụng chiếu từ đan khuyết,
Minh tiên bạng cố hương.
Tri quân hỷ tiên lộ,
Hữu nhật báí cao đường.
Tích biệt gia thiên lý,
Hoài nhân thiên nhất phương.
Hảo bằng báo thân thức,
Bạch dã chính dương cường !

Dịch nghĩa :

**NGHE TIN LƯU NGUYỆT TRÌ⁽¹⁾ RA BẮC,
KHÔNG THÂN ĐẾN TIỀN ĐƯỢC,
KÍNH GỬI HAI BÀI**

Nhận chiếu chỉ, từ giã nơi cửa son,
Quất roi ngựa dong trên đường gần quê cũ.

(1) *Lưu Nguyệt Trì* : chưa biết ai.

Biết bác đang mừng thấy con đường trước mặt,
Sẽ có ngày được về bái yết song thân.
Những ngậm ngùi vì phải xa nhà hàng nghìn dặm,
Nay lại thêm nhớ bạn ở tận phương trời !
Nhân tiện nhờ bác báo cho các bạn thân biết,
Rằng : "Lý Bạch lúc này đang giả điên !"

Dịch thơ :

*Vâng chiếu từ cung khuyết,
Giục ngựa gần cố hương.
Biết bác mừng có dịp,
Thăm nhà sẽ tiện đường.
Xa quê đất nghìn dặm,
Nhớ bạn trời một phương.
Nhờ nhắn người quen biết :
Bạch nay đang giả cuồng.*

Tuấn Sinh

II

Thần suất tông thiên dữ,
Vu sơ giác nhật thâm.
Tự liên song đoàn cước,
Do hạnh nhất sinh tâm.
Vấn tục kinh thời hậu,
Tư hương ký dạ ngâm.

Nhân quân phỏng gia thất,
Phong vũ cộng triêm khâm.

Dịch nghĩa :

Trời bảm sinh cho cái tính ngay thẳng, thật thà.
Cảm thấy càng ngày càng lơ đãng, thiếu sót.
Thương cho mình hai chân ngắn quá,
Cũng may còn giữ được tấm lòng bản sinh.
Hỏi đến thói đời những sống sót vì thời tiết thay đổi,
Nỗi lòng nhớ quê, gửi gắm vào khúc hát lúc đêm khuya.
Nhân tiện nhấc bác hỏi thăm nhà tôi,
Trong buổi gió mưa này, ai mà chẳng nước mắt thấm áo !

Dịch thơ :

*Trời phú tính ngay thẳng,
Ngày thêm nổi đại khờ.
Tự thương đôi cẳng vắn,
May giữ tấm lòng xưa.
Chuyện thế ghé thời buổi,
Tình quê gửi khúc ca.
Thăm nhà xin nhấc bác,
Mưa gió lệ cùng sa.*

Khương Hữu Dụng

**THƯƠNG SƠN CÔNG HỮU SỞ QUÝ
VẬT KIỀM TRÍ HẢO THI,
BỘC PHƯƠNG NHIỀU VU THẤT TỬ CHI
THÍCH, CẢM THỂ GIAO KHẨN,
TÌNH HIỆN HỒ TỪ**

Cứ ngô tiêu tán tự trường ca,
Sầu cốt chi ly ủng mấn hoa.
Lão khứ văn chương tri kỷ thiếu,
Bản lai khẩu phúc luy nhân đa !
Hương viên mộng trở tam thu lậu,
Nhi nữ sầu liên bạc mộ nha.
Thuỷ đạo Mao khanh thành lục lục,
Bình Nguyên môn hạ cánh tha đà !

Dịch nghĩa :

**ÔNG THƯƠNG SƠN⁽¹⁾ TẶNG QUÀ,
CÓ KÈM MỘT BÀI THƠ HAY,
TA ĐANG BỐI RỐI VÌ CON CHẾT,
THƯƠNG CẢM DỒN DẬP,
TÌNH HIỆN RA LỜI**

Phờ phạc ngồi tựa ghế, những ngêu ngao hoài,
Nắm xương gãy rời rắc mang máng đầu hoa râm.

(1) *Thương Sơn* : biệt hiệu của Miên Thẩm, tước phong Tùng Thiện Vương, con thứ mười của Minh Mệnh, là một nhà thơ có tiếng trong hoàng phái triều Nguyễn.

Về già, văn chương ít được gặp người tri kỷ,
Khi túng, cái mồm, cái bụng làm rầy người ta nhiều.
Hồn mơ về quê nhà, bị nước lụt mùa thu ngăn cách,
Mối sầu thương con day dứt trong tiếng quạ chiều hôm.
Ai ngờ chàng Mao Toại⁽¹⁾ mà ra người tầm thường,
Cứ lần lửa mãi dưới cửa nhà Bình Nguyên Quân !

Dịch thơ :

*Tựa ghế bờ phờ những hát ngao,
Tấm thân gầy guộc, tóc sương gieo.
Văn chương tuổi ấy già ai chuộng !
Cơm áo ngày nay khó lụy nhiều !
Giấc mộng quê hương mùa lụt chắn,
Mối sầu con trẻ quạ chiều kêu.
Ai hay Mao Toại mà xoàng nhỉ !
Nương cửa Bình Nguyên sớm lại chiều !*

Hoá Dân

(1) *Mao Toại* : người thời Chiến quốc, thực khách nhà Bình Nguyên Quân, công tử nước Triệu, lúc đầu không tỏ ra có tài cán gì, đến khi Tần đánh Triệu, Bình Nguyên Quân cầu cứu nước Sở, Toại tự xin đi. Bình Nguyên Quân bàn kế hợp tung với vua nước Sở, đến trưa vẫn không giải quyết, Toại rút gươm uy hiếp vua Sở, nhờ thế tung ước được ký ngay. Bình Nguyên Quân nói : "Ba tác lược của ông Toại mạnh hơn trăm vạn quân".

BỆNH TRUNG, HỮU HỮU NHÂN CHIÊU ẨM, TỊCH THUỘNG TÁC

Mời ước xuân hoàn tái tửu tông,
Xuân hoàn vô tín phục vô tung.
Khách trung đối kính tam phần sáu,
Bệnh lý khan hoa nhất dạng dung.
Nhập thể công danh hỗn truy tặng,
Truyền gia thư sử mạn đồ long.
Thời nhân ngộ hứa văn chương giá,
Dục bả suy nhan hoán tuý dong.

Dịch nghĩa :

ĐANG ỒM, CÓ NGƯỜI BẠN MỜI UỐNG RƯỢU LÀM NGAY TRÊN TIỆC

Vẫn thường hẹn : xuân về thì chở rượu đi theo,
Nhưng khi xuân về, thì không thấy tin tức và
cũng không thấy tung tích đâu.
Ở đất khách, soi gương, thấy mình đã gầy vô ba phần,
Trong lúc ốm, xem hoa, cùng một vẻ biếng nhác.

Bước đường công danh không khác gì chỗ rơi⁽¹⁾ bị vỡ,
Nghiep nhà thư sử cũng tựa như nghề mổ rỗng⁽²⁾,
Người đời đã lắm coi trọng mình vì văn chương,
Muốn đem về mặt suy yếu này
thay bằng về mặt say rượu [hồng hào].

Dịch thơ :

*Những hện xuân về chỗ rượu theo,
Xuân về tin tức vắng teo teo.
Quê người soi kính thân gầy vỡ,
Khi ốm xem hoa cảnh nhạt phèo.
Rơi chỗ công danh đã chán ngắt,
Mổ rỗng nghề nghiệp có ai yêu ?
Người đời nhảm quý mình hay chữ,
Muốn mượn hơi men đổi má nheo !*

Ngô Lập Chi

(1) *Chỗ rơi* : Đời Hán Hoàng Đế, một ẩn sĩ là Mạnh Mãn quấy chỗ đi đường, đánh rơi vỡ, rồi cứ đi thẳng không nhìn lại. Quách Thái đi qua lấy làm lạ hỏi. Mạnh Mãn nói : "Chỗ vỡ rồi, nhìn lại phỏng có ích gì ?". Thơ Tô Thức : "Công danh nhất phát tằng, khí tri hà dụng cố" (Công danh như cái chỗ vỡ, vứt bỏ đi còn nhìn làm gì ?)

(2) *Mổ rỗng* : Theo sách *Trang Tử*, Chu Phan Man học nghề mổ rỗng ở nhà Chi Ly Ích, ba năm thành nghề, nhưng khi về chẳng có ai thuê mổ rỗng cả. Ý nói cái học không thiết dụng.

THÙ HỮU NHÂN UỶ VẤN

Lầu thượng Nguyên Long khả nại hào !
Đa tình đa bệnh bất tri lao.
Ngẫu nhiên phủ kỷ tâm thiên toái,
Hốt nhĩ hoài nhân nhật bách tao.
Sắc cử từu bôi liên Tĩnh Tiết,
Lũ niềm thi cú nghi Ly tao.
Bằng quân ký ngữ cự tương thức :
Thử khách sầu trung chỉ tự trào !

Dịch nghĩa :

TRẢ LỜI NGƯỜI BẠN HỎI THĂM

Nguyên Long ở trên lầu, hào khí vẫn còn giữ mãi
Tình nhiều bệnh nhiều mà vẫn không nhụt chí.
Bất chợt nghĩ đến mình, nát từng khúc ruột,
Có khi nhớ tới bạn mỗi ngày hàng trăm lần.
Nâng cất chén rượu tỏ lòng mến Tĩnh Tiết⁽¹⁾,
Lại hay làm thơ để sánh với *Ly tao*⁽²⁾

(1) *Tĩnh Tiết* : biệt hiệu của Đào Tiềm người thời Tấn, trước làm chức lệnh ở Bành Trạch, sau bỏ quan về, chỉ thích uống rượu, thưởng cúc. Khi nhà Tấn bị nhà Tống cướp mất ngôi vua, thì ông tỏ thái độ không thần phục nhà Tống.

(2) *Ly tao* : tên một tác phẩm của Khuất Nguyên, người thời Chiến quốc. Khuất Nguyên làm quan với nước Sở, có lòng tận trung, nhưng bị vua Sở nghe lời gièm pha mà đày ông đi Giang Nam. Ông làm thiên *Ly tao* để tỏ lòng nhớ nước và mong vua tính ngộ.

Xin gửi lời nói với những người quen cũ rằng :
"Cái lão ấy, hề buồn là chỉ tự nhạo mình mà thôi !"

Dịch thơ :

*Trên gác Nguyên Long vẫn tĩnh ngóng,
Tình nhiều bệnh lắm chẳng ngồi không.
Xót thân, lòng mấy hồi tan nát,
Vắng bạn ngày trăm lượt nhớ mong.
Bầu dốc những ưa làm Tĩnh Tiết,
Vẫn gieo toan độ với Tao ông.
Nhờ anh nhắc giúp ai quen biết,
Rằng tớ khi buồn độc nói bông.*

Xuân Trang

PHỤC GIẢN PHƯƠNG ĐÌNH

Thập niên ác bút phí quang âm,
Đồ bão tiên ưu hậu lạc tâm.
Thân sự dữ vân tranh tự tán,
Thế cơ như thuỷ trực thăng trầm.
Cố viên cúc tĩnh thu ung trưởng,
Tiểu các mai hàn dạ độc ngâm.
Tự tiểu đa tình tiêu vị đắc,
Phù danh hoàn khước ngộ tri âm.

Dịch nghĩa :

LẠI ĐUA THƠ CHO PHƯƠNG ĐÌNH⁽¹⁾

Mười năm cầm bút phí cả thì giờ,
Chi ôm ấp hoài tấm lòng "lo trước vui sau"⁽²⁾
Việc của thân mình như đua với mây, lúc tan lúc hợp,
Sự cơ ở đời khác nào như nước, hết xuống lại lên.
Nơi vườn cũ, chồi cúc lặn lẽ, sang thu chắc đã lớn,
Trên gác nhỏ, bên cây mai lạnh lùng, ban đêm ngồi
ngâm một mình.
Tự cười chưa bỏ hết được thói đa tình,
Hai chữ phù danh còn làm cho lỗi hẹn với bạn tri âm.

Dịch thơ :

*Phí công cầm bút đã mười năm,
Lo trước vui sau chỉ chứa cam.
Thân tựa áng mây đua tán tụ,
Đời như dòng nước trải thẳng trám.*

(1) *Phương Đình* : biệt hiệu của Nguyễn Văn Siêu, bạn thân của tác giả, quê ở Hà Nội, đỗ phó bảng đời Tự Đức. Hai người cùng nổi tiếng hay chữ. Thời bấy giờ có câu : "Thần Siêu, Thánh Quất".

(2) *Lo trước vui sau* : Trong bài phú *Nhạc dương lâu* của Phạm Trọng Yêm đời Tống có câu : "Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (Lo trước thiên hạ và vui sau thiên hạ).

*Vườn thu cúc muộn im lìm nở,
Gác tối mai gầy vắng vẻ ngâm.
Ngán nỗi đa tình chưa trút bỏ,
Phù danh thêm lữ với tri âm.*

Vũ Mộng Hùng

**DI XUÂN DĨ BỒN LIÊN VI
THU PHONG SỞ TÔI, HỮU THI KIẾN KÝ,
NHÂN THỨ KỲ VẠN, CA DĨ HOẠ CHI**

Vì hoa dương tác liên,
Hương thanh, cán trúc tư dong tiên.
Hoàng nê ngũ đấu, thủy nhất xích,
Biệt hữu phong trí như động thiên.
Công thành ý toại diệu nhiên khứ,
Bất dũ phẩm huỷ tương phan liên.
Thả chúc bạch ngọc trản !
Thí ngâm Thu thủy thiên !
Phong lưu tiêu sái hứa thủy khá ?
Ngã thị Phù Dung thành chi tản tiên !
Nhân gian vạn sự liêu nhĩ nhĩ,
Hoan hoa miết nhân chân khinh yên.
Nghiêm phong thê lộ bản sinh ý,
Bất tác quá đáng ngô thiên tuyển.

Dịch nghĩa :

**ÔNG DI XUÂN⁽¹⁾, VÌ CÓ CHẬU SEN
BỊ GIÓ THU LÀM XƠ XÁC,
CÓ THƠ GỬI CHO, TA THEO VẦN
LÀM BÀI CA HOA LẠI**

Làm hoa nên làm hoa sen,
Hương thanh, thân thẳng, dáng điệu xinh tươi.
Bùn vàng năm dẫu, nước một thước,
Có một phong cách đặc biệt như sống trong động tiên.
Công thành, chí toại⁽²⁾ rồi thì đi tấp,
Không dây dưa gì với các loài hoa cỏ tầm thường.
Hãy rút chén bạch ngọc !
Thử ngấm thiên thu thủy⁽³⁾
Còn ai đáng kể vào bậc phong lưu khoáng đạt ?
"Ta đây là một vị tiên nhân tản ở thành Phù Dung !" ⁽⁴⁾

(1) *Di Xuân* : tên tự của Diệp Xuân Huyền, người làng Phúc Tô, huyện Thọ Xương, Hà Nội, đỗ phó bảng khoa Nhâm Thân (1872) đời Minh Mệnh, bạn thân của tác giả.

(2) *Công thành chí toại* : ý nói công việc khai hoa kết quả đã xong.

(3) *Thu thủy* : là một thiên trong sách *Trang Tử*, đại ý nêu : Trời đất muôn vật, không cái gì là nhất định cả, không nên để lòng mình vướng víu vào vật gì.

(4) *Thành Phù Dung* : là nơi tiên ở. Phù Dung, một tên của hoa sen. Chữ "ta" ở đầu câu này là tác giả mượn lời hoa sen mà nói.

Ở đời muôn việc là thế thế,
Những cảnh phồn hoa náo nhiệt chớp mắt biến thành
khói bay.
Gió khan, sương lạnh vốn là sinh ý của tạo vật⁽¹⁾
Không có sự gì quá đáng thì bản tính ta vẫn vẹn tuyền.

Dịch thơ :

*Làm hoa nên làm sen,
Hương thơm thân thẳng đáng ưa nhìn.
Bùn vàng năm dẫu, nước một thước,
Phong cách đường như chiếm cõi riêng,
Công thành ý thoả là đi hẵn,
Chẳng cùng cỏ nội cùng vẩn vương.
Rớt bạch ngọc một chén !
Ngâm Thu thủy một thiên !
Phong lưu khoáng đạt ai bì kịp,
Thành Phù Dung, ta là một vị tảo tiên.
Muôn việc trên đời đều thế cả,
Cuộc vui như khói phút tan liền !
Gió ghê, sương buốt, cơ sinh hoá,
Bình thường giữ được tính trời nguyên.*

Vũ Mộng Hùng

(1) Ý nói : trời đất có qua gió khan, sương lạnh, rồi mới đến kỳ gió hoà, mưa thuận, muôn vật tốt tươi.

**TRẦN AN LỆNH LÊ TỬ CHI NHIỆM,
ĐẶC LAI TƯƠNG PHÒNG,
KÝ HỮU SỞ TẶNG, THU DĨ DỪ CHI**

Phế cư tích thời nhật,
Niệm biệt thường quả hoan.
Bất vị hiển hữu sinh,
Yết lai tương truy phan.
Vấn quân phục hà chi ?
Thủ lộ xuất Trần An,
Tuế mộ hữu trình kỳ,
Thả khứ bất đắc nhân,
Tạm yết thoai cộ du,
Cộ du đa khổ nan.
Dục thuyết bất nhãn tận,
Sử ngã tối tâm can.
Kim quân hội viễn thích,
Vị ngã tạ cố sơn.
Cố sơn tại chỉ xích,
Cô vãn hà thời hoàn !
Huy thủ tổng quân khứ,
Nhất mộ Hương thuỷ hàn.
Nhật tiểu vọng sơn đầu,
Trường ca "Hành lộ nan".

Dịch nghĩa :

**BÁC LÊ LÀM HUYỆN LỆNH TRẦN AN⁽¹⁾,
KHI ĐI NHẬN CHỨC CÓ ĐẾN THĂM
VÀ ĐÒI THƠ, TA VIẾT TẶNG BÀI NÀY**

Bị bỏ ở nhà đã khá lâu rồi,
Nghĩ nỗi biệt ly chả mấy lúc vui.
Không ngờ người bạn hiền,
Vẫn đi lại vương vít với nhau.
Hỏi bác : "Bây giờ lại đi đâu ?"
Bác rằng : "Lên đường đi Trấn An
Năm sắp hết rồi, hành trình có hạn,
Phải đi ngay, không thông thả được".
Tạm nán lại nói chuyện về các bạn cũ,
Các bạn cũ có nhiều người đang nhân nhó.
Muốn nói mà không nỡ nói hết,
Làm cho ta gan ruột rối bời,
Nay nhân bác tiện đường đi xa,
Phiến bác vì tôi xin lỗi với quê hương,

(1) *Bác Lê* : chưa biết là ai.

Trấn An : huyện Trấn An, thuộc tỉnh Yên Bái.

Quê hương chỉ cách gang tấc,
Chòm mây lẻ loi này biết bao giờ về !
Vẫy tay tiễn bác lên đường,
Ngày về chiều, nước sông Hương lạnh ngắt.
Cười xoà một tiếng nhìn lên đỉnh núi,
Hát vang lên khúc "Hành lộ nan"⁽¹⁾.

Dịch thơ :

*Ruồng bỏ bao lâu rồi,
Vắng bạn thường ít vui.
Không ngờ người bạn tốt,
Còn vấn vít cùng tôi.
Hỏi bạn đi đâu đấy ?
— Ra Trấn An đường ngoài.
Năm hết, ngày đã định,
Đi gấp không nghĩ ngơi.
Kể vội chuyện bạn cũ,
Nhiều bạn đang ngậm ngùi,
Không nỡ nói căn kẽ,
Ruột gan mình rồi bời.*

(1) *Hành lộ nan* : đường đi khó. Lý Thái Bạch thi hào thời Đường có bài thơ *Hành lộ nan*, nói lên chí kháng khái của mình.

*Nhân lúc bạn qua đó,
Ta núi, cây thay lời :
Núi thì gân gang tác,
Chòm mây vẫn lẻ loi !
Dang tay ra tiễn bạn,
Sông Hương tối lạnh trời,
Cười trông lên đầu núi,
"Hành lộ nan" hát chơi.*

Nguyễn Mậu Tùng

KỶ NGUYỄN CỔ HỮU HỒI TỊCH

Mặc Trì túc tích công đề giao,
Thác lộng thương minh thập trượng đào.
Kỳ ký tự quân nan phục lịch,
Liêu diêu tiểu ngã vị an sào.
Hoạn đồ tối thị tiên tinh thiếu,
Thế lộ thành tri bất trước cao.
Dục tá đại quan tiêu lỗ muộn,
Khước tu tuyển thạch hướng nhân trào.

Dịch nghĩa :

TIỀN ÔNG BẠN HỌ NGUYỄN VỀ LÀNG

Bác Mặc Trì là chỗ kết bạn đã lâu,
Vô tình đã làm nổi được đợt sóng cao mười trượng
ở ngoài bể khơi.

Tài bác như ngựa kỳ, ngựa ký⁽¹⁾,
khó mà nằm yên trong tàu được,
Cười cho tôi phận nhỏ như chim ri, chim chích⁽²⁾ mà
vẫn chưa yên tổ.

Đường làm quan [như giấc mơ] ít ai tỉnh sớm,
Cuộc đời [như ván cờ] người không đặt nước mới là cao⁽³⁾.
Muốn mượn cả vũ trụ để làm khuây mối sầu lữ thứ,
Nhưng lại sợ dòng suối móm đá chế giễu cho.

Dịch thơ :

*Mặc Trì thuở trước chỗ cùng chơi,
Đâu tưởng lâm khuá sóng biển khơi !
Kỳ ký như anh tàu khó núp,
Liều diêu cười tớ tổ chưa rồi.*

(1) *Ngựa kỳ, ngựa ký* : hai loại ngựa hay, thường dùng để ví với người có tài lỗi lạc.

(2) *Chim ri, chim chích* : dịch chữ "liều diêu", liều diêu tức "liêu tiêu".

(3) Ý nói người ẩn dật không vướng víu vào việc đời.

*Ít ai tình mộng lên quan lớn,
Mấy kẻ mần ngơ trước cuộc đời.
Muốn mượn cảnh trời khuấy nổi khách,
Lại e xuôi đá mả mai cười.*

Hoa Bãng

**DU HỐT U MỘNG TRUNG
VẮNG THÁM TUẦN PHỦ, ÁM TƯỚNG
KINH TRUNG CỔ NHÂN
HOẶC ĐƯƠNG HỮU NIỆM NGÃ GIÀ,
NHÂN KÝ TUẦN PHỦ KIỀM TRÌNH
ĐÔN NHÂN, PHẠM TỬ**

(Nhị thủ)

I

U cư sâu tuyết cổ thành ôi,
Hốt tác Giang Nam nhất mộng lai.
Lân ngã dĩ khai cao ngoạ kính,
Cổ nhân ưng thương vọng hương đài.
Khổ liên thanh nhĩ sinh tương hứa,
Độc tín đan tâm tử vị hồi.
Hối thủ Hải Vân phan bát đáo,
Phiêu phiêu thủy lộ hướng nam mai.

Dịch nghĩa :

**NGÂU NHIÊN NẪM MƠ ĐẾN THĂM ÔNG
TUẦN PHỦ⁽¹⁾, NGHĨ THĂM CÓ LẼ CÁC
BẠN Ở KINH CŨNG CÓ NGƯỜI ĐANG
NHỚ MÌNH, NHÂN GỬI BÀI NÀY CHO
ÔNG TUẦN PHỦ ĐỒNG THỜI
GỬI ÔNG PHẠM ĐÔN NHÂN**

(Hai bài)

Nằm nấu ở góc ngôi thành cổ⁽²⁾, buồn thực là buồn,
Bỗng nằm mơ một giấc đến tận miền Giang Nam⁽³⁾,
Nghĩ mình lười, đã vạch ra lối về nằm khểnh⁽⁴⁾
Còn các bạn cũ có lẽ cũng đang lên đài ngóng quê⁽⁵⁾.

(1) *Tuần Phủ* : tên tự của Nguyễn Văn Lý, người làng Đông Tác, huyện Thọ Xương, Hà Nội, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1833) đời Minh Mệnh.

Phạm Đôn Nhân : tức Phạm Sĩ Ái.

(2) *Ngôi thành cổ* : thành Thăng Long nơi tác giả đang ở.

(3) *Miền Giang Nam* : miền nam sông Gianh, nơi ông Tuần Phủ làm quan.

(4) *Lối về nằm khểnh* : ý nói lối về ở ẩn.

(5) *Đài ngóng quê* (Vọng hương đài) : Lý Lăng thời Hán bị giữ ở Hung Nô, đắp một cái đài cao để đứng trông về nước, gọi là Vọng hương đài, ở đây ý nói có lẽ ông bạn cũng đang nhớ quê hương ngoài Bắc.

Khổ vì nổi sống ở đời đã lấy mất xanh
mà đối đãi nhau,
Tin chắc rằng lòng son dù đến chết cũng không lạt.
Ngoảnh trông đèo Hải Vân xa không với tới,
Rưng rưng nước mắt nhìn hàng cây nam mai⁽¹⁾.

Dịch thơ :

*Buồn tênh nằm lủi góc thành xưa,
Bống tới Giang Nam một giấc mơ.
Tới biếng, tìm đường nằm khểnh trước,
Bác từng lên gác ngắm quê chưa ?
Mất xanh đã trót sinh cùng hẹn,
Lòng thăm riêng tin chết chẳng mờ.
Ngoái lại Hải Vân không với tới,
Ròng ròng nhỏ lệ nhớ mù u !*

Hoa Bằng

II

Bình sinh bách sự bất do tâm,
Tráng chí tha đà thặng đao càm (kim).

(1) *Cây nam mai* : tục gọi cây mù u. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, cây mù u hoa trắng như hoa bạch mai, quả to bằng ngón chân, hạt dùng để ép dầu, ở tỉnh Thừa Thiên có nhiều.

Dĩ bất nhẫn văn Hoàng diệu phú,
Khả năng độc ký Ngoạ Long ngâm ?
Quan tây cổ giác liên thành động,
Đầu bắc tinh vân ngũ dạ trầm.
Phiêu bạc thử thân thành dễ dụng,
Nhất xuân tiêu tuy bệnh niên xâm.

Dịch nghĩa :

Ồ đời trăm việc đều chẳng theo ý muốn của mình,
Chí hăng hái lần lửa cho đến ngày nay.
Đã không nỡ nghe bài thơ *Hoàng diệu*⁽¹⁾,
Lẽ nào chỉ gửi gắm vào khúc ngâm của Ngoạ Long ?⁽²⁾
Phía tây cửa ải, tiếng trống tiếng còi làm lung lay
cả mấy toà thành,
Vùng trời Bắc đầu mây sao năm canh trầm lặng.
Tắm thân trôi dạt này biết có làm nên chuyện gì,
Cả một mùa xuân tiêu tuy, đau ốm đã hàng năm rồi.

(1) *Hoàng diệu* : tên một bài thơ trong *Kinh Thi* chê chính sự đời Tuyên Vương nhà Chu làm cho dân phải ly tán, không cứu giúp lẫn nhau.

(2) *Khúc ngâm của Ngoạ Long* : chỉ khúc *Lương phủ ngâm* – một điệu nhạc cổ. Gia Cát Lượng, biệt hiệu là Ngoạ Long khi còn ẩn ở Nam Dương, thường thích ngâm điệu ấy, về sau ra giúp Lưu Bị lập nên cơ nghiệp đời Thục Hán.

Dịch thơ :

*Muôn việc trên đời chẳng dãi lòng,
Uống mang chí cả chịu long đong.
Khôn đành nghe mãi thơ Hoàng diệu,
Chẳng lẽ ngâm hoài khúc Ngọa Long !
Trống dậy ải tây thành chuyển động,
Mây mờ sao bắc tối mệnh mông.
Chiếc thân trôi dạt mong gì nữa,
Xuân hết còn lo ảm chẳng xong !*

Hoa Bằng

DŨ QUẢNG NAM HỌC CHÍNH BÙI ĐÔNG TÚC, ĐẠ KHỞI KIẾN NGUYỆT

Thư đường chúc bãi văn lương sinh,
Thuy khởi đồng long báo tú canh.
Tuỳ ngộ bất tri thân thị khách,
Tương khan thuy vị nguyệt vô tình !
Vũ phi Tổ Địch không đề kiếm,
Thi nhượng Trường Canh diệc lạc tình.
Trà táo yên môi hoàn khiển hứng,
Đôi nhiên bằng chẩm đáo thiên minh.

Dịch nghĩa :

**NÀM CÙNG VỚI ÔNG ĐỐC HỌC
QUẢNG NAM HỌ BÙI⁽¹⁾
ĐANG ĐÊM TRỞ DẬY THẤY TRĂNG**

Trên nhà học, xong cuộc rượu, khi trời về chiều mát mẻ,
Ngủ một giấc, sức dậy, đồng hồ đã điểm canh tư.
Gặp đầu hay đấy, quên bằng mình đang là khách,
Nhìn tỏ mặt nhau, ai bảo trăng kia vô tình !
Múa không được như Tổ Dịch⁽²⁾, vẫn cầm lấy
thanh kiếm,
Thơ tuy kém Trường Canh⁽³⁾, song ngâm lên cũng
có thể làm rụng sao.
Ấm chè mỗi thuốc lại đem ra để làm khuây,
Tựa ghế ngồi phờ mãi cho đến sáng.

(1) Ông đốc học họ Bùi : chưa biết là ai.

(2) Tổ Dịch : người thời Tấn có chí lớn, một lần nằm cùng với Lưu Côn, nửa đêm nghe tiếng gà gáy, bảo Lưu Côn rằng "Đó không phải là tiếng xấu" rồi trở dậy rút gươm múa. Đời Tấn Nguyên Đế, Tổ Dịch làm Thứ sử Dự Châu, chống nhau với quân Thạch Lặc, không chế được cả miền nam sông Hoàng Hà.

(3) Trường Canh : tức sao Thái Bạch, đây chỉ Lý Thái Bạch thường gọi là Lý Bạch, đại thi hào thời Đường. Tương truyền một đêm Lý Bạch đi thuyền trên sông, ngâm câu thơ rằng : "Dạ tĩnh bất kham để tuyệt cú, khủng kinh tinh đầu lạc giang hàn" (Đêm thanh không muốn để câu thơ hay, e rằng các vì sao trên trời sẽ rơi xuống sông rét mướt !)

Dịch thơ :

*Rượu xong nhà học trời chiều mát,
Ngủ dậy canh tư trống điểm mau.
Tuỳ tiện quên thân mình khách lạ,
Đa tình có chị nguyệt quen nhau.
Múa thua Tổ Địch suông cầm kiếm,
Thơ kém Trường Canh cũng rụng sao !
Điếu thuốc ấm trà khuấy khuấy vầy,
Ngồi thờ đến lúc mặt trời cao.*

Xuân Trang

VỊ MÍNH TIỂU KÊ ĐỒNG PHAN SINH DẠ TOA (a)

Tuyển hữu mặc thủ-khí !
Thủ khí mê kỳ nhân.
Vị mính mặc thác hoa !
Thác hoa ly kỳ chân.
Hiếu tỉnh cấp thanh tuyển,
Tế thân ly tân hoả.

(a) Lời chú của tác giả : "Phan Sinh hiếu thủ mình xuyên, nạp hám đàm trung, kinh túc chữ ẩm, hỷ hữu lương phúc" (Phan Sinh hay lấy lá chè bỏ vào trong nụ sen, để cách đêm, rồi lấy ra pha uống, cho là có mùi thơm mát rất thú).

Vô yên dữ trần khí,
Hối thủ nhất tiểu khả.
Như hương quý thanh chân,
Bất dụng ngoại thuốc ngã.
Vô dĩ nhất ác khan,
Phóng nhĩ tỵ quan giả.
Huyền phục phi trắng nhan,
Phồn âm biến đại nhã.
Thí lưu nhất chuyển ngữ,
Tư tại chứng hiện quả.

Dịch nghĩa :

**BÀI TIỂU KỆ "UỐNG CHÈ" LÀM
TRONG KHI NGỒI KHUYA
VỚI PHAN SINH**

Kén bạn không nên chuộng khí !⁽¹⁾
Chuộng khí sẽ không thấy được
đức tính của người.
Uống chè không nên ướp hoa !
Ướp hoa sẽ mất chân vị của chè.
Sáng sớm múc nước giếng trong,
Nhóm hoả lò bằng thứ than nhỏ.

(1) *Khí* : chỉ sắc thái bề ngoài.

Không có hơi khói, hơi bụi,
Rửa tay sạch ngồi khể khà uống, rất là khoái.
Thưởng thức hương thơm cốt thanh và thực,
Không để các mùi thơm khác làm mất bản chất.
Cũng không nên vì một nắm của hiếm
Mà bắt mũi mình phải xem mãi
những thứ không thực.
Áo loè loẹt không làm cho đáng người mạnh mẽ,
Âm điệu rườm rà làm mất thể thơ đại nhã⁽¹⁾.
Hãy thử ghi lại câu "chuyển ngữ"⁽²⁾ này :
"Tự tại"⁽³⁾ trong tâm, chứng minh cho
kết quả trước mắt".

Dịch thơ :

*Chọn bạn chọn bề ngoài,
Không thấy điều hẩn hoi.
Uống chè có hoa ướp,
Biến mất hương chè rồi.*

(1) *Đại nhã* : một thể thơ trong *Kinh Thi* ghi những bài thơ có ý nghĩa mẫu mực.

(2) *Chuyển ngữ* : chữ nhà Phật, nghĩa là câu nói chuyển biến linh hoạt, hợp với đạo lý.

(3) *Tự tại* : theo thuyết nhà Phật, khi tâm đã thoát ly niềm tục, thông suốt, không hệ lụy, thì gọi là "tự tại". Đây ý nói tâm có thoải mái thì kết quả mới tốt.

Sáng sớm múc nước giếng,
Lửa nhóm nắm than rời.
Không khói cũng không bụi,
Rửa tay khẽ khà ngồi.
Ném mùi cốt thực chất,
Không cần thêm vị ngoài.
Chớ vì chút của hiếm,
Lừa dối mũi ta hoài.
Người đẹp không ở áo,
Thơ hay thường ít lời.
Kệ này hãy ghi lấy,
Chứng quả việc trên đời !

Hoàng Tạo

**TỔNG NGUYỄN TRÚC KHÊ XUẤT LỸ
THƯỜNG TÍN, KIÊM TRÍ LÊ HY
VĨNH LÃO KHẾ**

Cố nhân phân thủ Hà thành lộ,
Thiên lý đăng xa nhân như cố.
Bệnh trung vô tửu tổng quân hành,
Vọng đoạn giang đình thụ sắc mộ.

Thủy quân thích hạt tòng bạ thư,
Tiền vi Thạch An, hậu Phù Cừ.
Thạch An giai sơn dữ sơn lạc,
Phù Cừ giai thủy dữ thủy cư.
Nhân chi dục an các kỳ tính,
Ngã dĩ vật nhiều hành hữu dư.
Lưỡng bang sự dị chính nhược nhất,
Ngoạ nhi trì chi hà dụ như ?
Tức kim bị mệnh lai tư địa,
Giản yếu hể cư thị quân ký,
Văn nhã danh hương cổ hữu vân,
Tài phú sở mệnh kim tác dị.
Tam tỉnh tiếp liên giang dã gian,
Bách công thác xử bình dân lý.
Y quan chi tộc bán thanh lưu,
Tỉnh ấp chi hào đa cố lệ. (lại)
Nội ngu đồ dịch, ngoại tham quan,
Thượng ụy vương chương, hạ thanh nghị.
Ngô tào Phan đoãn hữu dư âm,
Tạc nhật Ứng Hoà do cận sự. (sự)
Tử chân luyện đạt cánh hà ngôn,
Sĩ hoạn tam quy yết toạ gian.
Bảo chương, kiến ty tòng thức triết,
Ứng chiêm, loan phượng định thủy nan ?

Bả bút tặng quân thỉnh quân biệt,
Úc ngâ nhân chi hoàn hữu thuyết :
Thử bang cổ vị phú danh nhân,
Tiêu Ân, Úc Trai đỉnh song tuyệt,
Trượng phu sinh bất năng phi can chiết hạm
vị thế phù cương thường.

Toạ thị đương đạo kiều sài lang ;
Bạch đầu trú cấm ô cố hương !
Phục bất năng thuận ty ma mặc, phi hịch định
tứ phương,

Đê đầu oải ốc khí bất xương.
Mộ niên tử chăm nhi nữ bàng.
Túng nhiên địa hạ quy lai kiến nhị tẩu,
Diện hậu, tâm quý; thần thâm thương !
Toạ niệm thử sự thành khái khang,
Y ngô lão hỹ hà sở vương ?
Quân lại, thỉnh phóng Nhị Khê dữ Cung Hoàng.
Đăng nhị tẩu chi từ đường,
Vị ngâ tái bái khuynh tiêu tương.
Thả báo cố nhân Lê Hy Vĩnh,
Đạo ngâ hảo tại, bất tử duy mệnh cường !

Dịch nghĩa :

**TIỀN NGUYỄN TRÚC KHÊ
RA NHẬN CHỨC TẠI PHỦ THƯỜNG TÍN,
ĐỒNG THỜI GỬI CHO ÔNG BẠN GIÀ
LÀ LÊ HY VĨNH⁽¹⁾**

Cố nhân chia tay trên đường Hà thành,
Nghìn dặm lên xe, mắt trông như cũ⁽²⁾.
Tôi đang ốm, không có rượu tiễn bạn lên đường.
Trông nơi giang đĩnh xa tít sắc cây sẫm tối.
Kể từ lúc bạn cởi áo vải⁽³⁾ theo việc văn thư,
Trước làm ở huyện Thạch An, sau ở huyện Phù Cừ⁽⁴⁾.
Thạch An rất núi thì vui với núi,
Phù Cừ rất sông thì ở với sông.

(1) *Nguyễn Trúć Khê* : chưa biết là ai.

Lê Hy Vĩnh : tức Lê Văn Trung, người làng Thượng Phúc, huyện Thường Tín, nay thuộc Hà Nội, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất năm Minh Mệnh thứ 19 (1839) – bạn thân với tác giả.

(2) Câu này chưa rõ nghĩa, ngờ nguyên văn có chữ chép lầm.

(3) *Cởi áo vải* (thích hạt) : Lã Mông Chính người thời Tống lúc đỗ tiến sĩ, được ban áo bào xanh. Mông Chính cởi áo vải ra và mặc áo bào xanh ngay trước mặt vua. Người ta dùng điển này để chỉ người thi đỗ sắp ra làm quan.

(4) *Thạch An* : một huyện ở tỉnh Cao Bằng.

Phù Cừ : một huyện ở tỉnh Hưng Yên.

Ai cũng muốn yên, đó là bản tính của mọi người,
 Ta không nhiều dân là mọi việc xong xuôi cả.
 Hai huyện công việc khác nhau,
 nhưng chính sách như một.
 Chỉ năm mà cai trị, vẫn đâu ra đấy.
 Ngày nay, phụng mệnh đến đất này,
 Là "giản" hay là "yếu", bạn đã biết rõ⁽¹⁾.
 Trước người ta cho đây là đất văn vật có tiếng,
 Nhưng nay chủ trương về thuế khoá thì lại có khác.
 Sông ngòi và đồng ruộng giáp liền ba tỉnh⁽²⁾,
 Thợ thuyền trăm nghề ở lẫn với lính, với dân.
 Những nhà khoa hoạn, một nửa là dòng dõi
 thanh bạch,
 Những kẻ hào trưởng trong làng xóm, phần nhiều
 là người làm việc cũ.
 Trong thì phải lo bọn sai dịch một già, ngoài thì lo
 đám quan lại tham nhùng.
 Trên thì sợ phép lệnh nhà vua, dưới thì sợ dư luận.
 Bọn chúng ta có bác Phan làm tri huyện
 đã có tiếng tốt để lại⁽³⁾,
 Việc ở Ứng Hoà ngày trước cũng chưa xa gì,
 Còn bạn là người đã thành thạo,
 sáng suốt không phải nói nữa.

(1) *Giản* : huyện nhỏ ít việc ; *yếu* : nơi quan trọng.

(2) Ý chỉ Thường Tín, Hà Nội.

(3) *Huyện Phan* : không biết là ai.

Ba điều châm quy⁽¹⁾ của quan trường đã được
 dán lên chỗ ngồi,
 "Bồi đắp" hay là "bòn rút", bạn đã thấu suốt
 đẳng nào phải⁽²⁾,
 Làm "chim diều, chim cắt" hay làm "chim loan,
 chim phượng", bạn đã nắm chắc đẳng nào khó hơn⁽³⁾,
 Tôi viết bài này tặng bạn để đưa bạn lên đường,
 Nhân tiện tôi muốn nói thêm điều này nữa :
 Phủ đó, từ xưa đã có tiếng nhiều danh nhân,
 Tiêu Ẩn⁽⁴⁾ và Ước Trai là hai nhân vật tuyệt vời.
 Tài trai sống ở đời đã không làm được việc
 phơi gan bẻ gãy chấn song⁽⁵⁾, giữ vững cương thường,
 Lại ngồi nhìn bọn lang sói ngheh ngang.
 Đến lúc tuổi già thì mặc áo gấm ban ngày⁽⁶⁾
 về bồi nhọ quê hương.

(1) *Ba điều châm quy* : là *thanh, thận và cần* (thanh liêm, cần thận và siêng năng).

(2) *Bồi đắp, bòn rút* : do chữ "bảo chương" là giữ gìn, che chở ; "kiến ty" là rút tơ ở kén ra, nghĩa bóng là bòn rút của dân.

(3) *Chim diều, chim cắt* : loài chim dữ, ai cũng ghét. *Chim loan, chim phượng* : loài chim lành ai cũng ưa.

(4) *Tiêu Ẩn* : biệt hiệu của Chu Văn An.

(5) *Bẻ gãy chấn song* : dịch nghĩa của từ "chiết hạm".

(6) *Áo gấm ban ngày* : ý nói hiển hách. Nhưng đây dùng với ý mỉa mai, chê những kẻ không xứng đáng với chức vị mà lại hay phô trương với xóm làng.

Cũng không làm nổi việc mài mực ở mũi lá mọc⁽¹⁾,
truyền hịch định bốn phương,
Chỉ cúi đầu luồn mái nhà thấp, nhụt cả khí phách,
Đến lúc già thì gởi đầu vào vợ con mà chết.
Giả sử hạng người ấy xuống tuổi vàng có gặp hai cụ.
Thì cũng mặt dầy, trống ngực đánh, thần sắc rữ rượi
ra mà thôi !

Ngồi nghĩ đến chuyện ấy mà dạ những bùi ngùi,
Than ôi ! Tôi già rồi, còn trông mong gì nữa ?
Bạn về đây, xin hãy đến thăm làng Nhị Khê và làng
Cung Hoàng,

Bước lên nhà thờ của hai cụ :
Vì tôi mà lạy xuống hai lạy, dâng lên chén rượu,
Và cũng báo cho bạn cũ tôi là Lê Hy Vĩnh biết,
Rằng tôi còn khoẻ, không chết, chỉ mắc chứng điên
mà thôi.

Dịch thơ :

*Đường Hà thành chia tay cùng bạn,
Xe ruổi rong nghìn dặm lạ đâu ;
 Ấm đau không rượu tiễn nhau,
Trông vời cây bến ngã màu tà dương.*

(1) *Mũi lá mọc* : theo sách *Lương thư* : Tuân Tể là người tài kiếm văn võ, thường nói : "Thế nào cũng có lúc mài mực ở mũi lá mọc mà thảo hịch văn".

Cởi áo vải theo đường sách số,
 Trước Thạch An sau đó Phù Cừ ;
 Thạch An lắm núi đã ưa,
 Phù Cừ lắm nước cũng vừa ở yên.
 Người ta ai chẳng quen nếp sống,
 Ta không phiền quấy động là xong ;
 Hai nơi việc khác, chính chung,
 Nằm mà coi việc thông dong có thừa !
 Bác vâng mệnh háy giờ đến đó,
 Quan trọng chăng ? Hay chỗ thư nhàn ?
 Tiếc rằng đất cũ danh hương,
 Nhưng nay thuế khoá xem đường khác xưa.
 Sông liên đồng giáp cư ba tỉnh,
 Nơi ở chung thợ, lính, dân lành ;
 Nửa làng áo mũ tiếng thanh,
 Nhiều chân lại cũ, đàn anh trong làng.
 Còn phải lo quan tham lính biếng,
 E phép vua, e miệng đồn xa ;
 Huyện Phan còn tiếng bạn ta,
 Việc làm ở hạt Ứng Hoà gần đây.
 Nói chi bác, một tay lão luyện,
 Lời "tam quy" lâu chuyện làm quan ;
 Đắp bồi, bòn rút hai đường,
 Làm điều quạ, làm phượng hoàng bác hay.

Mấy dòng lúc chia tay tặng bác,
Nhân tiện đây xin nhắc mấy lời :
Đất này xưa lắm anh tài,
Cụ Tiểu Ẩn, cụ Úc Trai ai bì ?
Khách nam nhi chẳng vì thế thái,
Đem thân ra đỡ lấy còng thường ;
Ngồi nhìn lang sói nghênh ngang,
Bạc đầu áo gấm về làng bôi nhọ.
Lại không hay mực hoà đầu thuẩn,
Tờ lịch bay yên trấn bốn phương ;
Mái nhà vào cúi ra luôn,
Già đời nằm chết bên giường vợ, con.
Về chín tuổi gặp hôn hai cụ,
Hắn mặt dây, hình rử khó trông,
Việc đời nghĩ những đau lòng,
Thôi ta già quách, còn mong nổi gì ?
Đất Cung Hoàng, Nhị Khê bác tới,
Đến từng nơi chiêm bái từ đường :
Thay tôi lạy rót chén vàng,
Tin cho Hy Vĩnh tiện đường cùng hay :
Rằng tôi mạnh khoẻ bấy nay,
Tuy rằng chưa chết, nhưng rày đang điên.

Nguyễn Quý Liêm

TẠP ĐỀ

(Thất thủ tuyển nhị)

I

Thành hạ thông thông hương lý nhi,
Chỉ danh trước tịch lạc quyền ti.
Chỉ kim thôi biện vô đa sự,
Văn thuyết quân ân hữu tứ y.

Dịch nghĩa :

THƠ VẬT

(Bảy bài tuyển hai)

Ở dưới thành con em các làng xóm rộn rã,
Bị chỉ tên, ghi vào sổ để quyền tiền.
Đến nay, các người đốc suất không còn làm việc nữa,
Nghe nói nhà vua đã ra ơn ban áo cho các quan đấy⁽¹⁾

(1) Theo *Đại Nam thực lục*, trong đời Tự Đức, vì tài chính thiếu hụt, phải mở những cuộc lạc quyền để lấy tiền của dân mua quân trang quân dụng. Trong lúc đó, gặp khánh tiết thì vua ban áo mặc cho các quan, còn dân thì vẫn xơ xác.

Dịch thơ :

*Dưới thành nhộn nhịp trai làng,
Nêu tên ghi sổ vội vàng góp quyền.
Bây giờ công việc đã yên,
Nghe đồn vua có áo ban trong triều.*

Nguyễn Văn Tú

II

Quan tây biên hướng vạn thiên thiên,
Khiêu tận giang tân kỷ dạng thuyền.
Thương cổ tự tri du thủ lạc,
Lưỡng quân chiến sĩ ngoạ lam yên.

Dịch nghĩa :

Lương thực vận ra ngoài biên thủy Quan tây,
kể hàng vạn ấy nghìn khác,
Bất hết các hạng thuyền ở bên sông để chuyên chở.
Bọn lái buôn tự nhiên được cái thú "ngồi rồi",
Còn các chiến sĩ hai quân thì lẩn lóc ở nơi
lam chương mù mịt.

Dịch thơ :

*Ái tây lương tải có vàn,
Lệnh trên bắt hết mọi thuyền ven sông.
Nhà buôn được dịp chơi dong,
Hai quân chiến sĩ nằm trong khói mù.*

Nguyễn Văn Tú

KHUÊ OÁN

(Tứ thủ tuyển nhất)

Phiến nguyệt thương đình đình,
Chiếu ngã cô y khâm.
Tứ bích tiểu vô thanh,
Vĩnh dạ lậu trầm trầm.
Bàn hoàn khởi hoàn toạ,
Đối ánh tình độc thâm.
Chi tử hiệp ân ái,
Khởi tri cảm hữu cảm ! (kim)
Lân hoa thổ nghiên diễm,
Độ ngã khúc tường âm.
Vi phong động viễn phúc,
Xuy nhập u nhân khâm,

Học tả Thái tiêu khúc,
Biến vi Bạch đầu ngâm.
Nhân sinh tự hàn thử,
Lai vãng di thử tâm.

Dịch nghĩa :

KHUÊ OÁN

(Bốn bài tuyển một)

Mảnh trăng lên sáng vàng vạc,
Soi vào chần áo cô đơn của ta.
Bốn bên vách lạng ngắt, không một tiếng động,
Đêm dài, giọt đồng hồ nghe thánh thót.
Bàn khoan hết đứng lại ngồi,
Nhìn bóng mình, tình càng thấm thía.
Gã kia mang nặng tình ân ái,
Ai ngờ có sự ngày nay !
Hoa bên xóm nhà màu tươi đẹp,
Nhớ sang chỗ bóng rợp góc tường ta.
Gió thoảng đưa hương xa,
Thổi vào vạt áo của người âm thầm.

Bắt chước người xưa viết khúc "Thái tiêu"⁽¹⁾,
Biến nó thành bài "Bạch đầu ngâm"⁽²⁾.
Người đời khác nào như thời tiết nóng lạnh,
Thời tiết qua lại, lòng người cũng thay đổi.

Dịch thơ :

*Mảnh trăng vằng vặc trên không,
Soi vào chăn áo cô phòng của ta.
Bốn bề im bất như tờ,
Đêm dài chìm lặng điểm thưa giọt đồng.
Băn khoăn ngồi đứng không xong,
Một đèn một bóng nổi lòng càng thêm.
Gã kia ân ái khoe bên,
Ai ngờ nay có nỗi niềm ngày nay.
Hoa tươi hàng xóm nở đầy,
Vượt nơi tường thấp bên này leo qua.
Gió đưa hương thoảng xa xa,
Thổi vào vạt áo của ta đang sâu.*

(1) *Thái tiêu* : một chương trong thơ *Thái cát*, *Kinh Thi*, trong có câu :
"Bỉ thái tiêu hề, nhất nhật bất kiến, tam thu hề !" (Người hái sậy kia ơi ! Một
ngày không thấy, coi bằng ba thu).

(2) *Bạch đầu ngâm* : Thời Hán, Tư Mã Tương Như có tình với Trác Văn
Quân, lấy nàng làm vợ. Về sau toan lấy một người khác có sắc đẹp hơn, Văn
Quân làm một khúc hát gọi là *Bạch đầu ngâm*. Tương Như nghe bài hát ấy,
cảm động lại thủy chung như trước.

*"Thái tiêu" học tả nên câu,
Biến làm một khúc "Bạch đầu" ngâm chung.
Người đời như tiết lạnh nồng,
Lạnh nồng thay đổi thì lòng cũng thay !*

Vũ Mộng Hùng

PHỤ TƯƠNG TỬ

Vũ vũ phụ tương tử,
Nhất bộ nhất hồi thán.
Hốt phùng y quan nhân,
Ác thủ lệ doanh nhân.
Vấn tử kim hà cư ?
Thập niên bất tương phùng.
Tự vân trường dĩ hỹ,
Hề hữu nhân gia dong ?
Tích giả đề hạ điền,
Thập mẫu phá dĩ phong.
Tự thất Mậu tý thu,
Lữ thực vô tây đông.
Quy lai điền cử vu,
Lý tư vấn thâm cung.

Thâu cung hữu trình kỳ,
Tiện trị diễn bất đắc,
Ô hô quân cố nhân,
Mai đắc thương gia lục.
Nhân sự lữ quai ngộ,
Tam tải vô thân tình.
Khởi bất dục thường kiện,
Xuy cầu nhật giao tình.
Đường thượng sung phì cam,
Hạ tận sáu lộ tích,
Thùy gia vô chủ nhân,
Khứ thử dục hà thích ?
Tô trách nhật dĩ cửu,
Dong tiền dư sở mâu.
Triêu lai lý tửu tịch,
Ngộ phá lưu lý tôn !

Dịch nghĩa :

NGƯỜI VÁC HÒM

Thất thiếu chàng vác hòm,
Mỗi bước đi lại ngập ngừng than thở.
Bỗng gặp người áo khăn đứng đắn,
[Người ấy] nắm lấy tay, nước mắt giàn giụa.

Và hỏi : "Anh nay làm nghề gì ?
Đã mười năm không được gặp ?"
Chàng thưa : "Thôi cả rồi !
Làm gì có ai muốn ?
Ngày trước có ruộng ở chân đê,
Mười mẫu⁽¹⁾ tạm cũng đầy đủ,
Từ năm Mậu Tý mất mùa,
Phải đi kiếm ăn đây đó.
Khi về, ruộng đã bỏ hoang lâu ngày,
Chức dịch trong làng lại hỏi tiền thuế.
Thuế nộp có kỳ hạn,
Ruộng rẻ cố không được.
Than ôi ! Người cũ của ông,
Phải bán sức mình cho một nhà buôn.
Việc đời thường xảy ra những điều ngang trái,
Đã ba năm, vẫn không có tình thân.
Ai chả muốn khoẻ mạnh để làm ăn,
Nhưng hằng ngày cứ bị đánh mắng luôn.
Trên nhà thì của ngon vật lạ đầy đủ,
Dưới [bếp] thì người nào cũng gây giơ xương.
Nhà nào mà không có ông chủ,
Muốn bỏ đi, còn biết đi đâu ?

(1) Theo diện tích thì mười mẫu là một số ruộng lớn. Ngờ chữ "thập" (mười) là chữ "bán" (nửa) viết lầm.

Nợ thuế để đã lâu ngày,
Tiền công làm mượn để dành được mấy quan.
Chẳng may, sáng nay dọn tiệc rượu,
Lại lỡ tay đánh vỡ mất cái bình bằng ngọc
lưu ly [của ông chủ]..."

Dịch thơ :

*Thất thiếu anh vác hòm,
Mỗi bước lại than thở.
Bỗng gặp người áo khăn,
Cầm tay lệ giàn giụa.
Hỏi anh giờ ra sao ?
Mười năm không gặp nhau.
Anh rằng nói chi nữa ?
Có ai thuê mượn đâu ?
Xưa có ruộng chân dê,
Mười mảnh khá sung túc.
Thu Mậu Tý mất mùa,
Lang thang kiếm ăn khắp.
Trở về ruộng bỏ hoang,
Nợ thuế lý hương thúc.
Thuế tô có hạn kỳ,
Ruộng rẻ không cố được.*

*Chao ôi ! Bạn ông xưa,
Cửa hàng đem bán sức,
Việc đời thường ngang trái,
Ba năm không tình thân.
Há không muốn khoẻ mạnh,
Hết chữ lại roi đòn.
Nhà trên thức ngon ngọt,
Dưới toàn gầy gơ xương.
Đi ở đâu không chủ,
Bỏ đây tìm đâu hơn ?
Nợ thuế lâu ngày chất,
Tiền ở mấy quan đôi.
Sáng nay bày tiệc rượu,
Bình ngọc lỡ tay rơi.*

Khuông Hữu Dụng

ĐÔNG VŨ NGÂM

Hải lục toái sự : Đông vũ ngâm, (nhạc phủ thi). Nhân hữu thiếu tráng
tòng chinh phạt, niên lão bị khí, du ư Đông Vũ giả, bất cảm luận công, dân
luyện quân nhi.

**Đãng bỉ chu nguyên,
Khoảng quan tứ phương.
Cao điệu bất phi,
Bạch vân mang mang.**

Nhược hữu nhân hể lâm trung,
 – Nhĩ hà bão khô thụ nhĩ bị thương ?
 Tích tòng Bành thành vi,
 Thập vạn tự hổ khẩu,
 Bạch quang khởi nhân mưu,
 Xích đế nãi thiên thu.
 Úng Xỉ thả phong hầu,
 Nhĩ đẳng diệc hể phụ ?
 – Tráng tai Lưu dữ Toản,
 Tề đại phi ngô ngẫu !
 Đại tạo vô khí tài,
 Lão chuyết tự suy hủ.
 Quân khan Đồ dương tử,
 Tước lộc cánh hà hữu ?
 Thuỳ phi vương thổ; phục vương thân ?
 Nhất lập ngang tàng hỗn thế trần.
 Thả phóng hành ca giang ngoại xuân,
 An năng đề đầu oải ốc, phủ ngưỡng tùy tha nhân ?

Dịch nghĩa :

BÀI NGÂM ĐÔNG VŨ

Sách *Hải lục toái sự bài* : *Đông vũ ngâm* (thơ Nhạc phủ) kể chuyện một người lúc còn trẻ theo vua đi đánh dẹp các nơi, về già bị bỏ rơi, mới đi ngao du ở đất Đông Vũ, không dám kể công, chỉ tỏ ý nhớ vua thôi.

Lên cánh đồng cao rộng rãi kia,
Trông khắp ra bốn phía.
Chim trên cao không thấy bay,
Mây trắng trôi man mác.
Thấy có người thấp thoáng ở trong rừng,
Hỏi : – "Tại sao nhà ngươi lại ôm cây khô
mà đau xót thế ?"
Khi trước, theo vua, bị vây ở Bành thành⁽¹⁾
Hàng mười vạn người đều làm mồi cho miệng hùm.
Vắng bạch quang đâu phải là do người⁽²⁾,
Thần Xích đế là trời đưa lại⁽³⁾.
Úng Xí⁽⁴⁾ còn được phong hầu,
Thì lũ các anh ai mà nõ phụ ?

(1), (2). Theo sách *Tây Hán chí*, Hán Vương (Lưu Bang) đánh nhau với Hạng Vũ, bị Hạng Vũ vây ở Bành thành, hàng chục vạn quân sĩ chết lấp cả sông Tuy thủy. Bỗng một cơn bão lớn nổi lên, thổi bay cả đất đá. Hán Vương thừa cơ thoát khỏi vòng vây, nhưng trời tối quá không biết đường nào mà chạy, tự nhiên thấy có một vết sáng (bạch quang) dẫn đường. Hán Vương nhờ đó chạy được.

(3) Khi Hán Vương mới khởi binh, một hôm say rượu đi ở đường, thấy có một con rắn trắng nằm ngang, Hán Vương rút gươm chém chết. Sau có người trông thấy một bà lão ngồi khóc mà nói rằng : "Con ta là con thần Bạch Đế, hoá làm rắn đi chơi, bị con thần Xích Đế chém chết !". Vì thế người ta cho Hán Vương là con thần Xích Đế.

(4) Úng Xí là tướng của Hạng Vũ, khi Hán Vương diệt được Hạng Vũ thì Úng Xí ra hàng. Hán Vương rất ghét, nhưng cũng phong cho tước hầu để yên lòng người khác.

– Lưu hầu và Toàn hầu kẻ cũng hùng tráng thật⁽¹⁾,
Nhưng khác nào như nước Tề to quá mình không sánh
bì được⁽²⁾.

Thợ trời không bỏ phí một thứ gì,
Chỉ vì già cả, tự mình hoá mục nát.
Hãy xem chàng mổ dê⁽³⁾,
Tước lột có làm gì ?
Ai chẳng là sống ở đất vua, làm tôi nhà vua ?
Một chiếc nón nghênh ngang giữa trần thế.
Thanh thời vừa đi vừa hát bài ca "Giang ngoại xuân",
Có lẽ đâu chui đầu vào mái nhà thấp⁽⁴⁾, cúi ngửa theo
ý người khác !

(1) *Lưu hầu* là Trương Lương, *Toàn hầu* là Tiêu Hà, hai người có công to trong việc diệt Hạng Vũ, lập nên cơ đồ nhà Hán.

(2) Ý nói : công không to được như Lưu hầu và Toàn hầu. Theo sách *Tả truyện*, Tề hầu muốn gả con gái cho thái tử Hốt nước Trịnh. Thái tử Hốt từ chối và nói : "Nước Tề là một nước lớn, không phải là lứa đôi với ta".

(3) *Chàng mổ dê* (đồ dương tử) : Theo sách *Trang Tử* : chàng mổ dê tên là Đồ Dương Thuyết là người cao nghĩa. Sở Chiêu Vương nhờ Tư Mã Kỳ mời họ và hứa sẽ phong cho chức vị tam tinh. Đồ Dương Thuyết trả lời : "Tôi vẫn biết ngôi tam tinh quý hơn hàng bán thịt dê của tôi, lộc của ngôi tam tinh nhiều hơn lợi thịt dê của tôi, nhưng tôi không dám nhận, để nhà vua khỏi mang tiếng là lạm thưởng. Tôi chỉ xin trở về với nghề mổ dê mà thôi".

(4) *Chui đầu vào mái nhà thấp* : ý nói chịu ra luôn vào cúi để giữ lấy địa vị bồng lộc.

Dịch thơ :

Lén cánh đồng ruộng,
Nhìn ra bốn phương.
Chim cao vắng ngắt,
Mây trắng mênh mang.
– Kìa thấp thoáng có người trong rừng,
Sao cứ ôm cây khô mà đau thương ?
Xưa theo trận Bành thành,
Mười vạn cung miêng hổ.
Luống sáng đâu bởi người,
Xích để tự trời phú.
Úng Xỉ còn phong hầu,
Các anh ai nữ phụ ?
– Lưu, Toàn về vang thay !
Tê lớn ai dám độ.
Trời có phí tài đâu,
Già vụng tự phí bỏ.
Hãy xem chàng mỗ dê,
Tước lộc cần chi có.
Sống đâu trong nước chẳng bẽ tôi !
Chiếc nón nghênh ngang lẫn với đời.
"Giang ngoại xuân" dạo hát thành thơ !
Chịu sao nổi : mái nhà khúm núm cúi ngẩng theo
ý người.

Hoàng Tạo

PHÚC LÂM LÃO

Triêu hành ngẫu bạc Phúc Lâm tỵ (tứ),
Phúc Lâm phường nhân kính tảo ty,
Nam đồng tương khiếu cấp cáo bồn,
Cấp cấp quan câu kim thả chí.
Đê thanh vấn lân ông,
Lân ông tiền tri ngữ :
Cùng lão kim hà thích ?
Trú dạ thoán như thử.
Quân bát văn, kim tuế công đình nhật trung đốc ?
Kỳ mãn vô nhân tử truy trực,
Huyện quan phụ mẫu phát ngã sát,
Tuyển tào tiên phác như chiết trúc.
Thả ngã nhị huyện thủy thế cư,
Thủy vô tổ nghiệp vô điền lư ?
Khứ niên thất cốc kim thất hoà,
Thệ tương khứ thử trù y dư ?
Đông gia cơ ngoạ, tây gia tử,
Suyễn túc vị vong thập nhất nhị.
Binh đào, dịch trọng khổ vị trừ,
Tử nhược diệt bản khí hương lý.

Thủ thường cự ngạch ngô dĩ nan,
Lệ phục chiếu tăng ngô tử hỹ !
Ngô ngũ thập ngũ tăng nhất suất,
Ngô chi lục thập hựu tăng nhất.
Hà hướng số ngoại tăng phục tăng,
Tăng tận hậu niên hà tòng xuất ?
Ngô quan tiền thời vương,
Thủ dân duy tại thường.
Hữu lại bất thức dân,
Tĩnh ấp mỹ tán vương. (vong)
Dân vô ưu hoạn, quan diệc lạc,
Hu ta lão hỹ ! Chỉ bại tường.

Dịch nghĩa :

ÔNG GIÀ PHÚC LÂM

Buổi sáng đi chơi, ngẫu nhiên ghé vào chợ
Phúc Lâm⁽¹⁾,
Người ở phường⁽²⁾ Phúc Lâm hoảng sợ chạy trốn
Người lớn, trẻ con gọi nhau và giục nhau chạy :
"Nhanh lên ! Nhanh lên ! Công sai về đấy !"

(1) *Phúc Lâm* : tên một phường trong thành Thăng Long xưa.

(2) *Phường* : một khu dân cư trong nội thành, thường là những người làm cùng một nghề. Thành Thăng Long về thời Lý – Trần cũng đã chia ra từng phường như : phường Thái Hoà, phường Thịnh Quang,...

Ta hỏi nhỏ ông lão ở gần đấy.

Ông lão lại gần và trả lời :

"Già này nghèo, chẳng biết chạy đi đâu được,

Chỉ ngày đêm lẩn trốn như chuột.

Ông không nghe [người ta nói] ư ? Năm nay

ngày nào cũng thúc giục bắt trắng.

Hết hạn không có ai, thì người ta lùng bắt tứ tung.

Quan huyện là cha mẹ dân đã chẳng xét cho,

Nha lại còn đánh đập dân như chém tre.

Vả lại hai huyện chúng tôi, đã là người ở đây lâu đời⁽¹⁾,

Thì ai không có tổ nghiệp, ruộng nương và nhà cửa ?

Từ năm ngoái đến năm nay, thóc lúa mất cả,

Bỏ đây mà đi cũng chả biết nương tựa vào đâu !

Nhà xóm đông nằm đấy chịu đói, nhà xóm tây dời đi

nơi khác,

Những người còn chút hơi tàn chưa chết, mười phần

chỉ có một hai.

Nào lính, nào phu nổi khổ chưa qua,

Con bé, cháu nghèo đều bỏ làng đi hết.

(1) Chỉ huyện Thọ Xương và huyện Vĩnh Thuận thuộc Hà Nội khi ấy.

Cứ bắt nộp thuế theo ngạch cũ

đã khó khăn cho tôi rồi.

Lại còn chiếu lê tăng thêm, thì tôi đến chết mất.

Năm tôi năm mươi năm tuổi, đã tăng một suất rồi,

Năm tôi sáu mươi, lại tăng thêm suất nữa.

Hướng chi ngoài số thuế ra, các khoản khác

cũng cứ tăng mãi,

Tăng đến kỳ cùng thì sang năm còn đào đâu ra ?

Tôi thấy các vua đời trước,

Lấy của dân chỉ theo lệ thường.

Quan lai không phiên đến dân.

Làng xóm không ai phải lưu tán cả.

Dân không lo sợ, quan cũng vui,

Nhưng than ôi ! Tôi già rồi" [Lão vừa nói vừa]

chỉ tay vào bức tường đỏ.

Dịch thơ :

ÔNG GIÀ PHÚC LÂM

Sớm đi chợ ghé chợ Phúc Lâm,

Người phố Phúc Lâm sơ trốn chạy.

Lớn bé gọi nhau hồi hải chuồn,

"Gấp ! gấp ! Công sai vừa tới đây !"

Hỏi nhỏ ông lúng giếng,
Ông vội nói cho biết :
Lão nghèo còn chạy dẫu,
Đêm ngày lẩn như chuột.
Anh chẳng nghe ? Đình tráng năm nay ngày một giục,
Hết hạn không người thì đuổi sục.
Các quan phụ mẫu xét gì cho,
Nha lại đánh dân như chẻ trúc.
Hai huyện tôi đây đời nổi đời,
Ai không tổ nghiệp, không cơ ngơi ?
Năm ngoái, năm nay thóc lúa mất,
Bỏ đây còn biết đâu là nơi ?
Xóm đông chịu đói, xóm tây cút,
Chưa chết mười phần còn có một,
Phu phen lính tráng khổ chưa xong,
Con yếu cháu nghèo bỏ đi tuốt.
Lấy theo lệ cũ đã khó khăn,
Chiếu lệ tăng thêm đến chết mất.
Tôi năm mươi tuổi một suất tăng,
Tuổi sáu mươi còn tăng một suất,

*Ngoài số hưởng còn tăng cứ tăng,
Tăng đến sang năm đầu nữa xuất ?
Tôi xem thời vua xưa,
Lấy dân theo lệ vữa.
Quan không phiền dân lắm,
Dân chẳng trốn đi xa ;
Dân không lo lắng quan vui vẻ,
Kìa mảnh tường tan... tôi đã già !*

Hoàng Trung Thông

QUAN CHẤN

Tẩu khan môn ngoại động thanh hô.
An Thượng hà nhân cánh hoạ đô ?
Văn đạo cật triều tương chấn thí,
Khả liên dị cảnh diệc huê phù !
Quân ân vị nhần di cùng hộ,
Thanh thế thủy năng niệm nhất phu ?
Túc tích thốn tâm không tự thác,
Đê thủy bát ngữ ỷ tường ngu.

Dịch nghĩa :

QUAN PHÁT CHẨN

Chạy ra ngoài cổng xem, có tiếng gọi nhau ồn ào,
Biết có ai như người ở An Thượng để xem cảnh này
vẽ nên tranh ?⁽¹⁾

Nghe nói sớm mai sắp có cuộc phát chẩn,
Người ở nơi khác cũng bỗng bế nhau đến, tình cảnh
đáng thương !

Ôn vua chưa nỡ bỏ sót những nhà cùng khổ,
Trong lúc thanh bình, nào ai có để ý
đến từng người dân thường ?⁽²⁾

Tác lòng mình hèn cho mình xưa kia,
nay vẫn không đâu,
Chỉ cúi đầu tựa vào góc tường mà không nói.

(1) *An Thượng* : theo *Tống sử*, khoảng năm Hy Ninh (Tống Thần Tông : 1068 - 1078), mất mùa, dân đói dạt đứu nhau đẩy đường, dỡ cả nhà cửa đem bán để nộp thuế. Khi ấy Trịnh Hiệp Đường làm chức Giám môn ở An Thượng, đem tình trạng ấy vẽ thành bức tranh, dâng lên cho vua xem.

(2) Mạnh Tử khen Y Doãn (đời nhà Thương) tự gánh vác lấy công việc trị thiên hạ và dẫn lời Y Doãn nói : "Nếu trong thiên hạ còn một người dân nào chưa được yên sở, thì tức là chính ta đã chìm họ xuống vực sâu". Trong bài, tác giả muốn nói : Ngày thường, không có ai được như Y Doãn, săn sóc đến từng người dân.

Dịch thơ :

*Chạy xem tiếng nhộn ở ngoài đường,
Tranh đối nhờ ai vẽ một trương.
Thấy nói sáng mai ngày phát chẩn,
Cách vùng bồng bế cảnh nên thương.
Ơn trên chưa nở quên nhà khó,
Đời thịnh ai lo một kẻ thường !
Lòng hẹn với lòng nay hoá hão,
Cúi đầu lẳng lặng dựa bèn tường.*

Nguyễn Văn Tú

ĐỒNG TỬ MỤC ĐƯỜNG LANG

Đồng tử mục đường lang
Hệ chi dĩ tố ty.
Tố ty phục triển miên,
Tất mệnh khô thụ chi.
Đồng tử khởi bất tri,
Sở thất phi nhĩ tri.
Ô hô ! Ngã hữu dân,
Thận tai tại sát my !

Dịch nghĩa :

CHÚ BÉ CHẪN BỌ NGỰA

Một chú bé chăn con bọ ngựa,
Buộc nó bằng một sợi tơ trắng.
Bị tơ trắng chẳng chịt vào mình,
Bọ ngựa chết ở trên cành cây khô.
Chú bé không phải là không khôn,
Nhưng hỏng ở chỗ, chú không biết tới.
Than ôi ? Những người có trách nhiệm
chăn dân của chúng ta !
Phải cẩn thận, xét đến vẻ lông mày⁽¹⁾
của mọi người.

Dịch thơ :

*Chú bé chăn bọ ngựa,
Buộc nó bằng sợi dây.
Sợi dây quấn chẳng chịt,
Nó chết trên cành cây.*

(1) *Xét đến vẻ lông mày (sắt my) :* Theo *Hán thư*, Đông Phương Sóc nói :
"Việc buồn của người dân, thường hiển hiện ra ở trên lông mày, cần phải xét tới".

*Chú bé đầu ngu ngốc,
Chỗ hỏng chú chưa hay.
Người dốt dân ta hỡi !
Xét kỹ trên lòng mày.*

Hoàng Trung Thông

CÁI TỬ

Cái tử lập trì trù,
Cơ hàn bất cảm hô.
Y khiến song lập phá,
Mệnh đãi nhất tiền tô.
Trung liễm thời phương cấp,
Phiêu lưu nhữ hạt cô ?
Bất tài diệc nhân dã,
Nhi nữ mặc khiêu du.

Dịch nghĩa :

NGƯỜI ĂN XIN

Người ăn xin đứng ra về ngập ngừng,
Đói rét không dám lên tiếng.
Lê cái áo bằng hai mê nón rách chấp lại,
Tính mạng chỉ đợi một đồng tiền
là có thể sống được.

Việc thu thuế đương lúc khẩn cấp,
Nhà người nghèo lưu như thế, hay là có tội gì ?
Dù hèn nhưng cũng là người,
Các trẻ em đừng nên trêu chọc !

Dịch thơ :

*Người ăn xin tán ngăn đứng lặng,
Đói rét mà cũng chẳng dám kêu ;
Áo thì mảnh nón ghép đeo,
Tiền thì đợi một đồng tiêu sống người.
Việc sưu thuế đương hồi cấp thiết,
Bước lênh đênh chi xiết tội đời !
Hèn chăng thì cũng là người,
Trẻ con chớ có trêu cười rẻ khinh !*

Vũ Mộng Hùng

B – BỘ PHẬN SÁNG TÁC CHỮ NÔM^(*)

TÀI TỬ ĐA CÙNG PHÚ

1. Có một người : khổ dạng trăm anh⁽¹⁾ ; nét na chương phú⁽²⁾
 2. Hơi miệng sữa tuổi còn giọt máu ; nét hào hoa chừng ná Tân, Dương. Chòm tóc xanh vừa chấm ngang vai ; lời khí khái hện hồ Y, Phó⁽³⁾.
 3. Nghiên gọn sóng vẽ vời điển tịch, nét nhận điểm lẫn tần. Bút vén mây dịu dặt văn chương, vòng thuyền khuyên lỗ chỗ⁽⁴⁾.
 4. Nghiêng cánh nhận tếch mái rừng Nhan, Khổng⁽⁵⁾, chí xông pha nào quản chông gai.
- Cựa đuôi kinh toan vượt bể Trình, Chu⁽⁶⁾, tài bay nhảy ngại gò lao khổ.

(*) : Phần này chúng tôi tuyển chọn từ cuốn *Tổng tập Cao Bá Quát*, tập I, Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2004.

(1) *Trăm anh* : chỉ dòng dõi thế gia.

(2) *Chương phú* : mũ của sĩ phu nhà Thương.

(3) *Tân, Dương* : Lạc Tân Vương và Dương Quýnh, danh sĩ thời Đường.

(4) *Nét nhận, vòng thuyền* : nét chấm, nét khuyên.

(5) *Khổng* : chỉ Khổng Tử. *Nhan* : chỉ Nhan Hồi, học trò của Khổng Tử.

(6) *Trình, Chu* : Trình Di và Chu Hy, danh Nho thời Tống.

5. Lắc bầu rượu dốc nghiêng non nước lại, chén tiểu đàm mời mọc Trích tiên⁽¹⁾.

Hóng túi thơ nong hết gió trăng vào, cơn xương hoá thì thâm Lão Đỗ⁽²⁾.

6. Tươi nét mặt thư sinh lồ lộ, bung mắt trần toan đập cửa phù đồ⁽³⁾, rửa buồng gan du tử nhơn nhơn, giương tay Tào rập xoay cơn khí số.

7. Tường đến khi vinh hiển coi thường ; song nghĩ lại trần ai đếch chồ.

8. Lều nho nhỏ, kéo tấm tranh lượp tướp, ngày thê lương hạt nặng giọt mưa sa ;

Đền cón con, co chiếc chiếu loi thôi, đêm tịch mịch soi chung vừng trăng tỏ.

9. Áo Trọng Do⁽⁴⁾ bạc phếch, giải xuân thu cho đượm sắc cần lao ;

Cơm Phiếu mẫu⁽⁵⁾ hẩm sì, đòi tuế nguyệt phải ngậm mùi tân khổ⁽⁶⁾.

(1) *Trích tiên* : (tiên bị đầy) tức là Lý Thái Bạch.

(2) *Lão Đỗ* : Đỗ Phủ thời Đường.

(3) *Phù đồ* : nhà Phật.

(4) *Trọng Do* : tức là Tử Lộ học trò Khổng Tử (*Áo Trọng Do* : áo rách).

(5) *Phiếu mẫu* : người đàn bà giặt thuê giúp đỡ Hàn Tín khi còn hàn vi.

(6) *Tân khổ* : cay đắng.

10. Gió trăng rơi rụng để cái quyen gãy ; sương tuyết hắt hiu, làm con nhạn vỡ.

11. Túi thanh bạch ngược xuôi miền khách địa, trăm nghìn đường chỉ nhện dệt thưa mau ;

Đèn toan hàn⁽¹⁾ thức nhấp mái nam song, dăm ba ngọn lửa huỳnh⁽²⁾ kêu nho nhỏ.

12. Miệng châu quế rì rầm học vấn, chị chú Tô⁽³⁾ cần nhẫn chỉ hiểm nghèo.

Vai tân sài đũng đỉnh ngâm nga, vợ anh Mãi⁽⁴⁾ bắn khoản từng kể khó.

13. Đói rau rừng, thấy thóc Chu mà trả ; đá Thú Dương⁽⁵⁾ chơm chớm, xanh mắt Di nằm tốt ngáy o o.

· Khát nước sông, trông dòng đục không vờ ; phao Vị Thủy lênh đênh, bạc đầu Lã ngồi dai ho khụ khụ.

14. Trông ra nhấp nhố sóng nhân tình ; ngoảnh lại vật vờ mây thế cố⁽⁶⁾.

(1) *Toan hàn* : cực khổ, rét mướt.

(2) *Lửa huỳnh* : (huỳnh : con uom đóm) ánh sáng đom đóm. Tích người học trò nghèo ngày xưa bắt đom đóm cho vào một cái túi để đọc sách ban đêm.

(3) *Chú Tô* : Tô Tần khi chưa hiển đạt, chị dâu không thổi cơm cho ăn.

(4) *Vợ anh Mãi* : vợ Chu Mãi Thân thấy chồng nghèo bỏ đi lấy chồng khác.

(5) *Thú Dương* : chỗ Bá Di ở ẩn.

(6) *Thế cố* : biến cố ở đời.

15. Ngán nhẽ kẻ tham bẻ khoá lợi⁽¹⁾, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn⁽²⁾ ;

Quần bao người mang cái gièm danh⁽³⁾, áo giới lân⁽⁴⁾ trùm dưới cơ phu⁽⁵⁾, mỗi gối quỳ mòn sân tướng phủ.

16. Khéo ứng thù những đám quan trên ; xin bái ngảnh cùng anh phường phố.

17. Khét mùi thể vị chẳng thà không ; thơm nức phương danh nên mới khổ.

18. Tình uốn éo muốn vạch trời lên hỏi ; nào kiếp Chữ Đồng⁽⁶⁾ đầu tá, nữ hoài chén ngọc⁽⁷⁾ để trần ai ? Chí lãng nhãng toan vượt bể đi tu ; hỏi quê Tiên tử nơi mô xin lĩnh lấy vắn đan⁽⁸⁾ làm tế độ⁽⁹⁾.

(1) *Khoá lợi* : (do chữ "lợi toả") cái lợi trói buộc.

(2) *Hầu môn* : cửa nhà quan.

(3) *Gièm danh* : bị công danh sai khiến.

(4) *Áo giới lân* : áo quan võ.

(5) *Cơ phu* : da thịt.

(6) *Chữ Đồng* : Chữ Đồng Tử người Hung Yên, nhà nghèo, lấy công chúa Tiên Dung, sau cả hai vợ chồng thành tiên.

(7) *Chén ngọc* : bà Liễu Hạnh vì đánh vỡ chén ngọc trên thiên đình mà bị đày xuống hạ giới.

(8) *Vắn đan* : thuốc tiên.

(9) *Tế độ* : cứu giúp.

19. Bài phú Dương Hùng⁽¹⁾ dù nghiệm tá, thì xin tống bản quý ra đến miền Đông hải, để ta đeo vòng thư kiếm⁽²⁾ quyết xoay bạch ốc⁽³⁾ lại lâu dài.

Câu văn Hàn Dũ⁽⁴⁾ phỏng thiêng chẳng, thì xin tống cùng thân ra đến đất Côn Lôn⁽⁵⁾ để ta gánh vác giang sơn, quyết ném thanh khâm⁽⁶⁾ sang cấm tú⁽⁷⁾.

20. Nhọc nhằn cơn nhục, mất cơn vinh ; cay đắng lúc cùng bù lúc phú.

21. Vậy có lời nôm dân bảo thế gian rằng : đừng thấy người bạch diện thư sinh⁽⁸⁾ mà cười rằng : "đa cùng tài tử".

UỐNG RƯỢU TIÊU SẦU (I)

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy ?

Cảnh phù du⁽⁹⁾ trông thấy cũng nực cười.

(1) *Dương Hùng* : tác giả bài phú *Trục bản* (Đuổi cái nghèo).

(2) *Thư kiếm* : sách và gươm (đồ dùng của học trò).

(3) *Bạch ốc* : nhà thường dân.

(4) *Hàn Dũ* : tác giả bài phú *Tống cùng* (Tống tiễn sự nghèo).

(5) *Côn Lôn* : núi lớn bên Tàu (ý nói chỗ xa xôi).

(6) *Thanh khâm* : áo xanh (áo học trò).

(7) *Cấm tú* : gấm vóc (áo người làm quan).

(8) *Bạch diện thư sinh* : học trò mặt trắng (chưa thành đạt).

(9) *Fù du* : một loại côn trùng nhỏ (sáng sống chiều chết). Ở đây ý nói đời người ngắn ngủi.

Thôi công đâu chuốc lấy sự đời,
 Tiêu khiển một vài chung lếu láo.
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tử.
Trăm tư bách kế bất như nhân⁽¹⁾
 Dưới thiếu quang thấp thoáng bóng Nam San⁽²⁾,
 Ngoảnh mặt lại cứu hoàn⁽³⁾ coi cũng nhỏ.
 Khoảng trời đất cổ kim kim cổ,
 Mạnh hình hài không có có không.
 Lọ là thiên tứ vạn chung⁽⁴⁾.

UỐNG RƯỢU TIÊU SẦU (II)

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn,
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu⁽⁵⁾.

(1) Hai câu 5 – 6 : dứt hẳn một cuộc đời chỉ có rượu ; ngẫm nghĩ trăm kế, không gì bằng nhàn. Cả hai câu ý nói : Nghĩ cho kỹ, ở trên đời, chỉ có uống rượu và an nhàn là hơn cả.

(2) *Thiếu quang* : ánh sáng đẹp đẽ trong cảnh mùa xuân. *Nam San* : quả núi phía nam. Thơ Đào Tiềm có câu : "Thái cực đông ly hạ - Du nhiên kiến Nam Sơn" (Hái hoa cúc ở dưới dậu phía đông - Bỗng hốt nhìn thấy núi Nam Sơn).

(3) *Cứu hoàn* : như chữ hoàn cầu, khắp trái đất, cả thế giới.

(4) *Thiên tứ, vạn chung* (ngàn cỗ xe, vạn chung thóc) : Ý chỉ cảnh giàu sang.

(5) Ý của câu này nghĩa là : "Việc đời lên xuống, nhà người chẳng hỏi làm gì. (Kìa) trong chỗ khói mù sóng rợn có chiếc thuyền đánh cá".

Vắt tay nằm nghĩ chuyện đầu đầu,
 Đem mộng sự độ với chân thân thì cũng hết !
"Duy giang thượng chỉ thanh phong,
Dữ sơn gian chỉ minh nguyệt"⁽¹⁾.
 Kho trời chung mà vô tận của mình riêng.
 Cuộc vương tròn phó mặc khuôn thiêng,
 Ai thành thị, ai vui miền lâm tảo.
 Gõ nhịp lấy, đọc câu "Tương tiến tửu" :
"Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai,
Bôn lưu đảo hải bất phục hồi"⁽²⁾.
 Làm chi cho mệt một đời !

GIAI NHÂN (I)

Giai nhân nan tái đắc⁽³⁾ !
 Trót yêu hoa nên đan díu với tình.
 Mái Tây hiên nguyệt gác chành chành,
 Rầu rĩ bấy xuân về oanh nhớ.

(1) Dẫn ý trong bài *Tiên Xích Bích* của Tô Đông Pha : "Chỉ có gió mát trên sông và trăng sáng trong núi".

(2) Hai câu đầu trong bài *Tương tiến tửu* của Lý Bạch : "Anh chẳng thấy sông Hoàng Hà thế nước ở nơi cao như từ trên trời đổ xuống ? Trời bằng đến biển không quay về !".

(3) *Giai nhân nan tái đắc* : Người đẹp khó gặp lần thứ hai (câu thơ của Lý Diên Niên).

"Phong lưu tài tử đa xuân tử,
Trường đoạn Tiêu nương nhất chữ thư"⁽¹⁾,
Nước "sông Tương"⁽²⁾ một giải nông sờ",
Cho ké đẩy người đây mong mới.
Bút rút nhẽ, trăm đường nghìn nỗi,
Chữ chung tình biết nói cùng ai ?
Trót vì gán bó một hai.

GIẢI NHÂN (II)

Tài tử với giải nhân là nợ sẵn,
"Giải cấu nan"⁽³⁾ chữ ấy nghĩa là sao ?
Trải xưa nay chừng đã xiết bao,
Kìa tan hợp nợ khứ lưu đâu dám chắc.
Giai nhân khứ khứ, hành hành sắc,
Tài tử triều triều, mộ mộ tình⁽⁴⁾.

(1) Hai câu thơ của Dương Cự Nguyên nói về Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy trong *Tây Dương ký* : "Phong lưu tài tử giàu xuân tử - Đứt ruột nàng Tiêu một lá thư".

(2) *Sông Tương* : sông Tiêu Tương, tượng trưng cho sự cách biệt thương nhớ.

(3) *Giải cấu nan* : tình cờ gặp nhau là một việc khó khăn. *Cổ thi* có câu : "Mình quản lương tể tao phùng đệ - Tài tử giải nhân giải cấu nan" (Vua sáng, tôi giời gặp nhau dễ - Trai tài gái sắc gặp nhau khó).

(4) Ý của câu này : Sắc đẹp giai nhân trong dáng đi đi bước bước - Mỗi tình tài tử vẫn vương sớm sớm chiều chiều.

Uầy kìa ai : như mây tuôn, như nước chảy,
như gió mát, như trăng thanh
Lơ lửng khéo trên người chi mãi mãi !
Trời đất có san đi mà sẻ lại,
Hội tương phùng còn lắm lúc về sau,
Yêu nhau xin nhớ lời nhau⁽¹⁾.

NGHĨ TIẾC CHO AI

*Bắc phương hữu giai nhân,
Tuyệt thế nhi độc lập⁽²⁾.
Giá đã nên nhất tiểu khuynh thành⁽³⁾,
Tiếc cho tài mà lại tiếc cho tình.
Chen chúc kiếp-phù sinh chi mãi tá.
Ngã diệc tri phi ninh tác ngã,
Nhân vô bất thị thả khan nhân⁽⁴⁾.*

(1) *Lấy Kiều* của Nguyễn Du : "Thương nhau xin nhớ lời nhau - Năm châu cũng chẳng đi đâu mà chảy".

(2) Bài hát của Lý Diên Niên thời Hán có câu : "Bắc phương hữu giai nhân - Tuyệt thế nhi độc lập" (Phương Bắc có người đẹp - Tuyệt trần mà đứng một mình).

(3) *Nhất tiểu khuynh thành* : một lần cười nghiêng cả thành.

(4) Ý của câu này : "Ta biết là ta trái, nhưng ta thả là ta - Người chẳng ai là không phải, hãy đợi xem người".

Trường thị phi trót đã chen chân,
Thôi biết chuyện xa gần là thế thế.
Thôi thắm thoát bóng dẫu vừa xé,
Mới ngày nào mái tóc chấm ngang vai.
Sự đời nghĩ tiếc cho ai !

HƠN NHAU MỘT CHỮ THÌ

Chẳng lưu lạc dễ trái mũi trần thế,
Còn trần ai⁽¹⁾ khôn tỏ mặt công hầu.
Ngất ngưỡng thay con Tào khéo cơ cầu,
Muốn đại nhiệm⁽²⁾ hãy ghìm cho lúng túng.
Thân hệ bang gia chung hữu dụng,
Thiên sinh hào kiệt bất ưng hui⁽³⁾
Hãy bền lòng chớ chút oán vưu.

(1) *Trần ai* : ý nói hàn vi.

(2) *Đại nhiệm* : trao cho việc lớn. Theo sách *Mạnh Tử*, chương *Cáo tử* : "Cố thiên tương giáng đại nhiệm ư thị nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí lao kỳ cân cốt". (Cho nên ông trời sẽ giao cho người nào làm việc lớn, thì trước bắt tâm trí phải lo nghĩ khổ sở, gân cốt phải nhọc mệt). Hai câu này nói : trời thường thử người có tài, muốn cho mình làm nên sự nghiệp lớn, hãy bắt phải gian truân cực khổ đã.

(3) Ý cả câu : Thân mình vốn của nước của nhà, tất là có việc dùng - Trời kia sinh ra người tài giỏi há lại bỏ không ru ?

*Thời chí hĩ, ngư long biến hoá⁽¹⁾.
Thôi đã biết cùng thông⁽²⁾ là mệnh cả,
Cũng đừng đem hình dịch⁽³⁾ lại cầu chi.
Hơn nhau cũng một chữ thì !*

NHÂN SINH THẨM THOÁT

*Nhân sinh, thiên địa nhất nghịch lý⁽⁴⁾,
Có bao lâm ba vạn sáu nghìn ngày ?
Như chiêm bao, như bóng số, như gang tay,
Sực nhớ chữ cổ nhân bình chúc⁽⁵⁾.
Cao sơn lưu thủy thì thiên trực,
Mình nguyệt thanh phong tiêu nhất thuyền⁽⁶⁾.
Giang tay người tài tử khách thuyền quyền,
Chén rượu thánh câu thơ thần thích chí.
Thành thị ấy, mà giang hồ ấy,
Đâu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa.
Bốn mùa xuân lại thu qua,*

(1) Nghĩa là thời mà đến thì cá hoá rồng : ý nói : lúc gặp thời hán đem tài ra thì thỏ mà làm nên công danh được.

(2) Nghĩa là cùng mãi đến lúc thông, bí mãi đến lúc thái.

(3) *Hình dịch* : nghĩa là đem thân hình ra mà chịu sai khiến, chịu vất vả.

(4) Ý của câu này : Người ta sống trong trời đất như người đi dọc đường. Ý nói đời người ngắn ngủi.

(5) Người xưa cảm được đi chơi đêm, vì nỗi ban ngày ngắn quá.

(6) Nghĩa là : Núi cao nước chảy thơ nghìn cuốn – Trăng trong gió mát rượu một thuyền.

MẤY KHI GẶP GỠ

*Trần thế nan phùng khai khẩu tiếu⁽¹⁾,
Khách giang hồ thường hợp thiêu ly đa⁽²⁾.
Nay bắc nam sum họp mọi nhà,
Gồm đủ cả : thắng cảnh, lương thời, thưởng tâm,
lạc sự⁽³⁾.*

*Hào trúc, ai ty dư tuý hĩ,
Thế phong lãnh nguyệt dạ hà như⁽⁴⁾.
Thú nguyệt hoa là nợ với cầm thư.
Cuộc thi tửu để riêng người phong nhã.
Quần bất kiến : hoa lạc, hoa khai xuân khứ dã⁽⁵⁾,
Hãy chơi cho lăn lóc đá kéo hoài.
Kìa kìa hải giác thiên nhai⁽⁶⁾...*

(1) Theo bài *Cửu nhật Tề sơn đẳng cao* của Đỗ Mục thời Đường có câu :
"Trần thế nan phùng khai khẩu tiếu - Cúc hoa tu thấp mãn đầu quy" (Đời
người khó gặp được lúc hé miệng cười - Hoa cúc nên giắt đầy đầu đem về).
Ý câu này muốn nói đời người ít khi được vui.

(2) Hợp ít tan nhiều.

(3) Cảnh đẹp, ngày đẹp, lòng đẹp, việc vui.

(4) Ý câu 5 - 6 : Tiếng trúc gay gắt, tiếng tơ ai oán, ta say rồi - Gió thế
lương trăng lạnh lẽo, đêm ra sao ?

(5) Anh chẳng thấy rằng: hoa rụng, hoa nở, ấy là xuân đi đấy.

(6) *Hải giác thiên nhai* : ý chỉ góc bể chân trời.

C – VĂN XUÔI (*)

THIÊN CƯ THUYẾT

Phù vật hữu cửu tạm, sự hữu vãng lai, đạt tình giả dự tri yên. Dư thủy gia quân bốc cư thành nam chi Hoàn đình, hạng ải địa tích, thất hựu lâu, tiền lâm quân doanh, hậu bức nhân viên, chúng lân hy hy, bất sự phong chấn, vong kỳ lữ dã. Khứ thu hoạch nhất đệ, tương mưu tỷ, dĩ dư tính truất, bất vô hoài cư, nhân an chi. Tuế thủ, dư phó hội tuyển, ly gia giả sở nguyệt, dư nội từ dĩ tân tính thiên đại chi cố, ngu kỳ khoáng tịch, thỉnh ư gia quân doanh thành bắc ngoại gia chi biệt trạch, cư yên. Xuân mặt khởi công, thủ hạ nhi tất. Dư dĩ vãng bất tri. Kim thị thất dã, nam vọng thành lâu, điều thác chi thanh tương vân ; đông tiếp thâm trường, nhân khách thâu tập ; tây tắc Kim Ngưu Trúc Bạch chư thắng, oanh đài viễn cận ; bắc tắc Linh Sơn chư tự, la liệt cùng ấp, thần chung mộ cổ, thời phát thâm tình, diệc thiên cư chi thắng tao dã.

Phù nhân chi cư tư thế, tu đoán hữu phận, nhi sự vật chi tính dã, cửu tạm lai vãng, thường tương tâm ư vô cùng ; dĩ hữu phận xử vô cùng, tâm dữ cảnh tri, tình cảm hệ chi hỹ.

(*) Phần này chúng tôi tuyển chọn từ cuốn *Tổng tập Cao Bá Quát*, Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2004.

Thủy dư chi tự kinh lại dã, vị tri tỷ sở, do Triền kiều tiên xu
Hoành đình, nhập kỳ hạng ngọc thực tú hỹ, vọng kỳ quân doanh,
ma tỷ mâu hỹ, cố kỳ lân, tỷ nhi khứ giả thập bát cửu hỹ, mặt thị kỳ
gia, đoạn ly khí hồng, phân nhiên uẩn nhiên tản mạn nhi vô hoàn
tự hỹ. Tăng nhật nguyệt chi kỳ hà, nhi vãng giả dĩ ô hữu hỹ.

Y ! Tân ngô hà tri, nhi kim thủy vi cự hỹ ? Tuy huyền tịch dị
cảnh, khổ lạc dị ngộ dã, lâm vật cảm sự, mặc nhiên khái vãng, phù
diệc tình chi vi đa ? Thả dư thiếu lữ tư thổ, kiến đoạn viên khí
trạch, đa tổn cố gia cự thắng, kỳ vi tiên triều chi cố điện dã, dư
văn chi. Cập đình cách, do tổn Thăng Long cố danh, kỳ vi chuyên
khốn đại thành dã, dư kiến chi ; vô hà nhi kim lệ vi tình thành hỹ,
dự hựu kiến chi. Dĩ dư niên phủ nhị kỳ, nhi sơn hà thành quách chi
cự, tam duyệt kỳ biến cải, kỳ ư dư cư sở nguyệt hà hữu yên. Nhân
cửu cư tư thế, dĩ quan thành thị chi lạc phủ dã.

Nhâm Thìn mạnh thu Chu Thần thị thuyết

Dịch nghĩa :

CÂU CHUYỆN DỜI NHÀ

Đại khái vật có cái lâu cái chóng, việc có đến có đi, người
hiếu thấu tình lý có thể dự đoán trước được.

Nhà tôi lúc đầu, cha tôi chọn ở khu Đình Ngang⁽¹⁾, về phía
nam kinh thành, chỗ này rất hẻo lánh, ngõ đi chật hẹp, ngôi nhà

(1) *Đình Ngang* : tương truyền là nơi niêm yết các cáo thị, ở trung tâm
Hà Nội xưa, vì có ngôi đình nằm ngang đường nên gọi thế. Hiện nay một
phố nhỏ ở thủ đô, từ đầu phố Nguyễn Thái Học sang phố Cửa Nam, còn
mang tên "phố Đình Ngang".

lại lụp xụp, đằng trước là trại lính, đằng sau sát ngay vườn nhà người ta ; được cái xóm giếng tử tế, chẳng cần rào giậu gì cả, cùng nhau quên cả cảnh nghèo.

Mùa thu năm ngoái, sau khi chiếm được một tên trên bảng⁽¹⁾, định dời đi nơi khác, song tính tôi chán chừ, không khỏi bịn rịn với nơi ở cũ, nên lại thôi không đi.

Đầu năm nay, tôi đi thi Hội, xa nhà độ vài tháng, vợ tôi vì thấy có sự di chuyển để đặt tỉnh mới, sợ chỗ này sẽ vắng vẻ thêm, nên xin phép cha tôi cho sửa sang một ngôi nhà của bên ngoại, ở phía bắc thành để ở.

Việc sửa sang bắt đầu từ cuối mùa xuân, đến đầu mùa hạ thì xong, tôi vì đi vắng nên không biết gì cả. Ngôi nhà này, hướng nam trông thẳng lên chòi canh của thành, tiếng cồng, tiếng mõ thường nghe rất rõ ; phía đông liền với kho thuế, người xa gần tụ hội đông đúc ; phía tây thì những cảnh đẹp của hồ Kim Ngưu⁽²⁾ và hồ Trúc Bạch⁽³⁾, vây bọc xa gần ; phía bắc có chùa Linh Sơn⁽⁴⁾ và các chùa khác la liệt châu về, chuông sớm, trống chiều, nhiều lúc phát sinh lòng tỉnh ngộ. Dời nhà mà được như vậy, thực cũng là gặp may !

Nghĩ lại, người ta sống ở trên đời, dài ngắn có hạn, mà tính chất của sự vật thì có lâu có chóng, có đi có lại, cứ nối tiếp

(1) Tác giả đỗ cử nhân khoa Tân Mão (1831).

(2) *Hồ Kim Ngưu* : tức Hồ Tây, một hồ lớn ở phía tây Hà Nội hiện nay.

(3) *Hồ Trúc Bạch* : một hồ nhỏ bên cạnh Hồ Tây, cách nhau bằng một con đê, trước kia quen gọi là đường Cổ Ngưu, nay là đường Thanh Niên.

(4) *Chùa Linh Sơn* : một ngôi chùa nổi tiếng thuở ấy, ở phố Nguyễn Trường Tộ, Hà Nội, hiện nay nền cũ vẫn còn.

không cùng ; đem cái có hạn, ứng phó với cái không cùng, lòng với cảnh gặp nhau, tình cảm tự nhiên vẫn vút.

Thoạt tiên, tôi ở kinh về chưa biết chỗ nhà mới, cứ đi qua Cầu Dền⁽¹⁾ thẳng về Đình Ngang ; khi vào đến ngõ thì lúa ngô đang lên tốt, trông sang trại lính thì gai đay xanh ròn, hàng xóm thì mười nhà có đến tám chín nhà đã rời đi nơi khác. Cuối cùng tìm đến nhà mình thì phen tàn giậu đổ, tản mát toi bời, không còn cái gì nguyên vẹn nữa. Ngày tháng nào đã bao lâu mà những cái vừa qua đã không còn gì nữa !

Than ôi ! Những cái mới ta đã biết đâu mà người cũ thì nay là ai nhỉ ? Đã đành rằng ôn hay tĩnh là tùy từng nơi, khổ hay vui là tùy từng cảnh, song trông thấy vật mà cảm đến việc, rồi lặng lẽ mà ngậm ngùi cho cái đã qua, âu cũng bởi chữ tình xui nên như thế ! Và lại tôi sống trọ ở đất này từ thuở bé, đã từng trông thấy những tường đổ nhà hoang, phần nhiều trước kia là chỗ ăn chơi của những nhà sang trọng, như vậy khi nơi đây là khu vực của các triều xưa, tôi đã được nghe nói ; kịp khi thay đổi triều đại, tên cũ Thăng Long⁽²⁾ vẫn còn, như vậy khi nơi đây trở nên toà thành lớn của một ông tướng trấn giữ một phương⁽³⁾, tôi đã

(1) Cầu Dền : một cửa ô ở phía nam Hà Nội, nay tên ấy vẫn còn.

(2) Sau khi Tây Sơn đổ, Gia Long nhà Nguyễn lên ngôi, đóng đô ở Phú Xuân (Huế) và đổi chữ "long" (rồng) trong hai chữ tên Thăng Long thành chữ "long" (thịnh), lấy lẽ vua không đóng ở đây nữa nên không được dùng chữ "long" là rồng. Tuy nhiên, nhân dân vẫn cứ dùng chữ cũ.

(3) Gia Long đánh đổ nhà Tây Sơn rồi chia Bắc thành làm 11 trấn, mỗi trấn có quan trấn thủ, cùng thuộc quyền một viên Tổng trấn, đóng ở Bắc thành tức thành Thăng Long. Nguyễn Văn Thành và Lê Chất nối nhau làm Tổng trấn.

được trông thấy ; không bao lâu, ngày nay lệ thuộc vào một tỉnh thành⁽¹⁾, tôi lại được trông thấy. Nghĩ lại tuổi tôi mới ngoài hai kỷ⁽²⁾ mà đã thấy núi sông thành quách thay đổi ba lần, thì cái nhà tôi ở mấy tháng kia có đáng kể chi !

[Bảo rằng] người ta sống lâu ở trên đời để xem cái vui của chốn thành thị là không đúng⁽³⁾.

Tháng mạnh thu, năm Nhâm Thìn 1832

Chu Thần thị kể

HOA TIÊN TRUYỆN TỰ

Sinh thị bang dã, quốc ngữ chi ngôn khả phế hồ ? Bất khả dã.

Độc quốc ngữ dã, *Hoa tiên*, *Kim Vân Kiều* chi thư khả phế hồ ? Bất khả dã.

Y ! Cổ nhân tượng tâm diệu chí sở dĩ vũ dục ngô chi văn chương dã, nhi khả dĩ thiên khuy hồ tại !

Phù nhân mạc khổ vu tình nhi mạc nan vu ngộ, dẫn nhi thân chi, xúc loại nhi trường chi, tác thiên hạ chi lý, tri quá bán hỹ.

(1) Năm 1831, Minh Mệnh đem đất của thành Thăng Long hợp với mấy phủ, huyện xung quanh lập thành tỉnh Hà Nội. Thăng Long chỉ còn là tỉnh lỵ của Hà Nội.

(2) Mỗi kỷ là 12 năm, câu này cho ta biết tác giả lúc ấy 24 tuổi.

(3) Câu này nguyên văn nghĩa không rõ, ngờ sách chép sai, xin tạm dịch cho thông nghĩa.

Ngô ư *Hoa tiên* lương hữu cảm yên ! Kỳ vi thuyết dã, khởi ư phối thất chi tế, tình ái hiệp nật chi tư, nhi đạt ư phụ tử chi luân, chủ thần chi nghĩa, bằng hữu thiết ty chi nhã, huynh đệ tương hảo chi tình, đại nhi triều đình, binh mưu, bao trung khuyến tiết chi điển, tiểu nhi nhân tình thế thái, phong khí thảo mộc chi vi, kỳ văn kỳ, kỳ nghĩa chính, thuyết lý tắc biện nhi bất trất, ngữ thế tắc quỹ nhi hữu kinh. Chí vu tị tán bi hoan, vị trí cảnh ngộ, quang quái lục ly, từ phát bi tráng chi âm, văn cực đốn toả chí trí, thử kỳ trần cấu khang tỳ, do tương đào chú bách ngoã, y bị tác giả, nhi xử *Kim Vân Kiều* sinh hồ kỳ hậu dã. Cận thế khinh bạc chi đồ, tư vi thoại bính, thao cô già vãng vãng bất sát, uỷ vi đàm từ điểm khúc, khả bi dã phù !

Dư phế cửu, ngẫu ư lân ông phế lộc, kiểm đắc thị bản, thủ nhi duyệt chi, sấu muộn trung như hoạch cự bảo, triếp phục vọng gia điểm chính, phương dục đính kỳ ngoa mậu, lý kỳ phiên tiết, lạc thành nhất gia chi thư, thích viễn thiệp, tốt vị đắc tự.

Ta hồ ! Dĩ quốc ngữ vi văn chương, ngô vị cảm dã. Cầu dĩ văn chương quan quốc ngữ, tắc ngô thiết hữu thủ yên.

Ngã quốc Hàn Thuyên chi hậu, tác gia lâm lập. Ôn Như cổ cận, quy mô Thiệu Lăng, Bằng quận cung từ, trì sậu Hán, Nguy. Chí vu truyện khúc chi công, ngô phục đắc *Hoa tiên*, *Kim Vân Kiều* yên.

Phù dĩ quốc ngữ quan quốc ngữ, nhị thư bất tác khả hỹ, tất tiến nhi cầu dĩ thông hồ ngô văn chương chi sự dữ ngã đồng hiểu kỳ vị hà ? *Kim Vân Kiều* đạt thế ngữ, *Hoa tiên* tác cảnh thế ngữ dã.

Thời Thiệu Trị, Quý Mão thất nguyệt tương vọng
Ái Cúc Đường, Phú Thị, Mãn Hiên Cao Chu Thần tự.

BÀI TỰA TRUYỆN *HOA TIÊN* (a)

Sống ở đất này, có thể bỏ được tiếng quốc ngữ không ? Không bỏ được. Đọc sách quốc ngữ có thể bỏ được truyện *Hoa tiên* và *Kim Vân Kiều* không ? Không bỏ được. Ôi ! Người xưa đã đem tâm chí đúc chuốt thành lời hay ý đẹp, cốt để chấp lòng nổi cánh cho văn chương của ta, mà lại coi thường được sao ?

Xưa nay nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ. Dem cái đó mà giải thích ra, theo loại mà suy rộng ra, thì cái lý trong thiên hạ đã biết được quá nửa rồi. Ta đối với truyện *Hoa tiên* riêng có một mối cảm là vì thế.

Hoa tiên là một câu chuyện bắt đầu từ chỗ vợ chồng, riêng tư khăng khít yêu đương, cho đến đạo cha con, nghĩa vua tôi, nhĩa thân thiết giữa bạn bè, mối tình thương yêu giữa anh em ; lớn thì triều đình quân cơ, cho đến những lệ luật khen trung khuyến tiết ; nhỏ thì nhân tình thế thái cho đến những điều nhiệm nhật về phong khí cỏ cây ; văn thì kỳ, nghĩa thì chính, nói lý thì rành

(a) *Hoa tiên* : một tập truyện tình, thể văn lục bát, viết dựa theo một ca bản của Trung Quốc. Tác giả là Nguyễn Huy Tự (1743 - 1790), Nguyễn Thiện nhuận sắc.

Vì nguyên văn chữ Hán của bài tựa này bị thất lạc, chúng tôi căn cứ vào bản phiên âm in trong tập *Truyện "Hoa tiên"* do Nhà xuất bản Văn hoá xuất bản năm 1961 mà viết lại, có đính chính một vài chữ mà chúng tôi nhận thấy là chưa đúng.

mạch không bế tắc, nói thể thì lắt léo nhưng vẫn ở trong đạo thường ; đến như tan hợp buồn vui, vị trí cảnh ngộ, thực là éo le kỳ lạ ; lời nói thì bi tráng, văn viết thì trầm hùng, những cái đó khác nào như bụi bặm, cám bã mà đã đem hun đúc thành gạch ngói, giúp đỡ cho các tác gia, khiến cho sau đây chuyện *Kim Vân Kiều* đã có thể xuất hiện.

Gần đây những người khinh bạc, mượn *Hoa tiên* làm đầu câu chuyện, những bậc cầm bút thường lại không xét kỹ, cho ngay là lối văn dâm đẳng, khúc hát lẳng lơ, thực đáng buồn biết mấy !

Ta bị ruồng bỏ đã lâu, tình cờ thấy chuyện này trong xô tú nhà ông hàng xóm, nhặt đem về đọc. Trong lúc buồn khác nào như bắt được vật báu lớn, liền mạo muội kiểm điểm lại, ý muốn sửa những chỗ sai lầm, bớt những câu rườm rà, cho thực sự thành cuốn sách của một nhà cầm bút, nhưng bỗng có việc phải đi xa, đành chịu bỏ dở.

Than ôi ! Lấy quốc ngữ làm văn chương, thì ta chưa dám, nhưng lấy văn chương mà coi quốc ngữ, thì ta có phần tán thành.

Nước ta từ sau Hàn Thuyên⁽¹⁾ các tác gia mọc lên như rừng : Ôn Như Hầu⁽²⁾ làm thơ cổ, cận, khuôn mẫu ngang với

(1) *Hàn Thuyên* : người huyện Thanh Lâm (nay là huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương) đậu Thái học sinh đời Trần Thái Tông (1225 - 1275). Ông có tài làm thơ phú bằng tiếng Nôm. Ông vốn họ Nguyễn, vì có làm bài văn đuổi cá sấu ở sông Phú Lương, việc giống như Hàn Dũ ở Trung Quốc, nên vua cho đổi là họ Hàn, về sau người ta gọi thơ Nôm là Hàn luật là vì thế.

(2) *Ôn Như Hầu* : tức Nguyễn Gia Thiều (1741 - 1798), người làng Liễu Ngạn huyện Siêu Loại (nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) năm mười chín tuổi được sung chức hiệu úy, sau vì có công đánh giặc, được phong tước hầu, ông là tác giả của *Cung oán ngâm khúc*.

Thiếu Lăng⁽¹⁾. Bằng Quận công⁽²⁾ đặt điệu cung từ, giọng ruổi không nhường Hán, Ngụy, đến như văn hay của truyện khúc, đến nay ta được thấy *Hoa tiên* và *Kim Vân Kiều*.

Như vậy, nếu chỉ coi quốc ngữ là quốc ngữ, thì hai cuốn truyện này không có cũng được, nhưng nếu còn cần phải tiến lên tìm cách làm cho rõ thế nào là văn chương của ta, thì các bạn cùng yêu văn với ta nghĩ sao đây ?

Kim Vân Kiều là tiếng nói hiểu đời, *Hoa tiên* là tiếng nói răn đời vậy.

Năm Quý Mão (1843), đời Thiệu Trị, tháng 7, sắp đến ngày vọng
Ái Cúc Đường Mãn Hiên Cao Chu Thần ở Phú Thị viết bài tựa này

(1) *Thiếu Lăng* : tức là Đỗ Phủ, một nhà thơ lớn thời nhà Đường, Trung Quốc, nhà ở đất Thiếu Lăng nên thường xưng là Thiếu Lăng bố y hoặc Thiếu Lăng dã lão.

(2) *Bằng quận công* (tức Nguyễn Hữu Chỉnh (1741 - 1787)) : thường gọi là Cống Chỉnh người làng Đông Hải, huyện Chân Phúc (nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An), một nhân vật có liên quan mật thiết với lịch sử nước ta về buổi Lê Mạt, được vua Lê Chiêu Thống phong Bằng trung công. Nguyễn Hữu Chỉnh là một tay tài Nôm, tác phẩm có *Ngôn án thi tập*, *Cung oán thi* và *Quách Tử Nghi phú*, có người cho bài phú *Tán cung nữ oán Bái công quy Bái thượng* cũng là của ông.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời giới thiệu	5
- Cao Bá Quát	7
- Cao Bá Quát - một "hành nhân" cô độc của văn học Việt Nam thế kỷ XIX	9
A - THƠ CHỮ HÁN	
<i>Phổ Nam cung, xuất giao môn biệt chư đệ tử</i>	23
<i>Thanh Trì phiếm châu nam hạ</i>	25
<i>Quá Dục Thuý sơn</i>	27
<i>Tài mai</i>	28
<i>Lạc Sơn lữ trung</i>	29
<i>Hoành Sơn vọng hải ca</i>	31
<i>Quá Quảng Trị tỉnh</i>	32
<i>Thôn cư văn cảnh</i>	34
<i>Hữu sở tư</i>	36
<i>Viên trung thảo</i>	37
<i>Đắc gia thư, thị nhật tác</i>	39

<i>Biệt Phạm lang trung</i>	43
<i>Sa hành đoản ca</i>	44
<i>Đạo phùng nga phu</i>	47
<i>Tiếp nội thư tỉnh ký hàn y, bút điều sổ sự</i>	50
<i>Tức sự</i>	52
<i>Cấm sở cảm sự, tụng bút ngẫu thư</i>	53
<i>Ký hận (cổ ý nhị thủ)</i>	56
<i>Trường giang thiên (Hữu dẫn)</i>	59
<i>Đăng tiên ca</i>	64
<i>Độc dạ cảm hoài</i>	70
<i>Hàn dạ tức sự</i>	72
<i>Hý tặng Phan sinh</i>	73
<i>Thập nguyệt thập thất nhật, thừa Lê Bộ nghiêm tấn hậu, cường bệnh mạn chí tứ thủ (Tuyển nhị)</i>	75
<i>Bệnh trung</i>	79
<i>Tội định (Nhị thủ tuyển nhất)</i>	81
<i>Chính nguyệt nhị thập nhất nhật di tống Thừa Thiên ngục toả cấm</i>	83
<i>Đoàn tỉnh lâm hành hải tửu vi biệt tẩu bút dữ chi</i>	88
<i>Kiến Bắc nhân lai nhân thoại cổ hương tiêu tức</i>	90
<i>Lục nguyệt thập ngũ dạ nguyệt hạ tác phụng ký chư cố nhân</i>	91
<i>Cửu nhật chiêu khách (Tĩnh tự)</i>	94
<i>Châu trung hiếu vọng phụng trình đồng châu chư quân tử</i>	97

<i>Nhị thập nhị nhật đắc phong, hỷ trình đồng châu</i> (Nhị thủ tuyển nhất)	98
<i>Độc dạ khiến hoài</i>	100
<i>Tự quân chi xuất hỷ</i>	102
<i>Hồng Mao hoả thuyền ca</i>	103
<i>Dương phụ hành</i>	107
<i>Dữ Hoàng Liên Phương ngữ cấp hải ngoại sự,</i> <i>triếp hữu sở cảm, tấu bút dữ chi</i>	109
<i>Thập lục nhật yết đình Lữ Thuận, thứ Trần Ngô Hiên</i>	111
<i>Thanh minh nhật cảm tác, hoạ Trần Ngô Hiên</i> (Nhị thủ tuyển nhất)	112
<i>Đáp Trần Ngô Hiên</i>	114
<i>Trần Ngô Hiên nhục hữu sở thị, tấu bút hoạ chi</i>	115
<i>Dạ quan Thánh nhân diễn kịch trường</i>	117
<i>Tiểu ẩm hỷ bút</i>	119
<i>Thuyền hồi quá Bắc Dữ, dư bão bệnh sở nhật hỷ.</i> <i>Dạ bán đăng tường tứ vọng, thế nhiên độc hữu hương quan</i> <i>chi cảm, nhân giản Trần Ngô Hiên (Nhị thủ tuyển nhất)</i>	121
<i>Quá Bình Định dương phận vọng Cù Mông Sơn</i>	123
<i>Hạ Châu tạp thi</i>	124
<i>Đắc Hà thành cố nhân thư thoại cấp gia tình kiêm vấn cận tác</i>	125
<i>Thập ngũ dạ đại phong</i>	127
<i>Hiếu quá Hương Giang</i>	128
<i>Đông Tác tuần phủ tịch thượng ẩm</i>	130

<i>Đăng Hoành Sơn</i>	132
<i>Dục Bàn Thạch kính</i>	133
<i>Sa hành để Đông Dư, ký mộ lưu túc</i>	134
<i>Tương đảo cổ hương</i>	137
<i>Để gia</i>	140
<i>Tân mộng hồi bộ, túy trung hữu tác</i>	142
<i>Mộng đặc hồi bộ Hàn Lâm, lâm hành chư đệ tử tương tiễn, nhân thứ tiễn vận vi biệt</i>	144
<i>Châu hành há Thanh Khê, nhân cố nhân ký biệt tông du chư đệ tử</i>	146
<i>Phụng hoạ kinh doãn Nguyễn công thất thập thọ, thứ vận</i>	149
<i>Để sát viện Bùi công Yên Đài anh ngữ khúc hậu</i>	151
<i>Lưu viện du nguyệt, văn đặc tái phát Đà Nẵng, thị dạ đồng Vũ Hoài Phủ thống ẩm</i>	157
<i>Túc sự</i>	159
<i>Du Hội An phùng Vị thành ca giả</i>	161
<i>Đồng Bùi Nhị Minh Trọng Trà Giang dạ học</i>	162
<i>Trà Giang thu nguyệt ca</i>	164
<i>Hoành Sơn quan</i>	168
<i>Vịnh Tản Viên sơn</i>	169
<i>Vọng phu thạch</i>	171
<i>Mộ kiều quy nữ</i>	172
<i>Vịnh Cù dục</i>	173
<i>Nhị thập tam dạ khán nguyệt, hoạ Phan Hành Phủ (Nhị thủ)</i>	175

<i>Đối vũ (Nhị thủ tuyển nhất)</i>	177
<i>Thập thất dạ thừa nguyệt, tẩu bút ký hữu nhân</i>	178
<i>Trung dạ thập tứ vận</i>	181
<i>Du vân</i>	185
<i>Thu dạ độc toạ tức sự</i>	186
<i>Kim nhật hành</i>	188
<i>Hàn dạ ngâm</i>	190
<i>Xuân dạ độc thư</i>	191
<i>Nhật mộ</i>	192
<i>Nguyên nhật</i>	193
<i>Du Đằng Giang dữ hữu nhân đăng Kim Chung tự, tuý hậu lưu đề, tỉnh tự</i>	195
<i>Đăng Châu ca giả Phú nhi ký hữu sở dữ, thư dĩ tặng chi</i>	200
<i>Du Nam Tào sơn tự, lâu thượng ký vọng đề bích, trình Thúc Minh (Nhị thủ tuyển nhất)</i>	202
<i>Văn du Sài Sơn vũ hậu đăng sơn đầu đề bích, tứ thủ</i>	205
<i>Thứ vận Thận tư phóng quan Nhị Hà đồng Di Xuân, Hoà Phủ</i>	212
<i>Đăng Long thành lâm thắng hữu cảm</i>	214
<i>Hoạ Thận Tư xuân nhật đồng chư hữu đăng lâu quán vọng hồ kiến ký thứ vận</i>	216
<i>Du Tây Hồ bát tuyệt (Tuyển ngũ)</i>	220

<i>Du mô cổ trạch, dạ thỉnh đàn tranh</i>	225
<i>Đế Trấn Vũ quán thạch bi</i>	227
<i>Quá Thiên Quang tự, thương Lê triều cổ cung</i>	229
<i>Du Tiên Lữ động văn nhân đàm Thái Nguyên sơn thủy chi thắng tuý hậu thành ngâm</i>	230
<i>Thứ văn tương độ Lăng tân, thạch thượng tạm yết</i>	235
<i>Dữ thi hữu Phan Long Trân du Côn Sơn, nhân tác Côn Sơn hành văn</i>	236
<i>Bệnh trung</i>	245
<i>Trẻ vũ chung dạ cảm tác</i>	246
<i>Độc dạ</i>	247
<i>Mộng vong nữ</i>	249
<i>Dữ gia nhân tác biệt, thị dạ dư bệnh chuyển phát</i>	250
<i>Độc Thi</i>	252
<i>Mộ đắc xá huynh quán dạ giam thư kiến ký</i>	255
<i>Bạc văn tuý quy</i>	257
<i>Mộ phạm hất cấp hý bút ký sự</i>	258
<i>Sơ đầu</i>	262
<i>Thuật hoài</i>	263
<i>Tặng Thổ khối Đỗ vệ úy xuất Thanh Hoá</i>	266
<i>Văn Lưu Nguyệt Trì bắc hành, khuyết vi diện biệt phụng ký (Nhị thủ)</i>	270
<i>Thương sơn côn hữu sở quĩ vật kiêm trí hảo thi, hộc phương nhiều vu thất tử chi thích, cảm thế giao khẩn, tình hiện hồ từ</i>	273

<i>Bệnh trung, hữu hữu nhân chiêu ẩm, tịch thượng tác</i>	275
<i>Thù hữu nhân ưý vấn</i>	277
<i>Phục giản Phương Đình</i>	278
<i>Di xuân dĩ hồn liên vi thu phong sở tới, hữu thi kiến ký, nhân thứ kỳ vận, ca dĩ hoạ chi</i>	280
<i>Trần An lệnh Lê tử chi nhiệm, đặc lai tương phỏng, ký hữu sở tặng, thư dĩ dữ chi</i>	283
<i>Ký Nguyễn cố hữu hồi tịch</i>	286
<i>Dư hốt ư mộng trung vãng thám Tuấn phủ, ám tương kinh trung cố nhân hoặc đương hữu niệm ngã giả, nhân ký Tuấn phủ kiêm trình Đôn nhân, Phạm tử (Nhị thủ)</i>	288
<i>Dữ Quảng Nam học chính Bùi Đồng túc, dạ khởi kiến nguyệt</i>	292
<i>Vị minh tiểu kê đồng Phan sinh dạ toạ</i>	294
<i>Tống Nguyễn Trúc Khê xuất lý Thường Tín, kiêm tri Lê Hy Vĩnh lão khế</i>	297
<i>Tạp đề (Thất thủ tuyển nhị)</i>	306
<i>Khuê oán (Tứ thủ tuyển nhất)</i>	308
<i>Phụ tương tử</i>	311
<i>Đồng Vũ ngâm</i>	315
<i>Phúc Lâm lão</i>	320
<i>Quan chấn</i>	325
<i>Đồng tử mục đường lang</i>	327
<i>Cái tử</i>	329

B - BỘ PHẬN SÁNG TÁC CHỮ NÔM

<i>Tài tử đa cùng phú</i>	331
<i>Uống rượu tiêu sầu (I)</i>	335
<i>Uống rượu tiêu sầu (II)</i>	336
<i>Giai nhân (I)</i>	337
<i>Giai nhân (II)</i>	338
<i>Nghĩ tiếc cho ai</i>	339
<i>Hơn nhau một chữ thi</i>	340
<i>Nhân sinh thấm thoát</i>	341
<i>Mấy khi gặp gỡ</i>	342

C - VĂN XUÔI

<i>Thiên cư thuyết</i>	343
<i>Hoa tiên truyện tự</i>	347

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngô Trần Ái
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập Nguyễn Quý Thao

Biên tập nội dung :

TRƯƠNG THỊ BÍCH

Trình bày bìa :

VĂN SÁNG

Sửa bản in :

LÊ NHƯ HÀ

Chế bản :

CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

CAO BÁ QUÁT - TÁC PHẨM CHỌN LỌC

MÃ SỐ: 8V713H9 - CPH

In 3.000 bản (QĐ: 26), khổ 14.3 x 20.3 cm, tại **Xưởng in Quân khu 7** - Số 5 Phạm Ngũ Lão - Phường 3 - Q. Gò Vấp - TP. HCM.
Số XB: 90 - 2009/CXB/90 - 82/GD. In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 năm 2009.



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

CAO BÁ QUÁT

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



8 934980 974230



Giá: 37.000đ